

**KINH VIÊN GIÁC**  
**GIẢNG GIẢI**

**THÍCH THANH TỪ**

**KINH VIÊN GIÁC  
GIẢNG GIẢI**

**DL 2000 - PL 2544**

## LỜI GIỚI THIỆU

Quyển **Kinh Viên Giác** tôi giảng khá lâu rồi, nay được Tăng Ni chép lại trình lên tôi duyệt qua. Đọc lại quyển **Kinh Viên Giác**, tôi thấy đây là con mắt của người tu Thiền. Người tu Thiền không đọc kỹ kinh Viên Giác khó thấy được cội gốc mê lầm. Cội gốc mê lầm không biết thì làm sao ngộ được tánh Viên giác.

Hơn nữa kinh Viên Giác chỉ rõ cho chúng ta thấy nguồn cội luân hồi từ ái ngã, ái mạng, ái dục mà ra. Không phá được ái ngã, ái mạng, ái dục thì làm sao thoát khỏi sanh tử.

Người tu Thiền sở dĩ lạc vào đường tà là vì còn mong cầu được chứng, được đắc. Đã có chứng đắc là còn bản ngã, còn bản ngã thì còn sanh tử, cao thì được sanh các cõi trên, thấp thì sanh các cõi dưới. Cho đến còn kiến còn giác vẫn chưa đạt tánh Viên giác Như Lai.

Thế nên người tu Thiền cần phải nghiền ngẫm kỹ quyển Kinh Viên Giác. Thấu suốt **Kinh Viên Giác**, người tu Thiền khỏi sợ lạc lầm. Đồng thời chúng ta tu được kết quả tròn đầy tánh Viên giác.

Viết tại Thiền viện Trúc Lâm  
Cuối mùa thu năm Canh Thìn (2000 DL)

**THÍCH THANH TỪ**

# KINH VIÊN GIÁC

## GIẢNG GIẢI

### A. LƯỢC KHẢO

Kinh Viên Giác nói đủ là “Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa”. Tên kinh rất dài, nhưng gần đây chúng ta thường đọc gọn là **Viên Giác**. Kinh này nguyên văn chữ Phạn, khi truyền sang Trung Hoa được dịch ra chữ Hán.

### I. PHIÊN DỊCH PHẠN - HÁN

1. Ngài La-hầu-mặc-kiện dịch tại đạo tràng Bảo Vân ở Đàm Châu, đời Đường niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647), nhằm ngày 15 tháng 7 năm Đinh Mùi. Thuyết này căn cứ theo Viên Giác Đại Sớ của ngài Khuê Phong.

2. Ngài Phật-đà-đa-la (Buddhatrāta) Trung Hoa dịch là Giác Cứu, người Kế Tân (Yết-thấp-di-la) Bắc Ấn, dịch tại chùa Bạch Mã ở Đông Đô, đời Đường niên hiệu Trường Thọ thứ hai (693). Bấy giờ Võ Tắc Thiên đổi nhà Đường thành nhà Chu.

Trong hai bản dịch thì bản dịch của ngài Phật-đà-đa-la được phổ biến, còn bản dịch của ngài La-hầu-mặc-kiện chỉ thấy ngài Khuê Phong nêu lên trong Viên Giác Đại Sớ, ít phổ biến.

### II. CHÚ GIẢI

Theo Đại sư Thái Hư thì kinh Viên Giác được chú giải rất nhiều. Các tông phái ở Trung Hoa thời bấy giờ đều có chú giải, phần lớn là Thiên tông và Hoa Nghiêm tông.

Đời Đường có các ngài: ngài Duy Phát, ngài Đạo Tuyên, ngài Khuê Phong. Ngài Khuê Phong chú giải thành hai bản, một bản đề Lược Sớ, một bản đề Đại Sớ...

Đến đời Nam Tống có ngài Nguyên Túy làm Tập Chú. Trong bản này gom hết lời chú giải của những nhà chú giải trước thành một tập.

Gần đây, Đại sư Thái Hư giảng giải đề tựa là Viên Giác Lược Thích.

### III. DỊCH HÁN - VIỆT

1. Ngài Huyền Cơ dịch Kinh Viên Giác, xuất bản năm 1951.

2. Hòa thượng Thích Thiện Hoa dịch đề tựa là Kinh Viên Giác (phiên dịch và lược giải) được in trong bộ Phật Học Phổ Thông, quyển 8, Hương Đạo xuất bản năm 1958.

3. Hòa thượng Trí Hữu dịch Kinh Viên Giác, tôi không nhớ năm xuất bản.

4. Hòa thượng Trung Quán dịch Kinh Viên Giác làm hai quyển, tôi cũng không nhớ năm xuất bản.

5. Cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch Kinh Viên Giác.

Kinh Viên Giác đã được dịch ra tiếng Việt, lý đáng chúng ta học bản tiếng Việt. Nhưng vì tôi nhắm vào Tăng Ni, nên tôi giảng bằng bản chữ Hán, để quý vị dò theo cho quen cách dịch nghĩa, sau này đọc kinh chữ Hán cho dễ.

## B. GIẢNG ĐỀ KINH

Về đề kinh, ở chương 12, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ hỏi Phật tên kinh này. Phật trả lời đến năm tên:

1. Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni.
2. Tu-đa-la Liễu Nghĩa.
3. Bí Mật Vương Tam-muội.
4. Như Lai Quyết Định Cảnh Giới.
5. Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt.

Năm tên này được rút gọn lại là Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa.

### ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC

Theo ngài Khuê Phong Tông Mật thì mỗi chúng sanh có **thể** chân thật rộng lớn trùm khắp pháp giới, nên gọi là *Đại*. **Thể** chân thật ấy hay gìn giữ tất cả quĩ tắc, và hay sanh khởi ra muôn pháp, nên gọi là *Phương*. **Thể** chân thật ấy có đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ lường, nên gọi là *Quảng*.

Theo ngài Thái Hư thì *Đại* là chỉ cho cái **thể** tuyệt đối, vượt ngoài các pháp đối đãi. *Đại* không có nghĩa là lớn đối với tiêu là nhỏ. *Phương* chỉ cho phương sở, Thể tuyệt đối ấy rộng lớn không ngăn mé, vượt khỏi không gian và thời gian. *Quảng* là rộng lớn không thể nghĩ lường.

*Đại Phương Quảng* chỉ cho nghĩa của Viên giác. Viên là tròn, giác là giác ngộ; giác ngộ một cách viên mãn gọi là Viên giác. Viên giác chỉ cho cảnh giới Phật. Kinh Phật giản trạch: Phạm phu thì bất giác, ngoại đạo thì tà giác, Nhị thừa thì chánh giác, Bồ-tát thì phần giác, Phật thì Viên giác. Chỉ có Phật mới giác ngộ viên mãn. Phạm phu vì bất giác nên không thấy được tánh Phật. Ngoại đạo thì tà giác, tuy biết nhưng biết lệch lạc sai lầm. Hàng Nhị thừa tuy được chánh giác nhưng giác chưa rộng lớn. Bồ-tát tuy thấy tánh Phật nhưng thấy từng phần nên gọi là phần giác. Hành giả dụng tâm tu hành, công phu viên mãn, tánh Phật hiện hiện tròn đầy gọi là Viên giác. Như vậy Đại Phương Quảng Viên Giác là tánh Viên giác tròn đầy rộng lớn không ngăn mé, trùm khắp pháp giới, vượt ngoài không gian và thời gian, là nguồn gốc sanh ra muôn pháp, diệu dụng không thể nghĩ lường.

### TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Tu-đa-la (Sùtra) nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phạm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích có những đoạn Phật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.
- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.
- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết-bàn là bất liễu nghĩa, nói sanh tử Niết-bàn không hai là liễu nghĩa.

- Nói về các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Qua bốn đoạn Phật giảng trạch về liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, thì kinh Viên Giác thuộc về kinh liễu nghĩa, vì kinh Viên Giác nói tột lý cứu kính không qua một phương tiện nào.

Về hình thức, kinh Viên Giác có chỗ gom thành một quyển, có chỗ chia ra hai quyển, gồm mười hai chương mục, mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi và được Phật trả lời hướng dẫn tu rất rõ ràng.

# CHƯƠNG I

## BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SU-LỢI THƯA HỎI

**ÂM:**

Như thị ngã văn: Nhất thời Bà-già-bà nhập u Thần thông Đại quang minh tạng Tam-muội Chánh thọ, nhất thiết Như Lai quang nghiêm trụ trì, thị chư chúng sanh thanh tịnh giác địa, thân tâm tịch diệt, bình đẳng bản tế, viên mãn thập phương, bất nhị tùy thuận, u bất nhị cảnh, hiện chư tịnh độ.

**DỊCH:**

*Tôi nghe như vậy: Một hôm Thế Tôn nhập chánh định Thần thông Đại quang minh tạng, là nơi an trụ quang nghiêm của tất cả Như Lai, cũng là giác địa thanh tịnh của chúng sanh, thân tâm đều lặng lẽ, bản tế bình đẳng, tròn đầy cả mười phương, tùy thuận không hai, ở cảnh giới không hai này mà hiện các cõi Tịnh độ.*

**GIẢNG:**

Đây là một điều lạ, chúng ta thường thấy các kinh khác mở đầu bằng câu: *Tôi nghe như vậy, một hôm đức Phật ở tại vườn ông Cấp Cô Độc... hay tại tinh xá Trúc Lâm v.v...*, là lời ngài A-nan trùng tuyên lại tạng kinh nên nói “tôi nghe” là chỉ cho ngài A-nan nghe, “như vậy” là chỉ pháp Phật nói. Kế đó là đức Phật ở tinh xá nào, vườn cây nào, quốc độ nào v.v... nêu lên nơi chốn hẳn hoi. Còn kinh này thì nói: *Một hôm đức Phật nhập chánh định Thần thông Đại quang minh tạng...* Định ấy không riêng gì một đức Phật Thích-ca, mà tất cả chư Phật đều an trụ trong đó, và cũng là giác địa thanh tịnh của tất cả chúng sanh. Như vậy đoạn này muốn nêu lên cho chúng ta biết cảnh giới Viên giác của chư Phật, cảnh giới đó không phải do chư Phật tu rồi mới được, mà chính là do lọc luyện những cấu bợn phiền não rồi được hiển lộ tròn đầy. Ngay nơi phạm phủ chúng sanh cũng sẵn có cảnh giới đó, nhưng vì không biết lọc luyện nên cấu bợn che phủ chúng ta không thấy. Cảnh giới đó theo kinh luận có những tên khác nhau, chỗ gọi Viên giác, chỗ gọi Căn bản trí.

Kinh này không nêu rõ nơi chốn của đức Phật thuyết pháp, mà chỉ nói đức Phật thuyết pháp ngay trong Bản thể lặng lẽ thanh tịnh của tánh Viên giác. Tánh Viên giác bao trùm tất cả chúng sanh và chư Phật, chư Phật và chúng sanh đều an trụ trong đó và chính đức Phật cũng an trụ trong đó mà nói pháp. “Bất nhị tùy thuận” là tùy thuận không hai. Bởi vì không còn mắc kẹt bên này bên kia, là có là không, là sanh là diệt nên gọi là bất nhị. Chính trong cảnh không hai đó là Tịnh độ của tất cả cõi Phật chớ không có gì khác. Tánh Viên giác là cảnh giới không hai và chính từ cảnh giới không hai đó mới tùy duyên hiện ra các cõi Tịnh độ, Tịnh độ đó là Tịnh độ của Tự tâm. Như vậy là đức Phật nói pháp trong chánh định Viên giác và người nghe pháp cũng ở trong định Viên giác. Vậy ai là thính chúng trong pháp hội này?

**ÂM:**

**Dữ Đại Bồ-tát Ma-ha-tát thập vạn nhân câu, kỳ danh viết: Văn-thù-su-lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Nhân Bồ-tát, Kim Cang Tạng Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát, Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, Biện Âm Bồ-tát, Tịnh Chư Nghiệp**

**Chương Bồ-tát, Phổ Giác Bồ-tát, Viên Giác Bồ-tát, Hiền Thiện Thủ Bồ-tát đấng, nhi vi thượng thủ dữ chư quyền thuộc giai nhập tam-muội đồng trụ Như Lai bình đẳng pháp hội.**

**DỊCH:**

*Cùng mười muôn vị Bồ-tát lớn câu hội, tên là: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhân, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ-tát Phổ Giác, Bồ-tát Viên Giác, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ v.v... làm thượng thủ, cùng với quyền thuộc đều nhập chánh định, đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.*

**GIẢNG:**

Phật nói pháp ở trong chánh định Viên giác, chư Bồ-tát đến nghe pháp cũng ở trong chánh định Viên giác và cùng ở trong pháp hội bình đẳng của Như Lai. Đức Phật nhập chánh định làm sao nói pháp? Chư Bồ-tát nhập định làm sao nghe pháp? Ví dụ như bây giờ tôi và quý vị ngồi định có nói pháp và nghe pháp được không? Mãi lo thiền định, làm sao nói làm sao nghe? Vậy Phật nói pháp và Bồ-tát nghe pháp trong kinh này khác với chúng ta nói pháp và nghe pháp như thế nào? Chỗ này nếu không giản trạch thì quý vị sẽ nghi ngờ: Tại sao Phật và Bồ-tát ở trong định mà nói pháp và nghe pháp? Định này không giống như chúng ta ngồi thiền chăm chăm nhìn xuống, chú tâm vào một đề mục để cho tâm an trụ không tán loạn. Định này là định tự tại do nhập được Thể tánh thanh tịnh của chính mình; mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, vẫn tiếp xúc với người cảnh, mà tâm không chạy theo người cảnh, được gọi là định của Tự tánh, định ở trong động, chớ không phải định thân ngồi im lìm. Đối với Bồ-tát, nhất là với tinh thần Thiền tông, Như Lai bất cứ đi đứng nằm ngồi nói nín, lúc nào cũng sống trong Thanh tịnh Pháp thân, tức là sống trong chánh định bất sanh bất diệt và tùy duyên ứng dụng. Chớ không phải đợi ngồi mới định mà đi không định, nếu đi mà không định thì không phải là Phật. Vì vậy mà nói đức Phật nhập định nói pháp, Bồ-tát nhập định nghe pháp hỏi đạo, định này không khác định của Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn: “Ngoài không dính mắc với cảnh gọi đó là thiền, trong không loạn gọi đó là định.” Định này cũng gọi là Tự tánh Viên giác, an trụ trong đó thì gọi là thiền định, nên ở đây nói Phật nhập định nói pháp, chư Bồ-tát nhập định nghe pháp. Do an trụ trong Tâm thể bình đẳng thanh tịnh bất động nên văn kinh nói: *Đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.*

Đoạn này là phần chúng thành tựu, cũng khác hơn kinh khác, Phật nói với những vị Bồ-tát không có lịch sử. Những vị Bồ-tát này căn cơ thuần thực, chúng tô kinh này là Đại thừa đốn giáo chỉ thẳng tâm tánh của chúng sanh tức là Phật.

Đó là tổng quát phần tựa của quyển kinh.

**ÂM:**

**Ư thị Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, dẫn lễ Phật túc hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:**

**- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư lai pháp chúng, thuyết ư Như Lai bản khởi thanh tịnh nhân địa pháp hạnh, cập thuyết Bồ-tát ư Đại thừa trung phát thanh tịnh tâm, viễn ly chư bệnh, năng sử vị lai mạng thể chúng sanh cầu Đại thừa giả, bất đọa tà kiến.**

**Tác thị ngữ dĩ, ngữ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.**

**DỊCH:**

*Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quì gối chấp tay mà bạch Phật rằng:*

*- Đấng Thế Tôn đại bi, xin vì chúng đến nghe pháp trong hội này, mà nói về nhân địa pháp hạnh bản khởi thanh tịnh của Như Lai và Bồ-tát đối với Đại thừa phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa các bệnh, hay khiến cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa chẳng rơi vào tà kiến?*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo sát đất, thưa thỉnh như vậy, lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Chúng ta nên biết những vị Bồ-tát trong hội này hầu hết là những vị Bồ-tát không có lịch sử ở cõi này. Đầu tiên, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng ra thưa hỏi. Văn-thù-sư-lợi (Mađjuri) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Diệu Kiết Tường. Văn-thù tượng trưng cho Căn bản trí. Kinh này nêu Căn bản trí làm tiêu chuẩn. ả gài hỏi nhân địa tu hành thanh tịnh của ả hư Lai, nghĩa là hỏi chỗ phát ra nguyên nhân để tiến tu được thanh tịnh của ả hư Lai thế nào. ả ói cho dễ hiểu, đức Phật do tu tập nhân gì mà thân tâm được thanh tịnh, trí tuệ viên mãn? Xin Phật dạy cho các ngài và cho các vị Bồ-tát ở trong Đại thừa khi phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa được các bệnh, giúp cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa không rơi vào tà kiến?

Chúng ta thấy Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi hết sức quan trọng cho sự tu hành của chúng ta. Câu đầu hỏi cách tu để thành Phật, câu kế hỏi cách trừ bệnh để khỏi bị chướng trên đường tu. Đó là hai điều căn bản chúng ta phải học. ả ếu chúng ta tu mà không hiểu rõ hai điểm đó thì trên đường tu dễ bị thoái thất. Một là chúng ta không biết đức Phật tu như thế nào mà ả gài được thành Phật, thì chúng ta làm sao nương theo để tu? Hai là trong khi tu, nếu chúng ta gặp những chướng ngại, làm sao vượt qua để tiến? Hai điều đó, nếu chúng ta không thông thì trên đường tu sẽ bị chướng ngại vô cùng. ả gài Văn-thù muốn khai thác nguyên nhân đó để chúng ta nắm vững cốt yếu của sự tu hành, nên ả gài đánh lễ Phật thưa hỏi. Đó là vì lòng từ bi của Bồ-tát muốn cho chúng sanh sau này được lợi ích nên ả gài tha thiết đánh lễ Phật, thưa thỉnh trước sau ba lần, Phật mới hứa khả trả lời.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ngôn:**

**- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát ti tuần Như Lai nhân địa pháp hạnh, cập vị mật thể nhất thiết chúng sanh cầu Đại thừa giả, đắc chánh trụ trì bất đọa tà kiến, nữ kim đế thỉnh, đương vị nữ thuyết.**

**Thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát phụng giáo hoan hỉ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thỉnh.**

**- Thiện nam tử, Vô thượng Pháp vương hữu Đại Đà-la-ni môn, danh vi Viên giác lưu xuất nhất thiết thanh tịnh Chân như Bồ-đề Niết-bàn cập Ba-la-mật giáo thọ Bồ-tát, nhất thiết Như Lai bản khởi nhân địa, giai y viên chiếu thanh tịnh giác tướng, vĩnh đoạn vô minh phương thành Phật đạo.**

## **DỊCH:**

***Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng:***

***- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, ông hay vì các vị Bồ-tát mà thừa hồi nhân địa pháp hạnh của Như Lai và vì tất cả chúng sanh đời sau, những người cầu Đại thừa an trụ trong chánh kiến, không rơi vào tà kiến. Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.***

***Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vui vẻ vâng lời dạy và đại chúng yên lặng lắng nghe.***

***- Nay thiện nam, Vô thượng Pháp vương có môn Đại Đà-la-ni tên là Viên giác, lưu xuất tất cả pháp thanh tịnh: Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, (nay ta) dạy trao cho các Bồ-tát, nhân địa tu hành của tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh viên chiếu, hằng đoạn vô minh mới thành Phật đạo.***

## **GIẢNG:**

Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi quan trọng trong việc tu hành để đưa đến quả Phật nên được Phật khen ngợi.

Vô thượng Pháp vương là chỉ cho Phật. Vì đối với bệnh khổ của chúng sanh, ả gài dùng nhiều phương tiện nói pháp khiến cho chúng sanh hết bệnh mê lầm dứt khổ, nên ví ả gài là một vị Vua pháp cao tột không ai bằng. Đà-la-ni (Dhàrani) là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là tổng trì, tổng trì là gồm hết tất cả. Phật nói ở đây là pháp môn gồm hết tất cả pháp môn, tên là Viên giác. Viên là tròn, giác là sáng, là biết. Từ tánh Viên giác đó lưu xuất ra tất cả pháp thanh tịnh Chân như, Bồ-đề, ả iết-bàn và Ba-la-mật để giáo hóa Bồ-tát. ả hư vậy, những danh từ mà chúng ta thường được nghe như Chân như, Bồ-đề, ả iết-bàn v.v... đều từ tánh Viên giác lưu xuất. Vì vậy, tánh Viên giác là tổng trì, bởi nó bao gồm hết thảy, nên nói là bản khởi nhân địa của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều y theo tánh Viên giác để đoạn trừ vô minh và thành Phật đạo. Qua câu trả lời tổng quát của đức Phật, chúng ta tìm được ý gì trong lời đáp này? Đức Phật nói: Tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh hằng chiếu soi để phá trừ vô minh mà được thành Phật. Quý vị thấy nói có khác với Tổ không? Các Tổ cũng nói: “Chúng ta y nơi Phật tánh hay y nơi Tánh thanh tịnh sẵn có của chính mình để khởi tu thì sẽ được thành Phật.” ả hư vậy, điểm y cứ ở đây đức Phật dạy là phải nhận ra được Bản tánh Viên giác của mình. ả hận ra rồi lấy đó làm trụ xứ căn cứ của mình, nương đó mà khởi dụng chiếu soi, dụng chiếu soi đó sẽ phá dẹp vô minh.

Đức Phật nói tánh Viên giác, tại sao ả gài không giảng tánh Viên giác trước, lại giảng trừ vô minh? Vì khi nói đến tánh Viên giác mà không nói đến vô minh thì người đời không hiểu. Do vô minh làm mờ Tánh giác, nếu muốn Tánh giác hiển hiện viên mãn thì trước phải đoạn trừ vô minh. Vì vậy, phải hiểu rõ thế nào là vô minh mới phá trừ được. Khi dẹp được vô minh rồi thì Tánh giác hiện tiền.

## **ÂM:**

***- Vân hà vô minh? Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh từng vô thủy lai, chủng chủng điên đảo, do như mê nhân, tứ phương dịch xứ, vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng. Thí bỉ bệnh mục kiến không trung hoa, cập đệ nhị nguyệt.***

## DỊCH:

*- Thế nào là vô minh? Nay thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, bị các thứ điên đảo (làm mờ tánh Viên giác) như người mê làm lộn bốn phương, vọng nhận tướng tứ đại là thân mình, chấp cái duyên theo bóng sáu trần là tâm mình. Ví như (người) nhắm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.*

## GIẢNG:

Theo Phật, vô minh là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay bị các thứ điên đảo làm mờ tánh Viên giác. Điên đảo là sao? Điên đảo là cái thấy lộn ngược. ả hư thế gian, ai mà chuyện không nói có, chuyện có nói không là nói lộn ngược, nghĩa là cái thật thế này mà mình bảo là thế kia. ả hư chúng ta bây giờ đang ở trong cái thấy điên đảo, nên thấy giả cho là thật. Muốn rõ hơn Phật đưa ra ví dụ như người mê làm lộn bốn phương dờ dờ chỗ. Bốn phương dờ dờ chỗ là sao? Tôi xin đưa ra một ví dụ: Có một người đi vào rừng bị lạc lối, muốn về nhà nhưng quên hướng. ả hà ở phương ả am mà đi lầm về phương Bắc, vì tưởng phương Bắc là phương ả am. Khi ấy, họ cứ nhắm phương Bắc mà đi thì chừng bao lâu tới nhà? Chắc chắn là càng đi càng xa nhà, nếu lầm phương Bắc là phương ả am thì phương Đông phương Tây họ cũng lầm luôn. Vì vậy nên đức Phật nói lầm một cái là tất cả những cái khác đều lầm. Trong vũ trụ này muôn ngàn hiện tượng, chỉ lầm một vài hiện tượng thì muôn ngàn hiện tượng đều lầm. Chúng ta lầm cái gì đây? Phật dạy: Một là *nhận lầm tướng tứ đại làm thân mình*. Cái thân này do đất nước gió lửa hợp lại, chúng ta tự nhận tướng đó làm thân mình thật, đó là vô minh. Ở đây có ai thấy mình đã hết vô minh? Vì chúng ta thấy thân này thật nên chúng ta sống trong vô minh mà không biết. Hai là *nhận lầm cái duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình*. ả hư vậy, thân và tâm đã lầm thì tất cả đều lầm hết. Cũng như Phật nói một phương lầm thì các phương khác đều lầm luôn.

Quý vị xét kỹ xem mình có nhận cái duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình không? Ai cũng nói tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế nọ. Vậy cái gì là tâm của quý vị? Hầu hết đều trả lời cái hay suy nghĩ là tâm tôi. Tất cả cái suy nghĩ phải quấy, đại khôn, hơn thua... là tâm tôi. Quý vị có biết tại sao mình có suy nghĩ không? ả ếu từ trước quý vị chưa từng thấy con sư tử, quý vị có suy nghĩ được không? Không biết hình dáng nó như thế nào, làm sao mà suy nghĩ? ả hưng giả sử chúng ta thấy nó rồi thì chúng ta nghĩ về con sư tử được. ả hư vậy, sau khi thấy và nghe chúng ta mới có cái suy nghĩ. ả ghĩ về sắc là do mắt tiếp xúc với sắc trần, sau khi tiếp xúc, bóng dáng của sắc trần rơi vào tâm thức của chúng ta, một lúc nào đó nó dấy lên, ý thức chúng ta duyên theo bóng ấy mà suy nghĩ. Tai nghe âm thanh, bóng dáng êm dịu hay chát chúa của âm thanh rơi vào tâm thức của chúng ta, một lúc nào đó nó dấy lên, ý thức chúng ta duyên theo bóng ấy mà có suy nghĩ. Bóng dáng của hương, vị, xúc cũng như thế. ả hư vậy, tất cả cái suy nghĩ của chúng ta, đều suy nghĩ theo bóng của sáu trần rơi vào tâm thức và khi nó dấy lên chúng ta nương theo đó mà phân biệt cho là tâm mình. Cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình, không phải điên đảo là gì? Bốn đại giả hợp mà cho là thân mình, cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình! Không phải mình mà cho là mình, thật quá mê muội, thật đáng thương xót!

Tất cả chúng ta đang sống trong vô minh và đang bị vô minh che phủ, tu không thành Phật là tại chỗ đó. Chấp nhận vô minh là mình thì làm sao thành Phật được? Vì Phật là giác là sáng, cho nên muốn thành Phật thì điều kiện tiên quyết là phải dẹp sạch vô

minh. Chúng ta biết được vô minh rồi thì mới có thể phá dẹp nó và mới mong tu thành Phật được.

Đức Phật đưa ra thêm một ví dụ nữa để cho chúng ta rõ hơn: *Ví như người nhắm mắt thấy hoa đóm trong hư không và mặt trăng thứ hai*. Khi mắt chúng ta lành mạnh, nhìn hư không không thấy có hoa đóm; nhưng khi mắt nhắm, chúng ta nhìn bầu trời trưa nắng thấy hoa đóm lảng xăng đầy cả hư không. Hoặc ban đêm chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có hai mặt trăng. Ờ hư vậy, chúng ta thấy lầm có hoa đóm, có mặt trăng thứ hai là do mắt nhắm, chứ hư không đâu có hoa đóm và mặt trăng thứ hai! Cũng như thế, thân tứ đại này không thật mà chúng ta nhận lầm là thật, cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật mà nhận lầm là tâm mình thật. Chúng ta lầm nhận thân tâm rồi thì tất cả những cái khác theo đó mà lầm. Sở dĩ chúng ta nhận lầm là do vô minh mà ra, nếu hết vô minh thì không còn nhận lầm nữa.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, không thật vô hoa, bệnh giả vọng chấp, do vọng chấp cố, phi duy hoặc thử hư không tự tánh, diệc phục mê bỉ thật hoa sanh xứ, do thử vọng hữu luân chuyển sanh tử, cố danh vô minh.**

**DỊCH:**

**- *Này thiện nam, hư không thật không có hoa đóm, vì người bệnh vọng chấp, do vọng chấp nên chẳng những lầm Tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đóm là thật. Do vọng chấp này mà có luân chuyển sanh tử nên gọi là vô minh.***

**GIẢNG:**

Đoạn trên đức Phật đưa ra ví dụ hoa đóm trong hư không và mặt trăng thứ hai để chỉ rõ vì vô minh mà chúng ta lầm chấp thân chấp tâm là ngã. Giờ đây, Ờ gài lại đưa ra một ví dụ nữa để chỉ cho chúng ta thấy, nếu lầm chấp thân tâm thì chúng ta cũng lầm chấp luôn tất cả. Thí dụ hoa đóm được nhắc tới nhắc lui để chúng ta thấy rõ hoa đóm không thật do mắt bệnh mà thấy. Ờ hư vậy khi thấy hoa đóm nên nghĩ thế nào? Muốn trừ hoa đóm phải làm sao? Muốn trừ hoa đóm không nên dẹp hư không, cũng không phải tìm bắt từng cái hoa đóm cho hết, mà chỉ lo trị con mắt cho lành. Con mắt bệnh ví dụ cho cái gì? Chỉ cho cái vọng chấp thân tâm là thật. Bởi vọng chấp thân tâm là thật cho nên thấy tất cả pháp thế gian là thật, mà tất cả pháp thế gian đều như hoa đóm ở trong hư không. Khi đã vọng nhận thân tâm là thật thì đối với tánh Chân như đã quên. Cho nên ở đây nói chúng ta đã lầm tánh hư không. Rồi lại còn cho rằng hoa đóm có thật sanh có thật diệt, vì thật sanh thật diệt cho nên thật có chỗ sanh. Cái không có lại tưởng là có, còn cái có lại quên mất. Một khi lầm chấp thân tâm là thật thì tất cả pháp chúng ta đều thấy là thật. Đó là gốc của vô minh, đó là gốc của luân hồi sanh tử. Khi thân tâm này không còn nhận lầm nữa thì tất cả pháp thế gian cũng không còn nhận lầm. Ờ gài nói: *Hư không thật không có hoa đóm, vì người bệnh vọng chấp, vọng chấp nên chẳng những lầm Tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đóm là thật*. Vừa nhận lầm có hoa đóm trong hư không, cũng nhận lầm có chỗ sanh ra hoa đóm là thật. Hoa đóm là dụ cho thân, chỗ sanh ra hoa đóm là dụ cho cảnh. Ờ hận lầm thân thật rồi lại nhận lầm cảnh thật là do vô minh, vì vậy mà luân chuyển trong sanh tử. Do lầm chấp thân thật nên khi mất thân này vội tìm thân khác, nếu biết nó là giả thì khi mất đâu có nuối tiếc gì! Ờ gày xưa, các Thiên

sư thấy mệt mỏi liền từ già mọi người, an nhiên ngồi kiết-già thị tịch, không chút nuối tiếc sợ hãi. Chúng ta bây giờ thấy thân thật, nên khi đau nuốt nước không trôi mà nghe nói chết là sợ hãi. Còn niệm tham sanh úy tử, làm sao mà không lưu chuyển trong luân hồi. Cho nên lối tu của nhà Phật là lối tu trở lại mình, xoay lại mình. Ắ gay nơi con người chúng ta mà tìm sự thật thì tất cả sự thật chung quanh đều hiện, nghĩa là trong bốn hướng không làm một hướng thì các hướng khác cũng không làm. Ắ gay nơi mình khám phá ra thân không thật, khám phá ra vọng tưởng không thật, chừng đó tất cả cái khác cũng đều thấy rõ nó không thật. Được vậy là đẹp được vô minh thì cái chân thật đầy khắp, đó là tánh Viên giác tròn đầy. Vô minh và chỗ y cứ khởi tu đã biết rõ thì sự tu sẽ dễ dàng.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, thử vô minh giả, phi thật hữu thể, như mộng trung nhân, mộng thời phi vô, cập chí ư tỉnh, liễu vô sở đắc. Như chúng không hoa diệt ư hư không, bất khả thuyết ngôn hữu định diệt xứ. Hà dĩ cố? Vô sanh xứ cố. Nhất thiết chúng sanh ư vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, cái vô minh này không có thật thể. Như người trong mộng, khi mộng chẳng phải không có (cảnh vật) và đến khi thức dậy rõ ràng (cảnh vật) chẳng có. Như hoa đóm diệt trong hư không, không thể nói có chỗ diệt cố định. Vì có sao? Vì không có chỗ sanh. Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên nói luân chuyển sanh tử.*

**GIẢNG:**

Đoạn này Đức Phật chỉ thêm cho rõ, vì nghe nói vô minh chúng ta lại lầm chấp vô minh là thật, nên Phật liền chỉ vô minh không phải thật. Đức Phật nói vô minh không có **thể** cố định, nếu có **thể** cố định thì chúng ta dẹp nó không được. Ví như người ở trong mộng, khi mộng thì không phải không có cảnh vật, nhưng đến khi tỉnh thì cảnh vật rõ ràng không có; hoa đóm diệt trong hư không, không thể nói quyết định có chỗ diệt. Mắt bệnh nên thấy có hoa đóm. Khi mắt hết bệnh thì hoa đóm không có, nên nói hoa đóm đâu có thật sanh mà nói có chỗ thật diệt. Cũng như thế vô minh không có thật thể, nếu có thật thể thì không ai phá nổi. Vì nó không thật nên đức Phật ví như người ngủ mê mộng thấy cảnh thấy người đủ thứ... Khi thức giấc thì cảnh người không còn nữa. Cũng vậy khi chúng ta mê thì thấy thân thật, tâm thật, rồi lầm chấp tạo ra đủ thứ nghiệp, nhưng khi giác thì thấy thân giả, tâm giả. Mê và giác cách nhau không xa. Vô minh là gốc của luân hồi mà gốc luân hồi lại không thật thì sự luân hồi đó có thật hay không? Ắ ều không thật tại sao chúng ta đang luân hồi? Đang luân hồi mà nói không có thật làm sao tin được điều đó, ai biết cho mình như mộng huyễn? Ở đây chúng ta xác nhận rõ ràng điểm này để tu. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta biết, ai cũng có tánh Viên giác. Ắ ơi đức Phật đã đoạn hết vô minh nên tánh Viên giác toàn vẹn gọi là thành Phật, còn nơi chúng ta vì chưa đoạn vô minh nên là phàm phu. Phàm phu thì bị vô minh chủ động kéo vào vòng luân hồi. Làm sao biết được luân hồi là không thật? Chỉ cần biết mình đang sống đây là mộng thì luân hồi không thật. Khi mê thì vô minh là chủ, sanh tử là bạn. Vô minh là gốc, sanh tử là thân cây, vui buồn phiền não như cành lá. Gốc đã không thật thì thân không thật, cành lá cũng không thật. Ắ hư vậy buồn vui thương ghét không thật, nhưng có ai chịu nó không thật đâu! Cứ chìm trong vô minh không có ngày ra. Hiểu cho thấu đáo mới thấy lời Phật đưa

chúng ta tới chỗ giác ngộ hoàn toàn. Vì mình không giác ngộ được nên thấy lời Phật khó hiểu. Tu của đạo Phật là chuyển mê thành giác, mê và giác chỉ là thay đổi cái nhìn. Chỉ cần nhận định theo trí tuệ Bát-nhã thì tất cả hành động đều là tu, còn nhận định theo vọng tưởng mê lầm thì tất cả hành động đều mê lầm hết.

Độc Viên Giác tôi thấy định nghĩa vô minh là rõ ràng nhất. ả oi thân tứ đại chấp đó là thân tướng của mình, nơi tâm duyên theo bóng dáng sáu trần chấp là tâm tướng của mình, đó là vô minh. Đơn giản vô cùng! Đức Phật đã chỉ tường tận rồi, nếu chúng ta nhận được thì không còn lầm nữa. Trong tánh Viên giác mình không muốn trở về cũng là trở về, còn không rõ vô minh mà muốn trở về Viên giác thì cũng khó mà trở về.

*Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên luân chuyển sanh tử.* Chúng sanh đang ở trong vô sanh, lại thấy có sanh tử là tại sao? Vì tánh giác không sanh không tử, mà chúng sanh không nhận ra lại nhận thân này tâm này là thật, bị nó dẫn đi trong sanh tử luân hồi, nên nói nguyên là vô sanh, vì lầm nên bị lưu chuyển. Lưu chuyển hay không là do chúng sanh vì chúng sanh là chủ động.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, Như Lai nhân địa tu Viên giác giả, tri thị không hoa, tức vô luân chuyển diệt vô thân tâm thọ bị sanh tử, phi tác cố vô, bản tánh vô cố.**

**DỊCH:**

**- *Này thiện nam, người tu nhân địa Viên giác Như Lai, biết hoa đốm trong hư không (không thật) liền dứt luân hồi và cũng không có thân tâm chịu sanh tử. Chẳng phải làm cho nó thành không mà Bản tánh nó vốn không.***

**GIẢNG:**

Tiếp theo đức Phật giải cho chúng ta thấy rõ khi tu về nhân địa Viên giác là biết các pháp đều hư huyền, như hoa đốm trong hư không rõ ràng không thật, thì không còn sanh tử luân hồi. Quý vị hiểu rõ chỗ này rồi thì sẽ thấy cái thâm trầm của sự tu. Có nhiều người nói rằng: “Làm sao thấy thân này *không* cho được? Thân chúng ta đang đi, đứng, ăn, nói, hoạt động mà nói là *không*, thì làm sao tin và coi đó như là hoa đốm được?” Chúng ta hãy dùng trí tuệ chiếu soi cho thật kỹ thì sẽ thấy thân này không thật. Vì nó vay mượn tứ đại ngoài để bồi bổ cho tứ đại trong, trong ngoài phù trợ nhau mà tồn tại, nếu giờ phút nào đó tứ đại ngoài không bồi bổ cho tứ đại trong thì thân tan rã. ả hư vậy, thân do tứ đại bồi bổ mới tồn tại thì làm sao nói thật được? Ví dụ một đại là *nước*, như bây giờ chúng ta khát nước, ai cho một bát nước trà nóng vừa thổi vừa uống vô, một hồi lâu mồ hôi xuất ra, vậy mồ hôi đó từ đâu mà ra? Có phải từ bát nước trà vừa uống vô không? Tại sao khi nãy nó là nước trà, bây giờ lại nói nó là mồ hôi của tôi? Vậy tôi là nước trà phải không? ả ều tôi là nước trà, sao khi nãy nó ở ngoài, không gọi nó là tôi? Ba đại kia cũng vậy. Khi bốn đại ngoài phụ vào bốn đại trong thân, nếu quân bình thì nói tôi mạnh khỏe, khi mất quân bình thì nói tôi bệnh, bệnh đó chẳng qua là do tứ đại mất quân bình. Phân tích như vậy để chúng ta thấy rõ tứ đại không phải là tôi, mà chúng ta cứ lầm chấp nó, rồi bám cứng vào đó, ai chạm tới khối tứ đại này là chịu không nổi. Do chúng ta quá quan trọng nó, nên vì nó mà tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử.

Về tâm cũng vậy, tâm là cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cứ chấp cho là thật, nên tôi nghĩ tôi nói ra mà ai cãi lại là tôi nổi sân! Vì sao? Vì ý nghĩ của tôi là chân lý. ả hưng xét kỹ cái suy nghĩ đó chẳng phải của tôi có từ lúc mới lọt lòng mẹ, mà chỉ do

huân tập theo thói quen. ả hư vậy làm sao nói nó là thật được? Bởi chấp tâm là thật nên tất cả những cái tôi huân tập được tôi đều cho là đúng, còn thấy ai nói khác làm khác với sự huân tập của tôi thì cho là sai. Ví dụ như ăn chay, khi thấy người khác tu ăn mặn liền sanh tâm bực bội, trách tại sao tu mà ăn mặn? Lại cũng có người tu ăn mặn thấy người khác tu ăn chay liền thắc mắc tại sao tu phải ăn chay, ăn mặn có lỗi gì? Do sự huân tập của hai bên khác nhau và đều cho cái mình huân tập là đúng nên không ai chấp nhận ai, bởi không chấp nhận nhau cho nên gặp nhau không vui.

Tóm lại, chấp thân chấp tâm là thật ngã chính là căn bệnh trầm kha khiến cho người đau khổ, nếu chúng ta cứ ôm kiến chấp đó tu thì ngàn đời cũng không giải thoát được.

ả hư vậy, bước đầu tiên của người tu hành là phá vô minh, có phá được vô minh mới mong giải thoát được sanh tử. Có người nói: “Tôi ăn hiền ở lành, làm tròn bổn phận trong xã hội cần gì phải tu!” Câu nói đó đúng chưa? ả ói tu để đời sau được sanh làm thân người có nhiều phước báo thì câu nói đó đúng. Muốn tu để giải thoát sanh tử thì tu như vậy chưa đủ. Tôi xin lặp lại, muốn giải thoát sanh tử thì phải phá cho được gốc vô minh. Trong mười hai nhân duyên, vô minh đứng đầu. ả ếu vô minh diệt thì hành diệt v.v... Đức Phật lại nói: “Cũng không có thân tâm chịu sanh tử.” Vì thân tâm con người là giả dối không thật nên Phật nói không có thân tâm con người chịu sanh tử. Chẳng phải do chúng ta phá hoại làm cho nó thành không, mà biết rõ Bản tánh nó vốn là không. Vì sao vậy? Vì ngay trong cái thân sanh tử chúng ta thấy nó là hư giả do duyên hợp duyên có, tự tánh nó là không, sanh là duyên sanh nên nói chưa từng sanh, tử là duyên tử nên nói chưa từng tử, thế nên đâu có thân tâm để chịu sanh tử.

**ÂM:**

- **Bỉ tri giác giả, do như hư không, tri hư không giả, tức không hoa tướng, diệt bất khả thuyết vô tri giác tánh, hữu vô câu khiển, thị tắc danh vi tịnh giác tùy thuận. Hà dĩ cố? Hư không tánh cố, thường bất động cố, Như Lai tạng trung vô khởi diệt cố, vô tri kiến cố, như pháp giới tánh, cứu kính viên mãn biến thập phương cố. Thị tắc danh vi nhân địa pháp hạnh, Bồ-tát nhân thử, ư Đại thừa trung, phát thanh tịnh tâm, mặt thể chúng sanh y thử tu hành bất đọa tà kiến.**

**DỊCH:**

- *Cái tri giác kia ví như hư không, biết hư không tức là (biết) tướng hoa đốm cũng không và không thể nói không có tánh tri giác. Có, không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh Viên giác thanh tịnh. Vì cố sao? Vì tánh hư không thường bất động, trong Như Lai tạng không khởi diệt vì không có tri kiến, như pháp giới tánh cứu kính viên mãn khắp cả mười phương. Đây gọi là nhân địa tu hành (của Như Lai), Bồ-tát cũng nhân đây mà phát tâm thanh tịnh tu theo Đại thừa, chúng sanh đời sau y đây mà tu hành thì chẳng rơi vào tà kiến.*

**GIẢNG:**

Đức Phật dụ tri giác như hư không, biết được hư không tức là biết tướng hoa đốm vốn không và cũng không thể nói không có tri giác. ả ghĩa là tri giác hay tánh Viên giác dụ cho hư không, còn hoa đốm dụ cho vô minh. Khi hoa đốm hết ở trong hư không mà hư không thì không diệt, nên nói tri giác như hư không. “Biết” được hoa đốm tướng nó vốn không, không thể nói là không có tri giác. Chúng ta biết tất cả hoa đốm sanh diệt

lãng xãng trong hư không là không thật, còn hư không thì không diệt. Có hoa đóm là do mắt nhắm thấy nên nó là hư giả. Khi hoa đóm hết, hư không vẫn nguyên vẹn. Cũng thế, dùng trí biết được thân tứ đại này và vọng tưởng này là hư giả, khi cái giả đó mất rồi thì “cái biết” giả đó không mất; nên đây nói: *Không thể nói tánh tri giác là không. Nói có nói không là hai bên, có không đều đẹp gọi là tùy thuận tánh Viên giác.* Chúng ta thấy Phật và Tổ nói không khác. Tổ nói nhập được Tự tánh thanh tịnh của mình thì không kẹt hai bên. Vì sao? Vì Tánh giác là bất động. Hư không dụ cho Tánh giác, hoa đóm dụ cho vô minh, hoa đóm hết, hư không vẫn còn. Cũng vậy, khi vô minh hết, Tánh giác không mất nên nói tánh hư không thường không động, đâu từng sanh đâu từng diệt. Cũng thế, trong ả hư Lai tạng không khởi diệt, vì chúng ta mê nên thấy nó khởi diệt; ả hư Lai tạng đó như pháp giới tánh rớt ráo tròn đầy khắp cả mười phương.

Tóm lại, đức Phật muốn cho chúng ta thấy rõ, khi biết thân tứ đại là giả, biết tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là giả, không còn kẹt trong hai cái đó là tùy thuận Tánh giác. ả giả là khi niệm chấp cái giả mất rồi thì Tánh giác hiện tiền, giống như khi hoa đóm trong hư không mất rồi thì hư không vẫn bất động. Cũng vậy, Tánh giác của chúng ta khi không còn bị vô minh che phủ thì hiển lộ và trùm khắp mười phương. ả hiểu người lầm cho rằng Phật nói thân này là giả, vọng tưởng là giả, buông hết rồi thì còn cái gì? Chúng ta buông được hai cái giả đó thì cái chân thật hiển bày. Đó là nhân địa của Phật tu, chư Bồ-tát và chúng sanh đời sau cũng phải tu như vậy mới khởi rơi vào các bệnh.

Đó là gốc của sự tu hành, nếu chúng ta không y gốc để tu và chặt đứt cội rễ vô minh đã ăn sâu từ nghìn muôn kiếp thì càng tu chúng ta càng bệnh. Ví dụ như chúng ta lập ra thời khóa ngày đêm phải tọa thiền bốn thời, nhưng với bối cảnh xã hội hiện tại phải làm ruộng rẫy mới có lương thực để ăn, chúng ta không thể hạn cuộc trong thời khóa đã ấn định mà phải giảm bớt một hoặc hai thời. Tu như vậy chúng ta cho là không đủ công phu, rồi sanh phiền não, phiền não là bệnh. Hoặc chúng ta tu ngày đêm sáu thời đầy đủ, nhưng thấy người khác tu có hai thời, chúng ta nhìn họ với cặp mắt xem thường cho rằng mình tu hơn họ. Do chấp trên hình tướng nên thấy có hơn thua, nếu như chúng ta tu theo kinh Viên Giác thì đâu có cái gì hơn thua? Thân không thật, tâm không thật thì có ai hơn ai? Chúng ta hằng quán chiếu như vậy thì càng tu cái ngã càng mòn đâu có sanh bệnh. Giả sử tôi nói trì chú được công đức vô lượng, quý vị nghe ham quá, về chuyên tâm trì chú, bỗng một hôm đang trì chú thấy hào quang rực rỡ cả bầu trời, quý vị hài lòng lắm, tự cho là mình tu có công phu nhiều. Khi ấy gặp bạn đồng tu hỏi thăm họ: “lâu nay bạn tu có kết quả gì không”, bạn ấy trả lời: “không thấy”. Quý vị tự hào và cho rằng bạn mình không tu hành gì hết. Từ đó bản ngã ngâm trôi lên mà quý vị không hay. Vì thế càng tu càng sanh bệnh. Gần đây có nhiều vị tu hành tinh tấn lắm, ngồi thiền có hào quang sáng. ả hưng thịnh linh bị “Ma-đăng-già” lôi ra đời, làm nhiều điều ác tệ hơn những người Phật tử tại gia. Đó cũng vì chưa thấu triệt được cái lý rớt ráo của sự tu hành, chỉ chú trọng trên hình tướng nên tâm kiêu mạn đầy sanh, bệnh nặng mà không hay.

Chúng ta nên biết những phương pháp Phật dạy tu là những phương thuốc huyền diệu trị lành bệnh vô minh huyền của chúng ta. Vì vậy nên trên đường tu, người hướng dẫn rất là quan trọng. Khéo hướng dẫn thì càng tu càng tiến, còn không khéo thì càng tu càng bệnh. Tôi thường nói người thế gian là kẻ chấp ngã đã đành, nhưng người tu nếu không khéo sẽ rơi vào bệnh chấp ngã số một. Khi còn hành Điều thì cái ngã còn nhỏ, đến khi làm thầy thiên hạ thì cái ngã cũng tăng trưởng dần theo địa vị mà không hay. Hoặc không có địa vị, càng tu thâm niên cái ngã càng lớn. Giả sử như có người tu hai, ba mươi năm

mà giáo lý không thông, pháp tu nắm không vững, kẻ hậu học đến thừa hỏi thì ú ớ đáp không trôi, nhưng họ có lẽ lời chi thì chê trách: “kẻ hậu sanh vô lễ, ta tu mấy chục năm không đáng làm thầy tụi bây hay sao”. Đó là bệnh chấp ngã rất lớn. Phá được cái ngã thật là khó, vì chúng ta không chịu nhìn lại cái thân hư giả và cái tâm hư giả của mình, cho nên tu nhiều chừng nào thì cái ngã lớn chừng nấy. Ắ ều y theo lời Phật dạy mà tu thì phá trừ vô minh mới mong tiến đạo.

Trong chương này ngài Văn-thù hỏi hai câu, đức Phật trả lời như trên là đủ chúng ta tu cả đời. Đức Phật dạy hết sức rõ ràng, chính xác và thực tế.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

- Văn-thù nữ đương tri  
Nhất thiết chư Như Lai  
Tùng ư bản nhân địa  
Giai dĩ trí tuệ giác  
Liễu đạt ư vô minh  
Tri bỉ như không hoa  
Tức năng miễn lưu chuyển  
Hựu như mộng trung nhân  
Tĩnh thời bất khả đắc  
Giác giả như hư không  
Bình đẳng bất động chuyển  
Giác biến thập phương giới  
Tức đắc thành Phật đạo  
Chúng huyền diệt vô xứ  
Thành đạo diệt vô đắc  
Bản tánh viên mãn cố  
Bồ-tát ư thử trung  
Năng phát Bồ-đề tâm  
Mạt thế chư chúng sanh  
Tu thử miễn tà kiến.

**DỊCH:**

*Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:*

- Văn-thù ông nên biết  
Tất cả các Như Lai  
Từ nơi nhân địa gốc  
Đều dùng trí Viên giác  
Thấu suốt cả vô minh  
Biết kia như không hoa  
Thì ắt khỏi lưu chuyển  
Lại như người trong mộng  
Khi tỉnh chẳng có gì  
Tánh giác như hư không  
Bình đẳng chẳng động chuyển

*Tánh giác khắp mười phương  
Liên được thành Phật đạo  
Các huyễn diệt không chỗ  
Thành đạo cũng không thành  
Bản tánh vốn viên mãn  
Bồ-tát ở trong ấy  
Hay phát tâm Bồ-đề  
Các chúng sanh đời sau  
Tu đây khỏi tà kiến.*

**GIẢNG:**

Chúng ta thấy trong bài trùng tụng Phật lập lại thật là đầy đủ ý nghĩa trên. Trước hết là nói nhân địa của tất cả chư Phật tu hành đều từ nơi trí tuệ giác chiếu. Do dùng trí tuệ giác chiếu nên thấy rõ vô minh, biết nó như hoa đóm trong hư không nên ra khỏi luân hồi sanh tử. Cõi đời này giống như giấc mộng. Mộng dụ cho vô minh, khi vô minh thì thấy người thật cảnh thật, khi tỉnh thì thấy người không thật cảnh không thật, nên nói tỉnh rồi thì không có gì cả. Tánh giác ví dụ như hư không bình đẳng không động. Vì hư không bình đẳng nên bao dung tất cả mọi loài. Hư không không động, nếu có động là gió động bụi bay, chớ hư không lúc nào cũng bất động. Cũng vậy, vọng tưởng là động, còn Tánh giác thì bình đẳng không động, bởi bình đẳng không động nên trùm khắp cả mười phương. Ắ gười hằng sống với Tánh giác tạm nói là thành Phật. Các huyễn diệt rồi cũng không có chỗ diệt, thành đạo rồi cũng không có gì gọi là chứng. Bởi vì sao? Vì Tánh giác vốn viên mãn nên khi vô minh hết thì Tánh giác tròn sáng. Cũng như khi ngủ mộng thấy cảnh thấy người... nhưng khi thức thì cảnh người cũng không còn, khi thức thì biết thức thôi, chớ có nói là tôi được thức không? Đâu có cái gì mà được? Sự tu cũng vậy, tu để dẹp vô minh, khi vô minh hết thì Tánh giác hiện tiền. Ắ ếu còn thấy được là còn có cái bị được và người hay được, như vậy là còn năng còn sở thì không thể gọi là thành Phật. Các Bồ-tát ở trong đây tu hạnh Bồ-đề, các chúng sanh đời sau y đây mà tu thì không rơi vào tà kiến.

Trong chương này, ngài Văn-thù chỉ hỏi Phật có hai câu mà Phật dạy chúng ta tu suốt kiếp cũng không xong. Ắ ếu ai y theo chương này tu cũng đủ để giải thoát sanh tử.

## CHƯƠNG II

### BỒ-TÁT PHỔ HIỀN THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Phổ Hiền Bồ-tát tại đại chúng trung, tức từng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng, cập vị mặt thế nhất thiết chúng sanh tu Đại thừa giả, văn thử Viên giác thanh tịnh cảnh giới vân hà tu hành. Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh tri như huyễn giả, thân tâm diệc huyễn, vân hà dĩ huyễn hoàn tu ư huyễn? Nhược chư huyễn tánh nhất thiết tận diệt, tắc vô hữu tâm, thù vị tu hành, vân hà phục thuyết tu hành như huyễn? Nhược chư chúng sanh bản bất tu hành, ư sanh tử trung thường cư huyễn hóa, tăng bất liễu tri như huyễn cảnh giới, linh vọng tưởng tâm vân hà giải thoát? Nguyện vị mặt thế nhất thiết chúng sanh tác hà phương tiện tiệp thứ tu tập, linh chư chúng sanh vĩnh ly chư huyễn.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Lúc đó Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quì gối chấp tay mà bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, cúi xin vì các Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn để tu huyễn? Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết thì không có (thân) tâm, vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát? Cúi xin Ngài vì chúng sanh đời sau dạy phương tiện thứ lớp tu tập như thế nào, để cho các chúng sanh hăng hĩa các huyễn.*

*Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Chương trước Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho Căn bản trí, ả gài hỏi về nhân địa tu hành của chư Phật. Chương này tới Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. ả gài Phổ Hiền thường gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền, theo kinh Hoa ả ghiêm thì Phổ Hiền tượng trưng cho Sai biệt trí. Sai biệt trí là trí tùy duyên giáo hóa chúng sanh, tùy duyên dựng lập công hạnh.

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi. Trước hết ả gài hỏi đức Phật:

1. Các Bồ-tát trong hội và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa nghe đến cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành?

2. ả ều chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn tu huyễn?



## **DỊCH:**

- *Này Thiện nam, tất cả chúng sanh và mọi vật huyễn hóa đều sanh từ Viên giác Diệu tâm Như Lai. Ví như hoa đóm trong hư không, từ hư không mà có, hoa đóm tuy diệt mà tánh hư không không hoại. Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì Tánh giác bất động. Y pháp huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa. Nếu nói “có giác” vẫn chưa lìa huyễn, còn nói “không giác” cũng lại như thế. Cho nên pháp huyễn (có và không) diệt hết gọi là bất động.*

## **GIẢNG:**

Phật lặp lại ý trước cho chúng ta khỏi phân vân. ả gài nói tất cả chúng sanh và cảnh vật huyễn hóa (tâm huyễn cảnh giới huyễn) đều sanh từ nơi Diệu tâm Viên giác ả hư Lai chớ không ở đâu. ả gài ví thân tâm cảnh giới như hoa đóm trong hư không, từ hư không mà có, tuy hoa đóm diệt mà hư không không hoại. Cũng thế thân tâm cảnh vật huyễn hóa tuy mất mà Tánh giác diệu tâm không mất. ả ghe qua chúng ta thấy hình như Viên giác lưu xuất ra các huyễn, vậy là nó lưu xuất ra vô minh phải không? Tức là có một cái giác để sanh vô minh. Chỗ này không rõ để hiểu lầm. Cũng như có phải hư không sanh hoa đóm không? Vì mắt nhắm thấy hoa đóm, chớ không phải hư không sanh hoa đóm. Cũng như vậy Tánh giác không sanh vô minh mà tại mê Tánh giác nên vô minh dấy lên. Bởi Tánh giác không sanh vô minh nên khi vô minh hết mà Tánh giác vẫn còn. ả hư vậy, Tánh giác là nhân địa mà chúng ta tu hành. ả gài xác định: *Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tánh Viên giác bất động.*

Tôi lấy ví dụ ngồi thiền để giảng đoạn này cho quý vị hiểu. Khi chúng ta ngồi thiền thấy vọng tưởng dấy lên là giả dối. Khi lặng xuống thì tâm hằng giác tròn đầy lặng lẽ chớ đâu có mất. ả ếu tâm hằng giác mà mất thì lúc đó chúng ta đâu có biết vọng tưởng lặng. ả gài chỉ cho chúng ta thấy rõ khi tâm huyễn diệt rồi thì tâm hằng giác bất động hiện tiền. ả ếu *y huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa*. Ví dụ như vọng tưởng dấy lên chúng ta khởi “biết vọng tưởng”; “vọng tưởng” là huyễn, nhưng “cái biết vọng tưởng” cũng huyễn luôn. ả ếu nói “có giác” vẫn chưa lìa huyễn, còn nói “không giác” cũng lại như thế, cho nên pháp huyễn diệt gọi là bất động. Tôi nhắc lại: Khi chúng ta ngồi thiền, vọng tưởng dấy lên, chúng ta “biết nó là huyễn”, “cái biết huyễn” đó hơn “cái huyễn” một phần rồi, nhưng chúng ta chấp “cái biết huyễn” đó là thật thì chúng ta cũng còn kẹt trong huyễn nữa. ả hư vậy, “vọng tưởng” lặng thì “cái biết vọng tưởng” cũng phải buông luôn, buông hết thì tâm như như bất động. Tâm bất động đó mới là thật, chớ còn dấy niệm quán cũng chưa được.

## **ÂM:**

- *Thiện nam tử, nhất thiết Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh ưng đương viễn ly nhất thiết huyễn hóa hư vọng cảnh giới. Do kiên chấp trì viễn ly tâm cố, tâm như huyễn giả diệc phục viễn ly, viễn ly vi huyễn diệc phục viễn ly, ly viễn ly huyễn diệc phục viễn ly, đắc vô sở ly, tức trừ chư huyễn. Thí như toàn hỏa, lưỡng mộc tương nhân, hỏa xuất mộc tận, khôi phi yên diệt. Dĩ huyễn tu huyễn diệc phục như thị. Chư huyễn tuy tận bất nhập đoạn diệt.*

## **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau phải xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa hư vọng. Do chấp cứng cái tâm xa lìa, tâm ấy là huyễn cũng phải xa lìa, lìa cái lìa huyễn cũng lại xa lìa, được không chỗ lìa tức là trừ các huyễn. Ví như đui lửa, hai thanh gỗ làm nhân cho nhau, lửa phát ra hai thanh gỗ cháy hết tro bay khói mất. Lấy huyễn tu huyễn cũng như vậy. Các huyễn tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt.*

#### **GIẢNG:**

Đa số chúng ta có bệnh khi nghe nói cái đó là thật, thì chấp đành rồi, nhưng nghe nói cái đó là giả cũng chấp luôn. Ví dụ như nghe Phật nói phải xa lìa pháp huyễn hóa thì cương quyết bỏ pháp huyễn hóa, nhưng nếu còn cái cố chấp quyết bỏ pháp huyễn hóa cũng không được, vì còn có một cái để bám. Vì vậy đức Phật dạy niệm xa lìa cũng phải buông luôn. Ắ ên nói tâm ấy là huyễn cũng phải xa lìa. Tôi xin phân tích làm ba giai đoạn cho dễ hiểu.

- Giai đoạn 1: Chúng ta biết tâm vọng tưởng là huyễn. Khi vọng tưởng dấy lên biết nó là vọng tưởng, vọng tưởng lặng xuống, biết vọng tưởng hết, đó là giác vọng tưởng. Khi vọng tưởng lặng rồi, cái giác vọng tưởng đó cũng phải buông luôn. Ắ ếu chấp cái giác vọng tưởng đó cho là thật thì cũng là vọng tưởng nữa.

- Giai đoạn 2: Ắ ếu còn có tâm niệm bỏ cái giác vọng tưởng cũng không được, phải buông luôn.

- Giai đoạn 3: Cái tâm dấy khởi bỏ cái biết vọng tưởng đó cũng phải bỏ nữa. Bởi cho đến khi tâm không còn dấy khởi thì Tánh giác hiện bày, đó mới thật là lìa huyễn. Còn một niệm xa lìa cũng là vọng tưởng. Tới chỗ cứu kính thì không còn niệm thủ xả, còn dấy niệm thủ xả là còn động, tánh Viên giác thì bất động, sống được với cái bất động đó mới là lìa hết huyễn. Chỗ này phải tu mới thấy rõ, không tu chỉ nghe qua thì thấy lạ quá.

Đức Phật lại ví dụ, như chúng ta đui lửa, hai thanh gỗ cọ nhau, lửa phát ra hai thanh gỗ cháy, tro bay khói mất. Lấy huyễn tu huyễn cũng lại như vậy. Trước dùng trí tuệ chiếu soi thân tâm để thấy thân tâm không thật, tức là hai thanh gỗ bị cháy; khi thấy thân tâm không thật thì còn cái chấp thân tâm huyễn chúng ta bỏ luôn, tức là tro bay; khi bỏ trí biết huyễn nhưng ý niệm muốn xa lìa cái huyễn còn thăm thăm bên trong, bỏ luôn ý niệm đó nữa là khói bay hết. Đến đây mới trở về như như. Cái huyễn tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt. Đây là chỗ đặc biệt. Có nhiều người không hiểu cho rằng khi tu Phật bảo buông hết niệm suy nghĩ thì không còn gì, sẽ trở thành ngu ngơ. Không, đức Phật xác định là khi huyễn hết rồi không rơi vào đoạn diệt, mà hằng ở trong Tánh giác. Chỗ này Lục Tổ cũng có nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy là Bản lai diện mục của người.”

#### **ÂM:**

**- Thiện nam tử, tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, ly huyễn tức giác, diệt vô tiệm thứ. Nhất thiết Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh, y thử tu hành, như thị nãi năng vĩnh ly chư huyễn.**

#### **DỊCH:**

*- Nay Thiện nam, biết pháp huyễn hóa tức là, chẳng khởi phương tiện, là pháp huyễn hóa liền giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành. Như thế mới hằng là các huyễn.*

**GIẢNG:**

Â gài Phổ Hiền yêu cầu Phật dạy pháp tu thứ lớp, đức Phật trả lời không có thứ lớp, biết các pháp huyễn hóa tức là là pháp huyễn hóa, là pháp huyễn hóa thì Tánh giác hiện tiền. Đây là một lối đốn ngộ đốn tu, và â gài kết luận Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây mà tu thì hằng là các pháp huyễn. Chúng ta thấy từ đức Phật đến Bồ-tát và chúng sanh đời sau nếu muốn tánh Viên giác hiện tiền thì không có gì hơn là biết rõ cái hư giả mộng huyễn, khi biết rõ nó thì không bị nó chi phối.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

- Phổ Hiền nữ đương tri  
Nhất thiết chư chúng sanh  
Vô thủy huyễn vô minh  
Giai tùng chư Như Lai  
Viên giác tâm kiến lập  
Du như hư không hoa  
Y không nhi hữu tướng  
Không hoa nhược phục diệt  
Hư không bản bất động  
Huẩn tùng chư giác sanh  
Huẩn diệt giác viên mãn  
Giác tâm bất động cố  
Nhược bỉ chư Bồ-tát  
Cập mạng thế chúng sanh  
Thường ưng viễn ly huyễn  
Chư huyễn tất giai ly  
Như mộc trung sanh hỏa  
Mộc tận hỏa hoàn diệt  
Giác tắc vô tiệm thứ  
Phương tiện diệt như thị.

**DỊCH:**

*Khi ấy đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:*

*- Phổ Hiền ông nên biết  
Tất cả các chúng sanh  
Vô thủy huyễn vô minh  
Đều từ các Như Lai  
Tâm Viên giác dựng lập  
Như hoa đốm trong không  
Y hư không có tướng  
Hoa đốm nếu diệt rồi  
Hư không vốn chẳng động*

*Huyễn từ giác mà sanh  
Huỷ diệt giác viên mãn  
Vì tâm giác bất động  
Nếu các vị Bồ-tát  
Và chúng sanh đời sau  
Thường nên xa lìa huỷ  
Các huỷ thấy đều lìa  
Như lửa sanh trong cây  
Cây hết lửa cũng tắt  
Giác không có thứ lớp  
Phương tiện cũng như vậy.*

#### **GIẢNG:**

Bài trùng tụng này Phật kết thúc chương Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Trước hết đức Phật chỉ cho thấy tất cả chúng sanh và pháp vô minh huỷ hóa có từ vô thủy đều từ nơi tâm Viên giác mà dựng lập. Chỗ này có nhiều người thắc mắc tại sao vô minh lại từ Tánh giác mà lập? Bây giờ tôi nói mê từ tỉnh mà có, quý vị đồng ý không? Ví dụ như vào buổi khuya đánh kiếng thức chúng, quý vị thức dậy súc miệng rửa mặt, lúc ấy rất là tỉnh táo, nhưng khi lên bờ đoàn ngồi một hồi thì mơ mơ và gục một cái, vậy cái mơ mơ đó từ đâu mà ra? Có phải từ cái tỉnh mà ra không? Chúng ta cứ cho là đang tỉnh thì không có mê, mà tại sao đang tỉnh lại gục? Cho nên trong khi tỉnh mà không khéo giữ thì tỉnh hóa thành mê. Kinh Lăng ả ghiêm nói: “Chân như bất thủ tự tánh, hốt nhiên nhất niệm vô minh khởi”, nghĩa là Chân như không giữ Tự tánh thì vô minh sanh. Trong khi chúng ta tỉnh thì phải sáng suốt mà giữ cái tỉnh đó, nếu quên đi thì mê trở lại. Đối với Tánh giác cũng vậy, nếu không khéo tỉnh giác thường xuyên thì tỉnh thoảng mê dấy lên. Tại sao vậy? Bởi vì mê đã có trong tỉnh.

ả hư hiện giờ chúng ta tuy thức nhưng có cái ngủ nó ngằm ngằm trong ấy, nếu không giữ được tỉnh táo thì cái ngủ hiện ra, chớ không phải cái ngủ ở đâu đến. Hỏi tại sao tôi đang tỉnh mà lại mê? Tại tỉnh mà không giữ được Tự tánh tỉnh nên mê. Cũng vậy, pháp huỷ từ tâm Viên giác ả hư Lai ra Phật dụ như hoa đóm trong hư không, rồi cũng diệt trong hư không, nhưng hoa đóm sanh diệt mà hư không thì bất động. Vọng tưởng thì sanh diệt, vọng động; Tánh giác thì bất động. Cho nên mục đích chúng ta tu để tâm được định, không động mà sống với Tánh giác thì bất động. Định là lặng mọi vọng tưởng, vọng tưởng lặng rồi thì Tánh giác tròn sáng, đó là tuệ. Tánh giác thì bất động, dấy niệm là vọng động làm mờ Tánh giác. Vì vậy chúng ta phải định thì Tánh giác mới hiện hiện. Chúng ta tu dùng trí tuệ biết huỷ, đó là dùng phương tiện để trị vọng tưởng giả dối, khi vọng tưởng lặng thì cái biết huỷ cũng buông luôn. Đức Phật dạy chúng sanh nên y theo đó mà tu để hăng lìa pháp huỷ, khi pháp huỷ đã lìa rồi thì Tánh giác hiện hiện chớ không có thứ lớp.

### CHƯƠNG III

## BỒ-TÁT PHỔ NHÃN THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Phổ Nhãn Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp trường qui xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng cập vị mặt thế nhất thiết chúng sanh diễn thuyết Bồ-tát tu hành tiệm thứ, vân hà tư duy, vân hà trụ trì, chúng sanh vị ngộ tác hà phương tiệm phổ linh khai ngộ. Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh vô chánh phương tiệm, cập chánh tư duy, văn Phật Như Lai thuyết thử tam-muội tâm sanh mê muội, tức ư Viên giác bất năng ngộ nhập. Nguyện hưng từ bi vị ngã đẳng bối cập mặt thế chúng sanh giả thuyết phương tiệm.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Lúc đó Bồ-tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, qui gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Thế Tôn đại bi, xin vì chúng Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau diễn nói thứ lớp tu của Bồ-tát, làm sao tư duy, làm sao trụ trì? Chúng sanh chưa ngộ tạo phương tiệm gì khiến cho họ được khai ngộ? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh kia không có chánh phương tiệm và chánh tư duy, nghe Như Lai nói tam-muội này tâm sanh mê muội, đối với tánh Viên giác không thể ngộ nhập. Xin Ngài từ bi, vì bọn chúng con và chúng sanh đời sau tạm nói phương tiệm.*

*Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Phổ là khắp, ả hãn là con mắt tức là con mắt thấy khắp. ả hư ngài Huyền Sa Sư Bị thường nói “Tam thiên đại thiên thế giới là một con mắt của Sa-môn”. Đọc qua chương trước chúng ta thấy đức Phật trả lời dường như đủ rồi. ả hưng các Bồ-tát thấy chưa đủ, chưa thể tu được, nên ở chương này, Bồ-tát Phổ ả hãn đứng ra thưa hỏi thật kỹ. Đây là ba câu hỏi:

- 1- Chúng sanh phải thứ lớp tu như thế nào? Suy nghĩ thế nào cho hợp đạo?
- 2- Phải gìn giữ cách nào cho đúng với chánh pháp?
- 3- Chúng sanh chưa ngộ làm cách nào cho họ dần dần được khai ngộ?

Đoạn trên Phật nói tổng quát chắc họ không thực hành được, nên ả gài yêu cầu Phật chỉ cho phương tiệm để chúng sanh sau này tư duy chân chánh, và nghe đến tam-muội này tâm không sanh mê muội để thể nhập vào tánh Viên giác. Từ đây về sau Phật mới nói qua phương tiệm.

**ÂM:**

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Nhãn Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử như đấng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh vấn ư Như Lai tu hành tiêm thứ, tư duy trụ trì, nãi chí giả thuyết chủng chủng phương tiện. Như kim đế thính đương vị như thuyết.

Thời Phổ Nhân Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

**DỊCH:**

*Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Phổ Nhân rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau cầu thỉnh Như Lai thứ lớp tu hành dạy cách tư duy cách an trụ gìn giữ cho đến tạm lập các thứ phương tiện. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.*

*Bấy giờ Bồ-tát Phổ Nhân vui vẻ vâng lời dạy, cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.*

**GIẢNG:**

Phật khen Bồ-tát Phổ ả hãn vì đại chúng và chúng sanh đời sau cầu xin Phật tạm lập phương tiện tu hành để nhập tánh Viên giác.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, bỉ tân học Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh dục cầu Như Lai tịnh Viên giác tâm, ưng đương chánh niệm viên ly chư huyễn, tiên y Như Lai xa-ma-tha hạnh, kiên trì cấm giới, an xử đồ chúng, yên tọa tĩnh thất, hằng tác thị niệm: Ngã kim thử thân tứ đại hòa hợp, sở vị phát, mao, thảo, xỉ, bì, nhục, cân, cốt, tủy, não cấu sắc giai qui ư địa. Thóa, thế, nùng, huyết, tân dịch, tiên mật, đàm, lệ, tinh khí, đại, tiểu tiện lợi giai qui ư thủy. Noãn khí qui hỏa. Động chuyển qui phong. Tứ đại các ly, kim giả vọng thân đương tại hà xứ? Tức tri thử thân tất cánh vô thể, hòa hợp vi tướng, thật đồng huyễn hóa. Tứ duyên giả hợp, vọng hữu lục căn, lục căn tứ đại trung ngoại hợp thành, vọng hữu duyên khí, ư trung tích tụ tợ hữu duyên tướng giả danh vi tâm. Thiện nam tử, thử hư vọng tâm, nhược vô lục trần, tắc bất năng hữu. Tứ đại phân giải, vô trần khả đắc. Ứ trung duyên trần các qui tán diệt, tất cánh vô hữu duyên tâm khả kiến.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, những vị Bồ-tát mới học và chúng sanh đời sau, muốn cầu tâm Viên giác thanh tịnh Như Lai, phải chánh niệm xa lìa các pháp huyễn, trước y theo hạnh xa-ma-tha Như Lai, kiên trì giới cấm, sắp xếp đồ chúng, ngồi yên trong thất vắng, thường khởi nghĩ: “Thân này của ta do tứ đại hòa hợp, những là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não... sắc chất dơ bẩn đều thuộc về đất. Nước dãi, nước mắt, máu mủ, nước tiểu, nước bọt, đàm dãi... thuộc về nước. Hơi nóng thuộc về lửa. Chuyển động thuộc về gió. Bốn đại mỗi cái rời xa, hơi thân không thật này về chỗ nào? Liền biết thân này rốt ráo không có tự thể (cố định), do hòa hợp mà có tướng, thật đồng với huyễn hóa.*

*Bốn duyên (tứ đại) giả hợp tạm có sáu căn. Sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành tạm có duyên khí tích tụ ở trong, in tuồng như có tướng năng duyên, giả gọi là tâm.*

*Này thiện nam! Tâm hư vọng này nếu không có (duyên) sáu trần ắt không có. Bốn đại phân tán (thân hoại, căn mất) sáu trần cũng không còn. (Ý) căn ở trong duyên theo sáu trần mỗi thứ phân tán. Rốt cuộc không còn cái tâm duyên có thể thấy.*

**GIẢNG:**

Đức Phật dạy chúng ta muốn tu theo thứ lớp thì trước tiên phải y theo pháp Chi. Kế là gìn giữ giới cấm của Phật cho tinh nghiêm, đồng thời phải sắp xếp đồ chúng và ngồi yên trong thất vắng để tư duy hay chánh quán. Chúng ta muốn theo thứ lớp mà quán thì trước hết phải quán ngay nơi thân này do đất nước gió lửa hòa hợp: Tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương... tất cả chất cứng đó thuộc về đất. ả ước miếng, mồ hôi, máu, mù, nước tiêu, đàm dãi... thuộc về nước. Hơi ấm trong người thuộc về lửa. Sự động chuyển, hơi thở ra vào là gió. Bốn đại này, chúng ta tách riêng mỗi thứ, tìm lại coi cái gì là thân mình? Tìm không ra. Cả bốn cái đó hợp lại thì tạm nói là thân mình, còn nếu phân ly ra thì tìm lại cái thân huyễn này không có chỗ nơi, liền biết thân này rõ ràng không có thật thể, do tứ đại hòa hợp mà có tướng, có đó rồi mất nên nói là huyễn hóa. Bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp chúng ta đã làm cho nó là thật, cho nên mất thân này tạo thân khác. Quán xét thật kỹ để biết nó hư giả, mầm sanh diệt lần lần sẽ hết, muốn thoát luân hồi phải có trí tuệ để phá mê lầm vô minh.

Xét về thân rồi, đức Phật dạy chúng ta xét về tâm. Khi đất, nước, gió, lửa duyên hợp thì tạm có thân, khi đã có thân rồi thì có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn có là do tứ đại bên trong và tứ đại bên ngoài hợp lại mà có, hơi tích tụ ở trong, hơi đó vận chuyển nên có ý nghĩ phân biệt sáu trần tạm gọi là tâm. Thí dụ chúng ta thấy một hình ảnh nào đó, khi ngồi yên sức nhớ lại hình ảnh đó. Tâm duyên theo hình bóng đó gọi là duyên khí. Tại sao gọi là duyên khí? ả hư mùi hôi hay thơm của một cái khăn là do xông ướp một cái khác mà có mùi. Cũng vậy do căn trần tiếp xúc rồi bóng dáng đó xông ướp thành hơi, cái hơi đó là bóng dáng ở trong tâm mình. ả ó xông ướp cái nào thì chứa nhóm thành chủng tử cái đó. ả hững chủng tử chứa nhóm nhiều in tưởng như cái tướng để nó duyên rồi cái tướng nó duyên giả danh tên là tâm. Tất cả những cái nghĩ này nghĩ kia là đều nghĩ theo bóng dáng do huân tập của sáu trần với sáu căn mà có.

Khi chúng ta độc thoại, hoặc đang ngồi, hoặc đang đi, chợt nhớ việc này việc nọ, rồi phát thành ngôn ngữ, đó là do cuộn hơi từ rún đưa lên, nếu mạnh thì phát ra lời nói diễn bày cho người khác nghe, yếu thì đủ mình nghe. Thành ra những ý niệm suy nghĩ chỉ là do hơi cuộn phát ra thôi. Một hôm ngồi chơi, tôi chợt thấu đáo được ý nghĩa của hai chữ tập khí. Thường khi chúng ta nghe giải nghĩa hai chữ tập khí là thói quen, nhưng bây giờ tôi mới phát minh nghĩa của nó là chỗ nhóm hợp hơi. ả hững ý niệm suy nghĩ của chúng ta đều do một ít hơi từ rún đưa lên cuộn lại rồi phát ra lời. ả ghĩ về người thì nói về người, nghĩ về vật thì nói về vật, ở trong thì chúng ta cho đó là tư tưởng, phát ra ngoài cho là ngôn ngữ. Thật ra tất cả tư tưởng đều là ngôn ngữ. Quý vị xét xem có phải vậy không? Điều này chúng ta phải ngồi lại nhìn kỹ mới thấy được. Khi chúng ta ngồi lặng yên, chợt có ý niệm dấy lên, thì một luồng hơi từ rún đưa lên rồi phát ra lời, yếu thì đủ mình nghe gọi là tư tưởng, mạnh thì nói cho mọi người cùng nghe gọi là ngôn ngữ. Vì vậy nên đức Phật mới nói khí tích tụ ở trong, giống như tướng năng duyên và hình bóng mà mình thấy ở ngoài rơi vào tâm thức, hai cái đó duyên với nhau giả gọi là tâm. Chúng ta đã chấp cái giả làm thân làm tâm rồi, làm sao biết được cái thật là tánh Viên giác. Cho nên suốt kiếp đi trong luân hồi.

ả ếu thân tứ đại phân tán tức là thân tứ đại chết, sáu căn hoại và hình ảnh (sáu trần) bên ngoài không có, thì lúc đó chúng ta cũng không tìm ra cái tâm hay duyên. ả hư vậy cái tâm hay duyên là cái hư giả do sáu căn và sáu trần hợp lại mà có. Rõ ràng thân tâm (vọng tâm) đều không thật.

Phật bảo chúng ta phải chánh tư duy, quán sát kỹ điều này cho thấy rõ lẽ thật, đó là chỗ tu hành.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, bĩ chi chúng sanh huyễn thân diệt cố, huyễn tâm diệt diệt. Huyễn tâm diệt cố, huyễn trần diệt diệt. Huyễn trần diệt cố, huyễn diệt diệt diệt. Huyễn diệt diệt cố phi huyễn bất diệt. Thí như ma kính, cấu tận minh hiện. Thiện nam tử, đương tri thân tâm giai vi huyễn cấu, cấu tướng vĩnh diệt thập phương thanh tịnh.**

**DỊCH:**

*- Đây thiện nam, huyễn thân của các chúng sanh kia diệt, nên huyễn tâm cũng diệt, vì huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng diệt, vì huyễn trần diệt nên cái huyễn diệt cũng diệt, cái huyễn diệt diệt nhưng cái phi huyễn (tánh Viên giác) không diệt. Thí như lau gương, bụi như hết thì ánh sáng hiện. Đây thiện nam, nên biết thân tâm đều là huyễn hóa như bản, tướng như bản đó hằng diệt thì (tánh Viên giác) thanh tịnh khắp mười phương.*

**GIẢNG:**

Đoạn này Phật chỉ thật là tường tận. Thân chúng ta do tứ đại giả hợp tạm có, biết nó như huyễn thì vọng tưởng duyên theo cái như huyễn đó cũng không thật. ả hư vậy huyễn thân và huyễn tâm đều diệt. Huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng theo đó mà diệt, trong kinh thường nói “tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt”. Vì huyễn trần diệt nên cái huyễn diệt cũng diệt, cái nghĩ diệt thân tâm trần cảnh, cái nghĩ diệt đó cũng diệt. ả hững cái huyễn đã diệt hết rồi lúc đó mới là phi huyễn, lúc đó tâm bình đẳng như như gọi là bất sanh bất diệt. Cho nên nói phi huyễn chẳng diệt. ả hư vậy quý vị thấy rõ ý nghĩa tu hành của chúng ta, y cứ theo lời Phật dạy không chạy theo các huyễn là lia huyễn, các huyễn đã lia thì tâm lia huyễn cũng phải bỏ luôn mới là thanh tịnh.

Đức Phật đưa ra ví dụ lau gương cho chúng ta dễ hiểu. Mặt gương dụ cho Tánh giác, khăn lau dụ cho niệm diệt huyễn, bụi dụ cho vô minh chấp thân tâm thật. Khi mặt gương bị bụi đóng chúng ta dùng khăn lau lau sạch bụi, nhưng chúng ta lại để cái khăn lau trên mặt gương thì mặt gương không sáng trọn vẹn. Khi lau hết bụi, cái khăn lau cũng phải dẹp luôn, lúc đó không còn bụi không còn khăn lau thì mặt gương mới sáng hoàn toàn. Cũng thế, khi thân huyễn tâm huyễn diệt rồi, ý niệm diệt huyễn cũng diệt luôn thì cái phi huyễn (Tánh giác) mới hiển hiện. Phật ví dụ thêm:

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, thí như thanh tịnh ma-ni bửu châu ánh ư ngũ sắc tùy phương các hiện, chư ngu si giả kiến bĩ ma-ni thật hữu ngũ sắc. Thiện nam tử, Viên giác tịnh tánh, hiện ư thân tâm tùy loại các ứng, bĩ ngu si giả thuyết tịnh Viên giác thật hữu như thị, thân tâm tự tướng diệt phục như thị. Do thử bất năng viễn ư**

huyền hóa. Thị cố ngã thuyết thân tâm huyền cấu, đối ly huyền cấu thuyết danh Bồ-tát. Cấu tận đối trừ tức vô đối cấu cập thuyết danh giả.

**DỊCH:**

*- Đây thiện nam, ví như hạt châu ma-ni trong treo, tùy theo mỗi phương chiếu hiện ra năm màu. Những người ngu thấy hạt châu ma-ni có năm sắc thật. Đây thiện nam, tánh Viên giác thanh tịnh tùy theo thân tâm mỗi chủng loại mà ứng hiện. Kẻ ngu nói tánh Viên giác thanh tịnh thật có như vậy, tự tướng thân tâm cũng lại như thế. Vì thế mà không xa lìa các thứ huyền hóa, cho nên ta nói thân tâm là huyền cấu (chúng sanh). Ngược lại lìa huyền cấu gọi là Bồ-tát. Khi huyền cấu hết thì pháp đối trị huyền cấu cũng trừ, thì không còn pháp đối trị huyền cấu và cái tên gọi huyền cấu.*

**GIẢNG:**

Ví dụ như có một hạt châu trong treo ở ngoài có năm mặt, mỗi mặt chúng ta để một tấm giấy màu khác nhau. Tùy theo người đứng ở phía tấm giấy có màu gì thì thấy hạt châu màu đó. Ắ hừ người đứng ở phía tấm giấy màu đỏ thì thấy hạt châu màu đỏ, rồi họ cho rằng hạt châu màu đỏ thật. Ắ hững người đứng ở các phía kia cũng vậy. Ắ hưng sự thật thì hạt châu không có màu gì hết, nó chỉ là trong treo, tùy ở bên ngoài có màu gì thì nó chiếu ra màu ấy thôi.

Hạt châu ma-ni dụ cho tánh Viên giác. Thân tâm chúng ta dụ như cái bóng xanh, vàng, trắng, đỏ trong hạt châu đó thôi. Đó là chỗ lâu nay chúng ta kẹt. Ắ ghe Phật nói thân huyền, tâm huyền chúng ta cũng nói theo thân huyền tâm huyền. Ắ hưng đối với cái gì mà nói nó là huyền chứ? Phật nói huyền là có lý do. Vì Ắ gài thấy tánh Viên giác chân thật, cho nên thân tâm là huyền. Cũng như nhìn trên hạt châu, những cái bóng hiện xanh, vàng, đỏ... thì bóng đó là huyền, hạt châu không phải huyền. Bây giờ chỉ có người không thấy hạt châu mà chỉ thấy bóng thôi, thì sao? Cái bóng đó là huyền hay không huyền? Bởi vậy chúng ta nói huyền mà không huyền gì hết, tại vì chỉ thấy bóng mà không thấy hạt châu. Các ngài vì thấy rõ nên nói không nghi ngờ còn chúng ta chỉ nói lý nên nghi ngờ.

Cũng vậy, tánh Viên giác tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ở các cõi trời cõi người, rồi chúng ta tưởng tánh Viên giác là trời là người, đó là mê. Thế nên, chúng sanh đi trong lục đạo mà tánh Viên giác không thay đổi, như cái bóng ở ngoài hạt châu, bóng đó không thật mà người mê tưởng là thật. Cái thật là cái trong treo của hạt châu. Cũng vậy, vì chúng ta si mê nên cho tánh Viên giác là thân tâm của các loài chúng sanh. Thân tâm của các loài chúng sanh là cái bóng của Tánh giác, thế nên nói nghiệp là cái bóng không thật. Ắ ghiệp hết, vô minh hết, nhưng Tánh giác không mất. Phật nói người không thể xa lìa thân tâm như huyền chỉ một bề chấp chặt cho nó là ta thì tạm gọi kẻ đó là chúng sanh, còn người nào biết dẹp cái như huyền của thân tâm thì tạm gọi là Bồ-tát. Ắ gười biết dẹp như tức là người biết lau bụi trên mặt gương, gọi đó là người sáng, biết làm cho gương sáng. Ắ gười biết thấp sáng trí tuệ nơi mình là người giác hay là Bồ-tát. Khi cái như hết thì pháp đối trị như cấu cũng trừ, bây giờ không còn pháp đối trị như cấu và cái tên gọi như cấu nữa. Bụi hết thì cái đối trị bụi là khăn lau cũng phải dẹp, cuối cùng là không còn bụi không còn khăn lau, chỉ là mặt gương trong sáng. Khi chúng ta tu buông dần kiến chấp hư vọng về thân tâm thì gọi là tu hạnh Bồ-tát. Khi buông hết những kiến chấp hư vọng về thân tâm rồi, niệm buông cũng phải dẹp luôn, thì Tánh giác chân thật hiện bày.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh chứng đắc chư huyễn, diệt ảnh tượng cố. Nhĩ thời tiện đắc vô phương thanh tịnh vô biên hư không.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, Bồ-tát này và chúng sanh đời sau chứng được các huyễn, diệt các ảnh tượng. Khi ấy liền được thanh tịnh vô biên khắp hư không.*

**GIẢNG:**

Đức Phật dạy cho chúng ta thấy rõ sau khi buông được tất cả bóng dáng hư giả của thân tâm, thì tánh Viên giác thanh tịnh hiển hiện khắp cả mười phương, lúc bấy giờ tạm gọi là thành Phật.

**ÂM:**

- Giác sở hiển phát, giác viên minh cố hiển tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh cố kiến trần thanh tịnh, kiến thanh tịnh cố nhãn căn thanh tịnh, thức thanh tịnh cố văn trần thanh tịnh, văn thanh tịnh cố nhĩ căn thanh tịnh, căn thanh tịnh cố nhĩ thức thanh tịnh, thức thanh tịnh cố giác trần thanh tịnh. Như thị nãi chí tỷ thiết thân ý diệc phục như thị.

**DỊCH:**

- *Vì tánh Viên giác sáng suốt đã hiện ra nên tâm thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên kiến trần thanh tịnh, do kiến thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên văn trần thanh tịnh, do văn thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến tỷ, thiết, thân, ý cũng lại như vậy.*

**GIẢNG:**

Đức Phật tuần tự chỉ cho chúng ta thấy, khi Tâm thể thanh tịnh thì sáu căn sáu trần sáu thức đều được thanh tịnh. Chúng ta nghiệm kỹ thì sẽ thấy được ý nghĩa của đoạn này. ă ếu nơi tâm chúng ta không có một vọng niệm nào dấy khởi, chỉ một tâm bình đẳng như như, thì nhìn cảnh nào chúng ta cũng thấy thanh tịnh. Còn nếu tâm chúng ta dấy đầy tham sân si, khi nhìn cảnh thì chúng ta khởi niệm tham sân si, do khởi niệm tham sân si cho nên cảnh đó trở thành cảnh Ta-bà khổ phiền não dấy đầy. Bởi phiền não nên sáu căn cũng nhiễm ô, do sáu căn nhiễm ô nên sáu thức cũng trở thành ô nhiễm. Để thấy rõ hễ căn thanh tịnh thì trần thức cũng thanh tịnh.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, căn thanh tịnh cố sắc trần thanh tịnh, sắc trần thanh tịnh cố thanh trần thanh tịnh, hương, vị, xúc, pháp diệc phục như thị. Thiện nam tử, lục trần thanh tịnh cố địa đại thanh tịnh, địa thanh tịnh cố thủy đại thanh tịnh, hỏa đại phong đại diệc phục như thị. Thiện nam tử, tứ đại thanh tịnh cố thập nhị xứ, thập bát giới, nhị thập ngũ hữu thanh tịnh.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, do căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh; hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy. Nay thiện nam, do lục trần thanh tịnh nên địa đại thanh tịnh, địa đại thanh tịnh thì thủy đại thanh tịnh, hỏa đại phong đại cũng vậy. Nay thiện nam, do tứ đại thanh tịnh nên mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi thanh tịnh.*

**GIẢNG:**

Khi tâm chúng ta thanh tịnh rồi thì căn trần thức thanh tịnh, nên tứ đại của thân này cũng trở thành thanh tịnh. Cho đến mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi đều thanh tịnh. Khi chúng ta tu, tâm thanh tịnh rồi thì ở chợ cũng được, ở rừng cũng được, ở đâu chúng ta cũng thấy thanh tịnh hết. Tâm thanh tịnh là chủ yếu để các pháp được thanh tịnh, nếu người tâm không thanh tịnh thì ở đâu cũng thấy bất an. Kinh Duy-ma-cật có câu: “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh.” Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật được thanh tịnh. Vậy chủ yếu của sự tu hành là phải lo tịnh tâm. Tôi hay ví dụ như có một cái hồ chứa nước trong, chúng ta làm những vòi nước, khi mở ra hứng toàn nước trong. Ắ gược lại nếu hồ chứa nước đục, mở vòi nào cũng ra nước đục. Ắ hư vậy cốt là bên trong chứa nước đục hay trong, còn những vòi mở ra thì ở trong có cái gì nó ra cái nấy. Cho nên tâm thanh tịnh thì sáu căn theo đó thanh tịnh là vậy. Tâm còn ô uế muốn sáu căn thanh tịnh sao được.

**ÂM:**

**- Bỉ thanh tịnh cố Thập lực, Tứ vô sở úy, Tứ vô ngại trí, Phật Thập bát bát cộng pháp, Tam thập thất trợ đạo phẩm thanh tịnh, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn nhất thiết thanh tịnh.**

**DỊCH:**

*- Vì các pháp (thế gian) kia thanh tịnh cho nên (các pháp xuất thế gian như) Thập lực, Tứ vô sở úy, Tứ vô ngại trí, Thập bát bát cộng pháp của Phật, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều thanh tịnh, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn đà-la-ni môn đều thanh tịnh.*

**GIẢNG:**

Trước Phật đã nói thế gian, bây giờ nói pháp xuất thế gian, nếu pháp thế gian thanh tịnh thì pháp xuất thế gian cũng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì pháp thế gian không thanh tịnh, pháp thế gian không thanh tịnh thì nói pháp của Phật cũng không thanh tịnh. Tôi nói để Phật tử và Tăng ắ i rõ, giả sử như lòng tôi ô nhiễm nếu tôi hiểu Phật pháp và tôi đem Phật pháp ra giảng dạy cho quý vị thì Phật pháp cũng trở thành ô nhiễm. Ví dụ như tôi tham tài, nói pháp một hồi tôi cũng đề cập tiền tài trong đó. Bởi vì lòng tôi có chứa tham lam thì nói một hồi nó cũng lộ ra. Ắ ều tâm chúng ta thanh tịnh dù nói pháp thế gian hay nói Phật pháp cũng đều thanh tịnh.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, nhất thiết thật tướng thanh tịnh cố nhất thân thanh tịnh, nhất thân thanh tịnh cố đa thân thanh tịnh, đa thân thanh tịnh cố như thị nãi chí thập phương chúng sanh Viên giác thanh tịnh. Thiện nam tử, nhất thế giới thanh tịnh cố đa thế giới thanh tịnh, đa thế giới thanh tịnh cố như thị nãi chí tận ư hư không viên khỏa tam thế, nhất thiết bình đẳng thanh tịnh bất động. Thiện nam tử,**

hư không như thị bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, tứ đại bất động cố, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tất cả thật tướng tánh thanh tịnh cho nên một thân thanh tịnh, do một thân thanh tịnh cho nên nhiều thân thanh tịnh, do nhiều thân thanh tịnh như thế cho đến mười phương chúng sanh Viên giác thanh tịnh. Nay thiện nam, vì một thế giới thanh tịnh cho nên nhiều thế giới thanh tịnh, vì nhiều thế giới thanh tịnh, như thế cho đến cùng tận hư không trùm khắp ba đời tất cả đều thanh tịnh bình đẳng bất động. Nay thiện nam, hư không bình đẳng bất động, như thế, nên biết Tánh giác bình đẳng bất động, vì bốn đại bình đẳng bất động, nên biết tánh Viên giác bình đẳng bất động, như thế cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn đà-la-ni đều bình đẳng bất động nên biết tánh Viên giác bình đẳng bất động.*

**GIẢNG:**

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy từ một người thanh tịnh lần đến nhiều người được thanh tịnh, từ nhiều người thanh tịnh cho nên mười phương thế giới chúng sanh đều thanh tịnh v.v... Thanh tịnh từ phạm vi nhỏ dần dần lan ra phạm vi lớn. Chủ yếu của đạo Phật là tu từ Tự tâm của cá nhân. Tự tâm cá nhân thanh tịnh rồi sẽ lan dần ra người ngoài. Ắt hẳn người hiểu lầm trước lo cho tất cả mọi người được tốt, đi giáo dục người này người kia dạy họ phải tốt, nhưng mình chưa thật tốt mà muốn cho mọi người chung quanh tốt không thể được. Muốn cho mọi người tốt, trước hết chúng ta phải tốt, rồi gia đình chúng ta tốt, tới làng xã chúng ta tốt, đến cả nước chúng ta cũng tốt thì thế giới mới tốt. Ắt hư vậy, chủ yếu muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp là trước hết phải xây dựng cá nhân. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy người tu phải phản quan tự kỷ, phải nhìn lại mình. Ắt ếu tâm mình chưa thanh tịnh mà cứ thấy người này sai người kia dở, lo xây dựng, chỉ chuốc thêm phiền não chớ không ích gì. Tâm mình chưa thanh tịnh nên nói họ không nghe. Muốn cho người tốt mà người cứ chứng nào tật nấy thì mình giận mình phiền não. Ắt gọi trừ khi chúng ta có bổn phận nhắc nhở người khác thì phải luôn kiểm lại tâm mình coi còn những điều dở nào? Và khi nhắc nên nói như thế này: Tôi có bổn phận phải nhắc nhở huynh đệ tiền tu chớ tôi còn những điều dở như vậy v.v...

Muốn xây dựng người thì trước phải nhìn lại mình, mới nghe qua như là ích kỷ nhưng đó là căn bản. Ắt ếu cứ lo bên ngoài mà không nhìn lại mình đó là điều tai hại rất lớn cho người tu.

Có người nói, một người thanh tịnh thì tất cả mọi người đều thanh tịnh, vậy chỉ cần một người tu mọi người khác khỏi tu. Phải vậy không? Khi tâm mình được vô phân biệt, tức thanh tịnh, thì mọi người mình thấy đều thanh tịnh. Cũng như Phật nói Phật thấy chúng sanh đều thành Phật, mà không thành là tại chúng ta quên ông Phật của chúng ta nên không thành. Đó là cái thấy của người đã được đạo. Ắt ếu chúng ta không khéo nhận thì khi nghe kinh nói một người thanh tịnh khắp pháp giới chúng sanh đều thanh tịnh thì chúng ta khỏi cần lo tu làm chi, chờ người khác tu thành Phật rồi mình thanh tịnh theo. Thật là lầm lẫn.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, giác tánh biến mãn thanh tịnh bất động, viên vô tế cố, đương tri lục căn biến mãn pháp giới, căn biến mãn cố đương tri lục trần biến mãn pháp giới, trần biến mãn cố đương tri tứ đại biến mãn pháp giới như thị nãi chí đà-la-ni môn biến mãn pháp giới.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, tánh Viên giác thanh tịnh bất động viên mãn khắp cả không ngần mé, nên biết sáu căn cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu căn đầy khắp pháp giới nên biết sáu trần cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu trần đầy khắp pháp giới nên biết bốn đại cũng đầy khắp pháp giới, như vậy cho đến pháp môn đà-la-ni cũng đầy khắp pháp giới.*

**GIẢNG:**

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ ràng, khi chúng ta nhận được tánh Viên giác thên thang trùm khắp pháp giới ở nơi mình thì căn trần cũng đều trùm khắp pháp giới. Tại sao? Sở dĩ chúng ta thấy thân chúng ta hạn cuộc bề cao một thước năm hay một thước sáu, trọng lượng khoảng bốn mươi lăm hay năm mươi ký là vì tâm chúng ta còn phân biệt vướng mắc ngoại trần. Khi chúng ta nhận được tánh Viên giác trùm cả pháp giới nơi mình và chúng ta sống được trọn vẹn với tánh Viên giác ấy thì thân tâm phải tương ứng với nhau. Vì tâm còn hạn cuộc nên thấy thân cũng hạn cuộc, tâm thên thang thì thấy thân cũng thên thang, gốc do tâm. Trước đức Phật đã nói tâm thanh tịnh thì tất cả đều thanh tịnh. Bây giờ Phật cũng nói tâm trùm khắp pháp giới thì thân cũng trùm khắp pháp giới.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, do bị Diệu giác tánh biến mãn cố căn tánh trần tánh vô hoại vô tạp. Căn trần vô hoại cố như thị nãi chí đà-la-ni môn vô hoại vô tạp như bá thiên đăng quang chiếu nhất tất, kỳ quang biến mãn vô hoại vô tạp.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, do tánh Diệu giác kia đầy khắp pháp giới nên Thể tánh của căn trần không hoại không tạp. Vì căn trần không hoại, như thế cho đến pháp môn đà-la-ni cũng không hoại không tạp. Như trăm ngàn ngọn đèn cùng chiếu sáng trong một căn nhà, tuy ánh sáng mỗi ngọn đèn đầy khắp nhà mà không tạp lộn hay hoại diệt lẫn nhau.*

**GIẢNG:**

Chỗ này là chỗ mà đa số người nghi, một người tu thành Phật, tánh Viên giác trùm khắp pháp giới, người khác tu thành Phật tánh Viên giác cũng trùm khắp pháp giới, vậy chỗ đâu mà chứa?

Phật dùng ví dụ, trong một cái nhà tối, chúng ta đốt một ngọn đèn, ánh sáng của ngọn đèn ấy sáng khắp nhà này; bây giờ đốt thêm một ngọn đèn nữa thì ánh sáng của ngọn đèn thứ hai không bị giới hạn. Rồi đốt thêm ngọn đèn thứ ba nữa thì căn nhà càng sáng thêm, đốt nhiều ngọn đèn chùng nào thì căn nhà càng sáng chùng nấy, chớ ánh sáng của những ngọn đèn thấp sau không có lẫn lộn hay lẫn diệt ngọn đèn thứ nhất. Không thể nói ánh sáng của ngọn đèn thứ nhất sáng khắp nhà rồi, ánh sáng ngọn đèn thứ hai thấp lên

hết chỗ chứa, mà trái lại càng nhiều ngọn đèn thì gian nhà càng sáng chớ không có ranh giới tạp nhập và lẫn diệt lẫn nhau.

Cũng thế, một chúng sanh thanh tịnh cả thế giới cũng thanh tịnh, nhưng chưa được thanh tịnh lắm, nếu tất cả chúng sanh đều thanh tịnh thì cả thế giới này hoàn toàn thanh tịnh. Mỗi ngọn đèn tuy có ánh sáng riêng, nhưng khi để chung thì không có ranh giới, mà ánh sáng của ngọn đèn nào là của ngọn đèn ấy. Lấy ngọn đèn này ra chỗ khác thì ánh sáng ấy cũng tới chỗ khác và khi một trăm ngọn đèn để chung trong một cái nhà thì ánh sáng như một nên nói là đồng.

Cũng vậy, tâm Chân như của tất cả chúng sanh đều đồng một thể, vì không có ranh giới nên nói chư Phật đạo đồng, chỗ chứng thì như nhau mà mỗi Phật đều riêng nên nói hằng hà sa số chư Phật.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, giác thành tựu cố, đương tri Bồ-tát bất dũ pháp phục, bất cầu pháp thoát, bất yếm sanh tử bất ái Niết-bàn, bất kính tri giới bất tăng hủy cấm, bất trọng cửu tập bất khinh sơ học. Hà dĩ cố? Nhất thiết giác cố. Thí như nhãn quang hiểu liễu tiền cảnh. Kỳ quang viên mãn đắc vô tăng ái. Hà dĩ cố? Quang thể vô nhị, vô tăng ái cố.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, vì Bồ-tát thành tựu tánh Viên giác nên không bị pháp ràng buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, chẳng chán sanh tử, chẳng ưa Niết-bàn, chẳng kính người trì giới, chẳng ghét người phá giới, chẳng trọng người tu lâu, chẳng khinh người mới học. Vì cố sao? Vì tất cả (đều là) tánh Viên giác. Ví như mắt sáng thấy rõ cảnh ở trước. Tánh sáng đó đầy khắp tất cả không yêu không ghét. Vì cố sao? Vì thể sáng không hai nên không yêu không ghét vậy.*

**GIẢNG:**

Phật dạy chỗ này để cho chúng ta thấy thêm một tầng nữa, khi thành tựu tánh Viên giác thì không còn bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không chán sanh tử cũng không ưa ái Niết-bàn v.v... ả ghĩa là không còn kẹt hai bên, tâm luôn luôn bất động nên gọi là hằng thanh tịnh. Ví dụ như con mắt của chúng ta nhìn thấy cảnh hoa trên bàn, vì con mắt sáng cho nên thấy hình dáng của bình hoa rõ ràng, vàng ra vàng, đỏ ra đỏ... ả hưng tánh thấy của con mắt không có khen chê yêu ghét. Sở dĩ có khen chê yêu ghét là do sau khi nhìn rồi dấy niệm phân biệt đẹp xấu, đó là cái gốc trói buộc của trần cảnh. ả ếu chúng ta nhìn mà không có niệm phân biệt thì không yêu ghét, là sống được với tánh Viên giác thanh tịnh bình đẳng. Đó là chủ yếu của sự tu hành. Chúng ta chưa biết tu thì nhìn người nhìn vật với cái nhìn hai bên, hoặc là người đó tốt hoặc là người đó xấu; tốt thì quý trọng xấu thì khinh khi, do đó niệm phiền não dấy khởi. Ở thế gian người nào phân biệt giỏi, khen chê nhiều thì cho người đó là khôn ngoan lanh lẹ. ả hưng trong đạo người đó là người sống với vọng thức nhiều, sống với vọng thức nhiều thì trầm luân sâu. ả hư vậy muốn biết mình còn trầm luân hay giải thoát là tự biết chớ không cần hỏi ai.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mạt thể chúng sanh tu tập thử tâm đắc thành tựu giả, u thử vô tu, diệt vô thành tựu Viên giác phổ chiếu tịch diệt vô nhị. Ư trung**

bá thiên vạn ức a-tăng-kỳ bất khả thuyết hằng hà sa chư Phật thế giới, do như không hoa loạn khởi diệt, bất tức bất ly, vô phược vô thoát, thủy tri chúng sanh bản lai thành Phật, sanh tử Niết-bàn do như tạc mộng. Thiện nam tử, như tạc mộng cố đương tri sanh tử cập dữ Niết-bàn vô khởi vô diệt, vô lai vô khứ. Kỳ sở chứng giả vô đắc vô thất, vô thủ vô xả. Kỳ năng chứng giả vô tác vô chỉ, vô nhậm vô diệt. Ư thử chứng trung vô năng vô sở, tất cánh vô chứng, diệc vô chứng giả nhất thiết pháp tánh bình đẳng bất hoại.

#### **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tu tập tâm (Viên giác) này được thành tựu, thật ra cũng không tu không thành tựu, vì tánh Viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai. Trong đó trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng không thể đếm, giống như hoa đốm trong hư không loạn khởi loạn diệt, chẳng tức chẳng ly, không trói buộc không giải thoát. Mới biết chúng sanh xưa nay đã thành Phật, sanh tử Niết-bàn in như giấc mộng đem qua. Nay thiện nam, vì như giấc mộng đem qua nên biết sanh tử và Niết-bàn không sanh không diệt, không đến không đi. Chỗ chứng không được không mất, không thủ không xả. Người năng chứng không tác không chỉ, không nhậm không diệt. Trong cái chứng ấy không năng không sở, rốt ráo không pháp chứng cũng không có người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại.*

#### **GIẢNG:**

Phật dạy các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tuy thấy có tu tập và được tánh Viên giác thanh tịnh. ả hưng kỳ thật thì không tu cũng không thành tựu. Vì sao? Vì còn có thành tựu là còn có “tôi tu” và “cái tôi được”, tức là còn năng còn sở, nếu năng sở còn thì chưa đến chỗ giải thoát hoàn toàn. Vì tánh Viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai, không hai thì đâu có năng sở, đâu có tôi tu và đâu có quả để tôi chứng. Vì vậy trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới của chư Phật, chúng ta xem như hoa đốm trong hư không, loạn khởi loạn diệt không có thật. Thế giới của chư Phật còn không thật, huống nữa là thế giới của phàm phu làm sao mà có thật? Do thấy được như vậy nên không mắc kẹt ở *tức* và *ly*, không bị các pháp trói buộc, không mắc kẹt trong pháp giải thoát. Chừng đó mới biết chúng sanh từ thuở nào đến giờ đã thành Phật và sanh tử cùng ả iết-bàn giống như giấc mộng đem qua. Vì sao? Vì sanh tử và ả iết-bàn là hai tướng đối đãi giả lập, biết sanh tử là hư dối thì ả iết-bàn cũng hư dối luôn, nên không sợ sanh tử, cũng không cầu ả iết-bàn. Sở dĩ thấy hai cái này không quan trọng vì đã nhận ra Tánh giác của mình, nếu chưa nhận ra thì sanh tử sự đại. Chúng ta phải biết rõ để đừng lầm ý kinh.

Phật lại nói tiếp sanh tử cùng ả iết-bàn không khởi không diệt, không đến không đi. Sở chứng (quả vị) cũng không được không mất, không thủ không xả. ả gười năng chứng cũng không tạo tác và đình chỉ, không mặc tình và cũng không tiêu diệt. Trong cái chứng này không năng không sở, rốt ráo không có pháp chứng và người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại. Đó mới là chỗ cứu kính của người chứng Viên giác.

#### **ÂM:**

**- Thiện nam tử, bĩ chư Bồ-tát như thị tu hành, như thị tiệm thứ, như thị tu duy, như thị trụ trì, như thị phương tiện, như thị khai ngộ, cầu như thị pháp diệc bất mê muội.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, các vị Bồ-tát kia phải tu hành như thế, thứ lớp như thế, suy nghĩ như thế, trụ trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế, mới không có mê muội.*

**GIẢNG:**

Đây là lời kết thúc của đức Phật, nếu Bồ-tát mới phát tâm, chúng sanh đời sau tu hành như lời Phật dạy trên thì sẽ tới chỗ cứu kính và không còn mê muội.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

**- Phổ Nhân nữ đương tri  
Nhất thiết chư chúng sanh  
Thân tâm giai như huyễn  
Thân tướng thuộc tứ đại  
Tâm tánh qui lục trần  
Tứ đại thể các ly  
Thùy vi hòa hợp giả  
Như thị tiệm tu hành  
Nhất thiết tất thanh tịnh  
Bất động biến pháp giới  
Vô tác chỉ nhậm diệt  
Diệc vô năng chứng giả  
Nhất thiết Phật thế giới  
Du như hư không hoa  
Tam thế tất bình đẳng  
Tất cánh vô lai khứ  
Sơ phát tâm Bồ-tát  
Cấp mạng thể chúng sanh  
Dục cầu nhập Phật đạo  
Ứng như thị tu tập.**

**DỊCH:**

*Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:*

*- Phổ Nhân ông nên biết  
Tất cả các chúng sanh  
Thân tâm đều như huyễn  
Thân tướng thuộc tứ đại  
Tâm tánh thuộc sáu trần  
Tứ đại mỗi thứ rời,  
Cái gì là hòa hợp?  
Thứ lớp tu như thế,  
Thấy đều được thanh tịnh.  
Khắp pháp giới không động,  
Không tác, chỉ, nhậm, diệt,  
Cũng không người hay chứng,*

*Tất cả thế giới Phật,  
Vị như hoa trong không,  
Ba đời đều bình đẳng,  
Cứu kính không đến đi.  
Bồ-tát mới phát tâm  
Và chúng sanh đời sau  
Muốn cầu vào Phật đạo  
Nên tu tập như thế.*

## **GIẢNG:**

Đức Phật dạy chúng ta phải thấy thân này như huyễn, vì thân này do tứ đại hòa hợp, nên rời tứ đại tìm thân không có. Tâm này chẳng qua là cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật. Thấy được như vậy thì từ từ tất cả đều thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh mới thấy khắp cả pháp giới đều không động, lúc đó chúng ta mới khỏi các bệnh: bệnh tác là tạo tác, bệnh chỉ là kèm, bệnh nhậm là mặc kệ, bệnh diệt tức là cố lắng vọng tưởng xuống và cũng không thấy có người năng chứng. Khi rõ thân như huyễn rồi thì thấy thế giới của chư Phật cũng như hoa đóm trong hư không, thấy ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều bình đẳng. Chủ yếu của Phật dạy trong chương này là khi thấy rõ thân tâm không thật thì tâm mới bất động. Đối với không gian là mười phương thế giới và thời gian là ba đời đều không thật thì tâm hằng thanh tịnh. Ắt tu được như vậy tức là đi đúng đường của Phật dạy.

Chương trước đức Phật dạy tổng quát, thấy thân thật tâm thật đó là vô minh, bây giờ thấy rõ thân tâm không thật là tập sống với tánh Viên giác, khi sống được hoàn toàn thì gọi là thành tựu tánh Viên giác. Chương này Bồ-tát Phổ ả hãn xin đức Phật dạy nên dùng phương tiện gì để tiến tu. Phật dạy ngồi yên một chỗ hoặc ngồi trong thất hoặc ở trong rừng lâm, quán lại thân này. Cái nào cứng thuộc về đất, cái nào ướt thuộc về nước, cái nào động thuộc về gió, cái nào nóng thuộc về lửa, phân loại rồi quán tưởng từng nhóm, quán như vậy hỏi cái gì là thân. Đền tâm cũng vậy, do ý căn duyên theo bóng dáng sáu trần, hoặc là nghe tiếng hoặc là thấy sắc... Bóng của tiếng của sắc lưu lại, ý căn duyên theo cái bóng lưu lại đó mà suy nghĩ gọi là tâm. Vậy tâm duyên cảnh là cái hư giả không thật, thấy thân tâm đều giả dối là chúng ta phá được vô minh. Hết vô minh mới sống trọn vẹn với tánh Viên giác thanh tịnh, do đó căn trần thức đều thanh tịnh, mười phương thế giới đều thanh tịnh... Tu thứ lớp là như vậy, đừng thấy cảnh huyễn, mà trước hết phải thấy thân tâm này huyễn vì hết làm thân tâm thì hết làm cảnh giới. Đức Phật ví dụ rất chính xác, nếu trong bốn phương mà chúng ta làm một phương thì ba phương kia đều làm theo. Cũng vậy, ngay thân tâm này mà làm thì tất cả đều làm, cho nên muốn phá cái làm chung đó trước phải phá cái làm thân tâm.

Hầu hết chúng ta bây giờ không chịu quán thân tâm mà chỉ lo quán người khác. Cả ngày chỉ thấy anh này sai chị kia dở, do đó mà quên cái sai của mình, mới nhìn thấy như Bồ-tát con nhưng mắt mình lúc nào không biết. Cho nên Phật Tổ đều dạy khi tu chưa xong thì phải quán mình cho thật kỹ mới khỏi làm, khỏi làm thì phá được vô minh, lần lần tâm được thanh tịnh. Đó là gốc của sự tu hành.

## CHƯƠNG IV

### BỒ-TÁT KIM CANG TẠNG THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Kim Cang Tạng Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường quì xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, thiện vị nhất thiết chư Bồ-tát chúng tuyên dương Như Lai Viên giác thanh tịnh Đại đà-la-ni nhân địa pháp hạnh tiệm thứ phương tiện, dữ chư chúng sanh khai phát mông muội. Tại hội pháp chúng thừa Phật từ hối, huyền ế lãng nhiên, tuệ mục thanh tịnh. Thế Tôn, nhược chư chúng sanh bản lai thành Phật hà cố phục hữu nhất thiết vô minh. Nhược chư vô minh chúng sanh bản hữu, hà nhân duyên cố Như Lai phục thuyết bản lai thành Phật. Thập phương dị sanh bản thành Phật đạo, hậu khởi vô minh? Nhất thiết Như Lai, hà thời phục sanh nhất thiết phiền não? Duy nguyện bất xả vô giá đại từ vị chư Bồ-tát khai bí mật tạng, cập vị mật thể nhất thiết chúng sanh đắc văn như thị tu-đa-la giáo liễu nghĩa pháp môn, vĩnh đoạn nghi hối.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thi.

**DỊCH:**

*Khi ấy Bồ-tát Kim Cang Tạng ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều bên phải ba vòng, quì thẳng chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, khéo vì tất cả Bồ-tát nói rõ tánh Viên giác thanh tịnh Đại đà-la-ni Như Lai, rồi dạy nhân địa và phương tiện thứ lớp tu hành, vì chúng sanh khai phát chỗ tối tăm. Chúng trong hội này nhờ sự chỉ dạy của Phật nên những cái huyền hóa che đậy được sáng, mắt tuệ được thanh tịnh.*

*Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh vốn đã thành Phật vì sao lại có tất cả vô minh? Nếu chúng sanh sẵn có vô minh, do nhân duyên gì Như Lai lại nói xưa nay đã thành Phật? Mười phương chúng sanh đã thành Phật đạo sao lại khởi vô minh? Vậy tất cả Như Lai chừng nào khởi sanh phiền não lại? Cúi mong đức Thế Tôn không bỏ lòng đại từ vì các vị Bồ-tát mở bày cái kho bí mật này và vì tất cả chúng sanh đời sau được nghe kinh pháp liễu nghĩa như thế mà hằng đoạn được nghi ngờ.*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế ba lần, rồi trở lui.*

**GIẢNG:**

Kim cương là một loại đá quý, có đặc tính cứng và sắc hay phá hoại các vật, mà các vật không phá hoại được nó. Đoạn này Bồ-tát Kim Cang Tạng đứng ra thưa hỏi chỗ sâu kín khó khăn, là biểu trưng cho trí tuệ sáng suốt mới phá trừ nổi những mê lầm vi tế.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nghi còn vô minh mới gọi là chúng sanh, hết vô minh thì gọi là Phật, thế mà ả hư Lai lại nói từ xưa đến nay chúng sanh vốn đã thành Phật.

- ă ều chúng sanh vốn đã thành Phật thì không còn vô minh. ă ều không còn vô minh thì không gọi là chúng sanh. Tại sao Phật còn gọi chúng sanh?

- ă ều chúng sanh sẵn có vô minh, thì không thể nói xưa nay đã thành Phật. Tại sao Phật nói xưa nay đã thành Phật?

- Mười phương chúng sanh đã thành Phật, sao lại khởi vô minh? Chư Phật hiện nay chừng nào khởi vô minh trở lại? ă ều cố gắng tu thành Phật rồi, lâu lâu khởi vô minh trở lại, như vậy cứ tu tới tu lui hoài, biết bao giờ mới hết tu?

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ-tát ngôn:**

- **Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nữ đấng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh vấn ư Như Lai thậm thâm bí mật cứu kính phương tiện, thị chư Bồ-tát tối thượng giáo hội liễu nghĩa Đại thừa, năng sử thập phương tu học Bồ-tát cập chư mặt thể nhất thiết chúng sanh đắc quyết định tín vĩnh đoạn nghi hối. Nữ kim đế thính, đương vị nữ thuyết.**

**Thời Kim Cang Tạng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.**

**DỊCH:**

*Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Tạng rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông hay vì các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai về phương tiện rất ráo thậm thâm bí mật để dạy bảo các hàng Bồ-tát nghĩa lý Đại thừa liễu nghĩa tối thượng, hay khiến cho mười phương Bồ-tát tu học và tất cả chúng sanh đời sau được lòng tin chắc chắn, hằng đoạn dứt các nghi ngờ. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.*

*Khi ấy Bồ-tát Kim Cang Tạng hoan hỷ vâng lời dạy cùng Đại chúng lặng lẽ lắng nghe.*

**GIẢNG:**

Lời hỏi trên tại sao Phật khen là *thậm thâm bí mật cứu kính phương tiện*. Bởi vì không ai trong chúng ta khi bàn tới chỗ này mà khởi nghi ngờ không biết vô minh có từ bao giờ, khi dẹp hết rồi nó có trở lại không... Vì vậy khi biết rõ vô minh là thế nào, bản giác là thế nào, biết rành rẽ thì sự tu hành chúng ta mới tin chắc được, gọi là được lòng tin quyết định.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nhất thiết thế giới thủy chung sanh diệt tiền hậu hữu vô, tụ tán khởi chỉ, niệm niệm tương tục tuần hoàn vãng phục chủng chủng thủ xả, giai thị luân hồi, vị xuất luân hồi nhi biện Viên giác, bị Viên giác tánh tức đồng lưu chuyển. Nhược miễn luân hồi vô hữu thị xứ.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tất cả thế giới trước sau sanh diệt, trước sau có không, tụ tán khởi dừng, niệm niệm tiếp nối tuần hoàn qua lại, mọi thứ thủ xả đều là luân hồi.*

***Chưa ra khỏi luân hồi mà muốn biện tánh Viên giác, thì tánh Viên giác đồng với lưu chuyển, nếu ra khỏi luân hồi thì không có lẽ đó.***

**GIẢNG:**

Đức Phật chỉ cái lầm lẫn đầu tiên của chúng ta. Tất cả thế giới hiện hữu ở cõi đời này trước sau sanh diệt, trước sau có không, tụ tán dùng chỉ, niệm niệm tiếp nối... từng phút từng giây chuyển biến xoay vần qua lại, gọi là luân hồi. Luân hồi là vòng sanh diệt tiếp nối liên miên. Chúng ta chưa ra khỏi vòng sanh diệt tiếp nối ấy, mà muốn biết rõ tánh Viên giác thì tánh Viên giác cũng đồng với lưu chuyển và muốn khỏi luân hồi mà chưa hết mê thì không bao giờ khỏi. Muốn biết tánh Viên giác đó đừng đem tâm luân hồi mà suy nghĩ về Viên giác. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói “giả sử có trăm ngàn muôn triệu ức người trí tuệ như Xá-lợi-phất gom lại để suy nghĩ về trí tuệ Phật, cũng không được một phần trăm một phần ngàn nữa”. Ờ ghĩa là nếu đem trí tuệ mà suy nghĩ - suy nghĩ là cái sanh diệt luân hồi - để biện tánh Viên giác của Phật - là cái không động, không luân hồi sanh diệt - làm sao mà được. Đó là cái lỗi lầm lớn của chúng sanh, đang ở trong vòng lưu chuyển mà muốn biết cái ngoài vòng lưu chuyển thì làm sao biết được? Cũng thế, nếu còn ở trong mê mà muốn nói chuyện giác ngộ thì không bao giờ nói được, cũng như người đang ở trong mộng mà muốn nói chuyện thức thì không nói được. Muốn nói chuyện thức là phải thức mới nói được.

**ÂM:**

**- Thí như động mục năng điều trạm thủy hựu như định nhãn do hồi chuyển hỏa, vân sử nguyệt vận, chu hành ngạn di diệc phục như thị.**

**DỊCH:**

**- Ví như con mắt chớp thấy mặt nước dao động, lại như mắt nhìn sông thấy vòng lửa quay, mây bay trăng chạy, thuyền đi bờ dời cũng y như thế.**

**GIẢNG:**

Phật dùng sự việc thông thường hằng ngày như mặt nước hồ đang phẳng lặng, nếu mắt chúng ta chớp chớp thì thấy mặt nước gợn sóng. Do mắt chớp mà thấy mặt nước phẳng lặng thành ra dao động. Dụ này để nói rõ còn trong luân hồi muốn bàn về Viên giác thì Viên giác thành luân hồi như con mắt đang chớp muốn thấy cái tịnh thì thấy không được. Hoặc như mấy đứa bé đốt nhang chơi, cầm cây nhang quay tròn tròn, lúc nó quay nhanh, mắt chúng ta nhìn chăm chăm vào đầu cây nhang cháy, không thấy đầu cây nhang mà chỉ thấy vòng lửa tròn. Vậy có vòng lửa tròn thật không? Không. Do cây nhang quay quá nhanh, mắt nhìn theo không kịp nên chúng ta thấy như có một vòng lửa tròn. Hay buổi tối có trăng, chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có những áng mây bay, mặt trăng chạy ngược. Hoặc chúng ta ngồi trên chiếc thuyền đang chạy trên sông, chúng ta không thấy thuyền đi mà cứ thấy hai bờ sông chạy ngược lại.

Đó là bốn ví dụ để chỉ rõ, dùng tâm cấu nhiễm mê vọng của chúng sanh mà nghĩ ngợi quan sát đến cảnh giới của Phật thì cảnh giới của Phật trở thành cấu nhiễm vọng động. Giống như người đeo kiếng màu, nếu kiếng màu đen thì thấy tất cả sự vật bên ngoài màu đen, nếu kiếng màu xanh thì thấy tất cả sự vật bên ngoài màu xanh... Muốn hết thấy cảnh vật đen hay xanh thì phải gỡ kiếng ra, chừng đó mới thấy sự vật đúng như thật. Còn mang kiếng màu mà muốn thấy màu sắc bên ngoài đúng như thật của nó thì không thể được, vì màu sắc thật bên ngoài đã bị kiếng màu làm khác đi rồi.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, chư toàn vị tức, bị vật tiên trụ, thượng bất khả đắc, hà huống luân chuyển, sanh tử cấu tâm, tăng vị thanh tịnh, quán Phật Viên giác, nhi bất toàn phục. Thị cố như đặng, tiện sanh tam hoặc.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, cái xoay vẫn chưa dứt, muốn nó dừng trụ còn không thể được, hà huống dùng tâm cấu nhiễm sanh tử luân hồi chưa từng thanh tịnh mà quan sát tánh Viên giác của Phật thì sao khởi lẩn quẩn? Thế nên các ông mới sanh ra ba điều nghi ngờ đó.*

**GIẢNG:**

Đây là phần chỉ rõ cho ngài Kim Cang Tạng thấy lý do sanh nghi. Ồ ời rằng vòng lửa chưa dừng thì cây nhang chưa dừng, vòng lửa còn mà muốn cây nhang dừng trước có được không? Còn vòng tròn là cây nhang còn quay, bao giờ hết vòng tròn cây nhang mới dừng. Cho nên nói rằng còn vòng tròn mà muốn cây nhang dừng trước còn không thể được, huống là mang cái tâm cấu nhiễm sanh tử lưu chuyển chưa từng trong sạch để xem Phật Viên giác của mình, làm sao không thấy xoay vẫn? Ồ iệm tâm cấu nhiễm là những niệm tâm vọng tưởng sanh diệt. Khi vòng lửa quẩn chưa dứt các sự vật ở trong vòng lửa quẩn, chúng ta bảo nó dừng lại còn không được, huống gì tâm ô nhiễm sanh tử luân hồi của chúng ta chưa từng thanh tịnh, mà muốn xem biết tánh Viên giác thanh tịnh của Phật thì (tánh Viên giác) làm sao chẳng xoay vẫn? Thế nên các vị Bồ-tát nghi ngờ ba điều vừa nêu trên.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, thí như huyễn ế, vọng kiến không hoa, huyễn ế nhược trừ, bất khả thuyết ngôn, thử ế dĩ diệt, hà thời cánh khởi nhất thiết chư ế? Hà dĩ cố? Ế hoa nhị pháp tương đãi cố.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, thí như bệnh mắt, huyễn thấy hoa đốm trong hư không, bệnh mắt nếu hết thì không thể nói bệnh mắt đã diệt, bao giờ sanh tất cả bệnh mắt lại? Vì có sao? Vì bệnh mắt và hoa đốm hai pháp không đối đãi.*

**GIẢNG:**

Đây trả lời câu hỏi khi hết vô minh rồi chừng nào khởi trở lại. Ví dụ mắt chúng ta bệnh, nhìn lên bầu trời vào buổi trưa nắng thấy có hoa đốm lằng xằng. Khi chúng ta dùng thuốc nhỏ cho mắt lành rồi, có người hỏi bệnh nhặm mắt của anh chừng nào trở lại? Chúng ta không trả lời được. Hết nhặm rồi thì thôi, chớ biết chừng nào trở lại? Đó là đức Phật trả lời câu hỏi “Phật thành Phật chừng nào lại khởi vô minh”. Thành Phật là hết mê lầm, và không bao giờ khởi mê lầm nữa. Bệnh mắt và hoa đốm là hai cái không thật thì làm sao nói chừng nào có chừng nào không. Cũng vậy, vô minh không thật thì đâu thể nói chừng nào sanh chừng nào diệt.

**ÂM:**

- **Diệt như không hoa, diệt ư không thời, bất khả thuyết ngôn hư không hà thời cánh khởi không hoa. Hà dĩ cố? Không bản vô hoa, phi khởi diệt cố.**

**DỊCH:**

*- Cũng như hoa đốm khi diệt trong hư không, không thể nói khi nào sanh lại hoa đốm nữa. Vì có sao? Vì hư không vốn không có hoa đốm nên chẳng khởi diệt.*

**GIẢNG:**

Hư không đâu có sanh ra hoa đốm, vì mắt bị bệnh nên thấy có hoa đốm khởi diệt. Ắt mắt hết bệnh thì hoa đốm theo đó mà hết. Cũng thế, nếu vô minh hết thì hiện tượng sanh diệt cũng hết, không thể nói chừng nào hoa đốm khởi.

**ÂM:**

**- Sanh tử Niết-bàn đồng ư khởi diệt, Diệu giác viên chiếu ly ư hoa ế. Thiện nam tử, đương tri hư không phi thị tạm hữu diệt phi tạm vô, huống phục Như Lai Viên giác tùy thuận nhi vi hư không bình đẳng bản tánh.**

**DỊCH:**

*- Sanh tử Niết-bàn đồng với khởi diệt, tánh Viên giác mâu nhiệm chiếu soi này lia cả hoa đốm và mắt bệnh. Đây thiện nam, nên biết hư không chẳng phải tạm có cũng chẳng phải tạm không, huống chi tánh Viên giác Như Lai vốn bình đẳng tùy thuận như hư không.*

**GIẢNG:**

Phật chỉ cho chúng ta biết ắ iết-bàn và sanh tử là hai cái đối đãi, bởi đối đãi nên đồng có sanh có diệt. Còn Diệu giác viên chiếu không phải pháp đối đãi, nó ra ngoài cái đối đãi, hiểu rõ thì thấy lý bất nhị rõ ràng. Cho nên Phật nói hư không còn không thể tạm có tạm không huống là tánh Viên giác. Hư không không tạm có cũng không phải tạm không, tạm có tạm không là hoa đốm. Khi nào mắt bệnh thì thấy có hoa đốm, khi mắt không bệnh thì thấy không hoa đốm, thấy có hoa đốm thấy không hoa đốm là do mắt bệnh, chớ hư không lúc nào cũng bình đẳng bất động. Tánh Viên giác ắ hư Lai ví như hư không bình đẳng, không tạm có cũng không tạm không; khi vô minh hết thì tánh Viên giác hiển bày chớ không phải sanh, khi vô minh che phủ thì tánh Viên giác ẩn chớ không phải tánh Viên giác diệt, khởi diệt là do vô minh chớ không phải do tánh Viên giác.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, như tiêu kim khoáng, kim phi tiêu hữu, ký dĩ thành kim, bất trùng vi khoáng. Kinh vô cùng thời, kim tánh bất hoại, bất ưng thuyết ngôn bản phi thành tựu. Như Lai Viên giác diệt phục như thị.**

**DỊCH:**

*- Đây thiện nam, như lọc quặng vàng, chất vàng không phải do lọc mà có. Khi đã thành vàng ròng rồi thì chẳng trở lại thành khoáng. Trải qua thời gian không cùng, tánh vàng không hề biến hoại, chẳng nên nói vốn chẳng thành tựu. Tánh Viên giác Như Lai cũng y như thế.*

**GIẢNG:**

Đây là lần thứ hai Phật trả lời câu hỏi “Phật thành Phật rồi bao giờ trở lại vô minh”. Qua thí dụ này chúng ta thấy tuy vàng sẵn có trong quặng, không phải do lọc mà thành nhưng cái lọc đó không phải không thành tựu. Vàng sẵn có nhưng có trong cái lẫn

lộn, do lọc mới thành vàng ròng. Khi thành vàng ròng rồi không trở lại thành khoáng được. Ắc hư vậy lọc là công phu để thành vàng ròng, cho nên thành tựu. Phật giác ngộ tánh Viên giác tròn đầy, ắ gài thấy tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh Viên giác nên nói tất cả chúng sanh đã thành Phật, là căn cứ trên tánh Viên giác mà nói, nhưng do vô minh che nên tánh Viên giác bị khuất đi. Bây giờ tu là để gạn lọc vô minh, vô minh hết thì tánh Viên giác hiển bày là thành Phật, chớ không thể nói bao giờ lại khởi phiền não. Vì sao? Vì thành Phật là vĩnh viễn sống với tánh Viên giác thì đâu có mê lầm mà khởi phiền não. Khi đã thành vàng ròng thì trải qua thời gian vô cùng vàng ròng vẫn là vàng ròng. Tánh Viên giác cũng vậy, khi hết vô minh rồi thì tánh Viên giác không bao giờ trở lại vô minh.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nhất thiết Như Lai, Diệu viên giác tâm, bản vô Bồ-đề cập dữ Niết-bàn, diệt vô thành Phật cập bất thành Phật, vô vọng luân hồi cập phi luân hồi.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, tâm Diệu viên giác của tất cả Như Lai vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, cũng không có thành Phật và chẳng thành Phật, không có vọng luân hồi và phi luân hồi.*

**GIẢNG:**

Đức Phật xác nhận lại một lần nữa trong tánh Diệu viên giác của ắ hư Lai không có Bồ-đề, không có ắ iết-bàn... ắ ếu trong đó dứt tất cả thì chúng ta cầu làm chi? Sở dĩ chúng ta ngày đêm cầu vì còn thấy đây là sanh tử kia là ắ iết-bàn, đây là phiền não kia là Bồ-đề. Cho nên bỏ phiền não cầu Bồ-đề, bỏ sanh tử cầu ắ iết-bàn là còn thấy hai, còn thấy hai là còn thấy trên dụng công tu tập. Trong lúc vàng còn lẫn các chất chì thiếc thì phải lọc, cũng như còn thấy phiền não thì phải tu. Tánh Viên giác màu nhiệm của chư Phật vốn không có hai bên, không giả tướng danh tự chỉ thuần một Tánh giác hiển lộ. Ví dụ vàng ròng được lọc ra chúng ta gọi nó là vàng ròng, chớ lẽ thật nó không có tên. Tại chúng ta thấy màu nó vàng nên đặt tên là vàng. Cái thể thật nó không có tên, mà do vọng tưởng chúng ta đặt tên cho nó. Tánh Viên giác cũng vậy, không có tên Bồ-đề, ắ iết-bàn, nhưng vì đối với sanh tử thì gọi là ắ iết-bàn, đối với mê thì gọi là giác ngộ... Gọi như vậy là do tâm phân biệt đối đãi của chúng ta đặt tên để gọi, chớ bản chất nó không có tên, nên Lục Tổ cũng đã nói “nó không đầu không đuôi không tên không họ”.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, dẫn chư Thanh văn sở viên cảnh giới, thân tâm ngữ ngôn giai tất đoạn diệt, chung bất năng chí bỉ chi thân chúng, sở hiện Niết-bàn. Hà huống năng dĩ hữu tư duy tâm trắc độ Như Lai Viên giác cảnh giới.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, chỉ cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn, thân tâm ngữ ngôn đoạn diệt trọn không thể đến được chỗ thân chúng kia, huống là dùng tâm suy tư tạp nhạp mà đo lường cảnh giới Viên giác Như Lai.*

**GIẢNG:**

Đức Phật đưa ra một ví dụ để so sánh, cảnh giới ắ iết-bàn của Thanh văn là cảnh giới tâm thanh tịnh, thân không lay động như tro nguội, nên nói thân tâm đoạn diệt. Cảnh

giới ả iết-bàn này hàng chúng sanh không thể dùng ngôn ngữ tâm phân biệt mà suy tư luận bàn, huống chi cảnh giới ả iết-bàn của Phật làm sao dùng tâm suy nghĩ mà so lường được? Đó là Phật chỉ rõ, còn vọng tưởng thì không bao giờ thấy.

**ÂM:**

- Như thủ huỳnh hỏa thiêu Tu-di sơn chung bất năng trước, dĩ luân hồi tâm, sanh luân hồi kiến nhập ư Như Lai đại tịch diệt hải, chung bất năng chí, thị cố ngã thuyết nhất thiết Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh tiên đoạn vô thủy luân hồi căn bản.

**DỊCH:**

- Như lấy lửa của đom đóm mà đốt núi Tu-di, trọn không thể được. Dùng tâm luân hồi sanh kiến giải luân hồi mà muốn vào biển đại tịch diệt Như Lai, trọn không thể đến được. Thế nên ta nói tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau trước phải đoạn cội gốc luân hồi vô thủy.

**GIẢNG:**

Đức Phật nói, nếu dùng tâm luân hồi và kiến giải luân hồi mà luận bàn về tánh Viên giác ả hư Lai thì chẳng khác nào dùng chút lửa đom đóm để đốt núi Tu-di, núi không bao giờ cháy. Cũng vậy, chúng ta dùng tâm sanh diệt suy nghĩ mà muốn vào biển đại tịch diệt của ả hư Lai thì không bao giờ được. Muốn vào biển đại tịch diệt của ả hư Lai thì phải lặng hết tâm suy nghĩ. Có nhiều người lầm cho rằng muốn hiểu Chân như Bồ-đề thì phải ngồi nghiền ngẫm suy nghĩ ngày nào đó sẽ hiểu. Không thể được! Vì dùng tâm phân biệt để mong thấy cái không phân biệt thì làm sao thấy được? Lại có nhiều người còn lầm hơn nữa, cho rằng học Phật pháp không khó, cứ ráng ngồi nghiền ngẫm mãi sẽ được ả iết-bàn. Lẽ thật thì không như thế, muốn được ả iết-bàn phải tu cho tâm được an định rồi tánh Viên giác mới hiện bày. Chừng đó không muốn được ả iết-bàn mà nó tự đầy đủ. Trọng tâm tu là ở chỗ đó, dùng tâm sanh diệt luân hồi lại, mới thấy cái không sanh diệt không luân hồi, đó là chỗ thiết yếu. Vì vậy mà Phật nói các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, trước phải đoạn cội gốc luân hồi từ vô thủy là vô minh thấy thân tâm thật. Dứt sạch vô minh thì mới nhận được tánh Viên giác chân thật.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, hữu tác tư duy, tòng hữu tâm khởi, giai thị lục trần, vọng tưởng duyên khí, phi thật Tâm thể dĩ như không hoa, dụng thử tư duy biện ư Phật cảnh, do như không hoa, phục kết không quả triển chuyển vọng tưởng, vô hữu thị xứ.

**DỊCH:**

- Đây thiện nam, khởi suy nghĩ là từ tâm vọng mà khởi, (tất cả suy nghĩ) đều do sáu trần vọng tưởng duyên khí. Giống như hoa đóm trong hư không chẳng phải là Tâm thể chân thật. Dùng suy nghĩ mà biện cảnh giới Phật giống như mong hoa đóm trong hư không kết thành quả, chỉ càng thêm vọng tưởng, hoàn toàn không thể được.

**GIẢNG:**

Đức Phật lại cảnh cáo chúng ta, ả gài nói người khởi suy nghĩ cho cái suy nghĩ là tâm, tâm đó chỉ là vọng tưởng do duyên theo sáu trần mà có, không có thật thể nên ví nó như hoa đóm giữa hư không. Dùng tâm không thật mà suy nghĩ về cảnh giới Phật thì

không thể được, chẳng khác nào thấy hoa đóm lẳng xăng trong hư không mà mong nó có quả, chắc chắn không bao giờ được. Vì hoa đóm vốn không thật làm sao có quả? Cũng vậy, tâm vọng tưởng nguyên không thật thì làm gì thấy được Tánh giác là cái chân thật. Cho nên chạy theo vọng tưởng mà muốn thấy được cái chân thật trọn không có lẽ phải vậy.

Trong đạo có hai hạng người học Phật, một là học giả, hai là hành giả. Học giả là người dùng tâm suy nghĩ để nghiên cứu nghiên ngẫm giáo lý của Phật, còn hành giả là học phương pháp của Phật dạy để ứng dụng tu thể nhập được lý đạo. Hai hạng người đó khác nhau, một bên dùng trí suy tư để mong hiểu Phật, một bên dùng pháp Phật dạy để định tâm mình, mong ngộ lẽ thật. Hai hạng người đó đối với kinh Viên giác người nào trúng? - ả gười ứng dụng tu hành. Thế mà có nhiều người nghe nói ông đó có bằng Tiến sĩ Phật học thì cũng khen tằm tắc: Chà ông đó cao quá! Hay quá! ả hưng mà hay thật chưa? Giá trị thật không phải ở cấp bằng mà ở chỗ có dùng được tâm điên đảo của mình hay không? Trong giới tu hành hiện nay hay vấp phải cái lỗi đó, lấy cái học làm trên. ả ếu lấy cái học làm trên thì sự “thật chứng” không có. Không sự chứng ngộ thì làm sao thể nhập chân lý? Làm sao mỗi được ngọn đuốc tuệ của Phật để soi đường cho chúng sanh đang đi trong đêm tối? Không có những bậc tu chứng thì lấy ai tiếp nối duy trì Phật pháp? Sau khi Phật niết-bàn, cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất toàn là những bậc đắc quả A-la-hán dự. Lúc đó ngài A-nan chưa đắc quả bị ngài Đại Ca-diếp từ chối không cho vào, mặc dầu ả gài biết nếu không có ngài A-nan thì không ai trùng tuyên lại Tạng kinh được.

Lại có những vị vô chùa cạo tóc rồi ôm sách tới trường, học năm mười năm ra giảng đạo, lên Thượng tọa rồi tới già chết. ả hư vậy, chùng nào thấy được lẽ thật? Chủ yếu của người học đạo là học cho biết để thực hành, chớ không phải lấy kiến giải làm sở đắc, nếu lấy kiến giải làm sở đắc, thì ngàn đời không thấy được chân lý! Hậu vận Phật giáo sẽ ra sao nếu trong giới tu sĩ không có những người thật chứng ngộ? Có nhiều quyển sách của các học giả viết về đạo Phật, lý luận làm cho người đọc thêm rối, đưa người đọc lạc vào rừng ngôn ngữ không biết lối ra. Muốn hiểu đạo lý, muốn giải thoát sanh tử thì học rồi phải thực hành, mới mong thấy được manh mối của sự giải thoát, đó là *Giải hạnh tương ưng*. Hòa thượng Pháp chủ Khánh Anh có để lại hai câu bất hủ trên giảng đường chùa Xá-lợi: “Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đẩy đưng sách.” Đó là một lẽ thật chúng ta cần xét kỹ.

ả hư chúng tôi ngày xưa học ở Phật học viện mười năm rồi đi giảng ở nhiều nơi, nói thì hay lắm, danh từ nào giải thích cũng được, nhưng khi ứng dụng tu thì lúng túng, không biết làm sao tu cho đúng. ả gười có cấp bằng cao chưa phải là người tu cao, mà người tu cao là không có gì lạ hết. Thân không thật, tâm vọng không thật thì có cái gì? Vậy người tu theo đạo Phật là tu càng cao thì cái ngã càng thấp; cái ngã càng cao thì sự tu hành chưa tới đâu.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, hư vọng phù tâm, đa chur xảo kiến, bất năng thành tựu Viên giác phương tiện, như thị phân biệt, phi vi chánh vấn.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tâm nổi trôi hư vọng, sanh nhiều kiến chấp xảo nguy, nên không thể thành tựu được phương tiện Viên giác. Phân biệt như thế thì chẳng phải là câu hỏi chân chánh.*

**GIẢNG:**

Đoạn này nếu chúng ta không hiểu, thấy như đức Phật mâu thuẫn, vì ở trước ả gài khen Bồ-tát Kim Cang Tạng khéo vì các Bồ-tát, các chúng sanh đời mạt pháp mà hỏi cái bí mật thâm âm á hư Lai, nhưng đến đây đức Phật lại quở phân biệt như vậy không phải là hỏi chân chánh! Tại sao trước Phật khen sau lại chê? Trước Phật khen là vì câu hỏi của Bồ-tát Kim Cang Tạng giải nghi cho người tu sau này. Phật quở ngài Kim Cang Tạng cũng chính là xác nhận chúng ta biết rằng không bao giờ dùng tâm suy nghĩ rối loạn mà tìm thấy được Viên giác chân chánh. Vì vậy mà đức Phật chỉ cho chúng ta thấy cái tâm hư vọng phù phiếm nó nhiều xảo nguy đối trá khéo lắm. Ồ ó sanh ra cái này, chấp cái kia đủ chuyện, mới cho cái đó là phải lát nữa lại cho là quấy. Cho nên nói rằng nó nhiều xảo kiến. Ồ ừ cứ dùng tâm xảo nguy đó để hỏi cái này hỏi cái kia là không hợp đạo, mà phải lặng tâm phù trầm hư dối đó thì mới thành tựu phương tiện Viên giác.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:**

**- Kim Cang Tạng đương tri  
Như Lai tịch diệt tánh  
Vị tăng hữu chung thủy  
Nhược dĩ luân hồi tâm  
Tư duy tức toàn phục  
Đản chí luân hồi tế  
Bất năng nhập Phật hải  
Thí như tiêu kim khoáng  
Kim phi tiêu cố hữu  
Tuy phục bản lai kim  
Chung dĩ tiêu thành tựu  
Nhất thành chân kim thể  
Bất phục trùng vi khoáng  
Sanh tử dữ Niết-bàn  
Phàm phu cập chư Phật  
Đồng vi không hoa tướng  
Tư duy do huyễn hóa  
Hà hướng cật hư vọng  
Nhược năng liễu thử tâm  
Nhiên hậu cầu Viên giác.**

**DỊCH:**

*Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:*

*- Kim Cang Tạng nên biết  
Như Lai tánh vắng lặng,  
Chưa từng có sau trước.  
Nếu dùng tâm luân hồi,*

*Suy nghĩ càng lẫn quẩn.  
Chỉ đến mé luân hồi,  
Không vào được biển Phật.  
Ví như lọc quặng vàng,  
Vàng chẳng do lọc được  
Tuy trước vàng sẵn có,  
Sau do lọc mới thành.  
Khi đã thành vàng ròng,  
Chẳng trở lại làm khoáng  
Sanh tử và Niết-bàn,  
Phàm phu cùng chư Phật.  
Như hoa đóm trong không.  
Suy nghĩ đều huyền hóa  
Huống là hỏi hư vọng  
Nếu hay rõ tâm này,  
Nhiên hậu cầu Viên giác.*

#### **GIẢNG:**

Đức Phật dạy tánh ả hư Lai lặng lẽ chưa từng có trước sau, vì trước sau là thời gian, mà thời gian thì không thật. ả ếu dùng tâm luân hồi để suy nghĩ tánh Viên giác thì tánh lặng lẽ ấy cũng trở thành xoay vần, nên không thể nhập được tánh Viên giác. Ở đây Phật chỉ luân hồi là chỉ thẳng tâm sanh diệt. Đem tâm sanh diệt mà nghĩ về tánh Viên giác thì không đúng. Ví dụ lọc vàng, vàng chẳng phải do lọc mà có, vì vàng đã có sẵn trong quặng từ xưa rồi, nhưng không luyện lọc không dùng được.

Cũng vậy, nói phải tu mới thành Phật thì không phải, vì Phật có sẵn trong mỗi chúng sanh, bởi vô minh che phủ nên tu để dẹp vô minh. Khi vô minh hết thì Phật hiện tiền, chớ đâu phải do tu mới được thành Phật. Tu là hành động là phương tiện, nếu tu mà được tánh Viên giác thì tánh Viên giác ấy cũng là hành động cũng là phương tiện sao? Tuy nhiên đức Phật nói quặng cũng phải lọc bỏ khoáng mới được vàng ròng. Cũng vậy, tuy không phải tu mới được thành Phật, nhưng từ xưa Phật cũng phải tu mới hết vô minh, Phật tánh mới hiện. ả ói như vậy để chúng ta khỏi làm phải tu mới có tánh Viên giác, mà tánh Viên giác sẵn có, nói tu là một lối nói.

ả ếu nói không do tu mà được thành Phật thì một số người không chịu tu. Cho nên Phật mới nói Phật cũng phải tu mới thành. Vàng quặng khi đã thành vàng ròng rồi thì không trở lại làm khoáng nữa. Cũng vậy, khi đã thành Phật rồi thì không trở lại làm chúng sanh. Quý vị nhớ lại câu ngài Hoài ả hượng đáp với Lục Tổ: “Tu chứng chẳng phải không nhiễm ô chẳng thể được.” Tu chứng chẳng phải không bởi vì tuy biết nó là có mà không tu nó không hiện, nên *tu chứng chẳng phải không*, nhưng nhiễm ô chẳng thể được. Vàng là vàng, không vì lẫn chất tạp mà biến chất. ả ó không thể nhiễm ô được. Chính những câu nói đơn giản của các Tổ, nhìn lại kinh không bao giờ khác. ả hận ra được tánh đó rồi bao nhiêu vị Tổ bao nhiêu người tu nói không khác nhau. Đó là thấy được nên nói không khác. Tánh Viên giác vẫn là Viên giác, không vì lẫn lộn trong luân hồi mà tánh Viên giác biến thành luân hồi. Đó là chỗ thiết yếu chúng ta phải nhận ra để trên đường tu chúng ta vững lòng tin. Khi ấy thì sanh tử cùng ả iết-bàn, phàm phu cùng chư Phật là tướng giả dối như hoa đóm trong hư không. Tại sao vậy? Vì khi thành Phật thì mới thấy những danh từ đối đãi mê và giác, sanh tử và ả iết-bàn đều không thật. Phật lại nói thêm

suy nghĩ là huyền hóa, hướng là nêu lên câu hỏi hư vọng như trên. Ắ gười nào sáng tỏ được lý này mới mong thể nhập được tánh Viên giác.

## CHƯƠNG V

### BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Di-lặc Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị Bồ-tát khai bí mật tạng, linh chư đại chúng thâm ngộ luân hồi, phân biệt tà chánh, năng thí mật thể, nhất thiết chúng sanh vô úy đạo nhân, ư đại Niết-bàn, sanh quyết định tín. Vô phục, trùng tùy luân chuyển cảnh giới, khởi tuần hoàn kiến. Thế Tôn, nhược chư Bồ-tát cập mật thể chúng sanh dục du Như Lai đại tịch diệt hải, vân hà đương đoạn luân hồi căn bản, ư chư luân hồi hữu kỷ chủng tánh, tu Phật Bồ-đề, kỷ đẳng sai biệt, hồi nhập trần lao, đương thiết kỳ chủng giáo hóa phương tiện, độ chư chúng sanh, duy nguyện bất xả cứu thế đại bi, linh chư tu hành nhất thiết Bồ-tát cập mật thể chúng sanh tuệ mục túc thanh chiếu diệu tâm kính, viên ngộ Như Lai vô thượng tri kiến.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa. Như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Khi ấy Bồ-tát Di-lặc ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, dĩ nhiều bên phải ba vòng, qui gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Thế Tôn đại bi, rộng vì các Bồ-tát mở bày kho bí mật khiến cho đại chúng phân biệt tà chánh, thâm ngộ được lý luân hồi, hay bố thí cho tất cả chúng sanh đời sau được đạo nhân vô úy, đối với Đại Niết-bàn sanh lòng tin quyết định, không còn khởi kiến chấp, không trở lại cảnh giới luân hồi. Bạch Thế Tôn, nếu các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau muốn dạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai, làm sao đoạn được cội gốc luân hồi? Đối với luân hồi có bao nhiêu chủng tánh? Tu đạo Bồ-đề của Phật có bao nhiêu bậc khác nhau? Khi trở vào trong trần lao lập bao nhiêu thứ phương tiện giáo hóa để độ chúng sanh? Cúi mong đức Thế Tôn chẳng bỏ lòng đại bi cứu thế, khiến cho tất cả Bồ-tát chúng sanh đời sau tu hành mắt tuệ trong sáng, chiếu diệu gương tâm, viên ngộ được Tri kiến vô thượng Như Lai.*

*Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy ba lần rồi trở lui.*

**GIẢNG:**

Bồ-tát Di-lặc (Maitreya) là ngài Từ Thị. Từ Thị là lòng đại bi. Vì ả gài khởi lòng đại bi độ khắp chúng sanh nên hỏi các phương tiện tường tận để Phật dạy kỹ lưỡng cho mọi người đều có thể tu được. Chủ yếu của đoạn này là Bồ-tát Di-lặc hỏi về cội gốc luân hồi. Trong bốn câu hỏi của ả gài nêu ở trên, câu hỏi thứ nhất là then chốt rất quan trọng, liên hệ đến sự tu hành của chúng ta.

- 1- Làm sao đoạn được cội gốc luân hồi.
- 2- Luân hồi có bao nhiêu chủng tánh.
- 3- Tu đạo Bồ-đề của Phật có mấy hạng người.

4- ả hững hàng Bồ-tát đi vào trong cõi trần lao lập bao nhiêu thứ phương tiện để độ chúng sanh.

Câu hỏi chót thì không liên hệ với chúng ta hiện tại, vì hỏi chuyện Bồ-tát trở lại trần lao độ sanh. Chúng ta thì chưa phải Bồ-tát, chỉ là người bị nghiệp lôi vào trần lao chớ không phải trở lại trần lao vì hạnh nguyện. Hiểu bốn câu hỏi đó, chúng ta mới hiểu câu trả lời của đức Phật.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Di-lặc Bồ-tát ngôn:**

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đấng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh thỉnh vấn Như Lai thâm áo bí mật vi diệu chi nghĩa, linh chư Bồ-tát khiết thanh tuệ mục, cập linh nhất thiết mặt thể chúng sanh vĩnh đoạn luân hồi, tâm ngộ Thật tướng, cụ vô sanh nhẫn, nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Di-lặc Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng, mặc nhiên nhi thính.

**DỊCH:**

*Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Di-lặc Bồ-tát rằng:*

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai nghĩa thâm áo bí mật vi diệu, khiến cho mắt tuệ của các Bồ-tát được trong sáng, và khiến cho tất cả chúng sanh đời sau hằng đoạn được luân hồi, tâm ngộ được Thật tướng, đầy đủ pháp vô sanh nhẫn. Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc hoan hỷ vâng lời dạy cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.

**GIẢNG:**

Phật khen Bồ-tát Di-lặc khéo nêu lên những câu hỏi, để Phật chỉ dạy cho các vị Bồ-tát hiện tại mắt trí tuệ được sáng và chúng sanh đời sau được ra khỏi luân hồi. Phật dặn đại chúng nên lắng nghe.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy tế, do hữu chủng chủng ân ái tham dục, cố hữu luân hồi. Nhược chư thể giới nhất thiết chủng tánh: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh giai nhân dâm dục nhi chánh tánh mạng, đương tri luân hồi, ái vi căn bản. Do hữu chư dục trợ phát ái tánh, thị cố năng linh sanh tử tương tục.

**DỊCH:**

- Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy do các thứ ân ái tham dục nên có luân hồi. Tất cả chủng tánh trong thế giới như noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh đều nhân dâm dục mà có thân mạng. Nên biết sự luân hồi, ái dục là cội gốc. Do có dục giúp phát sanh tánh ái, thế nên khiến cho sanh tử nối tiếp.

**GIẢNG:**

Đoạn này Phật chỉ thẳng ái là cội gốc của sanh tử luân hồi để trả lời câu hỏi thứ nhất.

Ở trên đức Phật đã nói rõ tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ do ân ái tham dục mà có sanh tử luân hồi. Chữ ái ở đây đức Phật chỉ nghĩa ái mạng – ái ngã – cái ái này nặng nhất. Ái ngã tức là yêu mình, bởi yêu mình nên bỏ thân này muốn tạo thân khác, bởi yêu mình mới có những tham dục khác. Vì nhân ái ngã rồi có dục phát sanh, vậy dục trợ phát cho tánh ái. Thế nên ái dục là gốc sanh tử luân hồi tiếp nối không dứt. Chỗ này trong kinh Tạp A-hàm đức Phật dùng một ví dụ thật rõ nói về tánh ái, ái còn thì sanh mạng còn, ái hết thì sanh mạng hết. ả gài ví dụ một bầy trẻ con đang chơi ngoài vườn. Đang say sưa chơi với nhau, đứa cát chồi đứa nấu nướng... ả ếu có người lớn tới hất bỏ, chúng sẽ khóc la. Khi người lớn đi rồi, chúng lại làm lại. Chỉ khi nào chúng tự chán, tự hất bỏ chùng đó mới yên chuyện. Cái thích của bọn trẻ con đức Phật dụ là ái, chúng sanh là bọn trẻ con. ả hư thế đang trong luân hồi, đức Phật lại bảo các ông đừng làm chuyện đó để luân hồi, nhất định chúng sanh cãi Phật liền vì còn đang thích. Chỉ khi nào tự chúng ta sợ, tự chúng ta chán, chúng ta mới bỏ việc luân hồi của mình. Khi sanh tử luân hồi thì có các loại như thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh. Bốn loại này đều từ ân ái tham dục mà có. Muốn hết luân hồi sanh tử cứ ngay gốc ái dục mà đào. ả ếu không biết manh mối sanh tử luân hồi từ đâu thì không thể dứt trừ được.

Trong kinh Pháp Cú đức Phật có dạy: Đốn cây mà không đào gốc thì tược nhánh nảy sanh hoài, ái dục không trừ dứt thì khổ não vẫn theo ta mãi. Do dục giúp phát sanh tánh ái rồi tiếp nối sanh tử. Thân này vừa mất thì muốn có thân khác, dục giúp cho tánh ái mạnh đưa chúng ta tới chỗ thọ sanh, nó dẫn đi mãi trong vòng sanh tử.

**ÂM:**

**- Dục nhân ái sanh, mạng nhân dục hữu, chúng sanh ái mạng, hoàn y dục bản, ái dục vi nhân, ái mạng vi quả.**

**DỊCH:**

**- Dục nhân ái sanh, thân mạng nhân nơi dục mà có. Chúng sanh ái thân mạng, lại y nơi dục làm gốc, ái dục là nhân, ái mạng là quả.**

**GIẢNG:**

Đức Phật phân tích cho chúng ta thấy rõ: Dục nhân ái mà có, dục từ ái mà sanh ra, ái là yêu mến, bởi yêu mến cho nên có dục. ả hân dục mà có sanh mạng, khi có sanh mạng rồi trở lại ái mạng. Do dục mà có thân, có thân rồi ái thân. Chúng ta thấy nhiều người có phước thân tốt đẹp khỏe mạnh, thì họ ái thân họ đành đi. Còn những người vô phước họ có ái thân họ không? Họ vẫn ái thân họ như thường. Có thân là có ái. Bởi ái thân nên muốn thân ăn cho ngon, muốn thân mặc cho đẹp, muốn thân được người ta khen, cái gì cũng muốn cho thân mình được. Từ cái ái mà muốn thỏa mãn mọi nhu cầu, nhu cầu nào thiếu là bực bội. Chúng ta nói chúng ta thương người này mến người kia, kỳ thật tất cả cái mến thương gốc từ thương mình mà ra. ả gười nào thương mình nhiều là thương người nhiều. Tại sao vậy? Bởi thương mình nhiều cho nên người nào giúp mình mình thương họ ghê lắm, mong họ tiếp tục giúp mình nữa để được lợi cho mình. Còn người nào không thương mình thì ai giúp, mình cũng lơ là. Bệnh đó là bệnh nặng của chúng sanh. Mới nhìn qua thì thấy người nào biết lo cho người này người kia là tốt, nhưng mà lo cho người này người kia là vì mình mà lo, chớ ít có vì người mà lo lắm.

Hiểu chỗ đó rồi thì mới thấy từ dục mà có thân, có thân rồi ái thân, muốn đời khác cũng có thân nữa... Cứ tiếp tục đời này sang đời khác không bao giờ cùng tận. Vì vậy nói ái là gốc của luân hồi. Bây giờ muốn không có thân đời sau thì phải dứt ngay gốc ái.

Qua lý này chúng ta mới hiểu tại sao trước tiên Phật cấm người xuất gia dâm dục. Mục đích của người xuất gia là dứt sanh tử, nên Phật nhắm thẳng vào đích, bắt phải đào gốc ái dục trước rồi lần lần phá ngã chấp, ngã chấp phá rồi thì luân hồi sanh tử theo đó mà hết. Ấy hư thế chúng ta mới thấy rõ được thâm ý của đức Phật dạy, từ giới luật cho tới kinh điển trước sau chỉ có một chủ đích. Vậy sanh tử luân hồi, ái dục và ái mạng làm nhân làm duyên nối tiếp nhau không cùng. Bây giờ nhìn ngay nơi tâm niệm của chúng ta xem ái ngã còn nhiều hay ít? Ồ ừ ái ngã nhiều thì dòng sanh tử khó mà dứt được.

**ÂM:**

**- Do ư dục cảnh khởi chư vi thuận, cảnh bối ái tâm nhi sanh tăng tật, tạo chủng chủng nghiệp, thị cố phục sanh địa ngục ngạ quỷ. Tri dục khả yếm, ái yếm nghiệp đạo, xả ác nhạo thiện, phục hiện thiên nhân. Hựu tri chư ái khả yếm ác cố, khả ái nhạo xả hoàn tư ái bản tiện hiện hữu vi tăng thượng thiện quả, giai luân hồi cố bất thành Thánh đạo. Thị cố chúng sanh dục thoát sanh tử miễn chư luân hồi, tiên đoạn tham dục cập trừ ái khát.**

**DỊCH:**

*- Do cảnh dục mà khởi thuận nghịch, cảnh trái với tâm ái thì sanh ra ganh ghét, tạo các thứ nghiệp nên sanh nơi địa ngục ngạ quỷ. Biết dục đáng chán, thích cái chán nghiệp đạo, bỏ ác ưa lành thì được sanh ở cõi người cõi trời. Biết ái nhiễm là ác đáng chê chán, song bỏ ái mà thích “cái bỏ”, trở lại nuôi dưỡng thêm gốc ái, nên sanh ở cõi thiện hữu vi cao hơn, đều là luân hồi nên không thành Thánh đạo. Thế nên chúng sanh muốn thoát sanh tử khỏi luân hồi thì trước phải đoạn tham dục và trừ tâm khát ái.*

**GIẢNG:**

Do ái dục mà có thân người, sanh trong cõi người. Dục tức là lòng tham muốn, do tham muốn nên khởi ra hai thứ thuận nghịch. Gặp thuận thì ái, gặp nghịch thì tăng. Chỉ tại chúng ta ưa thích mà gặp cảnh trái với sự ưa thích của mình nên bực bội làm những điều ác điều dữ. Thí dụ như tham muốn mà không được thì sanh trộm cắp, khi trộm cắp bị ngăn chặn thì sanh ra sát hại, đó là cái nhân của địa ngục ngạ quỷ. Đó là chiều đi xuống, đi trong ba đường ác.

Trong kinh, Phật nói người chạy theo ngũ dục thì chẳng khác nào như kẻ khát mà uống nước muối, càng uống càng khát. Ồ ừ được như ý, nó cứ tăng thêm không chỗ cùng. Tất cả thế gian về tay mình hết, không biết mình vừa chưa. Còn muốn muốn điều nhưng chỉ được có một, càng muốn thì càng khổ... Có người thấy sự yêu thương thế gian là tạm bợ, được thì vui, mất thì buồn nên đâm ra chán ghét ái dục ở thế gian. Bỏ ái dục nhưng chỉ thích làm lành để đời sau được phước an vui tốt đẹp hơn, như thế cũng còn tư dưỡng gốc tham ái nên sanh về cõi hữu vi cao hơn là cõi Sắc và Vô sắc. Mặc dù chúng ta chán bỏ ái dục nhưng còn thích xả, nên Phật nói còn yêu thích thì còn tạo nghiệp nhưng nghiệp thiện, chớ chưa phải là viên mãn; vì nghiệp lành hay nghiệp dữ cũng là nghiệp.

Thế nên đức Phật dạy chúng sanh muốn thoát khỏi luân hồi thì phải dứt hết tham dục và trừ tâm khát ái, chớ bỏ cái này lại thích cái kia cũng chưa thoát khỏi vòng luân hồi.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, Bồ-tát biến hóa thị hiện thế gian, phi ái vi bản, dẫn dĩ từ bi linh bí xả ái, giả chư tham dục nhi nhập sanh tử.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, Bồ-tát hóa hiện thân ở thế gian chẳng phải do ái làm gốc mà là do lòng từ bi mượn tham dục mà vào trong sanh tử khiến chúng sanh bỏ ái dục.*

**GIẢNG:**

Ắ ghe đức Phật nói có thân ở thế gian này là do ái làm gốc, như vậy chúng ta sẽ hiểu lầm và thắc mắc “những vị Bồ-tát có thân để độ chúng sanh ở cõi này cũng do ái dục nữa sao”? Ở đây Phật giải thích, những vị Bồ-tát thị hiện giáo hóa chúng sanh ở thế gian không phải gốc từ nơi ái dục, mà do lòng từ bi các ngài muốn độ chúng sanh bỏ khát ái, các ngài mới tạm mượn ái dục mà vào trong sanh tử.

**ÂM:**

- **Nhược chư mặt thể nhất thiết chúng sanh năng xả chư dục cập trừ tăng ái vĩnh đoạn luân hồi, cần cầu Như Lai Viên giác cảnh giới, ư thanh tịnh tâm, tiệp đắc khai ngộ.**

**DỊCH:**

- *Nếu tất cả chúng sanh đời sau bỏ được các dục và trừ tâm yêu ghét thì hằng đoạn được luân hồi, siêng cầu cảnh giới Viên giác Như Lai, tâm thanh tịnh liền được khai ngộ.*

**GIẢNG:**

Phật dạy muốn tu để giải thoát sanh tử thì phải xa lìa ngũ dục thế gian, trừ tâm yêu ghét nơi mình, nơi người và phải cầu cảnh giới Viên giác ả hư Lai. Gốc luân hồi phải đoạn và trở về sống với Tánh giác thì tâm thanh tịnh được khai ngộ.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh do bản tham dục, phát huy vô minh, hiển xuất ngũ tánh sai biệt bất đẳng y nhị chủng chương nhi hiện thâm thiện.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, tất cả chúng sanh do gốc tham dục mà phát huy thêm vô minh, hiển bày ra năm tánh sai biệt chẳng đồng, y theo hai thứ chương mà hiện có cạn sâu.*

**GIẢNG:**

Đây đức Phật trả lời câu hỏi: Chúng sanh có bao nhiêu chủng tánh? Ắ gài trả lời có năm chủng tánh. Sở dĩ có năm chủng tánh là do gốc tham dục là vô minh làm sung mãn thêm, nên năm chủng tánh có sai khác.

**ÂM:**

- **Vân hà nhị chướng? Nhất giả lý chướng, ngại chánh tri kiến. Nhị giả sự chướng, tục chư sanh tử.**

**DỊCH:**

- *Thế nào là hai chướng? Một là lý chướng làm ngại chánh tri kiến, hai là sự chướng khiến tiếp nối sanh tử.*

**GIẢNG:**

Sự chướng là phiền não, chỉ cho cái chướng do ngũ dục ở thế gian, vì có nó nên trở ngại sự thoát ly sanh tử. Ắ gười còn bị kẹt trong năm dục là còn tiếp nối sanh tử. Lý chướng là chỉ cho vô minh, vô minh là gốc làm chúng ta không thấy đúng như thật. Do nhận hiểu lý đạo lệch lạc sai lầm cho nên chướng ngại chánh tri kiến. Ví dụ như có người cho rằng tu thiền là phải xuất hồn đi trong hư không để tìm Phật, hoặc được Phật phóng hào quang điểm đạo... đó là hiểu không đúng với lời Phật dạy trong kinh, nên chướng ngại chánh tri kiến. Do hai cái chướng đó khiến cho chúng sanh có sai biệt. Chướng của ngũ dục thì khiến chúng sanh sanh trong các loài, còn cái chướng của sự hiểu lệch lạc về lý đạo thì sanh làm quý thần hoặc các vị tu chúng ở trong vòng hữu lậu.

**ÂM:**

- **Vân hà ngũ tánh? Thiện nam tử, nhược thử nhị chướng, vị đắc đoạn diệt danh vị thành Phật. Nhược chư chúng sanh vĩnh xả tham dục, tiên trừ sự chướng, vị đoạn lý chướng, đản năng ngộ nhập Thanh văn Duyên giác, vị năng hiện trụ Bồ-tát cảnh giới.**

**DỊCH:**

- *Thế nào là năm tánh? Đây thiện nam, nếu hai chướng này chưa được đoạn diệt thì nói chưa thành Phật. Nếu các chúng sanh hằng xả tham dục, trước trừ sự chướng, chưa đoạn lý chướng, chỉ hay ngộ nhập cảnh giới Thanh văn, Duyên giác chưa trụ được cảnh giới Bồ-tát.*

**GIẢNG:**

Ắ gười bỏ được tham dục thế gian là hết ái dục, mà hết ái dục thì dòng sanh tử luân hồi cũng dứt luôn. Song, dứt được tham dục thì chỉ trừ được sự chướng chớ lý chướng vẫn còn, nên chỉ vào được hàng Thanh văn Duyên giác, không vào được hàng Bồ-tát. Tại sao hàng Thanh văn Duyên giác chỉ mới trừ được sự chướng? Vì các ngài do tu Tứ đế, thấy Khổ đế và Tập đế cần phải đoạn trừ, nên các ngài ứng dụng Đạo đế đoạn trừ, khi đoạn trừ xong thì gọi là Diệt đế. Ắ hư vậy là mới đoạn trừ xong mầm sanh tử chớ chưa thấy được Pháp thân. Dứt sanh tử thì nhập ắ iết-bàn cho nên mới trừ được sự chướng, chớ chưa trừ được lý chướng. Bậc Duyên giác cũng vậy, các ngài do thấy cảnh lá rụng, cây cối héo xài mà nghĩ đến thân người cũng vô thường như thế, nên các ngài tỉnh giác. Hoặc các ngài thấu rõ lý nhân duyên, thân này do đất nước gió lửa hợp lại mà có, khi duyên hết thì thân tan rã, các ngài chán thân, không còn ái dục, cho nên các ngài chỉ chứng được quả Duyên giác chớ chưa thấy được Pháp thân, nên nói còn bị lý chướng làm ngại, đó là hai chủng tánh.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhược chur mặt thể nhất thiết chúng sanh dục phiếm Như Lai Đại viên giác hải; tiên đương phát nguyện cần đoạn nhị chương. Nhị chương dĩ phục tức năng ngộ nhập Bồ-tát cảnh giới. Nhược sự lý chương dĩ vĩnh đoạn diệt, tức nhập Như Lai vi diệu Viên giác, mãn túc Bồ-đề cập Đại Niết-bàn.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, nếu các chúng sanh đời sau muốn dạo biển Đại viên giác Như Lai, trước phải phát nguyện siêng đoạn hai chương. Hai chương đã nếp phục thì ngộ nhập được cảnh giới Bồ-tát. Nếu sự chương lý chương đã đoạn diệt hẳn thì ngộ nhập tánh Viên giác vi diệu Như Lai, viên mãn quả Bồ-đề và Đại Niết-bàn.*

**GIẢNG:**

Chúng tánh thứ ba là chúng tánh Bồ-tát. Chúng sanh phàm phu thì bị hai thứ phiền não chương và sở tri chương làm chương đạo Bồ-đề, nên đi trong luân hồi sanh tử. Trải qua thời gian tu hành hai chương ấy nếp phục thì chúng sanh bước lên địa vị Bồ-tát. Khi lên địa vị Bồ-tát, tiếp tục tu đoạn lìa phiền não chương và sở tri chương mới chứng được Pháp thân. Vì vậy nên nói Bồ-tát tùy phần giác, nghĩa là Bồ-tát thấy được một phần Pháp thân thì phá được một phần lý chương. Lý chương ngăn che không thấy được Pháp thân, khi hoàn toàn hết lý chương thì viên mãn gọi là thành Phật. ă ên ở đây nói muốn vào biển Đại viên giác ă hư Lai thì phải đoạn sự và lý chương.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh giai chứng Viên giác, phùng thiện tri thức y bỉ sở tác nhân địa pháp hạnh, nhĩ thời tu tập tiệm hữu đốn tiệm, nhược ngộ Như Lai Vô thượng Bồ-đề, chánh tu hành lộ, căn vô đại tiểu, giai thành Phật quả.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, tất cả chúng sanh đều chứng Viên giác, gặp thiện tri thức y nơi pháp hạnh nhân địa mà vị ấy đã tu, bấy giờ tu tập theo, liền có đốn và tiệm. Nếu gặp được pháp tu hành chân chánh Vô thượng Bồ-đề của Như Lai thì đều thành Phật quả, căn cơ không chia lớn nhỏ.*

**GIẢNG:**

Đây Phật nói tầm quan trọng của thiện tri thức đối với người tu. Tất cả chúng sanh đều có Tánh giác, chớ không dành riêng cho một người nào được chứng. ă hưng tu đốn hay tiệm là do gặp thiện tri thức, rồi y nơi pháp hạnh của thiện tri thức đó mà tu. Khi tu tập liền có chia đốn tiệm. ă hư cũng thuyết pháp dạy tu, nhưng mỗi vị thầy hướng dẫn tu không giống nhau. ă ếu khi phát tâm tu mà chúng ta gặp vị thầy tu tiệm giáo thì người dạy chúng ta tu theo tiệm giáo. ă ếu gặp vị thầy tu đốn giáo thì dạy chúng ta tu theo đốn giáo. Tu trở thành đốn hay tiệm là do thiện tri thức hướng dẫn, phải hiểu rõ như vậy. ă ếu không rõ thì quý vị nghĩ thầy nào cũng dạy mình tu, chọn lựa làm chi? ă ghi như vậy sẽ không được lợi ích lớn. ă gười biết chọn thầy và pháp môn tu cho thích hợp với căn cơ của mình mới được lợi ích. Còn nếu gặp Phật, y theo đạo Vô thượng Bồ-đề của đức Phật để tu thì được vào thẳng tánh Viên giác, chớ không có đốn tiệm lớn nhỏ. Lúc đức Phật còn tại thế không chia đốn tiệm, đức Phật nói pháp, người nghe tu đúng pháp đều đắc quả A-la-hán. Sau này đệ tử Phật tùy theo mỗi vị có công hạnh tu riêng, mà chia ra nhiều tông phái khác nhau. ă hư vậy, thiện tri thức đối với người tu rất quan trọng chớ không phải

thường, tu tiến nhanh hay chậm do ảnh hưởng thiện tri thức rất nhiều. Đó là chủng tánh thứ tư, chủng tánh bất định.

**ÂM:**

**- Nhược chư chúng sanh tuy cầu thiện hữu ngộ tà kiến giả, vị đắc chánh ngộ, thị tắc danh vi ngoại đạo chủng tánh, tà sư quá mậu, phi chúng sanh cửu, thị danh chúng sanh ngũ tánh sai biệt.**

**DỊCH:**

*- Nếu các chúng sanh tuy cầu bạn lành, lại gặp người tà kiến chưa được chánh ngộ, ấy gọi là chủng tánh ngoại đạo. Đây là do lỗi lầm của tà sư, chớ không phải lỗi nơi chúng sanh ấy. Đó là năm chủng tánh sai biệt của chúng sanh.*

**GIẢNG:**

Đoạn này trả lời câu hỏi thứ ba, có những người tu cũng tìm thiện hữu tri thức, nhưng lại gặp thầy tà, thầy tà sẽ dẫn họ đi đường tà, ấy là chủng tánh ngoại đạo. Lỗi đó tại ai? Lỗi tại người thầy chớ không phải tại người học đạo, người học đạo đâu có biết gì, tại ông thầy hướng dẫn, lúc sơ phát tâm họ như tờ giấy trắng in hình gì thì ra hình đó.

Ấp hư vậy, chúng ta thấy chúng sanh nào cũng có tánh Viên giác, nhưng tại chúng ta gặp thầy hướng dẫn tu khác nhau, nên kết quả cũng khác nhau. Ví dụ như có người phát tâm xuất gia, nhưng kém phước lại gặp ông thầy dạy: “Đem tiền đây ta cúng cho, năm nay con bị mắc tam tai rồi đó!” Cứ như vậy, năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác, cúng hoài rồi quen với quỷ thần, chớ không dạy đạo lý gì hết, như thế là lạc vào đường tà. Lại có người phát tâm tu nhưng có duyên gặp được thầy thông đạo lý, đem giáo lý Phật giảng giải cho hiểu để biết đường lối tu hành chân chánh. Ấp hư vậy, đồng thời phát tâm tu như nhau, nhưng khi gặp thầy khác nhau thì tu ít năm kết quả cũng khác nhau. Khác là tại thiện hữu tri thức, chớ không phải tại họ có chủng tánh khác. Tuy nhiên nói vậy không phải phủ nhận cái duyên của họ, có duyên với tà nên dễ gặp tà. Gặp người tà nói mơ màng linh ứng thế này linh ứng thế nọ thì họ thích và theo. Ấp hư có duyên với chánh pháp thì đến với đạo bằng trí tuệ chớ không phải bằng niềm tin.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, Bồ-tát duy dĩ đại bi phương tiện nhập chư thế gian khai phát vị ngộ, nãi chí thị hiện chủng chủng hình tướng nghịch thuận cảnh giới, dữ kỳ đồng sự hóa linh thành Phật, giai y vô thủy thanh tịnh nguyện lực.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, Bồ-tát chỉ dùng lòng đại bi, mà phương tiện vào các thế gian khai phát những người chưa ngộ, cho đến thị hiện nhiều hình tướng hoặc cảnh giới nghịch hay thuận, họ đồng sự để giáo hóa khiến cho thành Phật, đều y nơi nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy.*

**GIẢNG:**

Câu hỏi thứ tư là Bồ-tát vào thế gian này có bao nhiêu thứ phương tiện? Phật trả lời Bồ-tát do lòng đại bi và hạnh nguyện độ sanh, nên phương tiện vào trong thế gian hiện các thứ hình tướng, như cảnh giới thuận nghịch để hóa độ chúng sanh, chớ không phải bị nghiệp ái dục lôi vào. Bồ-tát dùng phương tiện hiện hình tướng để độ sanh như

hiện tướng Bồ-tát, tướng Tỳ-kheo, tướng cư sĩ, vua, quan... Thị hiện cảnh giới thuận là Bồ-tát xuất gia tu hành ngộ đạo, giáo hóa đúng với đạo lý của Phật dạy. Cảnh giới nghịch là Bồ-tát hiện ra cảnh dầu sôi lửa bỏng, ngưi đầu mã diện... để người ác sợ, thức tỉnh hồi tâm tu hành. Hoặc các ngài vào trong cảnh khổ làm những nghề xấu xa để dẫn dắt chúng sanh, khi vào trong đó phải đồng sự với họ, sống chung với họ. Mọi người thấy không tin là Bồ-tát, nhưng các ngài âm thầm làm hạnh Bồ-tát. Trong cảnh đó thì khó làm, ở trong cảnh giới thuận thì dễ, vì giữ giới hạnh đàng hoàng và nói đạo lý dạy tu nên dễ tin hơn. Còn ở trong chỗ mọi người xem thường chê bai mà nói pháp mới thật là khó. Tất cả hạnh thuận nghịch đều chỉ vì lòng từ bi và nguyện lực thanh tịnh, chớ không có động lực nào khác.

Ấu hu vậy thì chung quanh chúng ta rất nhiều Bồ-tát. Vì chúng ta tìm Bồ-tát có hào quang nên dễ bị ma gạt. Quý vị phải lặng tâm mà xét thì thấy chung quanh mình rất nhiều Bồ-tát, chớ không phải ít đâu. Kinh Phật nói, Phật ra đời có những vị Bồ-tát trợ hóa. Khi Phật không ra đời cũng có rất nhiều Bồ-tát lẫn lộn trong nhân gian để đánh thức chúng sanh. Bồ-tát là người gỡ cho chúng ta bớt nhiễm, gỡ cho chúng ta bớt đắm trước. Giả sử họ tỏ ra rất tầm thường không có gì cao quý đáng phục, nhưng họ biết chận những nhiễm ái, những tội lỗi cho chúng ta thì đó cũng là hiện thân của Bồ-tát.

**ÂM:**

**- Nhược chư mặt thể nhất thiết chúng sanh, ư Đại viên giác khởi tăng thượng tâm đương phát Bồ-tát thanh tịnh đại nguyện, ưng tác thị ngôn: Nguyện ngã kim giả trụ Phật Viên giác, cầu thiện tri thức mạt trị ngoại đạo cập dữ Nhị thừa, y nguyện tu hành tiệp đoạn chư chướng, chướng tận nguyện mãn tiệp đăng giải thoát thanh tịnh pháp điện, chúng Đại viên giác diệu trang nghiêm vực.**

**DỊCH:**

*- Nếu các chúng sanh đời sau đối với Đại viên giác, khởi tâm tăng thượng, nên phát lời đại nguyện, thanh tịnh của Bồ-tát như thế này: Con nguyện ngày nay được trụ trong Viên giác Phật, xin gặp thiện tri thức, chẵn gặp ngoại đạo cùng với Nhị thừa. Con y theo nguyện tu hành lần lần đoạn trừ các chướng. Chướng dứt, nguyện được viên mãn, liền lên pháp điện thanh tịnh giải thoát, chẵn được cảnh giới trang nghiêm vi diệu Đại viên giác.*

**GIẢNG:**

Đoạn này đức Phật dạy chúng ta phát nguyện, người tu muốn khởi rơi vào đường tà và khởi lạc vào ả hị thừa phải hằng phát nguyện: Đời này con ở mãi trong Viên giác Phật, nguyện chẵn gặp ngoại đạo và ả hị thừa, y theo đạo lý Đại thừa mà tu hành, lần lần đoạn các chướng ngại, vào cảnh giới Viên giác Diệu trang nghiêm. Đó là đức Phật đã chỉ rõ đường lối tu, để cho chúng ta được kết quả như ý nguyện. Hạt giống Bồ-đề của chúng ta nếu gặp đất tốt sẽ tăng trưởng rất nhanh, nếu không thì đường tu của chúng ta sẽ bị chướng ngại và lần lần chán nản rồi bỏ tu luôn. Chúng ta phải khéo tu làm sao để mình đi hoài trên con đường chân chánh không bị sai lệch.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:**

- Di-lặc nữ đương tri  
Nhất thiết chư chúng sanh  
Bất đắc đại giải thoát  
Giai do tham dục cố  
Đọa lạc ư sanh tử  
Nhược năng đoạn tăng ái  
Cập dữ tham sân si  
Bất nhân sai biệt tánh  
Giai đắc thành Phật đạo  
Nhị chướng vĩnh tiêu diệt  
Cầu sư đắc chánh ngộ  
Tùy thuận Bồ-tát nguyện  
Y chỉ Đại Niết-bàn  
Thập phương chư Bồ-tát  
Giai dĩ đại bi nguyện  
Thị hiện nhập sanh tử  
Hiện tại tu hành giả  
Cập mạng thể chúng sanh  
Cần đoạn chư ái kiến  
Tiện qui Đại viên giác.

**DỊCH:**

*Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:*

*- Di-lặc ông nên biết  
Tất cả các chúng sanh,  
Không được đại giải thoát,  
Đều do ở tham dục,  
Đọa lạc vào sanh tử.  
Nếu hay đoạn yêu ghét,  
Cùng với tham sân si,  
Chẳng do tánh sai biệt  
Đều được thành Phật đạo.  
Hai chướng tiêu diệt hẳn,  
Cầu thầy được chánh ngộ,  
Thuận theo nguyện Bồ-tát,  
Y nơi Đại Niết-bàn.  
Mười phương các Bồ-tát,  
Đều do nguyện đại bi,  
Thị hiện vào sanh tử.  
Hiện tại người tu hành,  
Và chúng sanh đời sau,  
Siêng đoạn các ái kiến,  
Trở về Đại viên giác.*

**GIẢNG:**

Bài trùng tụng này đức Phật dạy chúng ta tu hành thì phải đoạn yêu ghét và tham sân si mới được giải thoát. Vì vậy phải cầu minh sư khai ngộ, rồi y theo hạnh nguyện của Bồ-tát mà đoạn dứt hai chương và cầu được an trụ nơi Đại ấ iết-bàn của Phật .

Các vị Bồ-tát ở mười phương đều do lòng đại bi, phát nguyện thị hiện trong sanh tử trần lao, không sợ ô nhiễm không ngại gian lao, để độ chúng sanh dứt hết ái hoặc, trở về với tánh Viên giác.

Tóm lại, chúng ta chỉ cần nhớ những câu hỏi trong chương này là hiểu trọn được ý nghĩa.

1. Cái gì là cội gốc của luân hồi sanh tử?

- Ái dục là cội gốc của luân hồi sanh tử.

2. Trong luân hồi sanh tử có bao nhiêu loài?

- Có hai mươi lăm loài, nghĩa là mười nghiệp ác cộng mười nghiệp thiện, cộng năm ấm mà sanh ra hai mươi lăm loài.

3. Có bao nhiêu chủng tánh?

- Có năm chủng tánh sai biệt.

4. Bồ-tát vào thế gian có bao nhiêu thứ phương tiện?

- Do lòng đại bi phát nguyện vào trong thế gian để độ chúng sanh.

Chúng ta hiểu rõ bốn câu hỏi và lời đáp của đức Phật thì thâm nhập được phần này.

## CHƯƠNG VI

### BỒ-TÁT THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát tại đại chúng trung, tức từng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bồi quảng thuyết như thị bất tư nghì sự, bản sở bất kiến, bản sở bất văn, ngã đẳng kim giả mông Phật thiện dụ, thân tâm thái nhiên đắc đại nhiều ích.

**DỊCH:**

*Lúc bấy giờ Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, qui gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói việc bất tư nghì như thế, từ trước chưa từng thấy, từ trước chưa từng nghe, ngày nay chúng con nhờ Phật khéo dẫn dụ thân tâm thơ thối được lợi ích lớn.*

**GIẢNG:**

Chương này là chương Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, ả gài hỏi vì muốn cho tất cả chúng ta có trí tuệ thanh tịnh, biết rành rẽ không còn bị mờ ám, không còn bị nghi ngờ. Sau khi Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ tán thán đức Phật, ả gài mới đặt câu hỏi:

**ÂM:**

- Nguyên vị chư lai nhất thiết pháp chúng, trùng tuyên Pháp vương viên mãn Giác tánh, nhất thiết chúng sanh cập chư Bồ-tát Như Lai Thế Tôn sở chứng sở đắc vân hà sai biệt linh mật thể chúng sanh văn thử thánh giáo, tùy thuận khai ngộ, tiệm thứ năng nhập.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*- Xin Thế Tôn vì các chúng đến nghe pháp, nói lại Tánh giác viên mãn của đấng Pháp vương và sở chứng sở đắc của chúng sanh, Bồ-tát và chư Phật sai biệt như thế nào, khiến cho tất cả chúng sanh đời sau nghe được thánh giáo này, tùy thuận khai ngộ, dần dần vào được Tánh giác.*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo sát đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ chỉ hỏi một câu duy nhất thôi. Bồ-tát này trí tuệ thanh tịnh nên ả gài yêu cầu đức Phật lặp lại về Tánh giác viên mãn của ả hư Lai và chỗ tu chứng của chúng sanh, Bồ-tát và chư Phật khác nhau như thế nào? ả ghĩa là căn cứ trên tánh Viên giác thì chúng sanh, Bồ-tát và Phật tu có sai biệt không? Tại sao căn cứ vào Tánh giác đó mà gọi là Phật, căn cứ vào Tánh giác đó mà gọi là Bồ-tát, cũng căn cứ vào Tánh

giác đó mà gọi là chúng sanh? Mong Phật chỉ cho những người tu sau này biết để tu hành khỏi lầm lẫn. Ắ ếu chúng ta quyết chí tu cầu giải thoát thì câu hỏi này thật hệ trọng, bởi vì trong khi tu mà không biết mình tới đâu, được ít cho là đủ hay được chút ít tự cho đã viên mãn Phật quả. Đó là cái bệnh.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát ngôn:**

- **Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị mạt thế chúng sanh thỉnh vấn Như Lai tiêm thứ sai biệt. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.**

**Thời Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng, mặc nhiên nhi thính.**

**DỊCH:**

*Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông hãy vì chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai về thứ lớp tu chứng sai biệt. Bây giờ các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.*

*Khi ấy Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.*

**GIẢNG:**

Đức Phật khen Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vì chúng sanh đời sau đã khéo hỏi ắ hư Lai về thứ lớp tu chứng sai biệt, và dạy ắ giải cùng đại chúng hãy im lặng lắng nghe đức Phật giảng dạy.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, Viên giác tự tánh phi tánh tánh hữu tuần chư tánh khởi, vô thủ vô chứng. Ư thật tướng trung, thật vô Bồ-tát cập chư chúng sanh. Hà dĩ cố? Bồ-tát chúng sanh giai thị huyễn hóa, huyễn hóa diệt cố, vô thủ chứng giả. Thí như nhân căn, bất tự kiến nhân, tánh tự bình đẳng, vô bình đẳng giả.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tánh Viên giác “phi tánh tánh hữu” tùy theo các tánh mà khởi, không thủ không chứng. Trong Tướng chân thật không có Bồ-tát và chúng sanh. Vì có sao? Vì Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa. Khi tướng huyễn hóa diệt rồi thì không có người chứng và quả được chứng. Thí như con mắt không tự thấy con mắt. Tánh tự bình đẳng không cần người làm bình đẳng.*

**GIẢNG:**

“Phi tánh tánh hữu” ý tương tự với bài kệ đức Phật truyền pháp cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp “Pháp bản pháp vô pháp<sup>(1)</sup>” trong Sử Ba Mươi Ba Vị Tổ Ấn Hoa.

---

<sup>(1)</sup> Pháp pháp bản vô pháp  
Vô pháp pháp diệt pháp  
Kim phó vô pháp thời,  
Pháp pháp hà tăng pháp.

*Tự tánh Viên giác phi tánh, tánh hữu.* Phi tánh nghĩa là tánh Viên giác không có đặc tánh riêng nên nói là “phi tánh”, nhưng nó không phải là không ngộ nên nói là “tánh hữu”. Vì tánh Viên giác không cố định nên nói tùy theo tánh mà khởi. Trong mỗi người chúng ta ai cũng có tánh Viên giác, cho nên nói *Viên giác tự tánh* song không cố định. Ắt ều tánh Viên giác cố định trước sau như một thì ai cũng là Phật hết. Ắt ều vì tánh Viên giác không ở nguyên vị thể của nó, nên mới tùy duyên lành thì hiện ra người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Theo duyên ác thì sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Bởi tùy duyên sanh ra các chủng tánh, nên chủng tánh không cố định, tạm có không thật. Vì là tướng giả không thật nên khi buông xả hết các giả tướng ấy hằng sống với thể Viên giác bình đẳng thì có gì gọi là chứng là giữ? Ắt ều nói: *Tùy theo các tánh mà khởi, không thủ không chứng.*

*Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa.* Bởi tánh Viên giác vốn không có cái gìn giữ cố định, nên nó theo duyên nghiệp mà thành ra các tánh sai biệt, như chủng tánh phàm phu là trời, người, a-tu-la, súc sanh... hay chủng tánh Thánh như: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát... Ắt ều chủng tánh sai biệt đó do tùy duyên tùy nghiệp giả có không thật, chỉ là tướng duyên hợp như huyễn như hóa nên nói không có Bồ-tát và chúng sanh. Ắt ều buông hết các tướng không thật trở lại Thể tánh Viên giác bình đẳng, thì cái thể đó không thủ không chứng. Vì cái Thể bình đẳng sẵn có nơi mình, chỉ cần trở về là tự đầy đủ, đâu cần phải thêm bớt mà có chứng có giữ. Cho nên nói những cái huyễn hóa diệt rồi thì không thủ không chứng. Trên Viên giác thì đâu có cái nào mê cái nào ngộ. Ắt ều thức tỉnh mình có tánh Viên giác sống trở lại thì gọi đó là ngộ, là Bồ-tát. Còn quên mất là mê, là chúng sanh. Tự tánh Viên giác không có mê ngộ, không có quên nhớ. Không có mê ngộ thì làm sao có Bồ-tát, có chúng sanh. Ắt ều Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa. Tôi nêu một ví dụ nhỏ cho quý vị rõ. Ví dụ chúng ta có cái nhà hay cái chùa, trong đó có hai người. Ắt ều từ chùa đó đi ra, đi mãi đi mãi không trở về, lang thang từ năm này đến năm nọ. Họ quên mất đường về, đó là người mê. Còn người đi ra một lúc chợt nhớ: Ắt ều mình có chùa sao lại phải lang thang thế này! Rồi họ trở về. Khi nhớ trở về thì người đó tỉnh. Ắt ều đối với cái chùa có hai cái nhớ và quên không? Chỉ tại người đi luôn là quên, người trở lại gọi là nhớ. Quên hay nhớ đối với cái chùa không có nghĩa gì hết.

Phật đưa ra ví dụ, như mắt chúng ta thấy tất cả mọi vật, và chỉ thấy được ảnh của mắt là nhờ cái gương ở ngoài mắt, chớ mắt chúng ta không tự thấy mắt chúng ta.

*Tánh tự bình đẳng không cần người làm cho bình đẳng.* Tại sao vậy? Thí dụ như mặt biển khi chưa dấy sóng thì gọi là mặt biển lặng bằng phẳng, khi dấy sóng rồi mặt biển động không còn bằng nữa. Một lát lặng sóng mặt biển trở lại bằng. Ắt ều vậy cái bằng phẳng là sau khi dấy động rồi nó lặng xuống, nó bằng phẳng. Danh từ bằng phẳng là đối với khi nó lồi lõm dấy động. Còn nếu nguyên nó thủy chung như vậy thì bằng phẳng cái gì? Tánh Viên giác trước sau như một không có gì đổi thay thì có gì nói bình đẳng. Tánh Viên giác vốn tự bình đẳng không đợi người làm cho bình đẳng, nó tùy duyên hiện ra các pháp mà không thủ không chứng. Vì khi chúng ta không đuổi theo các tướng huyễn hóa, thể nhập tánh Viên giác bình đẳng thì tánh Viên giác chính là mình, nó không ở ngoài mình thì còn gì chứng còn gì thủ?

Tóm lại, trước khi chỉ sự tu hành theo tánh Viên giác, đức Phật chỉ cho chúng ta biết rõ nguyên tánh Viên giác không cố định là tánh gì, nhưng không phải không ngộ, do tùy duyên huân tập mà thành tánh phàm phu hay tánh Thánh. Khi chúng ta buông hết

những chủng tánh hư vọng sai biệt ấy, trở về với Thật tướng Viên giác thì không thủ không xả, thấy tướng chúng sanh và Bồ-tát đều như huyễn như hóa.

**ÂM:**

**- Chúng sanh mê đảo, vị năng trừ diệt nhất thiết huyễn hóa. Ư diệt vị diệt, vọng công dụng trung tiện hiển sai biệt. Nhược đắc Như Lai tịch diệt tùy thuận, thật vô tịch diệt cập tịch diệt giả.**

**DỊCH:**

*- Chúng sanh vì mê muội điên đảo, chưa diệt trừ tất cả pháp huyễn hóa, đối với pháp đáng diệt mà chưa diệt, nên trong vọng dụng công phu, liền hiển bày sai biệt. Nếu tùy thuận tịch diệt Như Lai thì thật không có cảnh tịch diệt và người tịch diệt.*

**GIẢNG:**

Phật nói rằng bởi chúng sanh mê cho nên điên đảo. Từ điên đảo đó nên chưa thể trừ diệt được tất cả huyễn hóa. Điên đảo của phàm phu là ngay nơi thân huyễn hóa vô thường này mà cứ nghĩ đó là thường. Mạng sống chỉ có trong hơi thở, nhưng có ai dám nói mạng sống mình trong hơi thở. ă ếu đang ba mươi thì nghĩ ngần lăm cũng sáu mươi tuổi mới chết. ă gười năm mươi thì nghĩ ngần lăm bảy mươi tuổi mới chết. Ít nhất cũng có hai mươi năm để cho mình có cái gì hứa hẹn. Chớ nếu gần quá thì buồn. Đó là điên đảo số một.

Rồi tới cái điên đảo thứ hai là thân bất tịnh mà tưởng là tịnh. Lúc nào chúng ta cũng nghĩ mình là đẹp, mình là sạch. Thân ô uế bất tịnh mà tưởng là tịnh nên khi người ta nói khác đi, chê chúng ta dơ hôi thì chúng ta tức lên vì trái với cái tưởng của mình. ă hư vậy không điên đảo là gì?

Đến cái thứ ba là thọ khổ mà tưởng là lạc. Lãnh thọ là cảm giác khi mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng v.v... tất cả lãnh thọ đó đều là khổ mà mình lại tưởng là vui. ă hư ăn món ngon cho là vui, nghe tiếng nhạc cho là vui, thấy cảnh đẹp cho là vui... Tất cả những cái đó chúng ta cho là vui nên cứ mãi đuổi theo. Giả sử có một cái vui nào đó cứ còn mãi với chúng ta, liệu chúng ta có vui không? Ví dụ như có người ghiền sầu riêng, họ cho được ăn sầu riêng là ngon, là vui. Bây giờ có người tặng cho họ hai ba chục trái sầu riêng ăn hoài, sáng ăn trưa ăn chiều ăn thì còn vui không? ă ghe nhạc cũng vậy, nhạc hay mà giờ nào cũng nghe bên tai hoài còn vui không? Tất cả những cái vui đó là vui trong vô thường tạm bợ, đâu có thật là vui. Vậy mà người thế gian tưởng đó là vui, cứ đuổi theo. ă hưng được rồi là nó mất, mất rồi tìm nữa, cứ như vậy cả cuộc đời trong vô thường mà không hay. Đó là thọ khổ mà cứ tưởng là lạc.

Rồi thân vô ngã mà tưởng là ngã - ngã tức là chủ thể, là thường còn, là thuần nhất. Về vật chất thì thân này thay đổi từng tế bào, về tinh thần thì tâm này niệm niệm sanh diệt. Hai cái đó là một dòng sanh diệt đổi thay, mà chúng ta tưởng là thường, tưởng là chủ thể nên cho là ngã. Cái vô thường biến đổi mà cho là thường là thật, đó là điên đảo thứ tư.

Bốn cái điên đảo đó gọi là điên đảo phàm phu. Chúng ta chấp những điên đảo đó không dám bỏ nên không thể trừ được tất cả huyễn hóa. Vì không trừ được huyễn hóa nên không thể chứng được quả Bồ-đề. Vì vậy Phật bảo chúng ta phải thấy rõ cái huyễn hóa đó, chúng ta không mê không lầm nó nữa thì mới có thể trừ diệt được điên đảo.

Hiện tại chúng ta còn vô minh chấp ngã, chấp pháp, lúc khởi niệm này lúc khởi niệm kia lăng xăng lộn xộn, nên tôi khuyên quý vị tu biết vọng, vọng tưởng khởi biết nó là không thật thì buông, đó là dụng vọng công phu. Ắt người nào bỏ lâu ngày thì vọng tưởng còn ít, gọi người đó tu khá, người nào mới tu vọng tưởng nhiều thì nói tu còn dở. Có khá có dở là căn cứ trên cái vọng dụng công phu sai biệt mà nói, chớ nó không thật. Vì chúng ta ở trong vòng tương đối chưa buông được pháp huyền hóa, nên ở trên cái vọng dụng công phu mà dẹp nó, liền thấy có sai biệt.

Ắt ắt thể nhập được tánh Viên giác tịch diệt ắt hư Lai rồi thì không còn thấy một pháp nào cả, huống là có cảnh tịch diệt và người tịch diệt. Tức là tu đến chỗ này không còn thấy hai pháp đối đãi nữa. Giống như bức tranh thứ tám trong Thập mục ngư đồ là một vòng tròn không có người chẵn và trâu để chẵn. Ắt ắt còn thấy cảnh tịch diệt và người tịch diệt là còn thấy hai. Tu tới đây, quý vị mới thấy hiện tại chúng ta tu, đều nằm trong vòng đối đãi. Khi tu thì nói: “Tôi ráng tu làm sao cho được nhập ắt iết-bàn.” Hỏi ai nhập? Tôi nhập. Thế là có người nhập ắt iết-bàn và có cảnh giới ắt iết-bàn để nhập. Ắt ắt vậy, ắt iết-bàn là cảnh mình là người, giống hệt như tôi tu để về Cực Lạc, có cảnh Cực Lạc và người về Cực Lạc, còn năng còn sở, còn hai cái đối đãi. Ắt ắt nói tu mà không còn có cảnh có người thì chán lắm buồn lắm, cho nên khi nghe nói tới chỗ cứu kính không còn năng không còn sở, không còn người không còn cảnh thì cảm thấy khó hiểu. Chớ nếu nói cảnh giới ắt iết-bàn đẹp đẽ rực rỡ, vào đó thật là sung sướng, nghe như vậy chúng ta mới ham mới tu. Cũng như nói về Cực Lạc, ở đó toàn là vàng ròng, được ăn bát báu, được đi chơi, không làm mà tự nhiên có ăn, đủ thứ sung sướng, ham quá cho nên thích tu. Còn ở đây nói không có cảnh tịch diệt và người tịch diệt, thật là buồn. Vì sao? Vì chúng ta tu là mong đạt một cái gì đó, đa số là tu vì bản ngã. Chúng ta tu hành đời này cực khổ là mong đời sau được sung sướng hơn. Ắt ắt tu mà không nói đời sau ra sao thì buồn lắm không thể tu được. Ắt ắt vậy chúng ta tu là tu vì bản ngã, mà bản ngã là kiến chấp lầm lẫn nên chúng ta mới đi trong sanh tử luân hồi. Bây giờ nếu chúng ta cũng tu theo bản ngã thì không bao giờ hết luân hồi, nhưng luân hồi xấu hay luân hồi tốt, cũng như giấc mộng lành giấc mộng dữ vậy thôi.

Giờ đây, chúng ta phải tỉnh hẳn, hết mộng mới thật là vui. Còn mộng dù lành hay dữ cũng là mộng. Kiếp người ba mươi năm hay năm mươi năm, thoáng qua nhớ lại không phải mộng là gì? Ắt ắt thật thì nó không mất, mà nó mất thì làm sao nói thật? Ắt ắt vậy để chúng ta thấy rõ chủ yếu giải thoát sanh tử luân hồi là sống được với tánh Viên giác của mình. Khi sống được với tánh Viên giác rồi thì không còn năng sở nữa, vì tánh Viên giác là mình thì không có ai năng và cái gì là sở. Ắt ắt còn có cảnh ắt iết-bàn để chứng thì ắt iết-bàn là sở, người tu là năng, ấy là còn đối đãi nên khi nhập được tánh Viên giác thì không còn thấy có mình và có tánh Viên giác là hai. Vì vậy nên nói không thủ không chứng để chúng ta tu không mong thủ chứng. Lý Viên giác thật là thâm sâu, người học mà không tập sống thì đọc tới đoạn này thấy rối rắm khó hiểu.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, do vọng tưởng ngã cập ái ngã giả, tăng bất tự tri niệm niệm sanh diệt, cố khởi tăng ái đam trước ngũ dục.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ do vọng tưởng ngã và ái ngã, chẳng từng tự biết niệm niệm sanh diệt cho nên khởi yêu ghét và đam mê ngũ dục.*

### **GIẢNG:**

Đức Phật nhắc lại cho tất cả chúng ta thấy từ vô thủy đến nay, do vọng tưởng chấp ngã là thật rồi ái ngã, cho nên chưa từng biết thân tâm của mình đổi thay từng phút từng giây. Thân tâm mình đổi thay từng phút từng giây, vậy mà không dám nói nó đổi thay, vì sợ đổi thay rồi sẽ mau mất. Ở thế gian, chúng ta gạt nhau mà cũng hài lòng trong cái gạt gẫm đó. Chúng ta luôn luôn tránh né sự thật. Ví dụ khi thấy anh B mập phì ra mà không dám quở, bèn nói tránh: “Chà! Lúc này coi bộ anh phát tướng quá.” ả ghĩa là lúc nào cũng sợ không dám nói lẽ thật, nói thật sợ lỡ họ đau rồi chết, đủ thứ sợ. Còn thấy người kia ốm quá cũng không dám quở nữa, sợ họ mất thân. ả ói tóm lại lúc nào chúng ta cũng nơm nớp sợ cái ngã này bị bại hoại đổi thay. Tại sao vậy? Vì yêu nó quá, cho nên nói đến sự bại hoại đổi thay của nó là hồi hộp lo sợ. Vì vậy, ở đây Phật mới nói do vọng tưởng về ngã rồi ái ngã, chưa từng biết mỗi niệm sanh diệt đổi thay. ả ếu chúng ta nhận rõ sự đổi thay sanh diệt này thì coi nó không ra gì hết. Vì chúng ta yêu nó quá cho nên không dám thừa nhận sự bại hoại đổi thay của nó. Khi thấy đầu bạc răng rụng là chúng ta buồn, vì yêu ngã quá nên ngã bại hoại đổi thay là khổ đau.

ả ghịem cho kỹ mới thấy cái chấp ngã của chúng ta thật là lạ lùng; cái hằng đổi thay mà lúc nào cũng sợ đổi thay. ả ếu chúng ta biết đổi thay như thật là đã có tỉnh rồi. Chúng ta không dám nhìn cái đổi thay đó là tại vì chúng ta mê. Vì vậy, người đời không bao giờ dám nói lên sự thật. ả ói sự thật người đời cho là chán đời yếm thế, cho nên lúc nào cũng nói gạt nhau “cuộc đời là hạnh phúc, là an vui”. Dùng những danh từ cho đẹp, cho kêu để đánh lừa nhau. ả hưng đối diện với sự thật thì nó chẳng hay chẳng đẹp gì cả. ả ói đời là hạnh phúc mà tới nhà nào cũng thấy trán ông nhăn hai ba nếp, mặt bà dăm chiêu buồn bực, ít thấy người nào gương mặt thản nhiên tươi tỉnh, vậy mà lúc nào người đời cũng nói là hạnh phúc, an vui. Thử hỏi trong hiện tại có ai được hạnh phúc trọn ngày không? Hết bận tâm việc này tới bận tâm việc nọ, hết bực bội việc này đến bực bội việc kia. ả hư những chú bé lúc còn nhỏ nghĩ rằng ngày mai lớn lên có gia đình sẽ hạnh phúc. ả hưng khi có gia đình rồi phải vật lộn với cuộc sống để lo cho vợ con, cho gia đình, trăm thứ lo dồn dập, rồi dăm ra bực bội cau có. ả hư vậy hạnh phúc chỉ là cái ước mơ mà người ta tưởng là thật. Do vậy mà cuộc đời chúng ta chìm trong mê tối, không dám thấy lẽ thật. ả ếu có một người nào gan dạ nói thật thì chúng ta phiên trách người đó.

Đức Phật biết rõ bệnh của chúng ta là “ái ngã”, do ái ngã cho nên khởi yêu ghét và chìm đắm trong ngũ dục. Hễ có được món ăn ngon là thỏa mãn vị dục, có cái áo đẹp là thỏa mãn xúc dục, có radio nghe nhạc hay là thỏa mãn thanh dục... Lòng tham muốn không dứt, được cái này muốn cái kia, muốn mãi cho tới già chết mà không hay. Mọi người chúng ta ai cũng như ai đều gom góp những vật chất quý báu, để cung phụng cho cái thân này, lo cho nó từng li từng tí, rốt cuộc rồi nó cũng rã mất. Quý vị nghĩ coi chúng ta có giống như đã tràng không? Cứ bươi cát vun lên rồi sóng ủa đến lôi đi mất, lại vun lên nữa rồi sóng lôi đi nữa. Chúng ta cung phụng bảo vệ thân này, cuối cùng có bảo vệ được đâu? Vậy mà cứ làm hoài hết đời này tới đời kia, hết đời kia tới đời nọ... không phải đã tràng xe cát là gì? ả hưng mà ít ai thấy cái vô lý đó, cứ như thế mà hài lòng rồi bảo nhau: “Con người sanh ra là phải như vậy.” ả ếu chúng ta không tỉnh thì cứ loanh quanh mãi trong nẻo luân hồi!

**ÂM:**

- Nhược ngộ thiện hữu, giáo linh khai ngộ tịnh Viên giác tánh, phát minh khởi diệt, tức tri thử sanh tánh tự lao lự.

**DỊCH:**

- *Nếu gặp thiện hữu tri thức dạy cho khai ngộ tánh Viên giác thanh tịnh, thấy rõ sự sanh diệt, liền biết đời này tánh tự lao lự.*

**GIẢNG:**

*Lao là nhọc lự là lo tính, biết được cái sanh diệt trong mình, tức vọng tưởng sanh diệt. Cái vọng tưởng đó gọi là cái khởi diệt. Cái khởi diệt đó mình biết nó, biết đó là cái tánh tự lạng xãng suy nghĩ, không bao giờ an ổn... Chúng ta học đạo, nếu gặp được thiện hữu tri thức dạy cho khai ngộ tánh Viên giác thanh tịnh, chúng ta mới thấy rõ niệm niệm khởi diệt từng phút từng giây ở nơi mỗi chúng ta. Lúc đó mới biết kiếp sống con người vốn là lạng xãng lộn xộn không an, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh... có đó rồi mất đó, nó giả dối, chẳng có gì thật để chúng ta bám vào đó, rồi hải lòng với nó suốt cả cuộc đời.*

**ÂM:**

- Nhược phục hữu nhân lao lự vĩnh đoạn đặc pháp giới tịnh, tức bỉ tịnh giải vi tự chướng ngại, cố ư Viên giác nhi bất tự tại, thử danh phàm phu tùy thuận Giác tánh.

**DỊCH:**

- *Lại, nếu có người hàng đoạn các lao lự thì ngộ được pháp giới thanh tịnh, nhưng đối với tánh Viên giác chưa được tự tại, vì còn bị “cái biết tịnh” làm chướng ngại, những người ấy gọi là phàm phu tùy thuận tánh Viên giác.*

**GIẢNG:**

Ấu ếu có người ngay cái lạng xãng lộn xộn đó mà đoạn diệt thì lúc đó được cảnh giới thanh tịnh. Có đoạn có được nên cái thanh tịnh giải của người đó tự chướng ngại, bởi vì bên đây là đoạn bên kia là chứng; đoạn lao lự và chứng pháp giới định thì người đó đối với tánh Viên giác chưa được tự tại. Khi chúng ta tu gặp thầy bạn chỉ dạy ngộ được tánh Viên giác, chúng ta mới biết thân tâm này, cuộc sống này là cái sanh diệt lao xao, không bền vững, nên liền dụng tâm tu đoạn được cái lao xao ấy. Khi cái sanh diệt lao xao hết, chúng ta thấy được pháp giới thanh tịnh, nhưng lại chấp vào cảnh thanh tịnh đó, ấy là tự làm chướng ngại tánh Viên giác. Tôi thường nhắc quý vị vọng tưởng là cái lao xao, chột hiện chột mất làm nhiều loạn tâm người, bây giờ chúng ta buông vọng tưởng, vọng tưởng vừa lạng, ở chỗ lạng lẽ chúng ta hải lòng ngang đó là chướng ngại. Ấu ếu gọi là phàm phu tùy thuận tánh Viên giác, vừa thấy được vọng tưởng lạng bèn hải lòng, nên bị kẹt vào chỗ lạng lẽ thanh tịnh đó.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhất thiết Bồ-tát kiến giải vi ngại, tuy đoạn giải ngại, do trụ kiến giác, giác ngại vi ngại, nhi bất tự tại. Thử danh Bồ-tát vị nhập địa giả, tùy thuận Giác tánh.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, tất cả Bồ-tát bị kiến giải làm ngại, tuy đã đoạn được cái ngại của kiến giải, nhưng vẫn còn trụ ở kiến giác, do kiến giác làm ngại nên không tự tại. Những vị này gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh Viên giác.*

#### **GIẢNG:**

Đây là Bồ-tát hàng Tam hiền tức là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. ả hững vị Bồ-tát ấy bị kiến giải làm ngại, tức là còn thấy có cảnh để mình tu, có quả để mình chứng, nên tuy đoạn được cái ngại của kiến giải mà vẫn còn thấy có cái kiến giác, tức là thấy cái giác của mình cho nên bị nó làm chướng ngại không tự tại. Bồ-tát chưa nhập địa tức là chưa bước vào Sơ địa, gọi là Tam hiền. Đó gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh Viên giác, nhưng những vị này hơi xa với chúng ta.

#### **ÂM:**

*- Thiện nam tử, hữu chiếu hữu giác câu danh chướng ngại, thị cố Bồ-tát thường giác bất trụ, chiếu dữ chiếu giả đồng thời tịch diệt. Thí như hữu nhân tự đoạn kỳ thủ, thủ dĩ đoạn cố, vô năng đoạn giả. Tắc dĩ ngại tâm, tự diệt chư ngại, ngại dĩ đoạn diệt vô diệt ngại giả. Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ. Nhược phục kiến nguyệt, liễu tri sở tiêu, tất cánh phi nguyệt. Nhất thiết Như Lai chủng chủng ngôn thuyết khai thị Bồ-tát diệt phục như thị. Thử danh Bồ-tát dĩ nhập địa giả tùy thuận Giác tánh.*

#### **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, còn chiếu còn giác đều còn chướng ngại, thế nên Bồ-tát thường giác mà chẳng trụ, năng chiếu và sở chiếu đồng thời vắng lặng. Thí như có người tự chặt đầu mình, khi cái đầu đã chặt rồi thì không có người chặt đầu (năng đoạn). Thế thì dùng tâm chướng ngại diệt các chướng ngại. Khi chướng ngại đoạn diệt hết thì không còn người diệt chướng ngại. Kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết rõ ngón tay rốt ráo không phải là mặt trăng. Tất cả ngôn giáo của Như Lai khai thị cho Bồ-tát cũng như thế. Đây gọi là Bồ-tát đã nhập địa tùy thuận tánh Viên giác.*

#### **GIẢNG:**

Bồ-tát đã nhập địa là những vị Bồ-tát từ Sơ địa trở lên tới Thập địa, các ngài thấy còn chiếu còn giác là còn chướng ngại. Vì còn có vọng niệm để chúng ta giác, còn có vọng niệm để chúng ta chiếu thì vọng niệm là sở, giác chiếu là năng, chưa thuần thanh tịnh. Chiếu tức là dùng trí của mình để chiếu soi, dùng trí của mình để tỉnh giác. Còn dùng trí để chiếu vật, chiếu tâm thì còn dụng công. Còn dụng công là còn ngại. Ở đây, những vị Bồ-tát này thường giác mà không trụ, nghĩa là thường giác mà không trụ tâm, không cố kèm trong Tánh giác nữa cho nên giác một cách tự tại. ả ăng chiếu và sở chiếu đồng thời diệt hết, lúc đó được tịch tịnh không còn thấy đối đãi nữa. Tới chỗ đó cũng giống như người tự chặt đầu mình, khi cái đầu đã chặt rồi thì đâu có năng có sở, đâu có người hay chặt và kẻ bị chặt. Khi phá được cái năng sở rồi thì tâm chướng ngại nó tự diệt. Khi các chướng ngại diệt hết thì cũng không còn người diệt chướng ngại nữa.

ả hư vậy do dùng tâm ngại mà tự diệt các ngại, tức là do chúng ta dùng cái tâm thấy được các pháp ngại đó, rồi xả bỏ hết không còn ngại nữa, nên phá hết không còn các ngại. Các ngại đã đoạn hết rồi thì không còn cái năng diệt các ngại. Khi tự mình lấy cái tâm diệt ngại đó, diệt rồi xả luôn tâm diệt ngại nên diệt rồi không còn năng và sở. Tới chỗ

này mới thấy *kinh điển Phật dạy như ngón tay chỉ mặt trăng*. Thường chúng ta tu thì mình là người hay tu và pháp của Phật là pháp để mình tu, tới đây Bồ-tát phải thấy rõ pháp mình tu là phương tiện như ngón tay chỉ mặt trăng, nhân ngón tay mà thấy mặt trăng chớ đừng chấp ngón tay là mặt trăng. Ắ hư vậy để thấy kinh điển là phương tiện, ngộ mới là cứu kính, nếu thấy mặt trăng rồi thì ngón tay vô nghĩa. Cũng vậy, kinh điển giúp cho chúng ta ngộ được tánh Viên giác. Khi ngộ rồi, kinh điển chỉ là phương tiện bên ngoài thôi, không còn quan trọng nữa. Đây gọi là Bồ-tát nhập địa tùy thuận tánh Viên giác.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nhất thiết chướng ngại tức cứu kính giác, đắc niệm thất niệm vô phi giải thoát, thành pháp phá pháp giai danh Niết-bàn, trí tuệ ngu si thông vi Bát-nhã, Bồ-tát ngoại đạo sở thành tựu pháp, đồng thị Bồ-đề, vô minh Chân như vô dị cảnh giới, chư giới định tuệ cập dâm nộ si câu thị phạm hạnh, chúng sanh quốc độ đồng nhất pháp tánh, địa ngục thiên cung giai vi tịnh độ, hữu tánh vô tánh tề thành Phật đạo, nhất thiết phiền não tất cánh giải thoát, pháp giới hải tuệ chiếu liễu chư tướng do như hư không, thử danh Như Lai tùy thuận Tánh Giác.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, tất cả chướng ngại tức là cứu kính giác; chánh niệm thất niệm đều là giải thoát; giữ giới phá giới đều là Niết-bàn; trí tuệ ngu si đều là Bát-nhã; pháp của Bồ-tát và ngoại đạo thành tựu đồng là Bồ-đề; vô minh Chân như đồng một cảnh giới; giới, định, tuệ và dâm, nộ, si đều là phạm hạnh; chúng sanh quốc độ đồng một Pháp tánh; địa ngục thiên cung đều là Tịnh độ; hữu tình vô tình đều thành Phật đạo; tất cả phiền não là giải thoát rốt ráo, vì biển tuệ pháp giới soi rõ các tướng như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận Tánh Viên giác.*

**GIẢNG:**

Chư Phật khi thể nhập tròn đầy trong Tánh giác rồi thì lúc đó không một pháp nào ở ngoài Tánh giác, tất cả chỉ là một tâm nhất như bình đẳng. Còn chúng ta bây giờ có phân biệt nên tâm có sai biệt, có hơn có thua, có cao có thấp; nếu trở về được tánh Viên giác tròn đầy thì tất cả sai biệt đó đều bình đẳng hết. Phật nói chúng sanh lâu nay đã thành Phật, còn chúng ta thấy Phật khác chúng sanh khác, phạm khác Thánh khác, ngu khác trí khác. Chúng ta luôn luôn thấy có sai biệt vì do tâm vọng tưởng sai biệt nhìn trên giả tướng, còn chư Phật nhập được Pháp thân tròn đầy nên nhìn trên Pháp tánh. Mặc kệ trên tướng nhiều chừng nào thì phân biệt nhiều chừng nấy, bớt chạy theo tướng thì phân biệt theo đó mà bớt. Bớt phân biệt thì gọi là hàng Hiền, bớt nhiều gọi là hàng Thánh, không còn theo phân biệt thì gọi là Phật bình đẳng nhất như. Ắ hư vậy sự tu là dứt tâm thấy hai, cho nên nói rằng đến chỗ cứu kính là bình đẳng không hai.

Ắ hư Lai tùy thuận tánh Viên giác tức là tới chỗ không còn thấy có bên này hay bên kia dở, không còn thấy cái này là giác cái kia là mê, cái này là ngu cái kia là trí. Ắ ghĩa là khi thấy được Tánh chân thật không hai không khác, trên cái không hai không khác đó mà được thành tựu viên mãn rồi thì gọi là Ắ hư Lai tùy thuận tánh Viên giác. Đến chỗ này là vượt lên trên tất cả những cái đối đãi giữ giới phá giới, trí ngu, thiên đàng địa ngục, phiền não Ắ iết-bàn v.v... Thấy biết như vậy gọi là cái thấy biết của chư Phật, cho nên gọi là chư Phật tùy thuận Tánh giác.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, dẫn chur Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh cư nhất thiết thời bất khởi vọng niệm, u chur vọng tâm diệt bất tức diệt, trụ vọng tưởng cảnh bất gia liễu tri, u vô liễu tri bất biện chân thật. Bỉ chur chúng sanh văn thị pháp môn tín giải thọ trì bất sanh kính úy. Thị tắc danh vi tùy thuận Giác tánh.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, các vị Bồ-tát và những chúng sanh đời sau ở trong tất cả thời chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm cũng không cần dứt trừ, ở cảnh vọng tưởng mà không thêm phân biệt, đối với cái không hiểu biết chẳng biện chân thật, các chúng sanh kia nghe được pháp môn này tin hiểu thọ trì không sanh kính sợ. Ấy gọi là tùy thuận Tánh giác.*

**GIẢNG:**

Ấu gười mà tin lời dạy này thì ở trong tất cả thời không khởi vọng tưởng phân biệt, đối với vọng tâm cũng không cần dứt trừ, ở trong cảnh vọng tưởng cũng không thêm phân biệt. Ví như thấy cảnh này là cảnh giả, nghe âm thanh là giả nhưng không khởi thêm niệm phân biệt; thấy là thấy, nghe là nghe. Đối với cái không hiểu biết cũng không nói chân hay vọng. Cụ thể hơn, như thấy cái hoa là biết cái hoa, không thêm cái hiểu biết thật giả gì về cái hoa. Ấu hững chúng sanh đó nghe pháp môn này thì tin hiểu thọ trì không kính sợ, còn người nào không tin như vậy thì kính sợ, vì nghe nói không năng không sở là sợ lắm. Ấu gọi là tùy thuận tánh Viên giác.

Phật ban đầu chia ra phạm phu tùy thuận tánh Viên giác, Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh Viên giác, Bồ-tát nhập địa tùy thuận tánh Viên giác và chur Phật tùy thuận tánh Viên giác, rồi đến người cuối cùng này cho chúng ta thấy rằng tinh thần kinh Viên Giác chỉ thẳng phương pháp đôn ngộ. Phương pháp đôn ngộ này chur Tổ hằng truyền bá, bảo chúng ta hằng giờ hằng phút hằng giây sống đúng với tinh thần Thiền là không chạy theo phân biệt ngoại cảnh. Đối cảnh mắt thấy tai nghe nhưng không duyên lự theo cảnh là trở về Tánh giác không khó khăn gì. Ấu hư vậy, hiện giờ chúng ta tập tu có tùy thuận tánh Viên giác không? Các vị Thiền sư hai mươi bốn giờ trong một ngày đêm không khởi niệm, các ngài có tùy thuận tánh Viên giác không? Ấu hư ngài Triệu Châu sử dụng được hai mươi bốn giờ trong ngày, như thế là trong tất cả thời không có vọng tưởng, đối với các vị ấy có cần nói tu hành không? Ấu ếu nói các ngài tu hành là họa. Vì vậy, ở đây Phật nói đối với vọng tâm cũng không cần đoạn diệt. Đối với những người đã thật sống với lý Thiền thì khi nghe pháp môn Viên giác này không thấy khó.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhữ đấng đương tri như thị chúng sanh, dĩ tăng cúng dường bá thiên vạn ức hằng hà sa chur Phật cập đại Bồ-tát thực chúng đức bản, Phật thuyết thị nhân danh vi thành tựu nhất thiết chủng trí.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, các ông nên biết, những chúng sanh như thế đã từng gieo trồng cội gốc công đức, cúng dường trăm ngàn muôn ức chur Phật và Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng. Phật nói người này sẽ thành tựu Nhất thiết chủng trí.*

**GIẢNG:**

Câu “Kiến tánh thành Phật” của Thiền với đoạn kinh này không có khác. Ắ gười nào thực hiện đúng với tinh thần của nhà thiền dạy, trong buồng tất cả vọng tưởng, ngoài thấy tất cả cảnh đều hư dối, không thêm một niệm, cũng không phân biệt đây là giả kia là chân, hằng sống được như vậy thì người ấy tin hiểu pháp môn này không khó, vì người ấy đã gieo trồng vô lượng hằng hà sa công đức rồi. Ở đây Phật nói đã gieo trồng căn lành nơi trăm ngàn muôn ức đức Phật và Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, chớ không phải ngẫu nhiên mà được như vậy. Bây giờ chúng ta mới tập chút chút theo cách sống đó thì chúng ta đã cúng dường được bao nhiêu đức Phật và Bồ-tát? Chúng ta mới tập làm, chắc cũng được cúng dường Phật bằng một hột cát sông Hằng. Ắ hư vậy để thấy rằng người có duyên với Đại thừa đốn giáo này không phải ngẫu nhiên, mà đã có duyên hoặc nhiều hoặc ít, hoặc gần hoặc xa với Đại thừa rồi. Ắ ều ai đã hữu duyên gặp được pháp môn đốn giáo của Đại thừa thì cứ vững niềm tin tiến tu, sớm muộn gì cũng sẽ thành Phật.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trưng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

- Thanh Tịnh Tuệ đương tri  
Viên mãn Bồ-đề tánh  
Vô thủ diệt vô chứng  
Vô Bồ-tát chúng sanh  
Giác dữ vị giác thời  
Tiệm thứ hữu sai biệt  
Chúng sanh vì giải ngại  
Bồ-tát vị ly giác  
Nhập địa vĩnh tịch diệt  
Bất trụ nhất thiết tướng  
Đại giác tất viên mãn  
Danh vị biến tùy thuận  
Mạt thế chư chúng sanh  
Tâm bất sanh hư vọng  
Phật thuyết như thị nhân  
Hiện thể tức Bồ-tát  
Cúng dường hằng sa Phật  
Công đức dĩ viên mãn  
Tuy hữu đa phương tiện  
Giai danh tùy thuận trí.

**DỊCH:**

*Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nói kệ rằng:*

- Thanh Tịnh Tuệ nên biết  
Tánh Bồ-đề viên mãn  
Không thủ cũng không chứng  
Không Bồ-tát chúng sanh  
Giác cùng với chưa giác  
Thứ lớp có sai biệt.  
Chúng sanh vì giải ngại  
Bồ-tát chưa lìa giác

*Nhập địa hằng vắng lặng  
Không trụ tất cả tướng  
Viên mãn quả Đại giác  
Gọi là tùy thuận khắp.  
Những chúng sanh đời sau  
Tâm không sanh hư vọng  
Phật gọi người như thế  
Hiện đời là Bồ-tát.  
Cúng dường hằng sa Phật  
Công đức đã viên mãn  
Tuy có nhiều phương tiện  
Đều gọi trí tùy thuận.*

**GIẢNG:**

Bài trùng tụng này đức Phật dạy: ă ều những vị nào còn có kiến giải làm ngại và cái giác làm ngại thì gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận Tánh giác. ă hững vị không còn bị kiến giải làm chướng ngại thì tâm được lặng lẽ vì không còn mắc kẹt trên tướng, đây là Bồ-tát nhập địa. Còn đến quả vị Phật thì các ngài tùy thuận khắp tất cả. ă ều chúng sanh đời sau tâm không khởi vọng tưởng hư dối, Phật nói người như thế hiện đời là Bồ-tát. ă gười mà tâm không khởi vọng tưởng hư dối, không cần gọi Bồ-tát vị đó cũng là Bồ-tát rồi, vì vị đó đã trồng công đức hằng sa chư Phật. Tuy có nhiều pháp môn phương tiện nhưng tất cả đều tùy thuận tánh Viên giác.

## CHƯƠNG VII

### BỒ-TÁT OAI ĐỨC TỰ TẠI THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn quảng vị ngã đẳng phân biệt như thị tùy thuận Giác tánh linh chur Bồ-tát giác tâm quang minh, thừa Phật viên âm bất nhân tu tập nhi đắc thiện lợi. Thế Tôn, thí như đại thành ngoại hữu tứ môn tùy phương lai giả, phi chỉ nhất lộ. Nhất thiết Bồ-tát trang nghiêm Phật quốc, cập thành Bồ-đề phi nhất phương tiện. Duy nguyện Thế Tôn quảng vị ngã đẳng tuyên thuyết nhất thiết phương tiện tiệm thứ tinh tu hành nhân tổng hữu kỉ chủng, linh thử hội Bồ-tát cập mật thể chúng sanh cầu Đại thừa giả, tốc đắc khai ngộ, du hí Như Lai đại tịch diệt hải.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Lúc đó, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật đi nhiều bên phải ba vòng, qui gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, đã vì chúng con phân biệt rộng tùy thuận Tánh giác như thế, khiến cho các Bồ-tát, nương nơi viên âm của Phật mà tâm được sáng suốt, không nhân tu hành mà được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, ví như thành lớn, ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà vào, chẳng phải chỉ một đường. Tất cả Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật và thành Bồ-đề chẳng phải chỉ có một phương tiện. Cúi xin đức Thế Tôn rộng vì chúng con tuyên nói tất cả phương tiện thứ lớp và người tu hành có bao nhiêu hạng để cho Bồ-tát trong hội này và chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa mau được khai ngộ, đạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai.*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Oai Đức Tự Tại là biểu trưng nơi mình, Đức là chỉ cho bên trong sung túc, Oai là hiện tướng bên ngoài khiến người nể phục. Trong có đầy đủ diệu đức nên hiện ra ngoài có những oai phong khiến người khác phải nể phục. Ở chương này Bồ-tát Oai Đức Tự Tại tự đã biết pháp tu viên mãn rồi, nhưng vì thương chúng sanh đời sau căn cơ thấp kém không thể nghe pháp đốn giáo liền nhập dễ dàng mà cần phải có phương tiện thứ lớp mới tiến tu được, nên ả gài thị hiện đứng ra thưa hỏi để đức Phật chỉ rõ cho chúng sanh đời sau dễ tiến tu.

Ý của Bồ-tát Oai Đức Tự Tại hỏi rằng: Muốn thể nhập tánh Viên giác có bao nhiêu thứ phương tiện và thứ lớp như thế nào? Sau đó ả gài đưa ra một ví dụ là có một cái thành lớn ở ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà vào, chẳng phải chỉ có một cửa một đường. Chẳng hạn như thành phố Sài Gòn, người ở miền Đông thì phải đi con đường từ miền Đông vào, người ở miền Tây thì phải đi con đường từ miền Tây vào,

người ở miền Trung thì phải đi con đường từ miền Trung vào; mỗi người tùy theo chỗ của mình ở mà có những con đường vào khác nhau, chớ không phải cố định có một con đường vào thành phố. Cũng như thế, muốn vào biển Viên giác cũng có nhiều phương tiện để vào, bởi vì tất cả sự tu hành đều là phương tiện. Phương tiện nào đưa đến giác ngộ, phương tiện nào đưa đến giải thoát, đó là chủ yếu mà ngài Bồ-tát Oai Đức Tự Tại đứng ra thưa hỏi.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Oai Đức Tự Tại Bồ-tát ngôn:**

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạng thể chúng sanh vấn ư Như Lai như thị phương tiện. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Oai Đức Tự Tại Bồ-tát phụng giáo hoan hỉ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, Vô thượng Diệu giác biến chư thập phương xuất sanh Như Lai dữ nhất thiết pháp đồng thể bình đẳng, ư chư tu hành thật vô hữu nhị phương tiện tùy thuận kỳ số vô lượng, viên nhiếp sở qui tuần tánh sai biệt đương hữu tam chủng.

**DỊCH:**

*Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Oai Đức Tự Tại rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và những chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Ông hãy lắng nghe ta sẽ vì các ông nói.*

*Khi ấy, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại vâng lời dạy vui vẻ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.*

*- Nay thiện nam, tánh Viên giác vô thượng nhiệm mầu trùm khắp mười phương sanh ra Như Lai và tất cả pháp đồng thể bình đẳng, đối với sự tu hành thật không có hai, song phương tiện tùy thuận thì vô lượng, gom hết trở về theo tánh sai biệt, có ba thứ.*

**GIẢNG:**

Đây Phật chỉ rõ đường tu hành để nhập tánh Viên giác vô thượng nhiệm mầu thì không có hai, nhưng căn cứ vào phương tiện tùy thuận thì có vô lượng không thể kể hết, đứng trên chỗ sai biệt tạm nói có ba là Chi, Quán và Thiền.

**ÂM:**

- Thiện nam tử! Nhược chư Bồ-tát, ngộ tịnh Viên giác, dĩ tịnh Giác tâm thủ tịnh vi hạnh, do trùng chư niệm, giác thức phiền động, tịnh tuệ phát sanh, thân tâm khách trần từng thủ vĩnh diệt. Tiệm năng nội phát tịch tĩnh khinh an. Do tịch tĩnh cố thập phương thể giới chư Như Lai tâm ư trung hiển hiện, như kính trung tượng. Thủ phương tiện giả danh Xa-ma-tha.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, nếu Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh, dùng Tâm giác thanh tịnh giữ cái lặng lẽ làm hạnh, rồi y đó lặng các vọng niệm và biết thức phiền động, thì trí tuệ lặng lẽ phát sanh, thân tâm khách trần từ đây diệt hết. Nội (tâm) liền phát ra lặng lẽ khinh an. Do vì lặng lẽ nên tâm của các đức Như Lai ở mười phương thế giới hiển hiện rõ trong đó, như bóng hiện trong gương. Phương tiện này gọi là Xa-ma-tha.*

#### **GIẢNG:**

*Xa-ma-tha* (Sámatha) chữ Phạn, Trung Hoa dịch là *Chỉ*. Phương tiện đầu là tu Chỉ, phương tiện tu Chỉ trong kinh Viên Giác khác hơn phương tiện tu Chỉ Quán của tông Thiên Thai.

Phật dạy có ba giai đoạn:

- 1- Giác ngộ mình có tánh tịnh Viên giác, tức là Tánh giác sẵn tròn đầy bên trong.
- 2- Phải biết thức tâm hay thức tình này là phiền động.
- 3- Được cái tịch tĩnh khinh an nên tâm các đức ả hư Lai đều ở trong đó hiện bày.

Đầu tiên Phật nói rằng các vị Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh, nghĩa là ngộ được Pháp thân rồi thì dùng Tâm giác thanh tịnh giữ cái lặng lẽ làm hạnh, tức là lóng lặng hết các vọng niệm và biết thức dao động. Do tâm lặng lẽ nên trí tuệ sáng suốt thanh tịnh phát sanh. Khi trí tuệ thanh tịnh sáng suốt phát sanh thì những cái xao xuyên phiền động của thân tâm ngang đây bật dứt. Bây giờ nội tâm được tịch tĩnh khinh an. Do thân tâm tịch tĩnh khinh an nên tâm của tất cả chư Phật hiện rõ trong đó, giống như bóng hiện trong gương vậy. Tức là tâm của người tu thật lặng lẽ cho nên thấy hình ảnh mười phương chư Phật đều hiện. Phương pháp tu này gọi là Chỉ.

Chúng ta thấy điều kiện tiên quyết đức Phật nêu ra là trước phải ngộ được tánh tịnh Viên giác, điều kiện này không khác điều kiện các vị Thiên sư nêu ra. Đó là tu thiền trước phải kiến tánh, thường gọi là kiến tánh khởi tu. Cho nên phải nhận ra tánh bất sanh bất diệt, tánh bất sanh bất diệt đó gọi là tánh Viên giác. ả hận ra được rồi mới dùng các phương tiện dẹp các vọng trần, vọng tưởng. ả hưng lóng các niệm này, chúng ta đừng hiểu lầm, nhiều người nghe nói lóng hết các tâm niệm vọng tưởng xuống nên ngồi đờ cổ kèm nó lại, đó là bệnh của thiền, vì không biết cứ tưởng đờ xuống đừng cho dấy lên, nhưng càng đờ càng tai hại. Ở đây phải khéo hiểu như các Thiên sư dạy, tức biết vọng không theo. Cho nên *trừng tâm* là dùng nó lại.

Chúng ta tu thì có khi dùng Chỉ, có khi dùng Quán. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói Chỉ và Quán đồng thời, Chỉ là định và Quán là tuệ, hai cái không rời nhau. ả gay khi vọng tưởng khởi chúng ta biết và buông, đó là có Chỉ và Quán; biết vọng tưởng là Quán, buông không theo và vọng tưởng lặng xuống là Chỉ, ấy là định tuệ đồng tu chớ không chia ra hai thứ. Chia ra hai thứ là khi nào luôn luôn dùng một cách. ả hư khi ngồi thiền, dùng phương tiện buộc tâm, vọng tưởng không dấy lên, tâm lặng lẽ, đó gọi là Chỉ. Còn nếu dùng trí xét tới xét lui thấy thân này do tứ đại hòa hợp, rồi sẽ rã tan, gọi là Quán. Đây chúng ta nói có tính cách chia chẻ, chớ thật ra trong Chỉ đã có Quán, trong Quán đã có Chỉ, pháp tu này Lục Tổ gọi là định tuệ bình đẳng. Còn Chỉ Quán của tông Thiên Thai dạy tu về Sổ tức (đếm hơi thở), rồi qua Tùy tức (theo hơi thở), rồi Chỉ (dùng tâm ở mũi) để thấy hơi thở ra vô, hoặc dùng đờ mục đờ trụ tâm một chỗ ấy là Chỉ. Quán là ứng dụng pháp quán chiếu.

Đoạn kinh này nói cảnh giới của hàng Bồ-tát vượt quá pháp Chi Quán thường của chúng ta, cho nên nghe hơi khó hiểu.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhược chur Bồ-tát ngộ tịnh Viên giác, dĩ tịnh Giác tâm tri giác tâm tánh cập dữ căn trần giai nhân huyễn hóa, tức khởi chur huyễn, dĩ trừ huyễn giả, biến hóa chur huyễn nhi khai huyễn chúng. Do khởi huyễn cố, tiện năng nội phát đại bi khinh an. Nhất thiết Bồ-tát từng thử khởi hạnh, tiện thứ tăng tiến. Bĩ quán huyễn giả phi đồng huyễn cố phi đồng huyễn quán, giai thị huyễn cố, huyễn tướng vĩnh ly. Thị chur Bồ-tát sở viên diệu hạnh, như thổ trường miêu. Thử phương tiện giả danh Tam-ma-bát-đề.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam tử, nếu các vị Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh rồi, dùng Giác tâm thanh tịnh nhận biết tâm tánh cùng với căn trần đều là huyễn hóa, liền khởi trí huyễn để trừ pháp huyễn, biến hiện các hạnh huyễn mà khai hóa chúng sanh như huyễn. Do khởi pháp quán huyễn nên nội tâm phát đại bi khinh an. Tất cả Bồ-tát từ đây khởi hạnh tu Quán, dần dần tăng tiến. Người quán huyễn không đồng với cảnh huyễn, không đồng với pháp quán huyễn, vì đều là huyễn nên tướng huyễn hằng lìa. Các vị Bồ-tát này ở nơi hạnh viên diệu như đất làm cho mầm được tăng trưởng, phương tiện ấy gọi là Tam-ma-bát-đề (Quán).*

**GIẢNG:**

*Tam-ma-bát-đề* (Samapatti) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là *Quán*. Đoạn này nói các vị Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh rồi, nhận biết được Giác tâm căn trần đều là huyễn hóa. ả ghĩa là biết rõ nơi thân này và bao nhiêu ý thức vọng tưởng đều huyễn hóa, cho tới ngoại cảnh chúng sanh cũng đều là tướng huyễn hóa. Khi ấy mới khởi trí huyễn để trừ huyễn, tức là niệm nào khởi lên cũng biết nó là huyễn liền buông. Bồ-tát có hai cách, một là khởi quán để trừ bệnh của chính mình, hai là khi thuận thực rồi lại dùng phương tiện huyễn hóa để giáo hóa chúng sanh. Phương tiện mình giáo hóa là huyễn thì chúng sanh được giáo hóa cũng là huyễn. Đó là cái quán của Bồ-tát.

Do khởi trí huyễn cho nên phát lòng đại bi khinh an. Tại sao khởi trí huyễn mà lại có tâm đại bi? Khi thấy rõ ràng thân này là huyễn, cảnh là huyễn, Tâm giác tri khởi quán cũng là huyễn và khi chúng ta nhìn thấy người khác cho thân cảnh là thật, thì tự nhiên thấy thương, lòng thương nhẹ nhàng trong sạch khác với lòng luyến ái tham dục cho nên gọi là đại bi khinh an.

Khi Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh rồi, các ngài mới y nơi tánh Viên giác quán các pháp căn, trần, thức là huyễn hóa không thật. Bấy giờ Bồ-tát khởi trí như huyễn để diệt vô minh phiền não như huyễn, tu các hạnh như huyễn, giáo hóa chúng sanh như huyễn. Khi các cảnh huyễn đã không, trí quán huyễn cũng hết, tức là tâm cảnh hay năng sở không còn, hằng xa lìa các tướng huyễn hóa thì tánh Viên giác chân thật (phi huyễn) của Bồ-tát hiện ra. Chẳng khác nào đất nuôi lớn mầm cây vậy. ả hư hạt giống ương dưới đất, nhờ đất mà nảy mầm, nhờ đất mà mầm tăng trưởng chớ không lui sụt, phương tiện này gọi là Quán.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhược chur Bồ-tát ngộ tịnh Viên giác, dĩ tịnh Giác tâm bất thủ huyễn hóa cập chur tĩnh tướng. Liễu tri thân tâm giai vi quái ngại vô tri giác minh bất y chur ngại vĩnh đặc siêu quá ngại vô ngại cảnh. Thọ dụng thể giới cập dư thân tâm, tướng tại trần vực, như khí trung hoàng thanh xuất vu ngoại, phiền não Niết-bàn bất tương lưu ngại. Tiệ năng nội phát tịch diệt khinh an diệu giác tùy thuận tịch diệt cảnh giới, tự tha thân tâm sở bất năng cập, chúng sanh thọ mạng giai vi phù tướng. Thử phương tiệ giả danh vi Thiên-na.

#### DỊCH:

- *Này thiện nam, nếu các vị Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh, dùng Giác tâm thanh tịnh không thủ pháp quán huyễn và tướng lặng lẽ. Rõ biết thân tâm đều là vật ngăn ngại, còn cái vô tri giác minh thì không bị các pháp làm chướng ngại, hằng siêu vượt các pháp chướng ngại và không chướng ngại. Thọ dụng các tướng thể giới và thân tâm ở cõi trần này, cũng như âm thanh từ đồ vật thoát ra ngoài, phiền não Niết-bàn chẳng lưu ngại nhau, nội tâm liền được lặng lẽ khinh an, diệu giác tùy thuận cảnh giới tịch diệt tự tha, thân tâm không còn có thể kịp nữa. Chúng sanh, thọ mạng đều là cái tướng phù hư. Phương tiệ tu này gọi là Thiên-na.*

#### GIẢNG:

*Thiên-na* (Dhyàna) là tiếng Phạn, thường nói là *Thiền*, cũng dịch là *Tĩnh lự*. Đoạn này Phật dạy, Bồ-tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh rồi, y nơi tánh Viên giác thanh tịnh mà tu, không chấp giữ pháp Chỉ và pháp Quán, thấy rõ thân tâm này là vật ngăn ngại, chỉ có “vô tri giác minh” không bị các pháp làm chướng ngại, vì *vô tri giác minh* hằng vượt trên các pháp tương đối chướng ngại và không chướng ngại... *Vô tri giác minh* trong kinh Thủ Lăng â ghiêm gọi là Vô phân biệt trí tức là cái trí biết không phân biệt. Ở đây *vô tri* là không phân biệt, *giác minh* là hằng giác hằng sáng. Thông thường chúng ta nhìn cảnh hoa liền phân biệt cảnh hoa đẹp xấu, biết như vậy là thức chớ không phải trí. Còn nếu nói theo tinh thần vô tri giác minh của kinh này, hay Vô phân biệt trí của kinh Lăng â ghiêm, thì thấy cảnh hoa biết cảnh hoa chớ không phân biệt cảnh hoa đẹp hoặc xấu rồi khen chê... không phân biệt gọi là vô tri, biết rõ cảnh hoa màu gì, loại hoa gì, đó là giác minh. Cái *vô tri giác minh* là cái biết sáng suốt không phân biệt, không bị các pháp thế gian làm chướng ngại, vì nó vượt trên tất cả pháp tương đối của thế gian. Trong kinh, Phật dùng thí dụ “khí trung hoàng”, ngày trước các Hòa thượng giảng đoạn này hay dùng thí dụ ở quê có cây đàn kim, trong có để miếng thiếc hay miếng đồng khua loong boong. Miếng đó ở trong lòng cái bọng, tiếng khua của nó vang ra ngoài. Ở đây cũng vậy, chúng ta biết thân là ngại, tâm là ngại khi đang ở trong cảnh trần chúng ta vẫn vượt ra ngoài không có chướng ngại. Thế nên Phật nói thân tâm của hành giả vẫn ở tại cõi trần mà không bị phiền não trần lao làm ngăn ngại, cũng không bị kẹt trong cảnh giới ả iết-bàn tịch tịnh. *Vô tri giác minh* đối với thân tâm của hành giả ở trong cõi trần này giống như âm thanh của vật thoát ra khỏi vật vậy. *Thân tâm không còn có thể kịp nữa* vì thân tâm là phù hư, không có thật, còn Trí vô phân biệt thì trùm khắp. Đây là cảnh giới của những vị Bồ-tát đã ngộ tánh Viên giác tu đến chỗ tịch diệt khinh an, có cái công dụng thân tâm ở cõi này mà không bị kẹt bị vướng.

Tóm lại phải nhận ngay nơi mình có Tánh giác, Tánh giác đó đối với thân này, ý niệm vọng tưởng này, cảnh giới hiện giờ này đều không chướng ngại được nó. Lúc đó

thân tâm này cũng như bọt nổi không có gì quan trọng. Ắ hện được như vậy và sống mãi chỗ đó, được lạng lẽ khinh an thì đó là cảnh giới Thiền-na.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, thử tam pháp môn giai thị Viên giác thân cận tùy thuận. Thập phương Như Lai nhân thử thành Phật. Thập phương Bồ-tát chủng chủng phương tiện nhất thiết đồng dị giai y như thị tam chủng sự nghiệp, nhược đắc viên chứng tức thành Viên giác.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, ba pháp môn này đều là thân cận tùy thuận tánh Viên giác. Mười phương Như Lai nhân đây mà thành Phật. Mười phương Bồ-tát tu mọi phương tiện đồng hay khác, đều y ba sự nghiệp này, nếu được viên chứng tức thành Viên giác.*

**GIẢNG:**

Phật kết thúc ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền là phương tiện chung cho tất cả người tu hành. Phật và Bồ-tát cũng y nơi đây mà tu. Căn cứ trên sự chứng ngộ thì Phật khác, Bồ-tát khác, nhưng phương tiện tiến tu thì đồng. Các ngài đều y theo ba pháp tu này mà được thành tựu đạo quả.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, giả sử hữu nhân tu ư Thánh đạo, giáo hóa thành tựu bá thiên vạn ức A-la-hán, Bích-chi Phật quả, bất như hữu nhân văn thử Viên giác vô ngại pháp môn, nhất sát-na khoảnh tùy thuận tu tập.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, giả sử có người tu theo Thánh đạo, giáo hóa trăm ngàn muôn ức người thành tựu quả A-la-hán, Bích-chi Phật, không bằng người chỉ nghe pháp môn Viên giác vô ngại này trong khoảng sát-na mà tùy thuận tu tập.*

**GIẢNG:**

Phật ca ngợi pháp môn Viên giác, giả sử có người giáo hóa một trăm, một ngàn, hay trăm ngàn vị chứng A-la-hán và Bích-chi Phật, công đức không bằng người nghe pháp môn Viên giác này chỉ trong khoảnh chốc lát mà tùy thuận tu tập. Tại sao vậy? Vì nếu dạy người tu chứng quả A-la-hán hay là chứng quả Duyên giác Bích-chi, chỉ phá được sự chướng mà chưa phá được lý chướng. Còn người nghe pháp môn này thâm nhập tu được thì vượt cả sự và lý chướng cho nên quý hơn.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

- **Oai Đức nữ đương tri  
Vô thượng đại giác tâm  
Bản tế vô nhị tướng  
Tùy thuận chư phương tiện  
Kỳ số tức vô lượng  
Như Lai tổng khai thị  
Tiện hữu tam chủng loại**

Tịch tĩnh Xa-ma-tha  
N như kính chiếu chư tượng  
N như huyễn Tam-ma-đề  
N như miêu tiệm tăng trưởng  
Thiền-na duy tịch diệt  
N như bỉ khí trung hoàng  
Tam chủng diệu pháp môn  
Giai thị giác tùy thuận  
Thập phương chư Như Lai  
Cập chư đại Bồ-tát  
Nhân thử đắc thành đạo  
Tam sự viên chứng cố  
Danh cứu kính Niết-bàn.

**DỊCH:**

*Khi ấy, Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên, nói kệ rằng:*

*- Oai Đức ông nên biết  
Tâm đại giác vô thượng  
Bản thể không hai tướng  
Tùy thuận các phương tiện  
Số có đến vô lượng  
Như Lai tổng khai thị  
Gồm có ba chủng loại  
Xa-ma-tha vắng lặng  
Như gương chiếu các bóng  
Tam-ma-đề như huyễn  
Như mầm dần tăng trưởng  
Thiền-na chỉ lặng dứt  
Như tiếng trong đồ vật  
Ba thứ diệu pháp môn  
Đều là tùy thuận giác  
Mười phương chư Như Lai  
Và các vị Bồ-tát  
Nhân đây được thành đạo  
Ba việc đều viên chứng  
Gọi cứu kính Niết-bàn.*

**GIẢNG:**

Tóm lại, ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền là pháp tu căn bản của chư Phật. Phương tiện đưa đến quả vị Phật và Bồ-tát mà các ngài ứng dụng tu, không ngoài ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền. Chúng ta bây giờ lại phân chia nhiều thứ. ả iệm Phật, đúng ra là tu Chỉ vì dùng một niệm để dừng nhiều niệm. ả hưng vì không hiểu nên nói niệm Phật là tu Tịnh độ khác hơn tu Thiền. Thật ra các pháp môn Phật dạy tu đều nhằm dừng vọng tưởng là Chỉ, còn thấy thân như huyễn cảnh như huyễn là Quán; người tu biết rõ ý niệm là vọng tưởng không theo, biết rõ cảnh như huyễn không dính, tâm thanh tịnh đó là Thiền. ả hư vậy, Thiền trùm cả Chỉ và Quán. Tuy ba mà một, tu theo Phật chỉ có con

đường này, chớ không có con đường nào khác hơn. Đó là lối đi chung của chư Phật và Bồ-tát. Ắt ều chúng ta cố chấp, khen pháp môn này đúng, chê pháp môn kia sai, khen chê hay dở là lầm chấp. Phật chỉ cho chúng ta tu rất đơn giản, dùng hết vọng tưởng là Chi, thấy rõ thân tâm cảnh giới như huyền hóa là Quán, trong buông vọng tưởng ngoài không dính cảnh là Thiền, tức là trở về Tánh giác.

Đường lối tu ở đây cũng vậy, tôi khuyên quý vị buông vọng tưởng là Chi, thấy thân như huyền, cảnh như huyền là Quán, như vậy luôn luôn ứng dụng Chỉ Quán và Chỉ Quán viên mãn là Thiền. Đó là phương tiện căn bản mà chư Phật chư Bồ-tát đã tu. Chúng sanh đời sau ai muốn tu thì cũng ứng dụng theo phương tiện này mới mong khỏi lầm lạc.

## CHƯƠNG VIII

### BỒ-TÁT BIỆN ÂM THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Biện Âm Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn như thị pháp môn thậm vi hi hữu. Thế Tôn thử chư phương tiện nhất thiết Bồ-tát ư Viên giác môn hữu kỹ tu tập. Nguyên vị đại chúng cập mặt thể chúng sanh phương tiện khai thị linh ngộ thật tướng.

Tác thị ngữ dĩ ngữ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Khi ấy Bồ-tát Biện Âm ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quì gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, pháp môn như vậy thật là ít có. Bạch Thế Tôn, các phương tiện này, tất cả Bồ-tát đối với môn Viên giác có bao nhiêu pháp tu tập? Xin vì đại chúng và chúng sanh đời sau phương tiện chỉ bày, khiến cho ngộ được Thật tướng.*

*Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Chương này Bồ-tát Biện Âm đứng ra thưa hỏi. Biện là biện biệt rành rẽ, Âm là tiếng, tức là phân biệt rành rẽ âm thanh. Theo nghĩa ở đây là ý nghĩa chia chẻ tỉ mỉ để người sau tùy căn cơ trình độ ai hợp pháp nào dùng pháp đó mà tu.

Ở trước ngài Oai Đức Tự Tại thưa hỏi Phật về phương tiện tu hành, Phật chỉ ba pháp môn là phương tiện. Ở đây Bồ-tát Biện Âm nêu lên câu hỏi như Phật dạy ở trước, pháp môn đó rất là ít có tức là pháp môn Chỉ, Quán, Thiền, với ba phương tiện đó muốn bước vào cửa Viên giác thì có bao nhiêu pháp tu tập, xin Phật chỉ dạy chi tiết rõ ràng.

**ÂM:**

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Biện Âm Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư đại chúng cập mặt thể chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị tu tập. Nhữ kim đế thỉnh đương vị nhữ thuyết.

Thời Biện Âm Bồ-tát phụng giáo hoan hỉ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thỉnh.

- Thiện nam tử, nhất thiết Như Lai Viên giác thanh tịnh, bản vô tu tập cập tu tập giả. Nhất thiết Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh, y ư vị giác, huyễn lực tu tập. Nhĩ thời tiện hữu nhị thập ngũ chủng thanh tịnh định luân.

**DỊCH:**

*Lúc đó, đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Biện Âm rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông vì đại chúng và chúng sanh đời sau thừa hỏi Như Lai về sự tu tập. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.*

*Khi ấy Bồ-tát Biện Âm vâng lời dạy vui vẻ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.*

*- Nay thiện nam, tất cả Viên giác thanh tịnh Như Lai vốn không tu tập và người tu tập. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y nơi chưa giác dùng sức huyễn mà tu tập. Khi ấy mới có hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân.*

**GIẢNG:**

Trước khi dạy các phương tiện khác, đức Phật lặp lại chủ yếu là tánh Viên giác không có pháp để tu tập và người tu tập, vì nguyên nó là cái thể không sanh diệt nên không do tu tập mà được, tánh Viên giác chính là mình cho nên nói không có người tu tập. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y nơi chưa giác dùng sức huyễn mà tu tập. Khi ấy mới có hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân.

Hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân là những pháp tu Chỉ, Quán và Thiền hoặc là đơn hoặc là ghép: tu Chỉ hay tu Quán riêng từng môn gọi là đơn, tu một lượt hai môn hoặc ba môn gọi là ghép, đổi tới đổi lui thành ra hai mươi lăm luân. ả hưng thật ra chỉ có ba môn căn bản là Chỉ, Quán và Thiền.

**ÂM:**

*- Nhược chư Bồ-tát duy thủ cực tĩnh, do tĩnh lực cố vĩnh đoạn phiền não, cứu kính thành tựu, bất khởi ư tòa, tiện nhập Niết-bàn. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Xa-ma-tha.*

**DỊCH:**

*- Nếu chư Bồ-tát chỉ giữ tâm vắng lặng do sức vắng lặng mà đoạn các phiền não, thành tựu rốt ráo, không rời khỏi chỗ ngồi liền vào Niết-bàn. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Chỉ.*

**GIẢNG:**

Bồ-tát hằng giữ tâm ở trạng thái thật tịch tĩnh, nên phiền não không sanh khởi, nhờ thế mà được thành tựu đạo quả rốt ráo, lúc đó ở ngay chỗ ngồi mà vào ả iết-bàn. Vị Bồ-tát này riêng tu pháp Chỉ.

**ÂM:**

*- Nhược chư Bồ-tát duy quán như huyễn, dĩ Phật lực cố biến hóa thể giới chủng chủng tác dụng, bị hành Bồ-tát thanh tịnh diệu hạnh, ư Đà-la-ni bất thất tịch niệm cập chư tĩnh tuệ. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Tam-ma-bát-đề.*

**DỊCH:**

*- Nếu Bồ-tát chỉ tu pháp quán như huyễn, dùng Phật lực biến hóa ra thể giới, khỏi các diệu dụng, thực hành đầy đủ công hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, đối với Đà-la-ni không mất niệm tịch tĩnh và tuệ lặng lẽ. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Quán.*

**GIẢNG:**

Bồ-tát khi dụng quán là y theo lời Phật dạy trong kinh để vận dụng tâm quán, tùy bệnh mà chiếu phá nên nói rằng có các thứ biến hóa, các thứ tác dụng. ả ghĩa là do sức Phật chỉ dạy rồi nương theo đó quán chiếu. Thí dụ áp dụng quán bằng trí Bát-nhã thì tùy quán riêng từng uân hoặc quán chung năm uân, quán một trần hoặc quán sáu trần... có khi chung lại có khi chia ra biến hóa vô cùng. Bởi do khéo chuyển biến tu hành, lần lần diệu hạnh thanh tịnh của Bồ-tát được đầy đủ. Đầy đủ rồi tổng nhiếp tất cả. ả hư vậy Bồ-tát này chuyên quán huyễn, nương nhờ sức biến hóa của chư Phật ứng dụng trong sự tu hành, thấy rõ các pháp như huyễn cho nên không mất niệm tịch tĩnh. Đà-la-ni là tổng trì, nghĩa là đối với các pháp đều thấy nó như huyễn, do đó có tuệ, được lặng lẽ, nên nói Bồ-tát này riêng tu pháp Quán.

**ÂM:**

**- Nhược chư Bồ-tát duy diệt chư huyễn bất thủ tác dụng, độc đoạn phiền não, phiền não đoạn tận, tiện chứng thật tướng. Thử Bồ-tát giả danh đơn tu Thiên-na.**

**DỊCH:**

*- Nếu Bồ-tát chỉ diệt các pháp huyễn mà không chấp thủ tác dụng, riêng đoạn phiền não, phiền não đoạn hết liền chứng được Thật tướng. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Thiên-na.*

**GIẢNG:**

Bồ-tát chuyên tu đoạn diệt các tướng huyễn hóa, và không chấp thủ pháp tu, chỉ một bề lo đoạn trừ phiền não. Bởi vì các tướng thân tâm và ngoại cảnh đều là huyễn hóa cho nên không mắc kẹt. Đây là dùng trí thấy rõ nó là hư dối nên không kẹt, không cần quán hay chi. Khi phiền não sạch rồi thì chứng được Tướng chân thật nên gọi Bồ-tát này riêng tu pháp Thiên-na.

**ÂM:**

**- Nhược chư Bồ-tát tiên thủ chí tĩnh, dĩ tĩnh tuệ tâm chiếu chư huyễn giả, tiện ư thị trung khởi Bồ-tát hạnh. Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.**

**Nhược chư Bồ-tát dĩ tĩnh tuệ cố, chứng chí tĩnh tánh, tiện đoạn phiền não, vĩnh xuất sanh tử. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, hậu tu Thiên-na.**

**Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch tĩnh tuệ phục hiện huyễn lực chủng chủng biến hóa độ chư chúng sanh, hậu đoạn phiền não nhi nhập tịch diệt. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha trung tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiên-na.**

**Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực, đoạn phiền não dĩ, hậu khởi Bồ-tát thanh tịnh diệu hạnh độ chư chúng sanh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, trung tu Thiên-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.**

**Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực, tâm đoạn phiền não, phục độ chúng sanh kiến lập thế giới. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, tề tu Tam-ma-bát-đề Thiên-na.**

**Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực tư phát biến hóa, hậu đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiên-na.**

Nhược chur Bô-tát dĩ chí tĩnh lực dụng tư tịch diệt, hậu khởi tác dụng, biến hóa thế giới. Thử Bô-tát giả danh tề tu Xa-ma-tha Thiên-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực, chủng chủng tùy thuận nhi thủ chí tĩnh. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực, chủng chủng cảnh giới nhi thủ tịch diệt. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiên-na.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực nhi tác Phật sự an trụ tịch tĩnh, nhi đoạn phiền não. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, trung tu Xa-ma-tha, hậu tu Thiên-na.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực vô ngại tác dụng, đoạn phiền não cố, an trụ chí tĩnh. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, trung tu Thiên-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực phương tiện tác dụng, chí tĩnh tịch diệt nhị câu tùy thuận. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, tề tu Xa-ma-tha Thiên-na.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực, chủng chủng khởi dụng tư u chí tĩnh, hậu đoạn phiền não. Thử Bô-tát giả, danh tề tu Tam-ma-bát-đề Xa-ma-tha, hậu tu Thiên-na.

Nhược chur Bô-tát dĩ biến hóa lực tư u tịch diệt, hậu trụ thanh tịnh vô tác tĩnh lực. Thử Bô-tát giả, danh tề tu Tam-ma-bát-đề Thiên-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực nhi khởi chí tĩnh trụ u thanh tịnh. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Thiên-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực nhi khởi tác dụng u nhất thiết cảnh tịch dụng tùy thuận. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Thiên-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực chủng chủng Tự tánh an u tĩnh lực nhi khởi biến hóa. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Thiên-na, trung tu Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực vô tác tự tánh khởi u tác dụng thanh tịnh cảnh giới qui u tĩnh lực. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Thiên-na, trung tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực chủng chủng thanh tịnh nhi trụ tĩnh lực, khởi u biến hóa. Thử Bô-tát giả, danh tiên tu Thiên-na, tề tu Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực, tư u chí tĩnh nhi khởi biến hóa. Thử Bô-tát giả, danh tề tu Thiên-na Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chur Bô-tát dĩ tịch diệt lực tư u biến hóa nhi khởi chí tĩnh thanh minh cảnh tuệ. Thử Bô-tát giả, danh tề tu Thiên-na Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chur Bô-tát dĩ Viên giác tuệ, viên hợp nhất thiết u chur tánh tướng vô ly Giác tánh. Thử Bô-tát giả, danh vi viên tu tam chủng Tự tánh thanh tịnh tùy thuận.

Thiện nam tử, thị danh Bồ-tát nhị thập ngũ luân. Nhất thiết Bồ-tát tu hạnh như thị. Nhược chư Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh, y thử luân giả đương trì phạm hạnh tịch tĩnh tư duy cầu ai sám hối, kinh tam thất nhật, ư nhị thập ngũ luân, các an tiêu ký, chí tâm cầu ai tùy thủ kết thủ, y kết khai thị tiện tri đốn tiệm. Nhất niệm nghi hối tức bất thành tựu.

**DỊCH:**

*- Nếu chư Bồ-tát trước giữ tâm thật lặng lẽ, do tâm lặng lẽ nên trí tuệ chiếu soi các pháp như huyễn, liền khởi hạnh Bồ-tát. Gọi vị Bồ-tát này trước tu Chỉ sau tu Quán.*

*Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ yên tĩnh, chứng được Thở tánh thật lặng lẽ, liền đoạn các phiền não, thoát khỏi sanh tử. Gọi vị Bồ-tát này trước tu Chỉ sau tu Thiền.*

*Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ lặng lẽ lại hiện ra mọi sức biến hóa độ chúng sanh, sau mới đoạn phiền não, rồi vào chỗ tịch diệt. Gọi Bồ-tát này trước tu Chỉ, giữa tu Quán sau tu Thiền.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ đoạn các phiền não, sau khởi các diệu hạnh thanh tịnh để độ chúng sanh. Gọi Bồ-tát này trước tu Chỉ, giữa tu Thiền, sau tu Quán.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ tâm đoạn phiền não, sau lại dựng lập thế giới độ chúng sanh. Gọi Bồ-tát này trước tu Chỉ đồng thời tu Quán và Thiền.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ giúp phát khởi biến hóa, sau đoạn phiền não. Gọi vị Bồ-tát này đồng tu Chỉ và Quán, sau mới tu Thiền.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng lực dụng thật lặng lẽ để giúp cho sự tịch diệt, sau khởi ra tác dụng, biến hóa thế giới. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu Chỉ và Thiền, sau mới tu Quán.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa ra các thứ tùy thuận chúng sanh mà vẫn giữ (tâm) thật lặng lẽ. Gọi Bồ-tát này trước tu Quán, sau tu Chỉ.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức biến hóa các thứ cảnh giới mà vẫn giữ tịch diệt. Gọi Bồ-tát này trước tu Quán, sau tu Thiền.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các Phật sự, an trụ trong lặng lẽ mà đoạn phiền não. Gọi Bồ-tát này trước tu Quán, giữa tu Chỉ và sau tu Thiền.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các việc vô ngại, đoạn các phiền não rồi an trụ chỗ thật lặng lẽ. Gọi Bồ-tát này trước tu Quán, giữa tu Thiền và sau tu Chỉ.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện tác dụng rất lặng lẽ tịch diệt, cả hai đều tùy thuận. Gọi Bồ-tát này trước tu Quán, đồng thời tu Chỉ và Thiền.*

*Nếu những Bồ-tát dùng sức biến hóa khởi các công dụng giúp cho tâm thật lặng lẽ, sau mới đoạn phiền não. Gọi Bồ-tát này đồng tu Quán và Chỉ, sau mới tu Thiền.*

*Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa giúp cho tịch diệt, rồi sau trụ chỗ thanh tịnh mà không khởi tính lự. Gọi Bồ-tát này đồng tu Quán và Thiền, sau mới tu Chỉ.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt mà khởi hạnh thật lặng lẽ, rồi an trụ nơi thanh tịnh. Gọi Bồ-tát này trước tu Thiền, sau mới tu Chỉ.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt mà khởi tác dụng, ở trong tất cả cảnh lặng lẽ khởi dụng tùy thuận. Gọi Bồ-tát này trước tu Thiền, sau mới tu Quán.*

*Nếu các Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ, các thứ Tự tánh, an trụ nơi tĩnh lặng mà khởi pháp biến hóa. Gọi Bồ-tát này trước tu Thiền, giữa tu Chỉ, rồi sau mới tu Quán.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt của Tự tánh vô tác, ở cảnh giới thanh tịnh khởi tác dụng, rồi trở về chỗ tĩnh lặng. Gọi Bồ-tát này trước tu Thiền, giữa tu Quán, sau mới tu Chỉ.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng các thứ thanh tịnh của sức tịch diệt mà trụ ở chỗ tĩnh lặng, rồi khởi biến hóa. Gọi Bồ-tát này trước tu Thiền đồng thời tu Chỉ và Quán.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt giúp cho thật lặng lẽ rồi khởi biến hóa. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu Thiền và Chỉ, sau đó mới tu Quán.*

*Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt giúp cho biến hóa mà khởi trí tuệ lặng lẽ trong sáng. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu Thiền và Quán, sau đó tu Chỉ.*

*Nếu các vị Bồ-tát dùng tuệ Viên giác, viên hợp tất cả nơi các tánh tướng không lìa Tánh giác. Gọi Bồ-tát này viên tu ba thứ Tự tánh thanh tịnh tùy thuận.*

*Này thiện nam, như thế gọi là hai mươi lăm luân của Bồ-tát. Tất cả Bồ-tát nên như thế mà tu hành. Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau y theo những luân ấy, gìn giữ phạm hạnh, lặng lẽ tư duy thành tâm sám hối, trải qua hai mươi một ngày, nơi hai mươi lăm luân này, mỗi cái ghi ra để trên bàn chỉ tâm nguyện cầu, rồi tay bốc lên một cái, tùy theo cái đó mở ra, liền biết (căn cơ) mình thuộc đốn hay tiệm. Nếu còn một niệm nghi hối thì chẳng thành tựu.*

#### **GIẢNG:**

Tất cả chúng ta muốn được giác ngộ giải thoát, không tu pháp nào khác hơn là ba môn Chỉ, Quán và Thiền. Đó là ba pháp tu then chốt. Tùy theo căn cơ sai biệt của mỗi người mà ứng dụng, người thì ứng dụng Quán trước, người thì ứng dụng Chỉ trước, người thì ứng dụng Thiền trước. Tùy theo khả năng và đề thích nghi với hoàn cảnh của mình, mà linh động ứng dụng ba pháp tu ấy trước hay sau.

Ở hư có người tu Chỉ muốn được lặng lẽ thôi, nên không quán, lại có người thấy lặng lẽ buồn, quán các pháp như huyền vui hơn. Do đó nên đức Phật mới chia ra hai mươi lăm luân này. Chúng ta tu ứng dụng Chỉ hay Quán đều tốt, miễn tâm chúng ta an định là được rồi. Chớ không nói buông hết niệm là đúng hay Quán mới đúng. Ví dụ tâm chúng ta vừa dấy niệm nhớ người nhớ cảnh, chúng ta liền buông không theo thì vọng niệm tự lặng mất tạm gọi là Chỉ. Ở hư lại có người không chịu tu như vậy, họ nói kinh Bát-nhã Phật dạy quán chiếu ngũ uẩn không thật, sáu trần huyền hóa, nên đi đâu lúc nào cũng quán như vậy. Do quán như thế, nên không dính mắc với cảnh, tâm tự an định. Ở người buông vọng niệm thì tâm cũng an định, người quán các pháp như huyền tâm cũng an định. Dù Chỉ, Quán hay Thiền mà tâm yên lặng thanh tịnh là được. Vì tu phải dứt hết vọng niệm thì Thể chân thật mới hiện tiền. Tuy tu ba môn nhưng trở về có một chỗ là lặng vọng tướng và Tánh giác hiện tiền. Ở hư vì căn cơ của mỗi người khác nhau, nên Phật mới phân chia ra cho dễ thích ứng.

Có người tu Chi cứ dăm dăm nhìn xuống để buông vọng tưởng nên mặt buồn xo, bèn đổi sang Quán nhìn mây nhìn trời thấy tất cả đều là huyễn hóa cười chơi cho vui. Ắ hư vậy là trước tu Chi sau tu Quán, quán một thời gian vọng tưởng hết, đến chỗ tịch diệt đó là Thiên.

Tùy căn cơ ứng dụng hoặc chuyên tu một pháp tới nơi tới chốn, hoặc gồm cả hai pháp hoặc kiêm luôn ba pháp; hoặc tu pháp này trước pháp kia sau, hay pháp kia trước pháp này sau, đổi tới đổi lui thế nào miễn ổn định sự tu hành là tốt. Cốt yếu là sự tu hành được ổn định và tinh tấn đúng pháp. Phật dạy tùy theo căn cơ của chúng sanh mà ứng dụng tu chớ không cố định. Ví dụ như người ít phiền não tu theo pháp tri vọng, hễ dấy niệm liền buông, thực hành một thời gian thì thanh tịnh. Còn người phiền não nhiều, loạn tưởng lăng xăng không bao giờ an ổn, nên phải dùng quán mà công kích, quán thân này duyên hợp tạm có, quán cảnh là huyễn hóa thấy mọi sự việc xảy ra với mình không thật. Quán một thời gian phiền não mỏng dần thì tâm mới thanh tịnh. Ắ hư vậy là tu tiến, nếu dấy niệm thì tu không tiến. Có phải Phật tới chứng minh cho chúng ta bốc thăm không? Thật ra hai mươi lăm luân mà nắm lấy một luân chết sống để tu, không nghi ngờ không thối chuyển thì có kết quả. Phật muốn cho chúng ta đầy đủ đức tin nên dạy phương tiện như thế.

Phật nói hai mươi lăm luân này, sợ chúng sanh mờ mịt không biết làm sao tu, không biết căn cơ hợp với pháp nào, nên tiếp theo Phật dạy cho phương tiện để chọn pháp tu. Kinh dạy lấy giấy ghi hết hai mươi lăm luân, mỗi luân vào một miếng giấy vo tròn, đặt vào trong đĩa đem để trên bàn Phật rồi trì giới thanh tịnh, thành tâm sám hối xong bốc lấy một thăm. Trúng pháp nào thì chết sống với pháp đó mà tu, chớ không nghi ngờ gì nữa hết; coi như Phật dạy mình tu theo luân đó. Ắ hư vậy là tu tiến, nếu dấy niệm thì tu không tiến. Có phải Phật tới chứng minh cho chúng ta bốc thăm không? Thật ra hai mươi lăm luân mà nắm lấy một luân chết sống để tu, không nghi ngờ không thối chuyển thì có kết quả. Phật muốn cho chúng ta đầy đủ đức tin nên dạy phương tiện như thế.

Cũng như ở đây nhiều người đồng thời tới học đạo, tôi dạy có nhiều cách khác nhau, có người tôi dạy biết vọng tưởng rồi buông, có người tôi dạy đếm hơi thở, có người tôi dạy quán ngũ uẩn giai không. Tại sao vậy? Vì tùy theo căn cơ và hoàn cảnh, chẳng hạn người đang ở trong hoàn cảnh bận bịu, bảo họ buông vọng tưởng, họ buông không được thì làm sao tu? Ắ hư phải dạy họ quán để phá vỡ các phiền não đang bao vây họ. Còn người căn cơ quá thấp, đem giáo lý Thượng thừa nói với họ, họ không lãnh hội được, nên phải dạy họ dùng phương tiện đếm hơi thở để dừng tạp niệm. Phương tiện rất nhiều mà cứu kính chỉ có một, chúng ta hiểu rồi thì hết nghi ngờ.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:**

- Biện Âm nữ đương tri  
Nhất thiết chư Bồ-tát  
Vô ngại thanh tịnh tuệ  
Giai y Thiên định sanh  
Sở vị Xa-ma-tha  
Tam-ma-đề, Thiên-na  
Tam pháp đốn tiệm tu  
Hữu nhị thập ngũ luân  
Thập phương chư Như Lai

Tam thể tu hành giả  
Vô bất nhân thử pháp  
Nhi đắc thành Bồ-đề  
Duy trừ đốn giác nhân  
Tinh pháp bất tùy thuận  
Nhất thiết chư Bồ-tát  
Cập mạng thể chúng sanh  
Thường đương trì thử luân  
Tùy thuận cần tu tập  
Y Phật đại bi lực  
Bất cử chứng Niết-bàn.

**DỊCH:**

*Khi ấy Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:*

*- Biện Âm, ông nên biết  
Tất cả các Bồ-tát  
Tuệ thanh tịnh vô ngại,  
Đều y Thiên định sanh  
Gọi là Xa-ma-tha  
Tam-ma-đề, Thiên-na  
Ba pháp đốn tiệm tu  
Chia hai mươi lăm luân  
Mười phương các Như Lai  
Ba đời người tu hành  
Ai chẳng nhân pháp này  
Mà được thành Bồ-đề  
Chỉ trừ người đốn giác  
Cùng pháp chẳng tùy thuận  
Tất cả các Bồ-tát  
Và chúng sanh đời sau  
Thường gìn giữ luân này  
Tùy thuận siêng tu hành  
Nương đại bi của Phật  
Không lâu chứng Niết-bàn.*

**GIẢNG:**

Chỉ, Quán và Thiên là ba pháp cội nguồn của chư Phật thành Phật. Chúng ta hiện nay muốn y theo Phật mà tu, muốn được giác ngộ như Phật cũng theo ba pháp đó mà tu. Chỉ có khác là căn cơ có đốn có tiệm. Ắ gười đốn dùng một pháp có thể đi tới nơi, người tiệm thì dùng hai, ba pháp. Ắ gười đốn là căn cơ lanh lợi, nghe một pháp liền ứng dụng cùng tốt được. Còn tiệm là căn cơ không lanh lợi, ý chí yếu đuối dùng một pháp Chỉ không thành công phải nhờ pháp Quán phụ.

Bài trùng tụng này tôi chỉ thêm vài điểm quan trọng cho quý vị hiểu. Ắ ói Trí tuệ thanh tịnh vô ngại của Bồ-tát đều y nơi Thiên định mà sanh. Vậy Thiên định gồm chung cả Chỉ, Quán và Thiên. Không người nào tu được trí tuệ mà không từ Thiên định sanh. Vì nếu vọng tưởng không lặng thì không bao giờ có trí tuệ. Không khi nào không gian sáng

khi mây còn đen dày dù mặt trăng vẫn có trên hư không, bầu trời chỉ sáng khi nào mây tan hết. Cũng vậy, trí tuệ thanh tịnh vô ngại phát sáng khi vọng tưởng lặng hết. Vọng tưởng còn lăng xăng mà muốn giác ngộ, đó là cái muốn rỗng. Thế nên Phật dạy chúng ta muốn được trí tuệ thanh tịnh thì phải y theo ba pháp Chi, Quán và Thiền mà ứng dụng tu. Sở dĩ ả gài nói mười phương chư Phật ba đời và những người tu hành không ai chẳng nhân pháp này mà thành đạo Bồ-đề là để biết rằng ngoài ba pháp này không có pháp nào khác tu cho viên mãn giác ngộ.

## CHƯƠNG IX

# BỒ-TÁT TỊNH CHUR NGHIỆP CHƯỚNG THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Tịnh Chur Nghiệp Chướng Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn vị ngã đẳng bối quảng thuyết như thị bất tư nghi sự nhất thiết Như Lai nhân địa hành tướng, linh chur đại chúng, đắc vị tăng hữu đồ kiến Điều Ngự lịch hằng sa kiếp, cần khổ cảnh giới, nhất thiết công dụng, do như nhất niệm, ngã đẳng Bồ-tát thâm tự khánh ủy. Thế Tôn, nhược thử Giác tâm, bản tánh thanh tịnh. Nhân hà nhiễm ô sử chur chúng sanh mê muội bất nhập? Duy nguyện Như Lai quảng vị ngã đẳng khai ngộ Pháp tánh linh thử đại chúng cập mặt thế chúng sanh tác tương lai nhân.

Tác thị ngữ dĩ ngữ thế đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Lúc bấy giờ Bồ-tát Tịnh Chur Nghiệp Chướng ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, qui gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đấng Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói việc bất tư nghi như thế, tất cả hành tướng nhân địa của Như Lai, khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, xem thấy đấng Điều Ngự trải qua cảnh giới siêng năng cần khổ trong hằng sa kiếp, tất cả công dụng giống như trong một niệm, Bồ-tát chúng con thâm tâm tự thích thú. Thưa Thế Tôn, nếu tâm Viên giác này tánh vốn thanh tịnh, tại sao bị nhiễm ô, khiến cho chúng sanh mê muội không vào được? Cúi mong đức Thế Tôn rộng vì bọn chúng con khai ngộ Pháp tánh, khiến cho đại chúng này và chúng sanh đời sau (lấy đó) làm mắt trí tuệ.*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Tịnh chur nghiệp chướng là làm sạch hết các nghiệp chướng, cho nên câu hỏi của Bồ-tát Tịnh Chur nghiệp Chướng là: *Tánh giác vốn tự thanh tịnh, vậy do nguyên nhân nào bị nhiễm ô? Và vì sao làm cho chúng sanh mê muội không thể nhập được Tánh giác?*

Phẩm đầu Bồ-tát Văn-thù thưa hỏi về nhân địa tu hành của Phật và chur Bồ-tát, đã được Phật giải đáp một cách rõ ràng. Từ phẩm thứ hai tới phẩm thứ tám, chur Bồ-tát hỏi về phương tiện tu hành cũng đã được Phật chỉ dạy một cách tường tận. Đến phẩm này là giải quyết những điều nghi ngờ: Tại sao có Tánh giác mà không nhập được? Chúng ta tu mà không biết được bệnh chướng của mình thì không thể điều phục để tiến. Vì vậy mà Bồ-tát Tịnh Chur nghiệp Chướng nêu lên vấn đề này xin Phật giải đáp cho chúng ta biết để điều phục. Đây là câu hỏi rất thiết yếu.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát ngôn:**

- **Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư đại chúng cập mặt thể chúng sanh tư vấn Như Lai như thị phương tiện. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.**

**Thời Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặt nhiên nhi thính.**

- **Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, vọng tưởng chấp hữu ngã nhân chúng sanh cập dữ thọ mạng, nhận tứ điên đảo vi thật Ngã thể, do thử tiện sanh tăng ái nhị cảnh, ư hư vọng thể, trùng chấp hư vọng. Nhị vọng tương y, sanh vọng nghiệp đạo. Hữu vọng nghiệp cố, vọng kiến lưu chuyển. Yêm lưu chuyển giả, vọng kiến Niết-bàn.**

**DỊCH:**

*Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng:*

- *Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì đại chúng và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai phương tiện như thế. Vậy các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.*

*Khi ấy Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vâng lời dạy hoan hỷ cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.*

- *Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay do vọng tưởng chấp có ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng, nhận bốn thứ điên đảo làm Ngã thể thật, do đây liền sanh hai cảnh yêu ghét. Đối với thể hư vọng lại thêm một lớp chấp hư vọng. Hai cái vọng này nương nhau sanh ra nghiệp đạo hư vọng. Vì có nghiệp đạo hư vọng nên vọng thấy lưu chuyển. Do nhàm chán lưu chuyển nên vọng thấy Niết-bàn.*

**GIẢNG:**

Đây Phật chỉ cái nhân mê lầm sâu xa của chúng sanh là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng. Mọi người ai cũng có Tánh giác thanh tịnh tròn sáng mà không sống được với Tánh giác của mình, cứ khởi vọng niệm chấp ta, chấp người, chấp cảnh... nên trôi lăn trong luân hồi sanh tử chịu khổ đau không có ngày an ổn. Chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở kinh này khác với ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang nói chấp ngã là chấp tướng do tứ đại ngũ uẩn hợp lại cho là ta thật, đó là chấp ngã. Chấp nhân là chấp tướng do tứ đại ngũ uẩn hợp lại thành chúng sanh ngoài mình gọi là chấp nhân. Thấy chúng sanh chẳng phải một người mà vô số người gọi là chấp chúng sanh. Thấy tất cả chúng sanh có mạng sống kéo dài năm, sáu mươi năm hay bảy, tám mươi năm... đó là chấp thọ mạng. Kinh Kim Cang chỉ bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng nơi con người, bốn tướng này là vọng chấp cạn cợt của phàm phu; còn bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng của kinh Viên Giác là bốn tướng mà hàng tu hành chấp. Ắt gười tu hành đã bước lên hàng Thánh giả cũng vẫn còn chấp tướng đó cho nên mắc kẹt không hoàn toàn nhập tánh Viên giác. Bốn tướng này do tu tiến mà chấp chớ không phải bốn tướng thông thường của phàm phu chấp. Quý vị nên lưu ý để hiểu chỗ này mới không thấy lạ ở đoạn sau.

Song, dù bốn tướng của phàm phu chấp hay bốn tướng của người tu bước lên hàng Thánh chấp cũng đều gốc ở chấp ngã mà ra. Thế nên Phật nói do điên đảo làm chấp

bốn món đất, nước, gió, lửa cho là ta. Bốn món này không thuận hợp nhau, nước thì không ưa lửa, lửa nhiều nước khô cạn, lửa thì không chịu nước, nước nhiều lửa tắt, đất với gió cũng vậy. Bốn món này luôn luôn trái nghịch, ở chung một chỗ thì chống đối nhau khiến cho chúng ta đau khổ. Giống như bốn tên giặc ở chung một nhà, mỗi tên có một hướng khác, lúc nào cũng sẵn sàng chống cự nhau, nếu trong bốn đứa mà có một đứa thua thì chúng ta khổ. Do nhận lầm nó là ta cho nên chúng ta khổ dài dài không lúc nào an ổn, mãi sống trong hồi hộp lo âu. Trời chuyển mưa cũng sợ, vì mưa thêm nước lạnh, lửa trong thân không đủ ấm thì phát run. Ắng gắt quá cũng sợ, vì thêm lửa nóng quá nên đau đầu. Chúng ta đang mang một cái tổng hợp mâu thuẫn tốt độ nơi cơ thể mà lại nhận là ta, lúc nào cũng bảo vệ chuộng nó đủ cách, rồi cũng vì nó tạo không biết bao nhiêu nghiệp tội. Vì vậy mà đức Phật nói chúng ta nhận giặc làm con nên gia sản bị nó phá sạch. Kiểm lại xem có người nào không lầm nhận như vậy không?

Trước hết Phật chỉ cho thấy những cái lầm. Cái lầm thứ nhất là bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng không thật mà cho là thật. Cái lầm thứ hai là thuận theo ngã thì ta yêu, nghịch với ngã là ta ghét. Cái lầm thứ ba là do yêu ghét nên tạo nghiệp: yêu thì tạo nghiệp ái, ghét thì tạo nghiệp tăng. Thứ tư là tạo nghiệp rồi theo nghiệp đi trong luân hồi chịu khổ đau.

Đức Phật chỉ cho chúng ta biết gốc của mê lầm là chấp ngã. Đối với bốn tướng hư vọng không thật lại chấp là thật là cái hư vọng thứ nhất. Khi chấp bốn tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng rồi sanh yêu ghét là cái hư vọng thứ hai. Hai cái vọng này làm nhân duyên cho nhau mà sanh ra vọng nghiệp đạo. Bởi có vọng nghiệp nên mới vọng thấy sanh tử lưu chuyển. Tất cả những lớp đó đều là những lớp vọng; thân mạng vọng, nghiệp vọng, luân hồi cũng vọng. Đó là chiều thuận của phàm phu. Bây giờ có người chán những cái vọng đó, nhất là chán luân hồi nên vọng thấy có ả iết-bàn thì ả iết-bàn cũng vọng.

Hàng ả hị thừa tu hành thấy mình chứng được ả iết-bàn thì ả iết-bàn là cái bị chứng, mình là cái hay chứng. ả hư vậy ngã chấp vẫn còn, nó còn tiềm ẩn chưa hết. Thế nên nói vọng thấy ả iết-bàn chớ chưa phải là ả iết-bàn thật. Tánh Viên giác không có bốn tướng, nếu còn thấy bốn tướng thì chưa nhập được tánh Viên giác. Đức Phật chỉ thật là thấu đáo, chúng ta không còn ngờ vực nữa. ả ếu xét thấy bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng là hư vọng, thì trước khi mình ra đời là cái gì? Biết mình là cái gì không? Mờ mờ mịt mịt không biết mình là cái gì! Bây giờ do các duyên hợp lại thành thân này, rồi mai kia ta ngừng thở sẽ đi đâu? Cũng mờ mờ mịt mịt không biết đi đâu. Trước khi sanh không biết mình là gì, sau khi chết không biết mình ra sao. Không biết mình ở giai đoạn trước, không biết mình ở giai đoạn sau, giai đoạn giữa chợt có thân liền chấp là mình, thật vô lý làm sao! ả ếu mình thật thì trước phải có sau phải còn. ả hưng trước không biết ra sao hết, chợt có một lúc rồi mất. ả hư vậy đâu phải thật. Giả sử chúng ta nhìn mặt hồ thấy mặt hồ đang phẳng lặng, chợt có một con cá trồi lên đớp bọt nổi trên mặt hồ. Mặt hồ vốn phẳng lặng, bỗng có hòn bọt nổi lên một lát mất. Vậy hòn bọt đó sánh với mặt hồ có nghĩa lý gì không? Trước chỉ là mặt hồ phẳng lặng, không bọt không sóng, chợt có hòn bọt nhỏ nổi lên lăn tăn một lát rồi mất. Thân này cũng vậy, trước khi chưa sanh chúng ta không biết là gì, rồi sau khi mất cũng không biết ra sao. Chỉ biết trong giai đoạn mấy chục năm khi cha mẹ sanh ra, lớn lên, ăn nói, vui buồn, lãng xăng một lúc rồi mất, vậy mà chấp khoảng thời gian lãng xăng lộn xộn đó là ta thật. Thật sao được mà thật, nếu thật phải có mãi về trước và mãi về sau mới được!

Tuổi thọ cũng vậy, nhiều người sống tới sáu bảy chục tuổi, hãnh diện cho rằng mình có tuổi thọ dài lâu. Ắt hẳn đến sáu bảy mươi tuổi là lúc thân già bệnh hoạn sắp chết, thân rã tan thì có gì mà hãnh diện? Ắt hẳn nhìn lui ôn lại quãng đời đã qua thì trống rỗng, nếu có còn thì còn những cái vụn vặt li ti chẳng có nghĩa gì hết. Rồi tới ngày mai thân này sẽ ra sao? Điều này không thể biết. Vậy thọ mạng có dài lâu thật không? Ắt hẳn dài lâu thật thì phải sống hoài không chết, vì chết nên thọ mạng không thật.

Đức Phật nói chúng sanh điên đảo nhận bốn tướng đó là thật, rồi tùy theo thương ghét mà tạo nghiệp thiện hay ác, đã tạo nghiệp rồi thì nghiệp nó không tha, cứ lôi đi chẳng khác nào người tự tử, tự cột dây trên cây để sẵn vòng, rồi thò đầu vô, buông thông tay chân, vòng dây xiết cổ, giãy giụa rồi tắt thở. Đó là tự mình tạo rồi tự mình chịu lấy, không ai tạo cho mình mà cũng không ai chịu thế cho mình. Chính vì cái bệnh trầm kha ấy thúc đẩy, khiến chúng ta tạo nghiệp lưu chuyển trong vòng luân hồi không bao giờ dừng, nên Phật gọi là vọng kiến lưu chuyển. Vọng kiến là cái thấy sai lầm chấp thân này thật. Vì chấp thân là mình thật nên nó vừa mất là vội tìm thân khác, hoặc vì chấp ta chấp người nên có thương có oán rồi tìm nhau gặp nhau... Ắt hẳn trên đường lưu chuyển mà tu, tuy có chán sự lưu chuyển, nhưng còn quý cái thân nên vọng thấy có ắ iết-bàn để cho ta an trú. Đa số người thấy cõi Ta-bà khô, chán quá muốn tìm cõi khác sướng hơn, đó cũng là vọng kiến. Vì đã mang cái bệnh chấp ngã nên lúc nào cũng nghĩ đến cái ngã, tu cũng vì cái ngã mà tu. Chúng ta muốn tu hành cho đạt đạo thì phải phá vỡ bản ngã. Ắt hẳn bệnh chấp ngã không giảm thì tu ngàn đời cũng không giải thoát, nên gắng tu có phước thì đời sau cái ngã tốt hơn đời này một chút, đó là chuyện thật của sự tu hành. Cho nên ở đây Phật nói, từ cái vọng kiến lưu chuyển rồi chán cái lưu chuyển thì được cái vọng kiến ắ iết-bàn. Ắt hẳn cảnh ắ iết-bàn thì họ nghĩ tu để được ắ iết-bàn và có chỗ để mình ở. Từ bệnh đó mà hiểu lệch lạc ý nghĩa lời Phật dạy.

**ÂM:**

**- Do thử bất năng nhập Thanh tịnh giác, phi giác vi cự chư năng nhập giả, hữu chư năng nhập, phi giác nhập cố, thị cố động niệm cập dữ tức niệm giai qui mê muộn.**

**DỊCH:**

**- Do bệnh này nên không nhập tánh Viên giác thanh tịnh, chẳng phải tánh Viên giác chống cự không cho người thể nhập. Và người thể nhập được, không phải tánh Viên giác cho nhập. Thế nên khởi niệm và dừng niệm đều là mê muộn.**

**GIẢNG:**

Do chấp ngã nên không thể nhập tánh Viên giác thanh tịnh được, chớ không phải tánh Viên giác ngăn cản chống cự không cho vào. Thí dụ trưa nắng chúng ta đang ở trong nhà, nhưng có người ở ngoài đường khiêu khích, chúng ta tức quá chạy ra cự với họ. Vì cái tức nên chạy ra nắng. Đó là về mặt tướng. Còn ái cũng vậy. Có người mình ưa đứng ngoài nắng, muốn nói chuyện với họ mình cũng phải ra nắng đứng. Cái nhà đâu cấm chúng ta vô, nó mở sẵn cửa nhưng vì ưa và ghét mà chúng ta không chịu vô.

Và người nhập được tánh Viên giác cũng không phải do tánh Viên giác chấp thuận cho vào, mà do không chấp ngã, nhân... mới thể nhập được. Thế nên nói khởi niệm và dứt vọng niệm đều là mê muộn. Động niệm là niệm chạy theo cảnh, dứt niệm là

đè cho hết niệm để được ả iết-bàn, đó là mê rồi. Tánh giác không có động không có dùng.

ả ếu còn thấy có cái hay nhập thì không phải là nhập tánh Viên giác, vì tánh Viên giác chính là mình thì ai hay nhập nữa? ả ếu có cái hay nhập thì tánh Viên giác là cái bị nhập sao? Mà bị nhập là có người có cảnh. Hễ còn người tức là còn ngã, còn ngã thì làm sao nhập được tánh Viên giác? Động niệm là mê, vì ngã mà dứt niệm thì cũng còn mê chớ chưa phải thật là giác.

**ÂM:**

**- Hà dĩ cố? Do hữu vô thủy bản khởi vô minh vị kỷ chủ tế. Nhất thiết chúng sanh, sanh vô tuệ mục, thân tâm đẳng tánh giai thị vô minh. Thí như hữu nhân bất tự đoạn mệnh, thị cố đương tri hữu ái ngã giả, ngã dữ tùy thuận, phi tùy thuận giả tiện sanh tăng oán. Vị tăng ái tâm dưỡng vô minh cố, tương tục cầu đạo giai bất thành tựu.**

**DỊCH:**

*- Vì có sao? Vì gốc vô minh khởi từ vô thủy làm chủ tế mình. Tất cả chúng sanh sanh ra không có mắt tuệ, thân tâm bản tánh nó đều là vô minh v.v... Thí như có người không thể tự giết mình, thế nên phải biết có cái ái ngã, ngã cùng tùy thuận; nếu chẳng tùy thuận liền sanh oán ghét. Vì tâm yêu ghét nuôi lớn vô minh, nên tiếp tục cầu đạo đều không thành tựu.*

**GIẢNG:**

Ở đây Phật dùng thí dụ như mình không thể tự chặt đầu mình được, vì vô minh sẵn từ vô thủy, nó làm chủ mình nên thân tâm này mang nặng chất vô minh. Đã coi vô minh là mình thì mình đâu dám giết mình. Không dám dứt vô minh chỉ vì vô minh làm chủ mình. Đức Phật lặp lại để cho thấy rõ thêm, vì không trí tuệ và vô minh chấp ngã yêu ngã nên cái gì hợp với ngã thì yêu, cái gì không thích hợp với ngã thì oán ghét, đó là bệnh chung của chúng sanh. ả ếu còn mang bệnh đó mà cầu đạo thì không bao giờ thành tựu, nghĩa là cầu đạo bằng bản ngã thì không bao giờ thành đạo.

Một số người có thiện chí tu, họ có thể nhịn đói, ăn rau ăn quả, sống hết sức kham khổ. Khi họ loé thấy được một cái gì là họ tự xưng ta chúng đạo, ta có thần thông..., thấy có sở chứng như vậy là bệnh rồi! Cũng chịu khổ nhọc để tu hành, nhưng tu vì cái ngã nên càng tu càng xa đạo. Xa đạo là vì bản ngã thấy ta đây có sở chứng sở đắc, ta là Bồ-tát là Phật... Tu như vậy là rơi vào đường tà, thế nên người tu hành chân chánh là phải phá cho được cái ngã. Ai tu mà cái ngã cao thì dầu cho người đó một ngày ngời thiên mười hai tiếng đồng hồ cũng chưa phải là cao. Còn người trọn ngày đi làm việc mà ai khen cũng được, chê cũng cười, ăn ngon cũng được, ăn dở cũng chẳng chê, người đó mới là người gần với đạo vì cái ngã của họ thấp. ả ười cố gắng tu cho thật nhiều, tu cho hơn người, hễ có niệm hơn người là đã xa đạo rồi.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, vân hà ngã tướng? Vị chư chúng sanh tâm sở chứng giả. Thiện nam tử, thí như hữu nhân bá hải điều thích, hốt vong ngã thân, tứ chi huyền hoãn, nhiếp dưỡng quai phương vi gia chiêm ngãi, tức tri hữu ngã, thị cố chúng thủ phương hiện ngã thể.**

## **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, thế nào gọi là ngã tướng? Nghĩa là các chúng sanh tâm còn có sở chứng. Nay thiện nam, như có người toàn thân điều hòa an ổn chột như quên mình, tay chân thư thả, nhưng khi điều dưỡng trái nghịch, có sự châm đốt nhỏ liền thấy có ngã. Vì thế mà chúng biết có cái Ta.*

## **GIẢNG:**

Ví dụ khi làm mệt chúng ta nằm dài ra nhắm mắt lại, thân thể điều hòa, lúc đó coi như quên bản ngã, nhưng bất thần có sự châm chích rất nhỏ nhiệm thì bản ngã trời dậy liền. Ắ ghĩa là khi an ổn thì dưỡng như quên bản ngã, nhưng động tới thì bản ngã trời dậy ngay. Ắ hư bây giờ quý vị ngồi nghe tôi giảng thân thể điều hòa, lúc ấy bản ngã dường như không có, nhưng nếu ra đường gặp sự không vừa ý, hoặc vô cớ bị người ta mắng chửi mạ nhục thì bản ngã trời dậy y nguyên. Đó là cái ngã thô. Còn cái ngã tế là người dụng công tu, khi tâm hơi yên, thấy có những tướng lành hiện ra, bèn cho là mình đã chứng đắc, thế là bệnh. Tu khó ở chỗ đó. Ắ gười không hiểu tướng tu ăn chay là khó, tướng tụng kinh ngồi thiền là khó. Thật sự những cái đó không khó mà phá ngã mới là khó. Vì đó là cái chấp muôn đời của chúng sanh chớ không phải một đời, phá được bản ngã thật là cay đắng. Ắ ếu không phá được bản ngã thì dầu có tu cũng lẫn quân trong vòng luân hồi, lên cao một chút hưởng hết phước rồi cũng tuột xuống. Lên xuống lẫn quân chớ không bao giờ giải thoát sanh tử. Vì vậy nên nói còn cái tâm sở chứng là còn ngã tướng.

## **ÂM:**

**- Thiện nam tử, kỳ tâm nãi chí chứng ư Như Lai, tất cảnh liễu tri thanh tịnh Niết-bàn, giai thị ngã tướng.**

## **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, cho đến tâm kia chứng quả Như Lai hoặc biết rõ Niết-bàn thanh tịnh rốt ráo đều là tướng ngã.*

## **GIẢNG:**

*Tâm kia* là tâm còn thấy có ngã, hoặc nói tôi đắc quả Phật, hoặc nói tôi thấy có tướng ắ iết-bàn thanh tịnh... cũng là tâm thấy có ngã. Do đây chúng ta mới thấy rõ ý nghĩa thâm sâu của lời Phật nói: “Không thấy có pháp A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề đắc nên Phật ắ hiên Đấng mới thọ ký ta thành Phật.” Vậy ai tu hành mà cứ khoe tôi chứng cái này đắc cái kia, sự chứng đắc đó là hiện thân của bản ngã, mà hiện thân của bản ngã là vô minh chớ không phải chứng đắc. Ắ gười thế gian thì hay nghe, hễ ai khoe chứng khoe đắc thì lễ bái, cho rằng vị đó là Bồ-tát là Phật. Ắ gười biết đạo nghe nói chứng đắc là bỏ đi liền, vì đó là cái tướng của ma quái chớ không phải của người tu chân chánh. Ắ hưng rất tiếc một số Phật tử thuần thành cũng bị lầm, hễ nghe ai nói chứng đắc hay nói chuyện quá khứ vị lai là bái phục, và cũng thích tìm thầy để hỏi chuyện quá khứ vị lai nữa. Ắ hư vậy mới biết không phải người thế gian lầm mà người trong đạo cũng lầm. Ắ ếu người học đạo, nghiên cứu kinh Phật kỹ và có tập tu chút chút, nghe người nào nói quá khứ vị lai nói chứng đắc là bái lui, không ở đó mà nghe cho hết chuyện. Khi nghe một vị thầy dạy tu, chúng ta phải dùng trí tuệ nhận xét xem vị đó dạy có đúng với tinh thần của Phật dạy trong kinh hay không, đem áp dụng vào đời sống có được lợi ích hay không, chớ chúng ta nghe đầu tin đó là càng học càng mê. Phật dạy, tu mà còn thấy chứng là còn chấp ngã, dù cho chúng được quả ắ hư Lai, hay thấy được ắ iết-bàn thanh

tịnh, đó là hiện tượng của bản ngã chứ không phải tu cao. Ắ hu vậy để thấy bệnh chấp ngã là một căn bệnh nặng khó trị nhất. Thế nên người ngồi tu mà cứ mong chứng cái này đặc cái kia là bệnh, tu chỉ mong hết vô minh vọng tưởng, đừng mong cái gì khác hơn. Ắ hu lau gương không phải mong gương phát sáng mà chỉ mong hết bụi, vì biết gương tự nó đã sáng, lau hết bụi thì gương sáng. Cũng vậy mỗi người đều có Tánh giác, hễ tu hết vô minh vọng tưởng thì Tánh giác hiện bày, chứ còn cầu chứng đắc là còn tướng ngã.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, vân hà nhân tướng? Vị chư chúng sanh tâm ngộ chứng giả. Thiện nam tử, ngộ hữu ngã giả bất phục nhận ngã, sở ngộ phi ngã, ngộ diệt như thị. Ngộ di siêu quá nhất thiết chứng giả, tất vi nhân tướng. Thiện nam tử, kỳ tâm nãi chí viên ngộ Niết-bàn câu thị ngã giả. Tâm tồn thiểu ngộ bị đàn chứng lý, giai danh nhân tướng.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, thế nào là tướng nhân? Nghĩa là trong tâm chúng sanh ngộ cái chứng đó. Này thiện nam, ngộ có ngã, lại chẳng nhận là ngã, chỗ ngộ chẳng phải ngã, ngộ cũng như thế. Ngộ này vượt hơn tất cả cái chứng, đều là nhân tướng. Này thiện nam, cho đến tâm kia viên ngộ Niết-bàn cũng đều là ngã. Tâm còn một chút ngộ cho rằng chứng lý đầy đủ đều gọi là nhân tướng.*

**GIẢNG:**

Ở đây tế nhị hơn trước một chút, trước thấy mình có sở chứng là ngã tướng, giờ đến nhân tướng thì thấy mình có ngộ. Tại sao vậy? Bởi vì nếu thấy có ngộ thì cũng còn có ngã. Thông thường nói ngộ rồi mới chứng, tại sao ở đây nói ngộ vượt hơn chứng? Vì chứng ở đây không phải thật chứng mà khởi niệm cho rằng mình chứng quả này quả kia. Tu mà mong được kết quả, vì bản ngã mà mong, đó là ngã tướng. Ắ ngộ là mong thấy lý, siêu hơn chứng một chút, vì lý cho nên vượt hơn cái chứng ở trên. Khi thấy lý thì tâm còn nghĩ viên ngộ ắ iết-bàn. Ắ ghi như vậy là vẫn còn có ngã vì phải ngộ được ắ iết-bàn tròn đây, cho nên nói trong tâm còn một chút biết mình ngộ gọi là đầy đủ cái chứng lý thì người đó còn nhân tướng. Tại sao vậy? Bởi vì ngộ là khai ngộ, khai ngộ là đạt lý, chứng là kết quả, mà có kết quả là được cái này được cái kia cho nên thuộc về ngã, ngộ thuộc về lý thuộc về tâm, nên nói còn một tí xíu biết mình ngộ thì cũng là đầy đủ cái chứng lý đó là người còn nhân tướng. Tại sao vậy? Hỏi ai ngộ? **Ta** ngộ. Ắ ngộ khác hơn chứng một chút, chứng thì thực tế ở nơi người, còn ngộ thì nó hơi thiên về lý nên thuộc về trí. Bởi thuộc về trí cho nên nói là nhân, cũng như mình thì thiết thực nơi bản thân, còn người thì nó rời ra ngoài, cái ngã thì nó thuộc về bản chất thực tế, còn lý tức là trí thì nó có cái vẻ trừu tượng nên nó vượt hơn cái chứng ở trước. Tu hành mà còn thấy có một chút ngộ cũng là bệnh. Đối với người tu theo Phật hay người tu theo Thiền thì thường nói *ngộ rồi cũng đồng chừa ngộ*, không thêm không bớt gì. Bởi vì ngộ là thấy được cái thật có sẵn nơi mình mà trước kia chưa thấy. Ắ ngộ chỉ là danh từ tạm thôi, nếu chấp ngộ là thật đó là nhân tướng.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, vân hà chúng sanh tướng? Vị chư chúng sanh tâm tự chứng ngộ sở bất cập giả. Thiện nam tử, thí như hữu nhân, tác như thị ngôn ngã thị chúng sanh, tác tri bỉ nhân thuyết chúng sanh giả, phi ngã phi bỉ. Vân hà phi ngã? Ngã thị**

chúng sanh, tắc phi thị ngã. Vân hà phi bỉ? Ngã thị chúng sanh phi bỉ ngã cố. Thiện nam tử, dẫn chư chúng sanh liễu chứng liễu ngộ giai vì ngã nhân phi ngã nhân tướng sở bất cập giả, tồn hữu sở liễu danh chúng sanh tướng.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, thế nào là tướng chúng sanh? Nghĩa là các chúng sanh chỗ tâm tự chứng ngộ không đến kịp. Nay thiện nam, ví như có người nói như thế này: ta là chúng sanh, ắt biết người nói chúng sanh đó chẳng phải ngã chẳng phải bỉ (nhân). Thế nào chẳng phải ngã? Vì ta là chúng sanh ắt không phải ngã. Thế nào chẳng phải bỉ? Vì ta là chúng sanh nên chẳng phải ngã của người khác (bỉ). Nay thiện nam, nhưng các chúng sanh liễu chứng liễu ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân người khác không đến kịp, còn có sở liễu gọi là chúng sanh tướng.*

**GIẢNG:**

Chúng là tướng ngã, ngộ là tướng nhân và liễu là tướng chúng sanh, đối với tướng chúng sanh vi tế hơn tướng ngã tướng nhân. Liễu là dùng trí liễu tri không chứng không ngộ. Ắt ếu còn liễu tri chúng và ngộ không thật là còn ngã. Vì mình còn dụng công tu mới liễu tri chúng và ngộ không thật, vậy thì liễu tri cũng là dụng của ngã. Song liễu tri vi tế hơn chúng và ngộ, nên nói chúng và ngộ không đến kịp. Đây gọi liễu tri là tướng chúng sanh. Để cho dễ hiểu Phật mới ví dụ: Tôi không phải là ngã, vì tôi là chúng sanh nên không phải ngã. Tôi không phải là nhân, vì tôi là chúng sanh nên không phải nhân. Ắt ngã là chỉ cho mình, nhân là chỉ cho người khác, chúng sanh thì trùm hết. Gọi chúng sanh thì thoát ra khỏi tên *ngã* tên *nhân*, nhưng chúng sanh cũng là trá hình của ngã, ngã vi tế hơn. Vì quá vi tế nên người tu thiền dễ bị lầm lẫn. Chẳng hạn như người tu thể nhập tánh Viên giác thì tâm hoàn toàn lặng lẽ sáng suốt, không một niệm dấy khởi dù là niệm vi tế rằng mình đang lặng lẽ, mình chẳng phải chúng, mình chẳng phải ngộ. Còn khởi niệm là bệnh.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, vân hà thọ mạng tướng? Vị chư chúng sanh tâm chiếu thanh tịnh giác sở liễu giả nhất thiết nghiệp trí sở bất tự kiến, do như mạng căn.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, thế nào là tướng thọ mạng? Nghĩa là các chúng sanh tâm chiếu thanh tịnh đã giác được cái sở liễu, tất cả nghiệp trí không thể tự thấy ví như là mạng căn.*

**GIẢNG:**

Thọ mạng là giác chiếu, giác chiếu là còn có một cái sáng soi. Tức là dùng trí tuệ giác chiếu cái liễu tri là không thật, vì ngã chấp vẫn còn. Song còn giác chiếu cũng thuộc về tướng thọ mạng. Tướng thọ mạng vi tế hơn tướng chúng sanh, tướng này khó biết, như thọ mạng trong con người chúng ta, chúng ta thấy được không? Tướng ngã, tướng nhân ai cũng thấy, tướng chúng sanh cũng thấy được, nhưng thọ mạng là khi người đó còn đi còn đứng còn nói thì biết người đó sống, còn mạng sống ngằm ngằm trong đó chúng ta đâu thấy. Vì vậy mạng sống là cái tế nhị không có tướng trạng. Ở đây nói chỉ là một cái chiếu soi, cái tâm chiếu này là cái mà tất cả trí nghiệp không thể thấy được. Ắt hững trí nghiệp thường không thể thấy được bệnh đó nên gọi là mạng căn. Còn có cái chiếu Tánh giác thanh tịnh thì mạng căn chưa dứt, nên nói rằng có tướng thọ mạng. Tôi ví dụ như

ngồi thiền, lúc đầu vọng tưởng dấy khởi nhiều và mạnh, lúc đó chúng ta phá vọng tưởng bằng cách nhìn và nói *vọng tưởng không thật*, nhìn và nói một hai lần như vậy vọng tưởng mới lặng. Sau đó vọng tưởng dấy lên chúng ta không nhìn và nói *vọng tưởng không thật* nữa, mà chỉ dùng trí quán *vọng tưởng không thật* thì vọng tưởng lặng. Sau đó nữa, vọng tưởng dấy khởi, chúng ta không còn quán *vọng tưởng không thật*, chỉ nhìn nó một cách nhẹ nhàng thì vọng tưởng lặng. ả hư vậy đối trị vọng tưởng từ thô đến tế qua những giai đoạn khác nhau. Lúc đầu phải nhìn và nói *vọng tưởng không thật* để phá vọng tưởng, giai đoạn này có năng có sở rõ ràng. Sau đó dùng trí quán *vọng tưởng không thật*, giai đoạn này cũng còn năng còn sở. Lần lần không còn nhìn, không còn nói, không còn quán, chỉ giác biết là nó tan. Chúng ta thấy dường như không còn năng sở nữa, nhưng kỳ thật vẫn còn, chỉ khi nào không còn quán, không còn chiếu, chỉ một tâm lặng lẽ sáng suốt như như mới thuần là Bản giác thanh tịnh không sanh không diệt, đây là chỗ cứu kính thành Phật.

ả hững bệnh chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở đây không phải là bệnh của phàm phu mà là bệnh của người tu chúng. Vì Phật muốn cho chúng ta thể nhập được tánh Viên giác nên mới chỉ tế nhị như thế. Chúng ta tu là phải biết thấu đáo để khi tu, giả sử chúng ta thấy có tướng lạ gì, không lấy đó làm sở chúng sở đắc khoe khoang thành bệnh.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, nhược tâm chiếu kiến nhất thiết giác giả giai vi trần cấu, giác sở giác giả bất ly trần cố, như thang tiêu băng, vô biệt hữu băng tri băng tiêu giả, tồn ngã giác ngã diệt phục như thị.**

**DỊCH:**

**- Nay thiện nam, nếu tâm soi thấy tất cả cái giác đều là trần cấu thì cái giác sở giác chẳng lìa trần, như nước nóng làm tan băng, không riêng có băng biết băng tan, còn ngã để giác cái ngã cũng lại như thế.**

**GIẢNG:**

Chính mình tu để mình giác cũng chưa phải, vì còn có cái sở giác để mình năng giác, năng sở là đối đãi, mà còn đối đãi là còn hai bên cho nên không nhập tánh Viên giác được. Tới chỗ cuối cùng thì năng sở đều bật, năng sở không còn mới đi tới chỗ cứu kính. Mục thứ tám của mười bức tranh chặn trâu chỉ là một vòng tròn không còn người chặn không còn trâu, người chặn và trâu phải tiêu vong mới đi tới chỗ chim bay về tổ, nước chảy về nguồn. Sau cùng mới buông thông tay vào chợ, chợ còn người chặn còn trâu là chưa xong. Vừa thấy mình có cái để chúng để ngộ để liễu để giác là có lỗi. Phật mới ví như nước nóng mà chế trên băng. ả ếu chúng ta cứ chế nước nóng trên khối nước đá thì nước đá sẽ tan. Khi tan ra nó có biết nó đang tan ra không? Không. Khi tan ra thì nước nóng và nước đá có thành hai thứ hay không? Không. ả hư vậy, là năng sở không có, chính khi năng sở bật dứt ấy mới nhập được tánh Viên giác.

Quý vị thấy Thiền sư không bao giờ chấp nhận hai bên, vì còn hai bên là còn năng sở, mà còn năng sở thì không bao giờ vào được biển Viên giác thanh tịnh. ả hư vậy là các Thiền sư đi vào chỗ không năng chúng sở chúng, năng ngộ sở ngộ, năng liễu sở liễu, năng giác sở giác, nên mới nhập vào được thể Viên giác thanh tịnh. Các Thiền sư nói thấy được chỗ này rồi như người cầm nằm mộng. ả ằm mộng thấy đủ thứ, sáng ra muốn kể cho người khác nghe, không biết làm sao mà kể. Chỗ này cũng vậy, nói ra là nằm

trong năng sở, nên Tô Đông Pha nói rằng: “Ban đêm thấy được tám muôn bốn ngàn bài kệ, sáng ra không biết trình cái gì với người đây.” Thiền sư Việt ả am thì nói: “Bất tương hà ngữ dĩ truyền tâm (*Không biết đem lời gì để truyền tâm cho được*).”

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, mặt thể chúng sanh bất liễu tứ tướng, tuy kinh đa kiếp cần khổ tu đạo, dẫn danh hữu vi, chung bất năng thành nhất thiết Thánh quả. Thị cố danh vi chánh pháp mặt thể.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, chúng sanh đời sau không rõ bốn tướng, tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ tu hành chỉ gọi là hữu vi, trọn không thể thành tựu được tất cả Thánh quả. Cho nên gọi là chánh pháp mặt thể.*

**GIẢNG:**

Đức Phật nói những chúng sanh sau này tu hành không rõ bốn tướng, dù siêng năng tu hành mà rốt cuộc chỉ thuộc về pháp hữu vi chớ không được thành Thánh quả. Tu như vậy là mặt pháp ở trong thời chánh pháp. Ắt ều chúng ta ở trong thời mặt pháp mà tu hành pháp được bốn tướng thì nói ngược lại là chánh pháp ở trong thời mặt pháp. Ắt ều vậy, chánh pháp hay mặt pháp là do chúng ta tu theo pháp hữu vi hay vô vi. Ắt ều tu theo pháp hữu vi để thụ hưởng, đó là chánh pháp trở thành mặt pháp. Ắt ều tu theo pháp vô vi để giải thoát sanh tử thì mặt pháp trở thành chánh pháp. Ắt ều vậy, chỗ chí yếu là phải đạt đạo chớ không phải đời này hay đời kia.

**ÂM:**

- **Hà dĩ cố? Nhận nhất thiết ngã vi Niết-bàn cố, hữu chứng hữu ngộ danh thành tựu cố. Thí như hữu nhân nhận tặc vi tử, kỳ gia tài bảo, chung bất thành tựu.**

**DỊCH:**

- *Vì có sao? Vì nhận tất cả ngã làm Niết-bàn, có chứng có ngộ gọi là thành tựu. Giống như người nhận giặc làm con thì gia bảo của họ trọn chẳng thành tựu.*

**GIẢNG:**

Vừa nhận ngã tướng là nhận giặc làm con rồi vì ngã tướng là vô minh, mà nhận ngã tướng để tu thì cũng như ôm vô minh mà tu làm sao thành Thánh quả? Khác nào chứa giặc trong nhà, làm sao bảo trì được của báu? Cho nên muốn tu thành Thánh quả phải phá tan bản ngã, phải sống với chánh pháp. Ắt ều trong nhà thiền thường nói “phải tới chỗ đoạn mạng căn đó thì mới thể nhập được”. Chớ còn thấy mình cần có cái để sống để chứng để đắc thì chưa qua nổi, nhà thiền gọi là lao quan, cái cửa chắc nhất, cứng nhất. Thoát qua cửa đó rồi mới nhập được tánh Viên giác.

Đức Phật đã hết lời chỉ dạy chỗ cốt yếu, vậy chúng ta ráng nhận cho ra và nắm lấy yếu chỉ đó mà tu hành, để khỏi phụ lòng ắ gài và phụ chí xuất gia của mình.

**ÂM:**

- **Hà dĩ cố? Hữu ngã ái giả diệt ái Niết-bàn phục ngã ái căn vi Niết-bàn tướng.**

**DỊCH:**

*- Vì có sao? Vì ái ngã thì cũng ái Niết-bàn, đẹp được gốc ái ngã là tướng Niết-bàn.*

**GIẢNG:**

Vì còn ái ngã nên khi tu chúng ta mong có được cảnh an vui như ả iết-bàn. Vì thế ả iết-bàn do lòng yêu thích của mình muốn được, rốt cuộc rồi cũng là gốc sanh tử, chưa phải ả iết-bàn cứu kính. Thường người Việt ả am khi đề cập đến cái sướng thì hay nói sướng như tiên, cảnh nào đẹp đề thì nói đẹp như cảnh tiên. Có nhiều người tu, được hỏi: muốn thành cái gì, họ trả lời: thành tiên. Tu mà muốn sướng như tiên, đó cũng là vì bản ngã mà tu. Còn chấp ngã là còn vô minh chớ chưa thật tỉnh, chưa thật giải thoát sanh tử. Chính vì vậy tôi thường nói, nếu ai tu theo đạo Phật mà quan niệm mình tu thiền nhưng Phật không dạy cách tu để cho thân khoẻ mạnh sống lâu như đạo Tiên, thôi bây giờ mình lợi dụng pháp tu tiên để sống lâu khoẻ mạnh để có nhiều thời gian tu cho đạt đạo. ả nghĩ như thế có lỗi không? Có niệm muốn kéo dài mạng sống là còn ái ngã, còn ái ngã là còn vô minh, ôm vô minh để tu thì không bao giờ đạt được Thánh quả! Đó là bệnh chớ không phải là Đạo, cũng không phải là Thiền. Chủ yếu của đạo Phật tu là phá ngã, vừa khởi niệm lập ngã là bệnh rồi. Sở dĩ chúng ta thích ả iết-bàn vì biết ả iết-bàn là cảnh an vui, và muốn chúng nhập để hưởng thụ, đó là lỗi tu hữu lậu chớ không phải vô lậu giải thoát.

**ÂM:**

*- Hữu tạng ngã giả diệt tạng sanh tử, bất tri ái giả, chân sanh tử cố, biệt tạng sanh tử, danh bất giải thoát.*

**DỊCH:**

*- Có ghét ngã cũng ghét sanh tử, vì không biết ái chính là sanh tử, riêng ghét sanh tử gọi là không giải thoát.*

**GIẢNG:**

Có người nói chúng ta khổ vì sanh tử nên chán ghét sanh tử, phải làm sao tu để ra khỏi sanh tử. Tôi xin hỏi: Ai ra khỏi sanh tử? Có phải ngã không? Thế nên ghét sanh tử không phải là giải thoát, vì còn ngã tướng. ả gười tu chân chánh thì không yêu không ghét không cầu không mong, cứ nhậm vận mà tiêu mòn nghiệp cũ, và không tạo nghiệp đi trong sanh tử nữa mới là giải thoát. Ở thế gian có nhiều người thoát nhìn thấy như họ hay lắm, nhưng đi sâu mới biết họ bệnh. Chẳng hạn như người nam thấy nữ sắc thích lắm, đó là người bệnh đành rồi; nhưng có người nam đối với nữ sắc, họ chê bai mạt sát, tránh né không dám nhìn, người ấy có bệnh không? Cũng bệnh luôn. ả gười tham đắm danh lợi không rời, đó là bệnh; còn người luôn luôn chửi bới danh lợi, người ấy cũng bệnh luôn. ả gày xưa mấy ông đồ ả ho thi rớt làm thơ, chúng ta đọc bài nào cũng thấy họ chửi bới danh lợi. Tại sao? Vì đi thi muốn đậu mà không đậu, nên tức mới chửi bới công danh. ả hững người chửi nhiều là ham danh lợi nhiều, bệnh cũng nhiều. Chính những người không yêu không ghét mới là người không bệnh. Khi hiểu kỹ rồi chúng ta thấy cõi đời này không có gì đáng yêu hay đáng chán, thế gian là như vậy, biết đúng lẽ thật của nó thì có gì ưa chán nữa đâu. Phật, Bồ-tát đâu có chán ghét thế gian, các ngài còn tìm phương tiện đi vào thế gian này độ chúng sanh cho hết khổ kia mà!

**ÂM:**

- Vân hà đương tri pháp bất giải thoát? Thiện nam tử, bỉ mặt thể chúng sanh tập Bồ-đề giả, dĩ dĩ vi chúng vi tự thanh tịnh, do vị năng tận ngã tướng căn bản. Nhược phục hữu nhân tán thán bỉ pháp, tức sanh hoan hỷ, tiện dục tế độ. Nhược phục phi báng bỉ sở đắc giả, tiện sanh sân hận. Tắc tri ngã tướng kiên cố chấp trì, tiềm phục tạng thức, du hí chur căn tầng bất gián đoạn. Thiện nam tử, bỉ tu đạo giả, bất trừ ngã tướng, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

**DỊCH:**

*- Làm sao biết được pháp không giải thoát? Nay thiện nam, những chúng sanh đời sau tu đạo Bồ-đề, do đã chứng chút ít mà tự cho thanh tịnh nhưng vẫn chưa đoạn tận gốc ngã tướng. Nếu lại có người khen ngợi pháp của họ, họ liền sanh hoan hỷ, muốn độ người đó. Nếu lại chê bai chỗ sở đắc của họ, họ liền sanh sân hận, tức biết ngã tướng kiên cố chấp trì vẫn còn ẩn núp nơi tạng thức và luôn lai vãng ở các căn không gián đoạn. Nay thiện nam, người tu kia không đoạn trừ được ngã tướng nên không nhập được tánh Viên giác thanh tịnh.*

**GIẢNG:**

Đức Phật chỉ tướng ngã còn thâm thâm tế nhị vô cùng, chúng ta tu tập hạnh Bồ-đề giải thoát và được niềm vui vi diệu nhỏ nhỏ cho là tâm được thanh tịnh, nhưng sự thật chưa dứt được cội gốc bản ngã. Vì nếu có người tới khen pháp mình tu thì vui vẻ hài lòng, tới chê pháp mình tu tà vạy thì nổi giận hầm hầm. Vậy rõ ràng bản ngã còn kiên cố, còn chấp trì bền vững chưa mất, còn đang ẩn trong tạng thức, đang dạo chơi nơi các căn nên vừa gặp cảnh liền phát ra. Biết vậy rồi chúng ta nên nỗ lực tu, nỗ lực dè dặt đề phòng mình. Được yên ổn chút ít đừng cho là rồi, chờ gặp cảnh mới biết.

Ở đây đức Phật chỉ thêm cho chúng ta thấy một bệnh nữa là bệnh ái pháp. Ví dụ như ở đây, tôi dạy quý vị tu thiền, quý vị tu một thời gian tâm được yên yên, có người tới khen pháp tu thiền là đốn giáo thích hợp với người lý trí mạnh, quý vị sanh tâm vui mừng, muốn làm thầy tế độ người đó. Ắ gược lại có người tu Tịnh độ đến chê tu thiền là bậy, tu riết rồi điên, quý vị liền nổi giận cự với họ. Vì chúng ta còn chấp ngã nên khen pháp của ta thì ta vui mừng, chê pháp của ta thì ta liền nổi giận. Pháp Phật dạy là để chúng ta tu cho tâm được an ổn, được lợi ích, nhưng chúng ta vì pháp mà tranh hơn thua thì mất lợi ích rồi. Đối với người, ai cần tu thì chúng ta sẵn sàng chỉ cho, ai không cần thì thôi. Ắ gười cho pháp tu của chúng ta sai là cái thấy của họ, họ có quyền phê phán, chúng ta cự lại làm gì cho mất mình? Họ nói pháp tu thiền điên mà chúng ta tu không điên thì có hại gì đâu? Chúng ta nổi sân cự lại họ thì hóa ra tu thiền điên thật rồi! Minh tu mình biết, ai khen ai chê cũng được. Học pháp để tu chớ không phải học pháp để tranh hơn thua. Còn tranh hơn thua thì không phải là người chân chánh tu hành, vì sự tranh hơn thua gốc từ bản ngã. Ắ gười còn chấp ngã, dù là vi tế, vẫn còn vô minh thì làm sao nhập được tánh Viên giác thanh tịnh?

**ÂM:**

- Thiện nam tử, nhược tri ngã không, vô hủy ngã giả, hữu ngã thuyết pháp, ngã vị đoạn cố, chúng sanh thọ mạng diệc phục như thị.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, nếu biết ngã không, không phá hoại ngã. Còn thấy có ta nói pháp, là chưa đoạn sạch ngã tướng, chúng sanh, thọ mạng cũng như thế.*

**GIẢNG:**

Đức Phật nói: Tuy biết ngã tướng là không, nhưng cũng không nên tìm mọi cách để miệt thị hủy hoại ngã tướng. Ấu ếu còn thấy ta là người thuyết pháp thì ngã tướng cũng chưa đoạn hết. Quý vị còn nhớ kinh Kim Cang định nghĩa: Thuyết pháp là không có người hay thuyết, ấy gọi là thuyết pháp.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, mặt thể chúng sanh, thuyết bệnh vi pháp, thị cố danh vi khả lân mãn giả. Tuy cần tinh tiến, tăng ích chư bệnh, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, những chúng sanh đời sau nói bệnh làm pháp, thế nên gọi là người đáng thương xót. Tuy cần mãn siêng năng, nhưng tăng thêm các bệnh. Thế nên không nhập được tánh Viên giác thanh tịnh.*

**GIẢNG:**

Chúng ta bây giờ nói pháp là *nói bệnh làm pháp*. Quý vị ráng nhớ cho kỹ chỗ này: ấu gười nói pháp, nói một hồi thì đề cập đến nhóm của ta, đoàn thể của ta... ta và của ta là hơn hết, rồi đả kích người này nhóm kia... ấu gười học đạo chân chánh phải hiểu cho thấu đáo, đừng nghe những vị hướng dẫn sai lầm rồi mắc kẹt trong đó. Chúng ta không khéo tu thì cái ngã này chưa phá vỡ lại chồng thêm cái ngã khác, tu mãi ngàn đời cũng không giải thoát. ấu ói pháp của Phật mà nói không đúng nên thành bệnh. Lẽ ra đức Phật quở, nhưng ấu gài dây lòng từ bi, nên chỉ nói những người này đáng thương xót vậy, và nói chúng sanh đời sau nói bệnh làm pháp. Tuy có siêng năng tinh tấn nhưng chỉ làm thêm lớn bệnh của họ thôi, chớ không thể vào được tánh Viên giác thanh tịnh.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, mặt thể chúng sanh, bất liễu tứ tướng, dĩ Như Lai giải cập sở hành xứ vi tự tu hành, chung bất thành tựu.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, những chúng sanh đời sau chẳng rõ bốn tướng, lấy chỗ hiểu và hành của Như Lai làm chỗ tu hành của mình, trọn không thể thành tựu.*

**GIẢNG:**

Khuyết điểm lớn của chúng ta là chưa phá được bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà lấy chỗ hiểu và hành của ấu hư Lai làm chỗ tu hành của mình nên không thể thành Thánh đạo. Vì chưa phá chấp bốn tướng nên tu theo bản ngã, bởi chấp lời dạy và sở hành của Phật, không hiểu nghĩa lý Phật dạy, tu hành theo cái chấp riêng tư của mình nên không có kết quả.

**ÂM:**

- **Hoặc hữu chúng sanh vị đắc vị đắc, vị chứng vị chứng, kiến thắng tiến giả, tâm sanh tật đố. Do bỉ chúng sanh vị đoạn ngã ái, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.**

**DỊCH:**

*- Hoặc có chúng sanh chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, thấy người hơn mình tâm sanh tật đố. Bởi chúng sanh ấy chưa đoạn được ngã ái, cho nên chẳng nhập được tánh Viên giác thanh tịnh.*

**GIẢNG:**

Ắ gười chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, Phật gọi là tăng thượng mạn trong kinh Pháp Hoa. Thấy ai tu hơn mình, ai thuyết pháp hướng dẫn bổn đạo tu hành chân chánh, Phật tử theo đông, sanh lòng đố kỵ, nên biết người này chưa đoạn dứt ngã ái, bởi chưa dứt được ngã ái, nên họ không vào được tánh Viên giác.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, mặt thể chúng sanh hi vọng thành đạo, vô linh cầu ngộ, duy ích đa văn, tăng trưởng ngã kiến. Đản đương tinh cần hàng phục phiền não, khởi đại đồng mãnh, vị đắc linh đắc, vị đoạn linh đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đố, đối cảnh bất sanh, bỉ ngã ân ái, nhất thiết tịch diệt. Phật thuyết thị nhân, tiệp thứ thành tựu, cầu thiện tri thức, bất đọa tà kiến. Nhược u sở cầu, biệt sanh tăng ái, tác bất năng nhập thanh tịnh giác hải.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, chúng sanh đời sau mong được thành đạo, chẳng cầu giác ngộ chỉ cốt học nhiều, khiến cho tăng trưởng ngã kiến. Phải tinh tấn hàng phục phiền não, khởi đại đồng mãnh, những pháp chưa được khiến cho được, những cái chưa đoạn khiến phải đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đố đối cảnh không sanh, ta người ân ái, tất cả đều vắng lặng. Phật nói người này thứ lớp thành tựu, cầu thiện tri thức chẳng rơi vào tà kiến. Còn nếu đối với sở cầu, riêng sanh yêu ghét, chắc chắn không thể vào biển Viên giác thanh tịnh được.*

**GIẢNG:**

Tới đây đức Phật chỉ cho chúng ta thêm một bệnh nữa là: Ắ gười tu chân chánh tuy thành tâm cầu đạo, tham học nhiều mà không tu, chỉ tăng trưởng thêm đa văn, tức là thêm ngã kiến.

Muốn tiến đạo phải cố gắng hàng phục phiền não, khởi tâm đại đồng mãnh, những pháp lành chưa được phải thực hiện cho được, pháp ác chưa đoạn phải đoạn dứt, đưa tất cả những phiền não tham, sân, tăng, ái... vào chỗ tịch diệt. Khi gặp cảnh đáng sân không sân, gặp cảnh đáng tham không tham... Làm sao khi gặp cảnh những thứ đó không khởi, được vậy thì Phật ân chứng người đó thứ lớp được thành tựu đạo quả.

Phật còn dạy người tu phải cầu thầy sáng bạn tốt chỉ giáo để khỏi rơi vào tà kiến. Thêm nữa Phật bảo phải dè dặt, đối với thiện tri thức chớ sanh lòng yêu hay ghét riêng, nếu sanh lòng yêu ghét không thể vào biển Viên giác được. Ắ ghĩa là dù với bậc thầy dạy mình mà có niệm yêu ghét cũng khó vào biển Viên giác.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

**- Tịnh Nghiệp nữ đương tri  
Nhất thiết chư chúng sanh  
Giai do chấp ngã ái**

Vô thủy vọng lưu chuyển  
Vị trừ tứ chúng tướng  
Bất đắc thành Bồ-đề  
Ái tăng sanh ư tâm  
Siểm khúc tồn chư niệm  
Thị cố đa mê muội  
Bất năng nhập Giác thành  
Nhược năng qui ngộ sát  
Tiên khứ tham sân si  
Pháp ái bất tồn tâm  
Tiệm thứ khả thành tựu  
Ngã thân bản bất hữu  
Tăng ái hà do sanh  
Thử nhân cầu thiện hữu  
Chung bất đọa tà kiến  
Sở cầu biệt sanh tâm  
Cứu kính phi thành tựu.

**DỊCH:**

*Bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói kệ rằng:*

*- Tịnh Nghiệp ông nên biết  
Tất cả các chúng sanh  
Đều do chấp ngã ái  
Luân hồi từ vô thủy  
Chưa trừ được bốn tướng  
Chẳng được thành Bồ-đề  
Yêu ghét sanh nơi tâm  
Siểm khúc còn các niệm  
Cho nên nhiều mê muội  
Không vào được thành Giác  
Nếu hay về cõi ngộ  
Trước dẹp tham sân si  
Ái chẳng còn nơi tâm  
Dần dần sẽ thành tựu  
Thân ta vốn chẳng có  
Yêu ghét từ đâu sanh  
Người này cầu thiện hữu  
Trọn chẳng rơi tà kiến  
Chỗ cầu riêng sanh tâm  
Cứu kính chẳng thành tựu.*

**GIẢNG:**

Quý vị thấy đức Phật trị hết tất cả bệnh cho chúng ta, thật là một bậc Đại y vương. ả ào là bệnh chấp ngã, ái ngã, ái pháp, ái sư... chúng ta phải dẹp hết những bệnh đó thì mới mong vào được biển Viên giác thanh tịnh, nếu không thì chúng ta trôi lăn mãi trong vòng luân hồi. ả gài chỉ rất rõ người tu mà còn kẹt trong bốn tướng, dù vi tế cũng không

thành tựu đạo Bồ-đề, tâm còn niệm yêu ghét là còn mê muội không vào được tánh Viên giác. Muốn vào cảnh giới giác ngộ thì phải bỏ những bệnh tham, sân, si, ái ngã, ái pháp... mới thành tựu đạo Bồ-đề. Phật lại dạy: Sở dĩ chúng ta có yêu ghét là do chấp thân này thật, nếu chúng ta thấy rõ thân này không thật có thì yêu ghét không từ đâu mà sanh. Ắ gười hiểu được lý vô ngã và áp dụng tu hành thì tiến vào biển Viên giác không khó. Thêm nữa, chúng ta tìm thầy học đạo đừng để rơi vào tà kiến và khi gặp thầy học đạo cũng đừng sanh tâm yêu ghét, nếu có yêu ghét thì chướng ngại trên đường tu. Bỏ yêu ghét ở thế gian mà sanh yêu ghét ở trong đạo cũng là bệnh. Hiểu cho thật kỹ tu hành mới tiến được, hiểu không thật kỹ thì vừa mới hết bệnh này lại sanh bệnh khác. Ắ gười tu dùng pháp của Phật dạy cũng như người bệnh dùng thuốc vậy, biết bệnh biết thuốc thì hết bệnh, nếu không thì lầm lẫn có hại.

## CHƯƠNG X

### BỒ-TÁT PHỔ GIÁC THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Phổ Giác Bồ-tát tại đại chúng trung, tức từng tòa khởi, đánh lễ Phật túc hữu nhiều tam táp, trường quì xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, khoái thuyết thiên bệnh, linh chư đại chúng đắc vị tăng hữu, tâm ý đặng nhiên, hoạch đại an ổn. Thế Tôn, mặt thể chúng sanh khứ Phật tiệm viễn, Hiền Thánh ẩn phục tà pháp tăng xí, sử chư chúng sanh, cầu hà đặng nhân, y hà đặng pháp, hành hà đặng hạnh, trừ khứ hà bệnh, vãn hà phát tâm, linh bỉ quần manh bất đọa tà kiến. Tác thị ngữ dĩ, ngữ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Khi ấy, Bồ-tát Phổ Giác ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quì gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, khéo nói thiên bệnh khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, tâm ý rộng rang được an ổn lớn. Bạch Thế Tôn, những chúng sanh đời mạt pháp, cách Phật dân xa, Thánh Hiền ẩn khuất, tà pháp tăng mạnh, vậy chúng sanh cầu những người nào, y những pháp gì, hành những hạnh gì, trừ những bệnh gì, làm thế nào phát tâm, khiến những kẻ mù tối chẳng rơi vào tà kiến?*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất thưa thỉnh như thế lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Phổ giác là biết cùng khắp, Bồ-tát Phổ Giác muốn cho tất cả mọi người đều thấy rõ, biết rõ mọi phương tiện, mọi đường lối tu hành để không còn bị chướng ngại. Đa số người lúc dụng công tu thường hay gặp chướng ngại, sở dĩ bị chướng ngại là do bệnh chấp ngã, chấp pháp. Cho nên Bồ-tát Tịnh Chư ả nghiệp Chướng thưa hỏi cầu Phật chỉ cho cách điều phục. Tuy điều phục được nghiệp chướng song vô minh vi tế vẫn còn che tánh Viên giác, vì vậy tánh Viên giác không chiếu soi cùng khắp, nên Bồ-tát Phổ Giác đứng ra thưa hỏi Phật năm điều:

1. Chúng sanh phải cầu ai làm minh sư để chỉ dạy tu hành?
2. Y theo pháp nào để tu?
3. Phải tu hạnh gì?
4. Phải trừ những bệnh gì?
5. Làm sao phát tâm, để tu hành khiến cho tánh Viên giác chiếu soi cùng khắp?

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Giác Bồ-tát ngôn:**

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nữ tử, nhữ đẳng nãi năng tư vấn Như Lai như thị tu hành, năng thí mạng thể nhất thiết chúng sanh vô úy đạo nhãn, linh bỉ chúng sanh đắc thành Thánh đạo, nữ kim để thính, đương vị nữ thuyết.

Thời Phổ Giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, mạng thể chúng sanh tương phát đại tâm cầu thiện tri thức, dục tu hành giả, đương cầu nhất thiết chánh tri kiến nhân, tâm bất trụ tướng, bất trước Thanh văn Duyên giác cảnh giới, tuy hiện trần lao tâm hằng thanh tịnh, thị hữu chư quá tán thán phạm hạnh, bất linh chúng sanh nhập bất luật nghi, cầu như thị nhân, tức đắc thành tựu A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

**DỊCH:**

*Khi ấy Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Giác rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông mới hay thưa hỏi Như Lai đường lối tu hành như thế, hay bố thí cho tất cả chúng sanh đời sau vô úy đạo nhãn khiến cho chúng sanh kia được thành Thánh đạo. Nay ông hãy lắng nghe ta sẽ vì ông nói.*

*Bấy giờ Bồ-tát Phổ Giác vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.*

*- Nay thiện nam, những chúng sanh đời sau sắp phát đại tâm cầu thiện tri thức để tu hành, phải cầu tất cả người có chánh tri kiến, tâm không trụ tướng, chẳng chấp cảnh giới Thanh văn Duyên giác, tuy hiện trong trần lao mà tâm hằng thanh tịnh, dù có thị hiện những lỗi lầm mà vẫn tán thán hạnh thanh tịnh, không khiến chúng sanh vào chỗ trái với luật nghi. Cầu được người như thế tức được thành tựu pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

**GIẢNG:**

Đức Phật dạy chúng sanh tu, trước là phải phát tâm Đại thừa sau là cầu thiện tri thức. Thiện tri thức là người có chánh tri kiến, không rơi vào các tà ngụy như mê tín cúng vái quỷ thần, không trụ phước báo phạm phu cõi người và cõi trời. Hai là không kẹt vào các quả vị Thanh văn Duyên giác. Ba là vị thiện hữu tri thức này tuy hiện thân ở trong cảnh trần lao ô nhiễm mà tâm hằng thanh tịnh, người đó mới xứng đáng là thiện tri thức. Bốn là họ hay bày ra có lỗi mà lúc đó vẫn tán dương hạnh thanh bạch. Trong giới tu hành, có những vị cũng còn một hai lỗi lầm, nhưng lúc nào họ cũng khuyên người chung quanh giữ hạnh thanh tịnh, không cho làm các nghiệp chẳng lành. Chúng ta gần người như vậy thì được lợi ích và sẽ thành tựu đạo Vô thượng Bồ-đề.

Người không mắc kẹt trong tà kiến, không ở trong cảnh giới Thanh văn Duyên giác, tuy ở trong trần lao mà tâm hằng thanh tịnh, đó là Bồ-tát rồi. Giả sử chúng ta tìm không được người như vậy, mà có những vị ở trong trần lao còn một hai lỗi lầm, chúng ta có nên gần gũi hay không? Ắt hẳn gần, nhưng chúng ta phải nhận xét cho kỹ về vị đó. Ví dụ thỉnh thoảng vị thiện tri thức đó gặp việc trái ý, bực bội rồi cũng la cũng sân. Khi lỡ sân rồi họ nói: “người tu không được quyền sân, sân là tánh xấu, đây là tôi dở mà tôi bỏ chưa được, quý vị đừng bắt chước cái dở của tôi, không tốt cho sự tu hành”, thì khả dĩ được. Còn nếu vị đó nói: “sân để làm lợi ích cho người ta, đâu có tội gì”, người nói như thế

chúng ta không nên gàn. Tách bạch như vậy để quý vị nhận xét kỹ kéo dài. Ắ hững người biết tỉnh giác, tuy có lỗi là vì thói quen lâu đời bỏ chưa được, nhưng họ vẫn thú nhận đó là điều dở của họ và bảo người khác đừng bắt chước theo, vì những điểm dở ấy họ muốn bỏ nhưng sức tu còn yếu làm chưa được. Ắ gười như vậy tuy chưa thật hoàn toàn tốt, nhưng đó là mẫu người tốt. Còn nếu người làm dở mà cứ bao che cái dở của họ, cứ bào chữa tội làm như vậy không có lỗi, làm như vậy là hạng Bồ-tát, đó là hạng người chúng ta nên tránh xa.

Trong kinh có kể một đoạn về tiền thân của Phật khi còn là Bồ-tát. Có một tên cướp giả làm người chèo thuyền đưa một số người qua sông, trên thuyền lúc đó cũng có mặt ắ gài. Tên cướp muốn hành hung số người trên thuyền. Bồ-tát liền khởi nghĩ: “Ắ ều không giết chú chèo đò thì chú sẽ giết hết những người trên thuyền này.” Ắ gài bèn ra tay giết chú chèo đò để cứu những chúng sanh kia. Khi hành sự, Bồ-tát nghĩ rằng: “Việc làm này tuy có trái với luật nhưng vì muốn cứu người nên một mình cam chịu tội, dù có bị đọa địa ngục ta vẫn vui.” Ắ hư vậy mới đúng là người tu chân chánh, còn nói: “tôi làm đây là để cứu chúng sanh, không tội lỗi gì hết”, là phá luật nghi. Quý vị phải nhận xét cho kỹ, đời này có nhiều người hay vỗ ngực nói can đảm. Sát sanh là giới đầu tiên của người tu Phật, mà nói giết người không tội là vô lý. Sở dĩ dám giết người là vì lòng từ muốn cứu nhiều người mà phải chịu tội lấy một mình. Hiểu như vậy, quý vị mới biết người hành đạo chỗ nào đúng, chỗ nào sai. Chớ đừng nghe trong kinh nói như vậy rồi nghĩ: “À, khi các ngài hiện những việc trái luật nghi như vậy mình cũng đừng cố chấp.” Ắ hư vậy người tu muốn uống rượu ăn thịt cũng được sao? Ắ ều uống rượu ăn thịt mà vị đó tự nói lên: “đây là việc làm trái luật nghi, đó là thói hư tôi chưa bỏ được, xin quý vị đừng bắt chước”, người như vậy còn khả dĩ gàn được, chớ đã phạm luật nghi mà còn nói can: “ôi chỗ nào cũng là đạo tràng, quán rượu thanh lâu cũng là đạo tràng”, người đó không nên gàn. Hiểu rõ rồi, quý vị mới đoán định được ai là thiện tri thức, ai không phải thiện tri thức, để khỏi rơi vào trường hợp khi phát tâm chân chánh mà lại gặp những người tà ngụy không tiến tu được.

Cầu thầy phải cầu người có chánh tri kiến. Bởi vì sanh trong thời mạt pháp, *Pháp nhược ma cường* tức là chánh pháp thì yếu mà tà pháp lại mạnh, tà pháp mạnh cho nên đi đâu cũng nghe nói pháp tà mãi thành nhiễm. Muốn cầu thầy học đạo phải khéo lựa chọn vị thầy hướng dẫn tốt để đường tu chúng ta khỏi bị lạc, tu đúng chánh pháp để đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**ÂM:**

**- Mạt thế chúng sanh kiến như thị nhân ưng đương cúng dường bất tích thân mạng. Bĩ thiện tri thức, tứ oai nghi trung thường hiện thanh tịnh, nãi chí thị hiện chủng chủng quá hoạn tâm vô kiêu mạn, hướng phục đoàn tài, thê tử quyến thuộc. Nhược thiện nam tử, ư bĩ thiện hữu bất khởi ác niệm, tức năng cứu kính thành tựu Chánh giác, tâm hoa phát minh, chiếu thập phương sát.**

**DỊCH:**

**- Những chúng sanh đời sau gặp người như thế phải nên cúng dường chẳng tiếc thân mạng. Thiện tri thức ấy trong bốn oai nghi thường hiện thanh tịnh, cho đến thị hiện các thứ tội lỗi, tâm không kiêu mạn, hướng nữa tài sản vợ con quyến thuộc. Nếu thiện nam tử, đối với vị thiện hữu kia không khởi niệm ác tức hay cứu kính thành tựu Chánh giác, tâm hoa phát sáng, chiếu soi cả mười phương cõi nước.**

## **GIẢNG:**

Chỗ này Phật nói để cho chúng ta hiểu thêm một chút nữa. Ắ gười học đạo nếu không sáng dễ lắm. Hai trường hợp lắm, một là người chánh mà chúng ta tưởng là tà, hai là người tà mà tưởng là chánh.

Trường hợp thứ nhất, có những thiện tri thức hiện nghịch hạnh làm những chuyện thế gian, để đồng sự với chúng sanh mà giáo hóa họ hoặc để thử thách đồ đệ, nếu chúng ta không hiểu thì mất niềm tin. Ắ hư trường hợp ngài Thiện Chiếu, Ắ gài là một vị Thiền sư nổi tiếng trong tông Lâm Tế, người xưa nể phục gọi Ắ gài là Sư tử Phần Dương. Trong pháp hội của Ắ gài có cả thầy năm trăm người. Một hôm đến ngày kỵ mẫu thân, Ắ gài bảo vị Tri sự: “Bữa nay ông mua cá thịt với một chai rượu về tôi cúng bà thân tôi.” Vị Tri sự không dám cãi, đi mua rượu thịt về. Ắ gài cúng xong xuôi, dọn ra bàn và mời chúng: “Quý vị cùng tôi ăn một bữa lấy thảo.” Chúng đều giạt mình, không ai dám dự. Ắ gài ngồi ăn tự nhiên và nói: “Thôi, chúng không dự thì tôi dự.” Chúng nghe danh Ắ gài tim tới học, bây giờ thấy Ắ gài ăn thịt uống rượu một cách tự nhiên ai nấy đều mất hết niềm tin. Qua hôm sau họ xin xuất chúng đi hết, chỉ còn lại có mấy người, trong số đó có ngài Từ Minh. Sau khi họ đi, Ắ gài cười và nói: “Ta chỉ tốn mâm cơm và chai rượu mà tổng hết bốn trăm mấy chục người để khỏi tốn hao của thập phương bá tánh.” Vì những người đó họ chỉ chấp danh tướng mà không thấy tánh thật nên Ắ gài thử xem họ có đủ lòng tin đối với Ắ gài không. Họ chỉ nghe danh chớ chưa thật hiểu và tin Ắ gài, nên thấy những tướng bên ngoài như vậy liền bỏ đi. Ắ gài Từ Minh và mấy vị ở lại hiểu Ắ gài nên không bỏ đi. Sau này ngài Từ Minh trở thành một vị cự phách trong tông Lâm Tế. Dưới Ắ gài, Dương Kỳ và Hoàng Long là Khai tổ của hai phái thiền ở đời Tống rất hưng thịnh. Ắ hư vậy đối với thiện tri thức chúng ta nhìn một cách cạn cợt nông nổi thì dễ bị lầm. Tại chúng Tăng không xét kỹ, chớ người thấy đạo như ngài Phần Dương chẳng lẽ lại làm chuyện như vậy? Chẳng qua Ắ gài thử chúng, xem chúng có vững niềm tin Ắ gài là người thấy đạo và đã đủ sức hướng dẫn họ tu hành đến nơi đến chốn chưa? Thế mà họ không hiểu, cho Ắ gài phá giới nên bỏ đi. Đó là lỗi không hiểu ông thầy nên mất lợi ích cho mình.

Trường hợp thứ hai, có những vị cứ dẫn câu “dù cho có quyền thuộc, thê tử...” để tự do có quyền thuộc thê tử. Ắ hư vậy chúng ta cũng phải tin những vị đó sao? Chỗ này thật tế nhị vô cùng.

Đối với vị thiện tri thức chúng ta nên nhận cho đúng, luôn luôn quý kính, và ở bên cạnh học hỏi tiến tu thì lần lần sẽ hết bệnh và thành tựu quả Phật. Lúc ấy tâm hoa phát sáng chiếu soi cả mười phương cõi nước.

## **ÂM:**

**- Thiện nam tử, bĩ thiện tri thức sở chứng diệu pháp ung ly tứ bệnh. Vân hà tứ bệnh?**

**Nhất giả Tác bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn, ngã ư bản tâm tác chủng chủng hạnh, dục cầu Viên giác. Bĩ Viên giác tánh phi tác đắc cố, thuyết danh vi bệnh.**

## **DỊCH:**

**- Này thiện nam, vị thiện tri thức kia đã chứng diệu pháp nên lìa bốn bệnh. Thế nào là bốn bệnh?**



Hai bệnh *tác* và *nhậm* đối nhau. Bệnh *tác* thì thúc liễm quá, dùng hình thức để tu nên làm vì *tướng* mà không thấy được tánh. Còn bệnh *nhậm* thì chấp *tánh*, nghe nói Bản tánh không phải làm mà ra, không phải tu mà được, nên mặc tình phóng túng. Hai cái này đều không phù hợp với Viên giác.

**ÂM:**

- Tam giả Chỉ bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: Ngã kim tự tâm vĩnh tức chư niệm, đặc nhất thiết tánh tịch nhiên bình đẳng, dục cầu Viên giác. Bĩ Viên giác tánh phi chỉ hợp cố, thuyết danh vi bệnh.

**DỊCH:**

- Ba là bệnh Chỉ. Nếu có người nói thế này: “nay ta tự tâm hằng dứt các niệm, được tất cả tánh lặng lẽ bình đẳng” để cầu Viên giác. Song, tánh Viên giác kia chẳng phải do dùng chỉ mà có, nên nói là bệnh.

**GIẢNG:**

Chỗ này mới thật là khó, chúng ta tu được dạy phải dùng lặng vọng tướng, sao kinh này nói lặng là bệnh? Dùng hết vọng tướng chỉ còn có lặng lẽ bình đẳng thì hợp đạo quá, tại sao ở đây nói là bệnh? Vì Viên giác là Tánh giác hằng sáng chớ không phải do đề, dùng lại tức là đề nó xuống thì rơi vào bệnh vô ký. Ở đây đức Phật dạy chúng ta khi lặng hết những tạp niệm lăng xăng, vẫn biết mình có Tánh giác tròn sáng. ả gọi thiền lúc vọng tướng lặng hết, tai chúng ta vẫn nghe tiếng đồng hồ tích tắc, tiếng xe chạy ngoài đường, tiếng gà gáy... Chúng ta vẫn nghe biết chớ không phải không nghe không biết gì. Bệnh này rất tế nhị, chúng ta phải dè dặt.

**ÂM:**

- Tứ giả Diệt bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: Ngã kim vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thân tâm tất cánh không, vô sở hữu, hà huông căn trần hư vọng cảnh giới, nhất thiết vĩnh tịch, dục cầu Viên giác. Bĩ Viên giác tánh, phi tịch tướng cố thuyết danh vi bệnh.

**DỊCH:**

- Bốn là bệnh Diệt. Nếu có người nói như thế này: “nay ta nên đoạn hẳn tất cả phiền não, thân tâm hoàn toàn không, không sở hữu, huông là cảnh giới hư vọng của căn trần, tất cả đều vắng lặng” để cầu Viên giác. Song, tánh Viên giác kia chẳng phải tướng tịch diệt, nên nói là bệnh.

**GIẢNG:**

Chỗ này càng khó hơn. Bởi vì đến giai đoạn này thì người tu đã đoạn sạch phiền não, họ cho là tất cả phiền não đoạn hết, nên thân tâm rốt ráo là không, huông nữa là căn trần, những cái đó đều là không có. Thấy tất cả đều vắng lặng là đúng một phần, vì tánh Viên giác không phải cái hoàn toàn vắng lặng lẽ ấy. Giác thì phải biết, mà biết thì đâu phải chỉ vắng hoàn toàn mà không biết. ả hư chuyện “Bà già đốt ả”, khi ông thầy đã tu đến chỗ gặp duyên xúc cảnh đọc câu thơ “Khô mộc ý hàn nham, Tam xuân vô noãn khí” (*Cây khô tựa trên núi lạnh, Ba mùa xuân qua rồi mà không có chút hơi ả*), nghĩa là ông bây giờ như cây khô lạnh trên núi, không có dây khởi một niệm nào nữa. ả hư vậy theo chúng ta là quá hay rồi, khi tất cả động tác của người xúc chạm đến mình mà mình vẫn vắng lặng lẽ không dây niệm là hay tốt bậc, nhưng mà đó là bệnh thứ tư ở đây nói. ả ền bà già đó đã

đốt am đuổi thầy đi và nói “uông công nuôi thầy”. ả hư vậy để thầy khô lặng chưa phải là rồi, mà còn phải thấy được tánh Viên giác tròn đầy của chính mình nữa. Chúng ta thấy trình độ của bà già đó không phải là ít. Chỗ này thật khó, chúng ta tu phải khéo nếu không thì rơi vào đoạn diệt. ả gười tu mà lệch một tí là sai.

Hai bệnh *chi* và *diệt* lỗi tại chưa nhận ra tánh Viên giác cho nên thành bệnh.

**ÂM:**

- **Ly tứ bệnh giả, tác tri thanh tịnh. Tác thị quán giả danh vi chánh quán, nhược tha quán giả danh vi tà quán.**

**DỊCH:**

- *Lìa bốn bệnh đó, thì biết đã thanh tịnh. Khởi quán như thế là chánh quán, nếu quán khác đi gọi là tà quán.*

**GIẢNG:**

Đoạn này Phật kết luận, người lìa bốn bệnh Tác, ả hậm, Chi, Diệt mới hợp với tánh Viên giác; vì tánh Viên giác là Thể thanh tịnh tròn sáng, không sanh không diệt, không như không sạch, vô vi vô lậu... ả ếu chấp tướng Tác, ả hậm, Chi, Diệt để cầu thì không hợp với tánh Viên giác.

Tôi xin nhắc lại tất cả bốn bệnh cho quý vị thấy rõ hơn từng bệnh.

Bệnh Tác là dùng công năng huân tập hay tạo tác để mong được đạo, như thế không phải, vì công năng huân tập tạo tác là sanh diệt, cho nên dùng nó để mong được tánh Viên giác là không được, bệnh này dễ hiểu.

Hai là ả hậm, để mặc tình ra sao cũng được; chúng ta đang bị vô minh che mà tha hồ để nó ra sao cũng được thì suốt kiếp cứ mê hoại, bệnh này cũng dễ hiểu.

Ba là Chi, tức là đề cho nó yên xuống, nghĩa là dùng vọng tưởng. Tánh giác thì hằng tri hằng giác, mà đề nó lặng đâu phải là giác, vì giác thì luôn luôn linh động sáng suốt nên gọi là “liễu liễu thường tri”.

Bốn là Diệt, tất cả phiền não đều dứt, thân tâm thấy rỗng không, cảnh giới cũng thấy rỗng không, rồi cho cái rỗng không là đạo, đó cũng là lệch. Vì đạo là giác mà cho thân tâm rỗng không, không có gì đâu phải là giác. Trong nhà Thiền thường nói vô tâm. Vô tâm là không tâm sanh diệt phiền não, chứ không phải là không có cái tâm chân thật thanh tịnh sáng suốt. Khi chúng ta hết phiền não, hết những niệm chạy theo cảnh theo duyên, thì tánh hằng giác, hằng linh động hiển hiện, chứ cho rằng hết những cái đó là rỗng không, không có gì thì không đúng.

Chúng ta tu mà lệch một tí là xa đạo. Thật ra bốn cái này không phải là bệnh, mà do chấp nên thành bệnh, ban đầu tu phải nhờ nó, nhưng đến giai đoạn nào đó thì phải buông. Khi chúng ta tu mượn Chi, Tác hay Diệt để trừ các phiền não, phiền não hết thì nhận ra Tánh giác. ả ếu hết phiền não mà nhận chỗ không phiền não lặng lẽ là cứu kính thì là lầm.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, mặt thế chúng sanh dục tu hành giả, ưng đương tận mệnh cúng dường thiện hữu tri thức. Bĩ thiện tri thức dục lai thân cận ưng đoạn kiều mạn. Nhược phục viễn ly ưng đoạn sân hận.

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, chúng sanh đời sau muốn tu hành phải trọn đời cúng dường thờ phụng thiện hữu tri thức. Thiện tri thức kia muốn đến thân cận phải đoạn tâm kiều mạn, nếu lại xa lìa phải đoạn sân hận.*

**GIẢNG:**

Đây là những bệnh của học trò, tuy thành tâm thờ thầy đúng pháp, song gần thầy được thầy dạy dỗ thì sanh tâm ngã mạn, cho rằng: Thầy thương tôi, thầy luôn luôn lo lắng cho tôi. Trái lại thầy có những Phật sự phải đi chỗ khác, thì họ buồn trách: Thầy bỏ không lo cho tôi nữa, từ đây tôi biết nương tựa ai? Rồi phiền não. Đó là bệnh. Quý vị xét xem có những bệnh như vậy không? ă ếu có thì phải bỏ mới đúng tinh thần của người học đạo.

**ÂM:**

- **Hiện nghịch thuận cảnh, do như hư không, liễu tri thân tâm tất cánh bình đẳng, dữ chư chúng sanh đồng thể vô dị. Như thị tu hành phương nhập Viên giác.**

**DỊCH:**

- *(Nếu thiện tri thức) có hiện ra cảnh nghịch thuận vẫn như hư không, rõ biết thân tâm rốt ráo đều bình đẳng, cùng với chúng sanh đồng thể không khác. Tu hành như thế mới vào được tánh Viên giác.*

**GIẢNG:**

Cảnh thuận nghịch là như thế này. Cảnh thuận: Có Phật tử muốn thỉnh thầy về nhà cúng dường bữa trưa, thầy ưng thuận tới thọ trai, thì đừng vì cảnh thuận đó mà quá mến thầy. Cảnh nghịch: Giả sử chúng ta có duyên sự cần thỉnh thầy tới để trợ giúp. Thầy từ chối. Không vì lý do thầy từ chối mà giận thầy. Đó mới là Phật tử chân chánh. Tuy nói vậy nhưng cũng hơi khó làm. Hoặc là khi vị thiện tri thức khởi thuận hạnh khuyên lơn về về bảo ráng tu thì chúng ta bằng lòng, cho rằng thầy tôi hiền lành từ bi. ă hưng bất thần hôm nào vị thiện tri thức la rầy thì chúng ta cho là ông thầy sân quá, không gần nữa. Đâu biết rằng vị thầy muốn hiện nghịch hạnh coi chúng ta có chịu nổi hay không? ă hư trường hợp ngài Từ Minh đến học đạo với ngài Phần Dương Thiện Chiêu, ngài Từ Minh trước là một nho sĩ, đến nhập chúng đã hai năm mà chưa được dạy bảo. Mỗi khi Sư vào thưa hỏi, chỉ bị Phần Dương mắng chửi thậm tệ, hoặc nghe chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo toàn dùng những lời thế tục thô bỉ. Một hôm Sư trách: “Từ ngày đến pháp tịch này đã qua mất hai năm mà chẳng được dạy bảo, chỉ làm tăng trưởng niệm thế tục trần lao, năm tháng qua nhanh việc mình chẳng sáng, mất cái lợi của kẻ xuất gia.” Sư nói chưa dứt, Phần Dương nhìn thẳng vào Sư mắng: “Đây là ác tri thức dám chê trách ta.” Phần Dương nổi nóng cầm gậy đuổi đánh. Sư toan la cầu cứu, Phần Dương liền bùm miệng Sư. Sư chột đại ngộ, nói: “Mới biết đạo của Lâm Tế vượt ngoài thường tình.”

Thật là lạ lùng! Chúng ta phải hiểu có những trường hợp thầy hiện nghịch hạnh như vậy. Bởi vì người học trò khi khuyên lơn an ủi thì vui vẻ lo tu, họ chỉ tu trong cảnh êm ái nhẹ nhàng mới tiến, nhưng khi gặp những nghịch cảnh họ không chịu nổi. Thầy

muốn cho đồ đệ tiến hơn nên phải hiện ra nghịch hạnh. Ở trong nghịch cảnh mà trò tiến được mới là thứ thật. Vì vậy, ở đây đức Phật dạy rõ, giả sử người tu có gặp nghịch hạnh thuận hạnh gì cũng xem như không, không dính gì với mình, khen cũng vậy mà mắng chửi cũng vậy, đều biết rõ thân tâm mình rất ráo bình đẳng, cùng với các chúng sanh đồng thể không khác. Ắ gười mà được như vậy mới vào tánh Viên giác. Phật sợ chúng sanh sau này gặp cảnh thuận thì tu được còn gặp cảnh nghịch thì không tu, cho nên ắ gải dạy trước để gặp trường hợp nào cũng phải biết rõ ràng khỏi thoái thất Bồ-đề tâm.

**ÂM:**

**- Thiện nam tử, mặt thể chúng sanh bắt đắ thành đạo, do hữu vô thủy tự tha tạng ái nhất thiết chủng tử, cố vị giải thoát.**

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, chúng sanh đời sau không được thành đạo, do có tất cả chủng tử yêu ghét, mình người từ vô thủy nên chưa giải thoát.*

**GIẢNG:**

Đức Phật nói cái gốc không thành đạo là chủng tử đối đắ yêu-ghét, ta-người từ vô thủy đến giờ. Quý vị kiểm lại xem còn có chủng tử đó hay không, nếu còn là chưa thành đạo, khi nào chủng tử đó hết, không muốn thành đạo cũng thành. Chúng ta quen thói cực đoan, nếu không yêu thì ghét, không ghét thì yêu, chúng ta ít khi xử sự bình đẳng với mọi người. Đó là do tất cả chủng tử yêu ghét quá nhiều trong tạng thức cột trói chúng ta, cho nên không được giải thoát.

**ÂM:**

**- Nhược phục hữu nhân quán bỉ oan gia như kỹ phụ mẫu, tâm vô hữu nhị, tức trừ chư bệnh. Ư chư pháp tự tha tạng ái diệt phục như thị.**

**DỊCH:**

*- Nếu lại có người xem kẻ oan gia kia như cha mẹ mình, tâm không có hai, tức trừ các bệnh. Đối với các pháp tự tha, tạng ái cũng lại như thế.*

**GIẢNG:**

Ai xem người chửi mình, hại mình như cha mẹ mình, thì người đó trừ được các bệnh. Bây giờ quý vị ráng tập cho được như vậy. Chúng ta cung kính cha mẹ bao nhiêu thì cung kính người chửi mắng mình cũng bấy nhiêu, chắc chắn là hết bệnh. Vì có yêu mới có ghét, mà người mình ghét thấy như cha mẹ tức là hết ghét, hết ghét đâu còn yêu nữa. Ắ hư vậy mới trừ hết các bệnh. Trừ bệnh này là phương pháp tối quan trọng, nếu chúng ta không dùng trí quán mạnh thì không bao giờ tập được tâm này. Điều đó dễ làm hay khó làm? Ắ ếu khó thì khó giải thoát, khó làm mà làm được thì chắc chắn giải thoát. Ắ hư vậy, những công thức để giải thoát Phật đưa ra quá rõ ràng, cứ thực hành đúng công thức thì sẽ ra đúng đáp số. Sự tu hành cũng vậy, muốn giải thoát thì phải thực hành theo lời Phật dạy, chớ muốn cầu giải thoát, mà từ chối không thực hành điều Phật dạy thì không bao giờ giải thoát nổi. Bây giờ chưa được thì ráng mai một phải thực hành cho được, chớ không thể từ chối nói rằng: “Tôi căn cơ thấp lắm, Phật dạy cao quá tôi làm không nổi.” Ắ ếu từ chối như vậy là từ chối sự giải thoát. Quý vị xét kỹ xem có người nào đáng thương đáng ghét không? Ắ ếu còn thấy có người đáng thương đáng ghét thì biết rõ

chúng ta là kẻ phàm phu. Ắ ừ chúng ta xem mọi người bình đẳng thì chắc chắn giải thoát. Ắ hư trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phật nói: “Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta, nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ta mau thành Phật.” Trong khi Đề-bà-đạt-đa bao nhiêu đời đã hành hạ Ắ gài. Ắ hư vậy Ắ gài không thấy đó là chướng ngại là đày đọa khổ sở, mà lại thấy đó là phương tiện để Ắ gài tiến đạo. Ắ ừ chúng ta thấy người hành hạ đày đọa mình là người bạn lành bậc nhất làm cho mình tiến đạo thì người cúng dường ủng hộ mình cũng là thiện tri thức bậc nhất giúp mình đủ phương tiện tiến đạo. Thấy cả hai là thiện hữu tri thức thì tâm bình đẳng. Tu Đại thừa Phật giáo là cốt phát tâm đại bi, tâm đại bi là thương tất cả chúng sanh. Phát tâm bình đẳng là khi nào thấy kẻ oán người thân đều bình đẳng. Phải ráng tập hai cái đều bình đẳng thì tu hành hết bị chướng, gặp gì cũng là duyên tốt để tiến. Chưa được vậy thì như chiếc thuyền không có người chèo, gặp gió thuận thì trôi lên, gặp gió nghịch thì đùa xuống. Chúng ta phải làm sao thuận nghịch đều tiến thì mới là người tu không bệnh.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, mặt thể chúng sanh dục cầu Viên giác, ưng đương phát tâm tác như thị ngôn: Tận u hư không nhất thiết chúng sanh ngã giai linh nhập cứu kính Viên giác, u Viên giác trung vô thủ giác giả, trừ bỉ ngã nhân nhất thiết chư tướng. Như thị phát tâm bất đọa tà kiến.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, các chúng sanh đời sau muốn cầu Viên giác nên phải phát tâm nói như thế này: “Tất cả chúng sanh tận hư không, con đều khiến vào hết trong Viên giác rốt ráo. Ở trong Viên giác không chấp thủ cái giác, trừ tất cả tướng ngã nhân.” Phát tâm như vậy không rơi vào tà kiến.*

**GIẢNG:**

Phật dạy khi phát tâm thì nguyện tất cả chúng sanh tốt cả hư không, nay con đều đem họ vào tánh Viên giác rốt ráo. Ở trong tánh Viên giác không chấp thủ cái giác, trừ sạch tất cả những tướng nhân ngã... Phát tâm như thế là không rơi vào tà kiến. Ở đây có ai phát tâm được như vậy chưa? Hay phát tâm tu hành để độ cha mẹ dòng họ? Chúng ta tu là nguyện cho tất cả chúng sanh đều thể nhập Viên giác chứ không phải chỉ nguyện riêng cho mình hay cho gia quyến mình. Ắ ừ chỉ nguyện riêng cho chúng ta hay gia quyến là nhân ngã còn, mà nhân ngã còn thì không bao giờ vào được tánh Viên giác.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:**

- **Phổ Giác như đương tri  
Mặt thể chư chúng sanh  
Dục cầu thiện tri thức  
Ưng đương cầu chánh kiến  
Tâm viễn Nhị thừa giả  
Pháp trung trừ tứ bệnh  
Vị Tác Chi Nhậm Diệt  
Thân cận vô kiêu mạn  
Viễn ly vô sân hận  
Kiến chủng chủng cảnh giới**

Tâm đương sanh hi hữu  
Hoàn như Phật xuất thế  
Bất phạm phi luật nghi  
Giới căn vĩnh thanh tịnh  
Độ nhất thiết chúng sanh  
Cứu kính nhập Viên giác  
Vô bỉ ngã nhân tướng  
Đương y chánh trí tuệ  
Tiện đắc siêu tà kiến  
Chứng giác Bát Niết-bàn.

**DỊCH:**

*Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:*

*- Phổ Giác ông nên biết  
Những chúng sanh đời sau  
Muốn cầu thiện tri thức  
Nên cầu người chánh kiến  
Tâm xa lìa Nhị thừa  
Trong pháp trừ bốn bệnh  
Là Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt  
Thân cận không kiêu mạn  
Xa lìa không sân hận  
Thấy các thứ cảnh giới  
Tâm phải sanh hi hữu  
Xem như Phật ra đời  
Không phạm điều trái luật  
Giới căn hằng thanh tịnh  
Độ tất cả chúng sanh  
Rốt ráo vào Viên giác  
Không có tướng ngã nhân  
Nên y chánh trí tuệ  
Liền được khỏi tà kiến  
Chứng giác Bát Niết-bàn.*

**GIẢNG:**

Trong bài trùng tụng này, đức Phật lặp lại để giải rõ sự tu hành của chúng ta như ngài Phổ Giác hỏi ở trước.

Làm sao cầu thiện tri thức? Chọn thầy chọn bạn, phải lựa người không tà kiến.

Phải trừ những pháp gì? Đừng gần gũi pháp ả hị thừa và trong khi tu phải trừ bốn bệnh *tác, chỉ, nhậm, diệt*.

Khi gần gũi thiện tri thức phải làm sao? Khi thân cận thiện tri thức thì chớ khinh lờn kiêu mạn, khi thiện tri thức đi xa thì chớ sân hận. Thiện tri thức có hiện bất cứ thuận hạnh hay nghịch hạnh thì nên khỏi tâm hi hữu xem như Phật ra đời, không nên xem thường.

Phát tâm tu thế nào? Phải luôn luôn giữ đúng luật nghi. Dứt tâm nhân ngã, độ tất cả chúng sanh vào Viên giác, luôn luôn y theo trí tuệ chân chánh, người được như vậy mới vượt ra khỏi tà kiến.

Chúng ta là những kẻ học đạo muốn hết bệnh và sự tu hành không lầm lẫn, không rơi vào tà kiến thì những điều đức Phật dạy chúng ta phải nhớ. Trong bốn bệnh đó phải là người chuyên môn mới thấy rõ. ả hững lối cư xử với thiện tri thức như: “gần mà không kiêu mạn, xa mà không sân hận”, đó là chuyện dễ biết dễ thấy, còn khó làm thay, hướng là coi kẻ thù như cha mẹ thật không phải đơn giản dễ dàng. Song, nếu ai làm được mới thật là người giải thoát. Vì đạo giải thoát là không còn thấy hai bên yêu ghét, nếu còn kẻ thù là còn ghét, còn ghét tức là còn yêu. Chúng ta bật hết yêu ghét thì vào đạo không khó vậy.

## CHƯƠNG XI

### BỒ-TÁT VIÊN GIÁC THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Viên Giác Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường quì xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bồi quảng thuyết tịnh giác chủng chủng phương tiện, linh mật thể chúng sanh hữu đại tăng ích. Thế Tôn, ngã đẳng kim giả dĩ đắc khai ngộ, nhược Phật diệt hậu, mật thể chúng sanh vị đắc ngộ giả, vân hà an cư, tu thử Viên giác thanh tịnh cảnh giới? Thử Viên giác trung tam chủng tịnh quán, dĩ hà vi thủ? Duy nguyện đại bi vị chư đại chúng cập mật thể chúng sanh thí đại nhiều ích.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Lúc đó, Bồ-tát Viên Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật dĩ nhiều bên phải ba vòng, quì gối chấp tay, bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói các thứ phương tiện tịnh giác, khiến cho chúng sanh đời sau được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, chúng con ngày nay đã được khai ngộ, nếu sau khi Phật diệt độ chúng sanh đời sau chưa được ngộ làm thế nào mà an cư để tu cảnh giới thanh tịnh Viên giác này? Trong Viên giác này ba thứ quán thanh tịnh, tu pháp nào trước? Cúi mong Thế Tôn đại bi vì các đại chúng và chúng sanh đời sau bố thí lợi ích lớn.*

*Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế lặp lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Viên giác là giác viên mãn hoàn toàn. Vì Viên giác là tròn khắp nên không những bậc thượng căn được giác, trung căn được giác mà hạ căn cũng được giác. Ở trước Bồ-tát Tịnh Chư ả ghiệp Chương thưa hỏi để dạy cho người tu dẹp sạch các nghiệp chướng. Tuy sạch các nghiệp chướng nhưng tánh Viên giác chưa được phổ biến, nên Bồ-tát Hộ Giác cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để cho Tánh giác được phổ biến. Tuy Tánh giác được phổ biến mà vẫn chưa viên mãn, vì vậy ở đây Bồ-tát Viên Giác đứng lên hỏi Phật hai câu:

1. Chúng sanh đời sau chưa ngộ làm sao an cư được trong cảnh giới Viên giác thanh tịnh?

2. Ba thứ phương tiện (Chỉ, Quán, Thiền) nên tu pháp nào trước?

Đoạn này chú trọng về phần sự tướng tu hành.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn cáo Viên Giác Bồ-tát ngôn:**

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đấng nãi vấn ư Như Lai, như thị phương tiện dĩ đại nhiều ích thí chư chúng sanh. Như kim đế thính, đương vị như thuyết.

Thời Viên Giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh nhược Phật trụ thế, nhược Phật diệt hậu, nhược pháp mạt thời, hữu chư chúng sanh cụ Đại thừa tánh, tín Phật bí mật Đại viên giác tâm, dục tu hành giả, nhược tại già-lam, an xử đồ chúng, hữu duyên sự cố, tùy phần tư sát như ngã dĩ thuyết.

**DỊCH:**

*Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Viên Giác rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông mới hay hỏi Như Lai phương tiện như thế, đem lợi ích lớn bố thí cho các chúng sanh. Nay ông hãy lắng nghe ta sẽ vì ông nói.*

*Lúc ấy Bồ-tát Viên Giác vâng lời dạy hoan hỷ cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.*

*- Nay thiện nam, tất cả chúng sanh trong thời Phật tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ, hoặc thời mạt pháp, nếu có chúng sanh đầy đủ căn tánh Đại thừa, tín được tâm đại Viên giác bí mật của Phật, muốn tu hành, nếu tại già-lam thì nên sắp xếp trong đồ chúng, hoặc có duyên sự thì nên tùy phần mà quán sát như ta đã nói.*

**GIẢNG:**

Đầu tiên đức Phật dạy lập hình tượng đạo tràng. Khi Phật còn ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ hay trong thời mạt pháp, nếu người có căn tánh Đại thừa muốn tu, điều căn bản là phải ở trong già-lam và ở trong đại chúng mà tu, còn nếu có duyên sự bận rộn thì tùy phần quán sát như Phật đã dạy.

**ÂM:**

- Nhược phục vô hữu tha sự nhân duyên, tức kiến đạo tràng, đương lập kỳ hạn, nhược lập trường kỳ bá nhật thập nhật, trung kỳ bá nhật, hạ kỳ bát thập nhật, an trí tịnh cư. Nhược Phật hiện tại đương chánh tư duy, nhược Phật diệt hậu thì thiết hình tượng, tâm tôn mục tượng sanh chánh ức niệm, hoàn đồng Như Lai thường trụ chi nhật, huyền chư phan hoa, kinh tam thất nhật khổ thủ thập phương chư Phật danh tự cầu ai sám hối, ngộ thiện cảnh giới đắc tâm khinh an, quá tam thất nhật, nhất hướng nhiếp niệm.

**DỊCH:**

*- Nếu người không có các duyên sự khác thì dựng lập đạo tràng nên lập kỳ hạn, hoặc lập trường kỳ một trăm hai mươi ngày, hoặc trung kỳ thì một trăm ngày, còn hạ kỳ thì tám mươi ngày để an cư cho thanh tịnh. Nếu Phật còn tại thế thì nên chánh tư duy. Nếu sau khi Phật diệt độ nên thiết lập hình tượng, mắt nhìn tâm tưởng sanh nghĩ nhớ chân chánh, như lúc Phật còn ở đời vậy. Treo các tràng phan hương hoa trải qua hai mươi một ngày, đầu thành dẫn lễ danh hiệu chư Phật mười phương*

*chí thành sám hối, thấy những cảnh giới lành thì tâm được nhẹ nhàng, qua hai mươi một ngày một bề nhiếp niệm.*

**GIẢNG:**

Phật dạy: ă ếu Phật còn tại thế thì chúng ta chỉ chánh tâm nhớ nghĩ đến đức Phật từ hình dáng ngôn ngữ và những điều thấy nghe nơi Phật không cần có hình tượng. ă ếu sau khi Phật diệt độ thì nên lập ra hình tượng để mắt nhìn tâm tưởng khởi niệm chân chánh, xem như đức Phật còn ở đời vậy. Cách an cư này Phật dạy cũng giống như cách nhập thất, trong mỗi kỳ hạn hoặc dài hoặc ngắn, thì trong hai mươi một ngày đầu thành đánh lễ các đức Phật trong mười phương, chí thành sám hối chừng nào thấy điềm lành thì tâm mới nhẹ nhàng, từ đó bắt đầu dụng tâm nhiếp niệm.

**ÂM:**

- **Nhược kinh hạ thủ tam nguyệt an cư, đương vi thanh tịnh Bồ-tát chỉ trụ, tâm ly Thanh văn, bất giả đồ chúng. Chí an cư nhật tức ư Phật tiền tác như thị ngôn: Ngã Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mỗ giáp cứ Bồ-tát thừa, tu tịch diệt hạnh đồng nhập Thanh tịnh thật tướng trụ trì, dĩ Đại viên giác vi ngã già-lam, thân tâm an cư Bình đẳng tánh trí, Niết-bàn Tự tánh vô hệ thuộc cố. Kim ngã kính thỉnh bất y Thanh văn đương y thập phương Như Lai cập đại Bồ-tát tam nguyệt an cư, vị tu Bồ-tát Vô thượng Diệu giác, đại nhân duyên cố bất hệ đồ chúng. Thiện nam tử, thử danh Bồ-tát thị hiện an cư, quá tam kỳ nhật tùy vãng vô ngại.**

**DỊCH:**

- *Nếu nhằm đầu mùa Hạ an cư ba tháng phải an trụ theo hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, tâm lìa Thanh văn, chẳng nương đồ chúng. Đến ngày an cư phải đối trước Phật, bạch như thế này: “Con là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tên là... y cứ theo Bồ-tát thừa tu hạnh tịch diệt, đồng vào trụ trì Thật tướng thanh tịnh, lấy Đại viên giác làm ngôi già-lam của con, thân tâm an cư trong Tánh trí bình đẳng, vì Tự tánh Niết-bàn không có hệ thuộc. Nay con kính xin không y nơi Thanh văn, chỉ y mười phương Như Lai và đại Bồ-tát an cư ba tháng. Con vì nhân duyên lớn tu hạnh Bồ-tát Vô thượng diệu giác, nên không hệ thuộc đồ chúng.” Nay thiện nam, đây gọi là Bồ-tát thị hiện an cư, qua ba hạn kỳ thì qua lại không ngại.*

**GIẢNG:**

Phật dạy cách an cư này khác hơn cách an cư của chúng ta. Chúng ta an cư thì ở trong đồ chúng Thanh văn, Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo ni, rồi lấy giới luật Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni làm căn bản. Ở đây Phật dạy các vị nên y cứ theo Bồ-tát thừa tu về hạnh tịch diệt và trụ nơi Thật tướng thanh tịnh, lấy Đại viên giác làm già-lam, thân tâm an cư trong Tánh trí bình đẳng, chớ không phải an cư trong một khu vực như chúng ta. Các vị này chẳng nương nơi Thanh văn mà y nơi mười phương chư Phật và Bồ-tát an cư ba tháng. Các vị này vì nhân duyên lớn tu hạnh Bồ-tát câu quả Vô thượng diệu giác nên không lệ thuộc vào đồ chúng. Tu như vậy là tu theo hạnh Bồ-tát nên chỉ nương Bồ-tát và chư Phật, đó là Phật dạy an cư theo tánh Viên giác.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nhược bỉ mạt thế tu hành chúng sanh cầu Bồ-tát đạo, nhập tam kỳ giả, phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới, chung bất khả thủ.**

## **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, nếu những chúng sanh đời sau kia tu hành cầu Bồ-tát đạo vào ba kỳ đó, chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia thì trọn không được giữ.*

## **GIẢNG:**

Phật dạy tu trong ba kỳ hạn, nếu có cảnh giới gì hiện mà không đúng những lời Phật dạy như đã nghe thì không chấp nhận. Ắt goài những cái đã được nghe được học mà có những tướng gì khác hiện thì chúng ta không chấp nhận, nếu chấp nhận thì thành bệnh. Ắt ở đây Phật dạy kỹ.

## **ÂM:**

**- Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu Xa-ma-tha, tiên thủ chí tĩnh, bất khởi tư niệm, tĩnh cực tĩnh giác. Như thị sơ tĩnh, tũng ư nhất thân chí nhất thế giới, giác diệc như thị. Thiện nam tử, nhược giác biến mãn nhất thế giới giả, nhất thế giới trung, hữu nhất chúng sanh khởi nhất niệm giả, giai tất năng tri, bá thiên thế giới diệc phục như thị, phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới, chung bất khả thủ.**

## **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, nếu các chúng sanh tu Chỉ trước giữ cho thật lặng lẽ, chẳng khởi suy nghĩ, lặng lẽ tột cùng liền giác. Cái lặng lẽ ban đầu như thế, từ nơi một thân đến một thế giới, Tánh giác cũng lại như vậy. Nay thiện nam, nếu Tánh giác đầy khắp một thế giới, trong thế giới ấy có một chúng sanh khởi một niệm thấy đều hay biết, trăm ngàn thế giới cũng lại như thế, chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia trọn chẳng nên thủ.*

## **GIẢNG:**

Ắt gười tu hạnh Chỉ trước hết là phải giữ tâm cho thật lặng lẽ. Lặng lẽ tới chỗ cùng tột thì tánh Viên giác hiện tiền. Bởi từ một thân thanh tịnh cho đến một thế giới thanh tịnh, nên Trí giác phát ra cũng từ một thân cho đến khắp cả thế giới. Vì cả thế giới đều là *tri giác* của người ấy, nên trong thế giới có một chúng sanh đầy niệm người ấy liền biết. Thấy biết được như vậy là phải, còn khác đi là không phải. Chính trong chỗ lặng lẽ đó, mà hằng giác như ngài Vĩnh Gia nói: “Lặng lặng tỉnh tỉnh phải.” Từ cái lặng lẽ nơi tâm mình lần lần khắp cả pháp giới, đây là tâm trùm cả pháp giới, chừng ấy mỗi động niệm của chúng sanh mình đều biết. Ví dụ như món đồ vuông hoặc tròn, nhìn trong món đồ có một khoảng hư không tròn hoặc vuông. Đập nát món đồ, hư không trong món đồ hòa đồng với hư không mười phương thế giới. Không còn ranh vực thì làm sao nói một thế giới, hai thế giới. Cũng thế, khi tâm đang còn hạn cuộc trong thân ngũ uẩn này thì còn có hạn lượng, khi tâm lặng lẽ thanh tịnh không còn vọng tưởng thì trùm khắp mười phương.

## **ÂM:**

**- Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu Tam-ma-bát-đề, tiên đương ức tưởng thập phương Như Lai, thập phương thế giới nhất thiết Bồ-tát, y chủng chủng môn, tiêm thứ tu hành, cần khổ tam-muội, quảng phát đại nguyện, tự huân thành chủng. Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới, chung bất khả thủ.**

## **DỊCH:**

*- Nay thiện nam, nếu các chúng sanh tu Quán, trước phải nhớ tưởng mười phương Như Lai và tất cả Bồ-tát trong mười phương thế giới. Y theo các pháp môn*

*thứ lớp tu hành cần khổ được chánh định, rộng phát đại nguyện, tự huân thành chủng tử. Chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia, trọn không được giữ.*

**GIẢNG:**

Ấu tu Quán thì trước phải nhớ tưởng mười phương chư Phật và Bồ-tát, rồi y theo các pháp môn của Phật dạy, siêng năng khổ hạnh tu hành để được tam-muội và phải phát đại nguyện, huân tập những cái đó thành chủng tử. Trong khi tu, nếu có hiện những cảnh giới không đúng như chỗ đã nghe dạy trong kinh thì không nên chấp nhận vì đó là ma hiện.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, nương chư chúng sanh tu u Thiên-na, tiên thủ sở môn, tâm trung liễu tri sanh trụ diệt niệm, phần tề đầu số, như thị chu biến tứ oai nghi trung, phân biệt niệm số, vô bất liễu tri. Tiệm thứ tăng tiến, nãi chí đắc tri bá thiên thế giới nhất trích chi vũ, do như mục đồ sở thọ dụng vật, phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới, chung bất khả thủ.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Thiên, trước phải tu Sở tức, tâm rõ biết các niệm sanh trụ diệt, chừng ngàn số lượng, như thế khắp trong bốn oai nghi đều phân biệt biết rõ ràng số niệm. Dần dần tăng tiến cho đến biết được một hạt mưa trong trăm ngàn thế giới, như mắt xem thấy những vật mình thọ dụng vậy. Nếu không phải tất cả cảnh giới đã nghe kia, trọn không được giữ.*

**GIẢNG:**

Ấu tu Thiên thì trước phải tu Sở tức, Sở tức là đếm hơi thở. Do hơi thở điều hòa nên tâm được thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên thấy biết rõ ràng mỗi vọng niệm dấy khởi, dừng trụ, lặng dứt. Dụng tâm như thế lâu ngày thuần thục thì trong tất cả thời hoặc đi, đứng, nằm, ngồi... thấy rõ từng vọng niệm sanh khởi, dừng trụ và diệt mất. Và khi công hạnh thành tựu thì thấy rõ ràng từng giọt mưa trong trăm ngàn thế giới như xem thấy vật đang dùng vậy. Ấu tu thấy những cảnh giới đúng như vậy là tốt, còn thấy khác đi là không được. Bây giờ có ai tu Sở tức được như thế không? Chúng ta đừng xem thường pháp môn Sở tức, Sở tức mà đến chỗ cứu kính không phải dễ.

**ÂM:**

- **Thị danh tam quán sơ thủ phương tiện. Nương chư chúng sanh biến tu tam chủng, cần hành tinh tấn, tức danh Như Lai xuất hiện u thế.**

**DỊCH:**

- *Đó là phương tiện tu ban đầu của ba pháp Quán. Nếu chúng sanh siêng năng tu đúng cả ba pháp này tức gọi là Như Lai xuất hiện ở đời.*

**GIẢNG:**

Ba pháp Quán ấy nếu tu hành cho đúng thì gọi là ả hư Lai xuất hiện ở đời, còn nếu tu hành lơ mơ thì ả hư Lai diệt độ. Vậy ả hư Lai ở đời hay diệt độ là do người tu tinh tấn hay không, chớ đừng tui thân mình sanh nhằm đời mạt pháp.

**ÂM:**

- Nhược hậu mặt thể độn căn chúng sanh, tâm dục cầu đạo, bất đắc thành tựu, do tích nghiệp chướng, đương cần sám hối, thường khởi hi vọng, tiên đoạn tăng ái, tật đồ siểm khúc, cầu thắng thượng tâm, tam chủng Tịnh quán, tùy học nhất sự, thử quán bất đắc, phục tập bỉ quán, tâm bất phóng xả, tiệm thử cầu chứng.

**DỊCH:**

- Nếu những chúng sanh độn căn đời sau, tâm muốn cầu đạo mà chẳng được thành tựu, do những nghiệp chướng xưa cần phải siêng năng sám hối, thường khởi hi vọng trước đoạn yêu ghét, tật đồ siểm khúc, cầu tâm thắng thượng. Trong ba thứ Tịnh quán tùy học một môn, pháp này không được thì tập pháp Quán khác, tâm không buông bỏ dần dần cầu chứng.

**GIẢNG:**

ở gười độn căn là do nghiệp chướng đời trước sâu dày, nên Phật dạy phải siêng năng sám hối và khởi tâm mong cầu Phật đạo, thường mong đoạn yêu ghét, tật đồ, siểm khúc, để tâm được thiện thù thắng. Trong ba môn Chỉ, Quán, Thiền theo một môn mà tu tập. Tập môn này không được thì đổi qua môn khác, tùy theo căn cơ phù hợp với môn nào mà đổi thay, tu cho tiến bộ. ở hư vậy, kinh này Phật dạy người lợi căn độn căn gì tu cũng được. ở gười độn căn, Phật cũng dạy tu Chỉ, Quán và Thiền, chớ không dạy pháp nào khác, có khác là thêm sám hối mà trọng tâm là phải dứt tâm yêu ghét, tật đồ, siểm khúc. ở ếu chúng ta biết mình là độn căn thì phải tập như vậy.

**ÂM:**

**Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:**

- Viên Giác như dương tri  
Nhất thiết chư chúng sanh  
Dục cầu Vô thượng đạo  
Tiên đương kết tam kỳ  
Sám hối vô thủy nghiệp  
Kinh ư tam thất nhật  
Nhiên hậu chánh tư duy  
Phi bỉ sở văn cảnh  
Tất cánh bất khả thủ  
Xa-ma-tha chí tĩnh  
Tam-ma chánh ức trì  
Thiền-na minh sở môn  
Thị danh tam Tịnh quán  
Nhược năng cần tu tập  
Thị danh Phật xuất thế  
Độn căn vị thành giả  
Thường đương cần tâm sám  
Vô thủy nhất thiết tội  
Chư chướng nhược tiêu diệt  
Phật cảnh tiện hiện tiền.

**DỊCH:**

*Bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nói kệ rằng:*

*- Viên Giác ông nên biết  
Tất cả các chúng sanh  
Muốn cầu Vô thượng đạo  
Trước nên kết ba kỳ  
Sám hối nghiệp vô thủy  
Qua hai mươi một ngày  
Sau đó chánh tư duy  
Nếu không phải chỗ nghe  
Rốt ráo chẳng nên chấp  
Xa-ma-tha rất tịnh  
Tam-ma chánh nhớ nghĩ  
Thiền-na rõ Sở tức  
Ấy gọi ba Tịnh quán  
Nếu siêng năng tu tập  
Ấy gọi Phật xuất thế  
Độn căn chưa thành tựu  
Tâm thường siêng sám hối  
Tất cả tội vô thủy  
Các chướng nếu tiêu diệt  
Cảnh Phật liền hiện tiền.*

**GIẢNG:**

Phật dạy chúng sanh muốn cầu đạo Vô thượng Bồ-đề thì phải lập ba thời kỳ tu tập. Hai mươi một ngày đầu phải thành tâm sám hối nghiệp chướng từ vô thủy, sau đó chánh tâm tư duy. Trong thời gian tu nếu có hiện ra cảnh giới không đúng như chỗ đã nghe dạy thì chớ có chấp thủ. ả ếu siêng năng tu ba pháp Chi, Quán, Thiền được thành tựu thì gọi là Phật hiện thế. ả ếu người độn căn, nghiệp chướng sâu dày tu ba pháp này không kết quả thì phải siêng năng sám hối tội lỗi từ vô thủy, khi nghiệp chướng tiêu rồi thì cảnh Phật hiện tiền.

## CHƯƠNG XII

### BỒ-TÁT HIỀN THIỆN THỦ THƯA HỎI

**ÂM:**

Ư thị Hiền Thiện Thủ Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường qui xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn quảng vị ngã đẳng cập mặt thể chúng sanh khai ngộ như thị bất tư nghi sự. Thế Tôn, thử Đại thừa giáo danh tự hà đẳng? Vân hà phụng trì? Chúng sanh tu tập đắc hà công đức? Vân hà sử ngã hộ trì kinh nhân? Lưu bố thử giáo chí ư hà địa?

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

**DỊCH:**

*Lúc đó Bồ-tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều bên phải ba vòng, qui gối chấp tay bạch Phật rằng:*

*- Đức Thế Tôn đại bi, vì chúng con và chúng sanh đời sau khai ngộ rộng rãi những việc không thể nghĩ bàn như thế. Bạch Thế Tôn, kinh Đại thừa này tên là gì? Làm sao phụng trì? Chúng sanh tu tập được những công đức gì? Chúng con làm sao bảo hộ người trì kinh? Nên lưu bố kinh giáo này đến nơi nào?*

*Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như thế lập lại ba lần.*

**GIẢNG:**

Đây là chương rốt sau, trong chương này ngài Hiền Thiện Thủ đứng ra thưa hỏi. Thủ là trước, là người đứng đầu trong hàng Hiền thiện. Tại sao ă gài lại hỏi ở đoạn chót này? Thường phần chót các kinh là phần lưu thông, lưu thông có nghĩa là truyền bá. ă gười đem chánh pháp truyền bá sau này gọi là người lãnh bậc nhất, người hiền bậc nhất nên gọi là Hiền Thiện Thủ. ă gài đặt năm câu hỏi:

1. Kinh này tên gì?
2. Làm sao phụng trì?
3. ă gười tu tập kinh này có công đức gì?
4. Chúng con làm sao bảo hộ người trì kinh?
5. Kinh này nên lưu bố đến chỗ nào?

**ÂM:**

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Hiền Thiện Thủ Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, như đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị kinh giáo công đức danh tự. Nhữ kim đế thỉnh, đương vị như thuyết.

Thời Hiền Thiện Thủ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thỉnh.

**DỊCH:**

*Khi ấy Thế Tôn bảo Bồ-tát Hiền Thiện Thủ rằng:*

*- Lành thay, lành thay! Nay thiện nam, các ông mới hay vì Bồ-tát và chúng sanh đời sau thừa hồi Như Lai, những danh tự công đức của kinh như thế, nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.*

*Khi ấy Bồ-tát Hiền Thiện Thủ vâng lời dạy, cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.*

**GIẢNG:**

Phật tán thán Bồ-tát Hiền Thiện Thủ và bảo phải chăm chú nghe lời Phật dạy.

**ÂM:**

- Thiện nam tử, thị kinh bá thiên vạn ức hằng hà sa chư Phật sở thuyết, tam thế Như Lai chi sở thủ hộ, thập phương Bồ-tát chi sở qui y, thập nhị bộ kinh thanh tịnh nhân mục. Thị kinh danh Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, diệc danh Tu-đa-la Liễu Nghĩa, diệc danh Bí Mật Vương Tam-muội, diệc danh Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, diệc danh Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt, nhữ đương phụng trì.

**DỊCH:**

*- Nay thiện nam, kinh này do trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chư Phật nói ra, là chỗ bảo hộ của ba đời chư Phật, là chỗ qui y của mười phương Bồ-tát, là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh. Kinh này tên là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, cũng tên Tu-đa-la Liễu Nghĩa, cũng tên Bí Mật Vương Tam-muội, cũng tên Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, cũng tên Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt, ông nên phụng trì.*

**GIẢNG:**

Kinh Viên Giác không phải một mình Phật Thích-ca nói mà các đức Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng đều nói kinh này. Vì kinh này có tầm quan trọng như thế nên các đức ả hư Lai trong ba đời thường gìn giữ bảo hộ, và chư Bồ-tát trong mười phương cũng đều qui y. Kinh này là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh.

Kinh này có nhiều tên:

- **Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni:** Đại Phương Quảng là chỉ cho tầm rộng lớn vượt qua thời gian và không gian của tánh Viên giác. Đà-la-ni là tổng trì hay là bao trùm, tức là tánh Viên giác bao trùm cả thời gian và không gian.

- **Tu-đa-la Liễu Nghĩa:** Tu-đa-la là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là kinh. Kinh này thuộc về kinh liễu nghĩa. Kinh Phật có chia ra kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa là kinh nói cùng tột rốt ráo; kinh bất liễu nghĩa là kinh nói tùy theo căn cơ của người, vì Phật dùng phương tiện thích hợp để cho họ hiểu mà tu tập từ từ, nên Phật không nói đến lý tột cùng.

- **Bí Mật Vương Tam-muội:** Bí mật là sâu kín, khó thấu tột, Vương là vua, Tam-muội là chánh định. Bí Mật Vương Tam-muội là Vua trong các chánh định, Đây là cái chánh định hằng có nơi mọi chúng sanh mà chúng sanh không thấy không biết nên nói là bí mật.

- **Như Lai Quyết Định Cảnh Giới** là cảnh giới quyết định của ả hư Lai, cảnh giới Viên giác chỉ có đức ả hư Lai mới quyết định chứng nhập được. Từ Bồ-tát Đẳng giác trở xuống còn ở trong vòng cầu chứng nhập nên chưa quyết định được.

- **Như Lai Tàng Tụ Tánh Sai Biệt**: ả hư Lai Tàng là ả hư Lai còn tiềm ẩn trong tâm của chúng sanh, tức là tánh Viên giác còn bị triển phược vậy. Tụ tánh sai biệt là Tụ tánh Viên giác tùy duyên ứng hiện các pháp sai khác.

Ở đây đề tên **Kinh Viên Giác** là rút gọn, nếu nói đủ là nói nhiều tên như trên.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, thị kinh duy hiển Như Lai cảnh giới, duy Phật Như Lai năng tận tuyên thuyết, nhược chư Bồ-tát cập mặt thể chúng sanh y thử tu hành, tiệm thứ tăng tiến chí u Phật địa. Thiện nam tử, thị kinh danh vi đốn giáo Đại thừa, đốn cơ chúng sanh tùng thử khai ngộ, diệt nhiếp tiệm tu nhất thiết quần phẩm. Thí như đại hải bất nhượng tiểu lưu nãi chí văn manh cập a-tu-la ẩm kỳ thủy giả giai đắc sung mãn.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, Kinh này chỉ hiển bày cảnh giới Như Lai nên chỉ có Như Lai mới hay tuyên nói. Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành thì dần dần tăng tiến đến địa vị Phật. Này thiện nam! Kinh này tên là Đại thừa đốn giáo, chúng sanh căn cơ đốn từ đây được khai ngộ, kinh này cũng nhiếp tất cả chúng sanh tiệm tu. Thí như biển lớn không bỏ sót các dòng nước nhỏ, cho đến ruồi muỗi và a-tu-la uống nước biển đều được no đủ.*

**GIẢNG:**

Kinh này nói về cảnh giới Viên giác nên chỉ có Phật mới thấu triệt, còn từ Bồ-tát trở xuống chỉ y theo đây tu mà thôi.

Trong kinh nói thần a-tu-la đưa tay che được mặt trời ắt hẳn thân phải to lắm. Thế mà a-tu-la uống nước biển đến no mà biển vẫn không cạn, còn loài có thân nhỏ xíu như ruồi nhặng uống nước biển cũng no. Điều này đề nói lên biển cả thênh thang không phân biệt lớn nhỏ, loài nào uống nước biển cũng được lợi ích no đủ. Cũng vậy, người căn cơ bậc thượng đối với kinh này mà thâm nhập được thì thể nhập tánh Viên giác. ả gười tiểu trí độn căn mà hiểu được tu được, cũng thể nhập tánh Viên giác. ả hư vậy kinh không dành cho riêng ai.

**ÂM:**

- **Thiện nam tử, giả sử hữu nhân, thuận dĩ thất bảo tích mãn tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí bất như hữu nhân văn thử kinh danh cập nhất cú nghĩa. Thiện nam tử, giả sử hữu nhân, giáo bách hằng hà sa chúng sanh đắc A-la-hán quả, bất như hữu nhân tuyên thuyết thử kinh phân biệt bán kệ.**

**DỊCH:**

- *Này thiện nam, giả sử có người thuận dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, không bằng người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu. Này thiện nam, giả sử có người giáo hóa trăm ngàn hằng hà sa số chúng sanh đắc quả A-la-hán, không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này.*

## GIẢNG:

Phật nói người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, phước đức không bằng người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu. Tại sao thế? Vì bố thí bảy báu tuy có phước nhiều, nhưng là phước hữu lậu, hưởng một thời gian giới hạn rồi sẽ hết. Còn nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu, tuy ít nhưng đã gieo được hạt giống vô lậu, sớm muộn gì cũng tu và cũng đạt được quả vô lậu, vì vậy mà quý hơn phước hữu lậu.

Người giáo hóa vô số chúng sanh tu đắc quả A-la-hán, công đức không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này. Tại sao vậy? Vì khi một người nghe nửa bài kệ của kinh này, đủ lòng tin tu tới chỗ cứu kính là thể nhập tánh Viên giác tức là thành Phật, có vô số diệu dụng làm lợi ích cho chúng sanh không thể tính kể. Còn trăm ngàn người tu chứng quả Thanh văn, các ngài dứt thọ tướng ngang đó nhập Diệt tận định, không ra giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh, nên nói người giáo hóa vô số chúng sanh đắc quả A-la-hán, không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này. Ở đây nay chúng ta không hiểu nghĩa lý, chấp trên văn tự, đem kinh ra giảng giải rồi tự cho là mình có phước đức nhiều, đó là một lầm lẫn lớn. Học là phải hiểu cho tới nơi tới chốn thì khi thực hành mới được lợi ích.

## ÂM:

- Thiện nam tử, nhược phước hữu nhân văn thử kinh danh tín tâm bất hoặc, đương tri thị nhân phi ư nhất Phật nhị Phật chủng chư phước tuệ, như thị nãi chí tận hằng hà sa nhất thiết Phật sở, chủng chư thiện căn văn thử kinh giáo. Nhữ thiện nam tử, đương hộ mạng thế thị tu hành giả, vô linh ác ma cập chư ngoại đạo nào kỳ thân tâm, linh sanh thối khuất.

## DỊCH:

- *Này thiện nam, nếu có người nghe tên kinh này lòng tin không nghi, nên biết người ấy chẳng phải ở nơi một đức Phật hai đức Phật gieo trồng phước tuệ như thế cho đến ở nơi hằng hà sa tất cả đức Phật trồng các căn lành nghe kinh giáo này. Này thiện nam, nên hộ trì những người ở đời sau tu hành, chớ để những loài ác ma và ngoại đạo làm nã hại thân tâm họ khiến cho họ sanh tâm lui sụt.*

## GIẢNG:

Phật nói người nghe kinh này tâm không sanh nghi hoặc, người đó không phải mới gieo trồng căn lành ở một đời đức Phật, hai đời đức Phật mà gieo trồng căn lành ở vô số đức Phật rồi. Ở đây người đó đã từng nghe kinh này nên bây giờ nghe không nghi. Và Phật bảo các vị Bồ-tát hộ trì cho người đời sau thọ trì tu hành theo kinh này để họ tiến tu, không cho tà ma làm nã loạn người ấy khiến họ thoái lui.

## ÂM:

Nhĩ thời hội trung hữu Hỏa Thủ Kim cang, Tồi Toái Kim cang, Ni-lam-bà Kim cang đẳng, bát vạn Kim cang tinh kỳ quyến thuộc, tức tùng tòa khởi đánh lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp, nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, nhược hậu mạng thế nhất thiết chúng sanh hữu năng trì thử quyết định Đại thừa, ngã đương thủ hộ, như hộ nhân mục nãi chí đạo tràng sở tu hành xứ, ngã đẳng Kim cang tự linh đồ chúng thần tịch thủ hộ, linh bất thối chuyển. Kỳ gia

nãi chí vĩnh vô tai chướng, dịch bệnh tiêu diệt, tài bảo phong túc, thường bất phạp thiếu.

**DỊCH:**

*Khi ấy trong hội có Hỏa Thủ Kim cang, Tồi Toái Kim cang, Ni-lam-bà Kim cang... Tám vạn Kim cang cùng với quyến thuộc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:*

*- Bạch Thế Tôn, nếu tất cả chúng sanh đời sau có thể thọ trì Đại thừa quyết định này, chúng con sẽ bảo hộ người đó như giữ tròn con mắt của mình vậy; cho đến nơi đạo tràng của người này tu hành, hàng Kim cang chúng con tự lãnh đồ chúng ngày đêm bảo vệ, khiến cho chẳng thoái chuyển; cho đến nhà của họ hằng không có tai chướng, bệnh dịch đều tiêu trừ, những tài bảo đều đầy đủ thường không thiếu thốn.*

**GIẢNG:**

Ấu chúng ta tu đúng theo tinh thần kinh Viên Giác thì các thần Kim cang bảo hộ cho chúng ta không bệnh tật, không tai ách, không để cho chúng ta thiếu thốn. Ấu hưng vì Phật dạy một đàng chúng ta làm một nẻo, hoặc dạy mười chỉ làm có một hay không tới một. Ấu gười tu hay có cái bệnh là tu thì không chịu tu mà cứ cầu thân ủng hộ. Các ngài nguyện là nguyện ủng hộ người tu chớ không ủng hộ người chỉ cầu suông. Không chịu tu mà cứ cầu hoài làm sao các ngài ủng hộ được. Hiểu như vậy mới thấy mình tu không cần cầu các ngài cũng ủng hộ, còn không chịu tu mà cứ cầu, các ngài có ủng hộ không? Ấu chúng ta tu đến chỗ không còn thấy người nào đáng ghét và người nào đáng thương, thương ghét bình đẳng thì chắc chắn các ngài luôn luôn ủng hộ như ủng hộ tròn con mắt. Chúng ta thương thì đưa cao trên núi, ghét thì hạ thấp dưới vực thẳm. Làm sao các ngài ủng hộ được? Ủng hộ để chúng ta làm chuyện bất công sao? Lòng chúng ta còn thương còn ghét thì ủng hộ cho chúng ta khoẻ có tiền của để chúng ta làm theo chuyện thương ghét của mình hay sao? Vì không đúng lời Phật dạy nên không được ủng hộ, chúng ta mới bị cảnh này cảnh kia nhiễu loạn, nếu chúng ta tu đúng như lời Phật dạy thì không đến nỗi nào.

Chỉ một việc Phật bảo xem kẻ thù như cha mẹ mà chúng ta làm cũng không xong, có khi quên rồi cũng nổi giận đùng đùng. Chúng ta không biết lỗi mình, cứ trách sao các ngài nguyện hộ vệ người tu mà không hộ vệ để cho phải bị những chướng nạn. Cũng như chúng ta muốn giúp người học để thành tài, nhưng họ lười biếng quá cứ bỏ học đi chơi, chúng ta không ủng hộ họ nữa. Ấu gười ấy trách tại sao chúng ta hứa ủng hộ cho họ học đến nơi đến chốn bây giờ bỏ nửa chừng. Trường hợp ấy nên trách ai? Tại sao không tự trách mà lại trách người?

**ÂM:**

**Nhĩ thời Đại Phạm vương, nhị thập bát Thiên vương, tinh Tu-di sơn vương, Hộ Quốc thiên vương đẳng tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam táp, nhi bạch Phật ngôn:**

**- Thế Tôn, ngã diệc thủ hộ thị trì kinh giả thường linh an ần, tâm bất thối chuyển.**

**DỊCH:**

*Khi ấy Đại Phạm vương và hai mươi tám vị Thiên vương, cùng với Tu-di sơn vương, Hộ Quốc thiên vương... liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:*

*- Bạch Thế Tôn, con cũng hộ trì người trì kinh khiến họ được an ổn tâm không thoái chuyển.*

**GIẢNG:**

Chẳng những các thần Kim cang phát tâm bảo hộ người trì kinh mà chư thiên cũng nguyện ủng hộ nữa.

**ÂM:**

*Nhĩ thời hữu Đại Lực quỷ vương danh Kiết-bàn-trà dũ thập vạn Quỷ vương, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam táp, nhi bạch Phật ngôn:*

*- Thế Tôn, ngã diệc thủ hộ thị trì kinh nhân triêu tịch thị vệ linh bất thoái khuất, kỳ nhân sở cư nhất do-tuần nội, nhược hữu quỷ thần xâm kỳ cảnh giới, ngã đương sử kỳ toái như vi trần.*

**DỊCH:**

*Khi ấy có Đại Lực quỷ vương tên là Kiết-bàn-trà cùng với mười muôn Quỷ vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:*

*- Bạch Thế Tôn, chúng con cũng nguyện sớm chiều bảo hộ hầu hạ người trì kinh này, khiến cho chẳng thoái chuyển. Người trì kinh ở chỗ nào trong khoảng một do-tuần, nếu có quỷ thần xâm phạm vào cảnh giới ấy con sẽ đập nát bọn đó như hạt bụi.*

**GIẢNG:**

Ấu ếu có quỷ thần nào bén mảng đến chỗ người trì kinh thì Đại Lực quỷ vương sẽ đập nát như hạt bụi. Ấu ếu vậy là quá bảo đảm, người tu mà có thần Kim cang, chư thiên cho tới các Quỷ vương cũng bảo hộ thì không ai phá phách được, nhưng với điều kiện vị đó tu đúng, nếu tu sai hoặc lười biếng thì gặp nạn, phải chịu lấy chớ đừng trách các ngài không bảo hộ.

**ÂM:**

*Phật thuyết thử kinh dĩ, nhất thiết Bồ-tát, thiên, long, quỷ thần, bát bộ quyền thuộc, cập chư Thiên vương, Phạm vương đẳng, nhất thiết đại chúng văn Phật dạy rồi đều rất vui vẻ tin nhận vâng làm.*

**DỊCH:**

*Phật nói kinh này xong, tất cả Bồ-tát, thiên, long, quỷ thần, bát bộ quyền thuộc và các Thiên vương, Phạm vương... tất cả đại chúng nghe Phật dạy rồi đều rất vui vẻ tin nhận vâng làm.*

**GIẢNG:**

Ấu ếu nghe rồi phải tin nhận vâng làm, đó mới là thiết yếu.

Chúng ta đã học xong bộ kinh Viên Giác, học thì xong mà người tu thì từng phần giác cũng chưa được. Chúng ta thiếu phước duyên nên ra đời không gặp Phật trực tiếp để ả gài chỉ dạy tu hành tiến cho mau. ả hưng xét lại, chúng ta cũng còn chút phước duyên, tuy cách Phật đã hơn hai ngàn năm mà còn được pháp Phật để học, và nhận ra những điều Phật nói đúng với lẽ thật để ứng dụng tu. Phước duyên đó không phải mới có đây mà đã có từ lâu xa rồi. ả gày nay, nhất là những người được đầu tròn áo vuông ngồi ở trong đạo tràng nghe kinh học đạo, sống trong luật lệ nhà chùa là do chủng duyên chủng phước từ nhiều đời nhiều kiếp. ả hiểu đời nhiều kiếp đã có chủng duyên chủng phước, chẳng lẽ ngang đây lơ là để cho chủng duyên chủng phước thúì mục sao? Chúng ta phải ráng săn sóc phơi phóng cho kỹ, đừng để hư hao bởi lý do này hoặc lý do khác. ả hư vậy mới xứng đáng. Vì trong kinh Phật có nói: ả hững người ngày nay nghe kinh Viên Giác mà hiểu được không nghi, là do chẳng những một kiếp mà đã vô lượng kiếp gặp Phật gieo trồng căn lành phước tuệ rồi, chớ đâu phải chuyện ngẫu nhiên. Chúng ta tự nhận rằng mình đã có căn lành, mà căn là cái gốc, gốc cây chắc chắn thì cây sẽ lên tược đơm hoa kết quả. Chỉ có những người có gốc sẵn mà không chịu săn sóc, để cho sâu bọ hoặc để cho người khác chặt phá đó là cái lỗi không biết gìn giữ. Đã có gốc lành thì cố gắng phát triển. Căn cứ theo lời Phật dạy mỗi người phải nỗ lực tiến tu.

Ở đây tôi tóm lại cho dễ nhớ.

Toàn bộ kinh Viên Giác gồm có mười hai chương. Mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi.

Chương đầu Bồ-tát Văn-thù-su-lợi đứng ra hỏi Phật về *công hạnh tu hành ban đầu của Phật, tu thế nào được viên mãn thành Phật?* Đó là chủ yếu của toàn bộ kinh. Đức Phật trả lời: Tu là sống lại với Tánh giác tròn đầy chớ không có gì khác. ả hưng muốn trở lại với Tánh giác tròn đầy thì trước phải biết rõ vô minh. Vì vô minh nên chấp tứ đại là thân mình thật, chấp vọng tưởng là tâm mình thật. Kế đó Phật dạy chúng ta quán từng phần thân để thấy rõ thân không thật. ả hìn kỹ tâm thức, thấy tâm thức chỉ là bóng dáng sáu trần chợt hiện chợt mất, nó không thật. Buông được hai cái lầm chấp về thân tâm thì sẽ sống được với Tánh giác.

Sau đó các Bồ-tát tuần tự hỏi về phương pháp tu. Phật dạy tu Chi, Quán, Thiền, hoặc tu đơn hoặc tu ghép... Chúng ta thấy toàn bộ kinh Phật dạy không ngoài ba pháp tu, ba pháp tu đó là căn bản giúp cho chúng ta sống với Tánh giác:

1- Chi: Dừng tâm lóng lạng.

2- Quán: Có hai cách, quán hạnh của chư Phật Bồ-tát hoặc quán các pháp như huyền hóa, thấy rõ các pháp như vậy.

3- Thiền

Chúng ta thấy rõ muốn làm Phật thì không gì khác hơn là tu Chi, Quán và Thiền. Tuy nói ba chớ thật là Thiền trùm hết, Thiền gồm cả định và tuệ. Định là Chi. Tuệ là Quán. Vậy tu Thiền là cội gốc mà đức Phật chỉ cho chúng ta trở về với Tánh giác, muốn sống trọn vẹn với Tánh giác, không có cách nào khác hơn.

Đến chương Phổ Giác Phật chỉ rõ trong khi tu có những bệnh:

- Bệnh *tác*: Cho rằng dụng công nhiều, làm các công hạnh nhiều là được thành Phật. Đó là bệnh.

- Bệnh *nhậm*: ả ghe Phật nói chúng ta đều có Phật tánh nên họ mặc tình không tu hành gì hết. Đó là bệnh.

- Bệnh *chỉ*: là đê cho vọng tưởng lặn xuống cho đó là đạo.

- Bệnh *diệt*: là diệt hết phiền não cho tâm rỗng không, cho cái rỗng không khô lạnh đó là cứu kính của đạo.

ả hững bệnh đó làm chúng ta mắc kẹt, tu không đến Viên giác được. ả ếu bỏ bốn bệnh đó mới tu đến cứu kính viên mãn.

Cuối cùng Bồ-tát Hiền Thiện Thủ đứng ra thưa hỏi. Đó là khi chúng ta tu viên mãn công đức không thể nghĩ lường. Cho nên đây hỏi công đức của kinh, công đức của người trì kinh, các vị ủng hộ kinh v.v...

ả gười học đạo muốn được giác ngộ phải y đó mà tu thì sớm muộn gì cũng tới, ngoại trừ chúng ta không chịu tu hoặc chúng ta tu cách khác. ả gười học đạo phải hiểu rõ, thành đạo không phải ở chỗ học suông, kiến giải rộng, mà ở chỗ học hiểu để tu, học mà không hành thì không tới đâu hết.

## MỤC LỤC

- 00 Trang bìa
- 01 Lời giới thiệu
- 02 Kinh Viên Giác Giảng Giải
  - A- *Lược khảo*
  - 03 B- *Giảng đề kinh*
- 04 Chương I: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thừa hỏi
- 05 Chương II: Bồ-tát Phổ Hiền thừa hỏi
- 06 Chương III: Bồ-tát Phổ ả hãn thừa hỏi
- 07 Chương IV: Bồ-tát Kim Cang Tạng thừa hỏi
- 08 Chương V: Bồ-tát Di-lặc thừa hỏi
- 09 Chương VI: Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ thừa hỏi
- 10 Chương VII: Bồ-tát Oai Đức Tự Tại thừa hỏi
- 11 Chương VIII: Bồ-tát Biện Âm thừa hỏi
- 12 Chương IX: Bồ-tát Tịnh Chư ả nghiệp Chương  
thừa hỏi
- 13 Chương X: Bồ-tát Phổ Giác thừa hỏi
- 14 Chương XI: Bồ-tát Viên Giác thừa hỏi
- 15 Chương XII: Bồ-tát Hiền Thiện Thủ thừa hỏi
- 16 Tóm tắt
- 17 Mục lục